

LỜI GIỚI THIỆU

Ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã đi vào lịch sử dân tộc như một mốc son chói lọi đưa đất nước ta bước vào một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta từ đây tập trung sức lực và trí tuệ hàn gắn vết thương chiến tranh xây dựng cuộc sống mới; xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Chiến thắng ngày 30/4/1975 là thành quả vĩ đại trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội do Đảng ta và chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo; là trang sử hào hùng, chói lọi trên con đường dựng nước và giữ nước hàng ngàn năm lịch sử của dân tộc. Quân và dân ta đã đánh thắng kẻ thù lớn mạnh và hung hãn nhất của loài người tiến bộ; kết thúc oanh liệt cuộc chiến đấu 30 năm giành độc lập tự do, thống nhất cho Tổ quốc; chấm dứt ách thống trị hơn một thế kỷ của chủ nghĩa thực dân cũ và mới trên đất nước ta; là thắng lợi tiêu biểu của lực lượng cách mạng thế giới, góp phần thúc đẩy cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì mục tiêu độc lập dân tộc, hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội; cổ vũ động viên các dân tộc đang tiến hành công cuộc giải phóng dân tộc, chống chủ nghĩa thực dân kiểu mới trên toàn thế giới.

Nhằm ôn lại những truyền thống vẻ vang, những chiến công oanh liệt của quân và dân ta, khơi dậy niềm tự hào, tự tôn dân tộc, nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, nêu cao ý chí, ý thức tự cường vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, Thư viện tỉnh Vĩnh Phúc sưu tầm và biên soạn Thư mục Chuyên đề Kỷ niệm 45 năm ngày Giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (30/4/1975-30/4/2020) với tựa đề **“30/4/1975- Bản hùng ca toàn thắng”**. Thư mục tập hợp và giới thiệu những cuốn sách (được lưu giữ tại các phòng phục vụ của thư viện tỉnh); các bài báo các ca khúc (được đăng tải trên các website chính thống) chuyển tải một cách chân thực về những sự kiện lịch sử, những ký ức về một thời đại hào hùng của dân tộc - Đại thắng mùa xuân 1975.

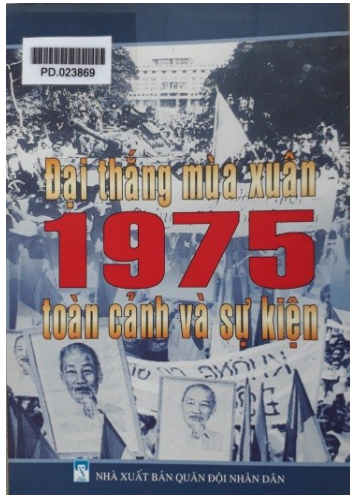
Thư mục gồm 3 phần:

- Phần 1: Giới thiệu sách chủ đề Giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.
- Phần 2: Toàn văn các bài báo về Giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.
- Phần 3: Những ca khúc bất hủ làm sống dậy giai đoạn hào hùng của dân tộc.

Trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc!

THƯ VIỆN TỈNH VĨNH PHÚC

PHẦN I: GIỚI THIỆU SÁCH GIẢI PHÓNG MIỀN NAM THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC.



1. Đại thắng mùa Xuân 1975 toàn cảnh và sự kiện

Tác giả: Nguyễn Duy Tường, Hồ Khang, Nguyễn Văn Quyền, Phan Sĩ Phúc.

NXB: Quân đội nhân dân

Năm xb: 2010

Mô tả vật lý: 375tr. ; 21cm

Ký hiệu kho: Kho Đọc: PD.023869

Kho Mượn: PM.030640-1

Hệ thống những sự kiện thể hiện quá trình phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đó là những cuộc đấu tranh chính trị, quân sự, ngoại giao; là những quyết sách của các cơ quan đầu não chỉ đạo chiến lược Việt Nam, qua đó, khẳng định và làm sáng tỏ thêm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh; bài học kinh nghiệm và nghệ thuật chỉ đạo điều hành chiến tranh, nghệ thuật quân sự Việt nam trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.



2. Đại thắng mùa Xuân 1975 bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam.

Tác giả: Đặng Việt Thủy, Nguyễn Minh Thủy

NXB: Quân đội nhân dân

Năm xb: 2010

Mô tả vật lý: 262tr. ; 21cm

Ký hiệu kho: Kho Đọc: PD.023867-8

Kho Mượn: PM.030613-6

Thắng lợi vĩ đại và hiển hách của Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 khẳng định sự đúng đắn của đường lối cách mạng và đường lối quân sự độc lập tự chủ và sáng tạo của Đảng ta. Đây thực sự là bước ngoặt vĩ đại của cách mạng dân tộc. Cuốn sách chia làm 2 phần: Phần 1- Đại thắng mùa xuân 1975 bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Phần 2 - Đại thắng mùa Xuân 1975 - Chiến thắng của bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam.



3. Đại thắng mùa Xuân 1975 - Sự hội tụ sức mạnh của dân tộc Việt Nam.

Tác giả: Bùi Quang Cường, Nguyễn Mạnh Hưởng, Tô Xuân Sinh...

NXB: Quân đội nhân dân

Năm xb: 2015

Mô tả vật lý: 384tr. ; 21cm

Ký hiệu kho: Kho Đọc: 201000782

Kho Mượn: 202001077-8

Những vấn đề lý luận và thực tiễn về sự hội tụ sức mạnh của dân tộc Việt Nam làm nên Đại thắng mùa Xuân 1975. Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Những giá trị lịch sử và ý nghĩa thời đại của Đại thắng mùa Xuân 1975 vận dụng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay.



4. Đại thắng mùa xuân 1975 sức mạnh của ý chí thống nhất tổ quốc và khát vọng hòa bình

Tác giả: Thành ủy TP.Hồ Chí Minh

NXB: Chính trị quốc gia - Sự thật

Năm xb: 2015

Mô tả vật lý: 822tr. ; 30cm

Ký hiệu kho: Kho Đọc: 201000533

Cuốn sách gồm 3 phần: Những vấn đề chung; Sức mạnh của ý chí thống nhất Tổ quốc và khát vọng hòa bình - Động lực quyết định đại thắng mùa Xuân 1975; Và đại thắng mùa Xuân 1975 - Những vấn đề đặt ra trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.



5. Đại thắng mùa xuân 1975 sức mạnh của cộng đồng các dân tộc Việt Nam

Tác giả: Giàng Seo Phử

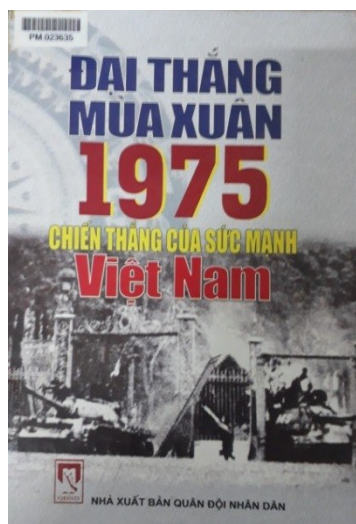
NXB: Chính trị quốc gia - Sự thật

Năm xb: 2015

Mô tả vật lý: 626tr. ; 24cm

Ký hiệu kho: Kho Đọc: 201000536

Một số văn kiện của Đảng chỉ đạo Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975. Sức mạnh đoàn kết của các dân tộc Việt Nam và giới thiệu những tấm gương người dân tộc thiểu số tiêu biểu trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước.



6. Đại thắng mùa xuân 1975 chiến thắng của sức mạnh Việt Nam

Tác giả: Nguyễn Duy Tường (chủ biên)

NXB: Quân đội nhân dân

Năm xb: 2005

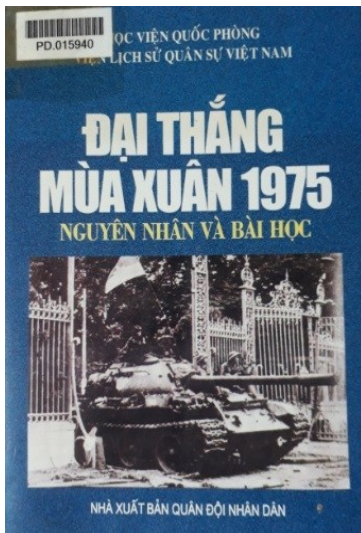
Mô tả vật lý: 572 Tr. ; 27 cm

Ký hiệu kho: Kho Đọc: PD.018232-4

Kho Mượn: PM.023632-5

Một số văn kiện của Đảng chỉ đạo Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975. Quá trình chuẩn bị và diễn biến Tổng tiến công, nổi dậy mùa Xuân 1975. Đánh giá của Đảng Cộng sản Việt Nam và một số bài viết của các đồng

chỉ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, quân đội về đại thắng mùa Xuân 1975. Thế giới ca ngợi đại thắng mùa Xuân 1975 của Việt Nam và Mỹ, ngụy tặc thú nhận thất bại.



7. Đại thắng Mùa Xuân 1975 nguyên nhân và bài học

Tác giả: Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam

NXB: Quân đội nhân dân

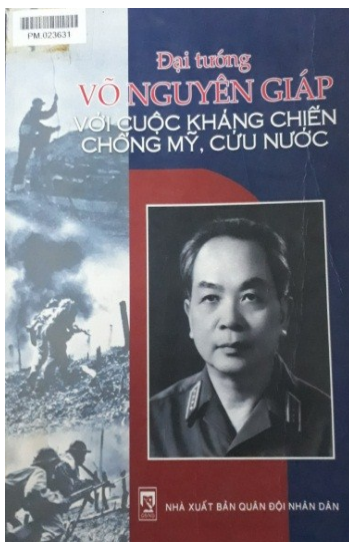
Lần xuất bản: Lần thứ hai

Năm xb: 2003

Mô tả vật lý: 451 Tr. ; 21 cm.

Ký hiệu kho: Kho Đọc: PD.015940

Tập hợp 60 bài tham luận của Hội thảo “Đại thắng mùa Xuân 1975- nguyên nhân và bài học” do Viện Lịch sử quân sự Việt Nam tổ chức, tập trung nêu rõ các nội dung lớn: Nguyên nhân cuộc chiến tranh; Nguyên nhân thắng lợi; Ý nghĩa thắng lợi; Về bài học lịch sử và thực tiễn.



8. Đại tướng Võ Nguyên Giáp với cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước

Tác giả: Phạm Quang Định, Phạm Bá Toàn, Nguyễn Đức Hùng...

NXB: Quân đội nhân dân

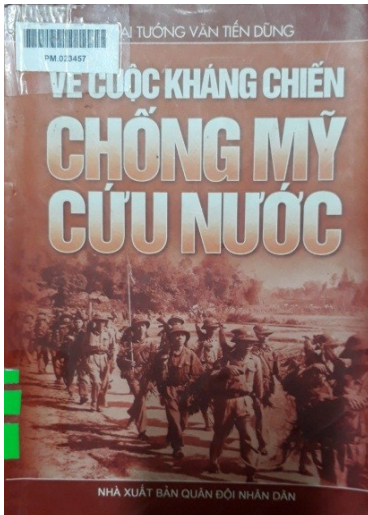
Năm xb: 2005

Mô tả vật lý: 1002 Tr. ; 27 cm

Ký hiệu kho: Kho Đọc: PD.018235-6

Kho Mượn: PM.023629-31

Một số tác phẩm, bài nói, bài viết của Đại tướng Võ Nguyên Giáp trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước qua những trang hồi ức của Đại tướng Võ Nguyên Giáp.



9. Về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Tác giả: Văn Tiến Dũng

NXB: Quân đội nhân dân

Lần xuất bản: Lần 2

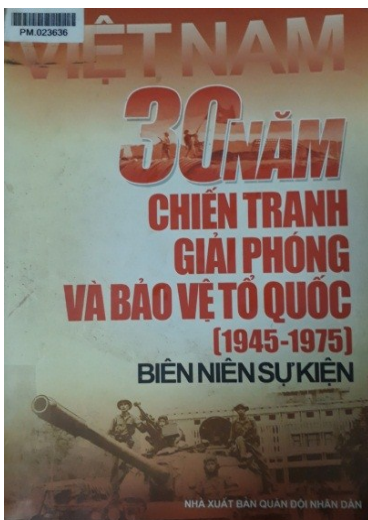
Năm xb: 2005

Mô tả vật lý: 615 Tr. ; 21 cm

Ký hiệu kho: Kho Đọc: PD.018257-8

Kho Mượn: PM.023456-8

Những vấn đề lớn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của quân và dân Việt Nam, đặc biệt là nghệ thuật quân sự Việt Nam - một trong những nhân tố quan trọng góp phần làm nên thắng lợi trọn vẹn của cuộc kháng chiến chống Mỹ. Các chiến lược chiến tranh Mỹ áp dụng tại Việt Nam và các chiến lược chiến tranh của Việt Nam nhằm vô hiệu hóa các chiến lược chiến tranh của Mỹ. Các trận quyết chiến lịch sử: Xuân Mậu Thân, Xuân 1975.



10. Việt Nam 30 năm chiến tranh giải phóng và bảo vệ tổ quốc (1945-1975) : Biên niên sự kiện

Tác giả: Nguyễn Đăng Vinh, Đặng Việt Thủy, Lê Ngọc Tú

NXB: Quân đội nhân dân.

Năm xb: 2005

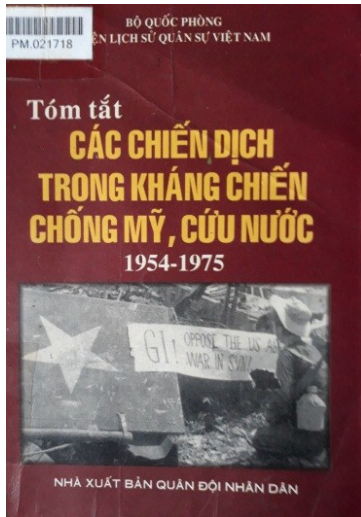
Mô tả vật lý: 694 Tr. ; 27 cm

Ký hiệu kho: Kho Đọc: PD.018230-1

Kho Mượn: PM.023636-7, PM.023639

Phác thảo bức tranh toàn cảnh về hai cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ cùng bè lũ tay sai trong thời kỳ từ sau Hiệp định Giơ – ne – vơ đến cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Biên niên sự kiện (1945-1975) là một công cụ tra cứu bổ ích, phục vụ việc nghiên cứu và học tập về lịch sử dân tộc trong giai đoạn này. Các sự kiện lịch sử được sắp xếp theo trình tự thời gian. Những sự kiện diễn ra trong thời gian dài thì xếp theo ngày bắt đầu sự kiện.



11. Tóm tắt các chiến dịch trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975

Tác giả: Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam

NXB: Quân đội nhân dân

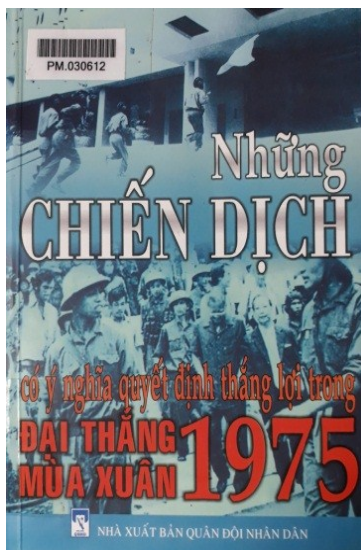
Năm xb: 2003

Mô tả vật lý: 573 Tr. ; 21 cm

Ký hiệu kho: Kho Đọc: PD.011765-6, PD.016580

Kho Mượn: PM.021718

Cuốn sách tập hợp trên 50 chiến dịch trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975) được sắp xếp theo trình tự thời gian, theo từng chiến trường: Việt Nam, Lào và Căm-pu-chia. Mô tả trên các phương diện: Thời điểm xuất hiện chiến dịch; Loại hình chiến dịch; Quy mô chiến dịch; Không gian và thời gian xuất hiện chiến dịch; Mục đích của chiến dịch và Cách đánh của chiến dịch.



12. Những chiến dịch có ý nghĩa quyết định thắng lợi trong đại thắng mùa Xuân 1975.

Tác giả: Đinh Văn Thiên, Hoàng Thế Long, Nguyễn Trung Minh

NXB: Quân đội nhân dân

Năm xb: 2010

Mô tả vật lý: 216tr. ; 21cm

Ký hiệu kho: Kho Đọc: PD.023866

Kho Mượn: PM.030611-2

Các chiến dịch có ý nghĩa quyết định thắng lợi trong đại thắng mùa Xuân 1975 bao gồm: Chiến dịch Tây Nguyên; Chiến dịch Trị Thiên; Chiến dịch Đà Nẵng; Chiến dịch Xuân Lộc; Chiến dịch Hồ Chí Minh 1975.



13. Chiến dịch Hồ Chí Minh qua hồi ức các tư lệnh và chính ủy

Tác giả: Nguyễn Hữu Đức, Nguyễn Thị Thanh

NXB: Quân đội nhân dân

Năm xb: 2005

Mô tả vật lý: 380 Tr. ; 21 cm.

Ký hiệu kho: Kho Đọc: PD.018260-1

Kho Mượn: PM.023453-5, PM.023459

Hồi ức của các Tư lệnh, Chính ủy trực tiếp chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh và năm cánh quân đánh vào Sài Gòn, sào huyệt cuối cùng và dinh lũy kiên cố nhất của đế quốc Mỹ và bè lũ ngụy quyền tay sai của chúng trong chiến dịch được mang tên Hồ Chí Minh – Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, nhà văn hóa lớn của thế giới.



14. Sài Gòn từ hiệp định Pari đến mùa Xuân 1975 : Hỏi và đáp

Tác giả: Nguyễn Thanh Tịnh, Phạm Hoàng Yến, Nguyễn Ngọc Vân, Hoàng Lan Anh (st)

NXB: Quân đội nhân dân

Năm xb: 2010

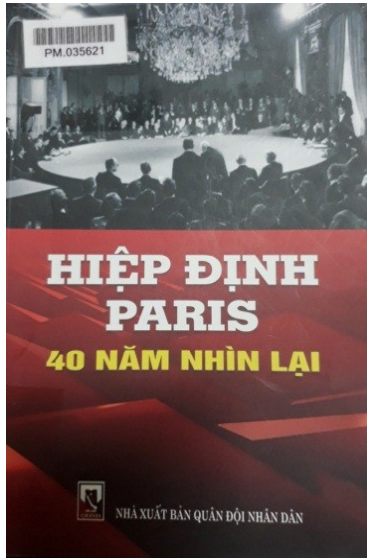
Mô tả vật lý: 235tr. ; 21cm

Ký hiệu kho: Kho Đọc: PD.023864

Kho Mượn: PM.030607-8

Gồm 115 câu hỏi đáp được biên soạn dựa trên những tư liệu và công trình tổng kết chiến dịch đã được công bố và xuất bản giúp người đọc thấy rõ sự lãnh đạo tài tình, sắc bén, kiên quyết và sáng tạo của Đảng ta cũng như tinh

thần chiến đấu dũng cảm, nỗ lực phi thường của quân và dân cả nước. Các câu hỏi đáp được tập hợp theo các mục: Hiệp định Pari; Chiến dịch Tây Nguyên; Chiến dịch Xuân Lộc; Chiến dịch Hồ Chí Minh. Ngoài ra cuốn sách còn nêu nhật ký 55 ngày đêm của cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975.



15. Hiệp định Paris 40 năm nhìn lại.

NXB: Quân đội nhân dân

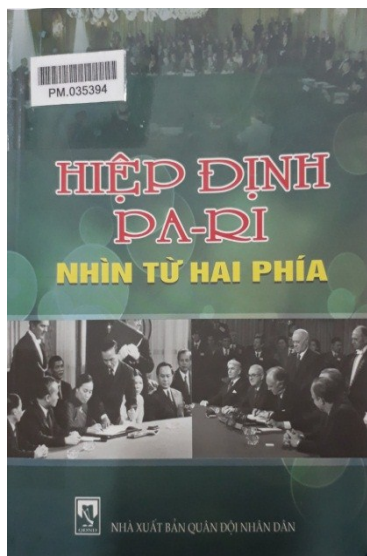
Năm xb: 2013

Mô tả vật lý: 499tr. ; 21cm

Ký hiệu kho: Kho Đọc: PD.027559-60

Kho Mượn: PM.035620-2

Tập hợp một số bài nghiên cứu của các nhà khoa học, bài phỏng vấn và trích hồi ký của các vị lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Quân đội, đề cập đến quá trình đàm phán và ký kết Hiệp định, cũng như những tác động trực tiếp của Hiệp định này đối với cục diện trên chiến trường miền Nam nói chung. Các tác giả từ nhiều góc nhìn, nhiều khía cạnh khác nhau đưa đến cái nhìn toàn diện và sâu sắc hơn về hội nghị Paris. Ngoài ra cuốn sách còn lược trích một số đoạn hồi ký của những người một thời ở “phía bên kia” đã từng giữ vai trò điều hành cuộc chiến tranh, chỉ đạo trực tiếp cuộc đàm phán.



16. Hiệp định Pa – ri nhìn từ hai phía.

Tác giả: Phạm Gia Đức

NXB: Quân đội nhân dân

Năm xb: 2013.

Mô tả vật lý: 279Tr; 20,5cm.

Ký hiệu kho: Kho Đọc: PD.027422

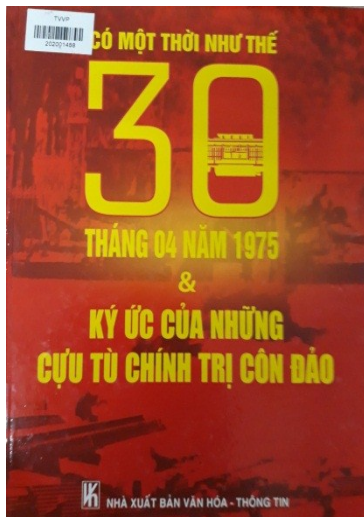
Kho Mượn: PM.035394-5

Ngày 27/1/1973, Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được các bên có liên quan (Mỹ, Việt Nam Cộng Hòa, Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam) chính thức ký kết tại Pari, nước cộng hòa Pháp. Theo Hiệp định này, Mỹ buộc phải rút quân viễn chinh và quân một số nước đồng minh của Mỹ về nước, tạo bước thuận lợi cho cách mạng Việt Nam tiếp tục tiến lên, giành thắng lợi hoàn toàn trong mùa xuân 1975, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Cuốn sách gồm 5 chương:

- Chương 1: Việt Nam trong chiến lược khu vực và chiến lược toàn cầu của đế quốc Mỹ.
- Chương 2: Miền Bắc đánh thắng chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ, Hiệp định Pari được ký kết.
- Chương 3: Đấu tranh buộc Mỹ và chính quyền Sài Gòn thi hành hiệp định Pari.
- Chương 4: Hiệp định Pa-ri nhìn từ phía bên kia.

Chương V: Cả loài người chào mừng thắng lợi Việt Nam.



17. Có một thời như thế 30/4/1975 qua ký ức của những cựu tù chính trị Côn Đảo.

NXB: Văn hóa thông tin

Năm xb: 2015

Mô tả vật lý: 403tr. ; 27cm

Ký hiệu kho: Kho Đọc: 201000570

Kho Mượn: 202000709-10

Giới thiệu một số hình ảnh về ngục tù côn đảo. Phong trào đấu tranh bảo vệ khí tiết ở nhà tù Côn Đảo thời kỳ chống Mỹ. Ký ức của các cựu tù chính trị Côn Đảo.



18. Lịch sử quân giải phóng miền Nam Việt Nam trên chiến trường B2(1961-1976)

Tác giả: Bộ tư lệnh Quân khu 7

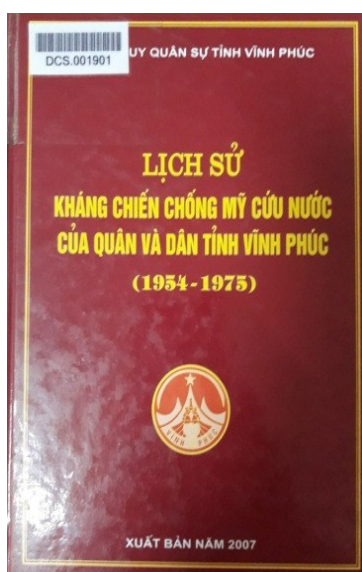
NXB: Chính trị quốc gia - Sự thật

Năm xb: 2016

Mô tả vật lý: 374tr. ; 24cm

Ký hiệu kho: Đọc: 201001474

Tái hiện lại toàn bộ quá trình hình thành, xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của quân giải phóng miền Nam Việt Nam trên chiến trường B2 trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước



19. Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước của quân và dân tỉnh Vĩnh Phúc (1954-1975).

Tác giả: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Vĩnh Phúc

NXB: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Vĩnh Phúc xb

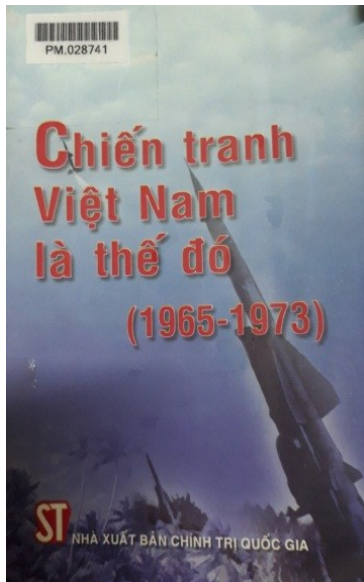
Năm xb: 2007

Mô tả vật lý: 278tr. ; 19cm

Ký hiệu kho: Kho Địa Chí: DCS.001901

Những sự kiện diễn ra trên địa bàn tỉnh, những thành tích và những đóng góp của quân và dân Vĩnh Phúc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, đồng thời tích cực chi viện sức người, sức của cho cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ của đồng bào miền Nam giành thắng lợi hoàn toàn, thống nhất Tổ quốc.

Sách gồm 5 chương: Chương I- Quân và dân Vĩnh Phúc vừa khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, vừa xây dựng lực lượng vũ trang (10/1954-10/1960). Chương II- Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất, đẩy mạnh sản xuất, phát triển văn hóa xã hội, xây dựng tiềm lực quốc phòng toàn dân (10/1960-10/1964). Chương III- Quân và dân Vĩnh Phúc vừa sản xuất, vừa chiến đấu đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ và làm tốt vai trò của hậu phương đối với tiền tuyến (8/1964-3/1968). Chương IV- Quân và dân trong tình đẩy mạnh sản xuất và chiến đấu đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ và tăng cường chi viện cho chiến trường miền Nam (4/1968-1/1973). Chương 5- Khắc phục hậu quả chiến tranh, phát triển sản xuất, xây dựng lực lượng, dồn sức chi viện cho tiền tuyến đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược (1/1973-5/1975).



20. Chiến tranh Việt Nam là thế đó (1965 - 1973).

Tác giả: Đào Tấn Anh, Nguyễn Đăng Nguyên (dịch)

NXB: Chính trị quốc gia.

Năm xb: 2008

Mô tả vật lý: 757tr. ; 21cm

Ký hiệu kho: Kho Đọc: PD.022494

Kho Mượn: PM.028741-2

Cuốn sách tập hợp và công bố hồi ký của các chuyên gia Liên Xô - cả dân sự lẫn quân sự - từng công tác tại Việt Nam trong những năm 1965-1973 và đã từng giúp đỡ trực tiếp cho nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống Mỹ xâm lược.

PHẦN II: TOÀN VĂN CÁC BÀI BÁO VỀ GIẢI PHÓNG MIỀN NAM - THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC.

1. MINH DUYÊN. Chiến dịch mang tên Hồ Chí Minh//
<https://dantri.com.vn>.- Ngày 17/4/2020.0/0

CHIẾN DỊCH MANG TÊN HỒ CHÍ MINH

Ngày 14-4-1975, thể theo nguyện vọng của nhân dân và các lực lượng vũ trang trên chiến trường, trong đó có quân và dân thành phố Sài Gòn-Gia Định, Bộ Chính trị đã phê chuẩn đề nghị của Bộ Chỉ huy chiến dịch đặt tên Chiến dịch tiến công giải phóng Sài Gòn-Gia Định là Chiến dịch Hồ Chí Minh. Tin chiến dịch được mang tên Bác Hồ kính yêu đến với toàn dân, toàn quân đã tạo nên sức mạnh mới, góp phần làm nên chiến thắng mùa Xuân năm 1975 lịch sử.



(Ảnh tư liệu)

“Đồng ý Chiến dịch Sài Gòn lấy tên là Chiến dịch Hồ Chí Minh”

Sau những thắng lợi to lớn của các chiến dịch Tây Nguyên, Trị Thiên, Huế-Đà Nẵng, đánh dấu bước trưởng thành mới và toàn diện của quân đội ta, các đơn vị bộ đội chủ lực tích lũy thêm được nhiều kinh nghiệm về tổ chức, về chỉ huy tác chiến và về kết hợp binh chủng trong các chiến dịch có quy mô

lớn. Thu được thêm nhiều vũ khí, trang thiết bị kỹ thuật của địch, làm cho sức mạnh chiến đấu của các binh đoàn chủ lực của ta tăng lên. Lực lượng vũ trang địa phương của ta cũng phát triển về cả số lượng và chất lượng, đã tạo điều kiện thuận lợi cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng.

Trong khi đó, quân đội Việt Nam Cộng hòa bị tổn thất nặng về số quân, tiêu hao lớn về vật chất trang bị, giảm sút rất nghiêm trọng về tinh thần chiến đấu. Chúng ra sức tập hợp số tàn quân của các quân đoàn 1 và 2, củng cố các đơn vị của quân đoàn 3 và 4, bố trí lại lực lượng thành nhiều tuyến phòng thủ nhằm ngăn chặn quân ta từ xa như: Tây Ninh, Xuân Lộc, Phan Rang là những khu vực phòng thủ then chốt của địch.

Bộ Chính trị Trung ương Đảng khi đó đã kịp thời đánh giá tình hình, so sánh về thế lực giữa ta và địch đã có sự chuyển biến vượt bậc rất có lợi cho quân ta.

Ngày 31-3-1975, Bộ Chính trị đã họp và nhận định: cuộc Tổng tiến công chiến lược đã giành được thắng lợi vô cùng to lớn, tiêu diệt và loại khỏi vòng chiến đấu 2 quân đoàn, giải phóng 16 tỉnh, đưa số nhân dân vùng giải phóng lên 8 triệu; thời cơ chiến lược tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa vào sào huyệt của địch đã chín muồi. Cần có sự quyết tâm lớn hoàn thành trận quyết định chiến lược cuối cùng tốt nhất trong tháng 4-1975.

Trong cuộc họp ngày 8-4-1975 ở căn cứ Tà Thiết (Lộc Ninh), Bộ Chính trị quyết định thành lập Bộ Tư lệnh chỉ huy Chiến dịch giải phóng Sài Gòn-Gia Định gồm các đồng chí: Văn Tiến Dũng (Tư lệnh); Trần Văn Trà, Lê Đức Anh, Lê Trọng Tấn (Phó Tư lệnh); Phạm Hùng (Chính ủy); Lê Ngọc Hiền (Tham mưu trưởng)... Bộ Chính trị khẳng định: Cuộc tổng tiến công chiến lược của ta đã bắt đầu, thời cơ chiến lược mới đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm, quyết tâm giải phóng miền Nam. Do đó, cần tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí, kỹ thuật và vật chất để giải phóng Sài Gòn trước mùa mưa.

Sau đó, có nhiều ý kiến đề nghị nên lấy tên Bác đặt tên cho chiến dịch tiến công vào Sài Gòn. Bộ chỉ huy Chiến dịch thấy ý kiến này rất hợp với tình cảm của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân ta đối với Bác nên đã nhất trí điện ra Hà Nội xin ý kiến Bộ Chính trị cho đặt tên Chiến dịch giải phóng Sài Gòn-Gia Định là Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Ngày 14-4-1975, thể theo nguyện vọng của nhân dân và các lực lượng vũ trang trên chiến trường, trong đó có quân và dân thành phố Sài Gòn-Gia Định, Bộ Chính trị đã phê chuẩn đề nghị của Bộ Chỉ huy chiến dịch.

Bức điện của Bộ Chính trị do đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương ký gửi Bộ Chỉ huy chiến dịch có nội dung: “Đồng ý Chiến dịch Sài Gòn lấy tên là Chiến dịch Hồ Chí Minh” (1). Tin chiến dịch được mang tên Người đến với toàn dân, toàn quân đã tạo nên sức mạnh mới, thúc đẩy việc chuẩn bị, sẵn sàng cho chiến dịch.

Cũng trong ngày 14-4-1975, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương thông qua lần cuối kế hoạch giải phóng Sài Gòn-Gia Định. Kế hoạch xác định cuộc tiến công sẽ diễn ra đồng thời trên 5 hướng: Tây bắc, Đông bắc, Đông, Đông nam, Tây và Tây nam; thực hiện đánh nhanh, đánh dứt điểm, tiêu diệt và làm tan rã hoàn toàn quân địch, bảo vệ dân, bảo vệ các cơ sở kinh tế, văn hóa trong thành phố. Đòn tiến công quân sự có nhiệm vụ chia cắt, bao vây, tiêu diệt và làm tan rã các sư đoàn địch ở vòng ngoài, không cho chúng co cụm ở nội thành; đánh chiếm các cầu lớn mở đường cho các binh đoàn đột kích bằng lực lượng binh chủng hợp thành, cùng với bộ đội đặc công, biệt động và quần chúng nổi dậy đánh chiếm các mục tiêu chủ yếu, trong đó có 5 mục tiêu quan trọng nhất là: Dinh Độc lập, Bộ Tổng tham mưu, sân bay Tân Sơn Nhất, Biệt khu thủ đô, Tổng nha cảnh sát. Phát động quần chúng nổi dậy phối hợp và phát huy kết quả của đòn tiến công quân sự.

Sau khi thông qua lần cuối kế hoạch chiến dịch giải phóng Sài Gòn-Gia Định, Bộ Chính trị khẳng định quyết tâm: Thời cơ quân sự và chính trị để mở cuộc Tổng tiến công vào Sài Gòn đã chín muồi. Ta cần tranh thủ từng ngày, kịp thời phát động tiến công trên các hướng, không để chậm. Nếu để chậm thì không có lợi cả về chính trị và quân sự. Kịp thời hành động lúc này là bảo đảm chắc chắn nhất để giành thắng lợi hoàn toàn.

Chiến thắng lịch sử

Ngày 26-4-1975, sau khi chọc thủng tuyến phòng xa của quân đội Mỹ, năm cánh quân của quân đội ta gồm 4 quân đoàn chủ lực và Đoàn 232 cùng với binh khí đã tập kết đầy đủ tại nơi quy định, hình thành thế trận bao vây Sài Gòn. 17 giờ cùng ngày quân ta nổ súng bắt đầu tiến công lớn vào Sài Gòn.

Đêm 28-4-1975, Bộ Tư lệnh chiến dịch ra lệnh cho các cánh quân của ta ở năm hướng tiến công đồng loạt vào Sài Gòn, đồng thời chỉ thị cho các Quân

khu 8 và 9 ở đồng bằng Nam Bộ phối hợp tiến công giải phóng đồng bằng Nam Bộ. 5 giờ sáng ngày 29-4-1975, các cánh quân của ta cùng đánh vào các căn cứ phòng ngự của địch để tiến vào nội thành Sài Gòn. Những khẩu hiệu động viên ngắn gọn và thiết thực như: “chậm trễ là có tội với lịch sử”; “thời cơ là mệnh lệnh” của Bộ Chính trị được nêu lên. Tất cả các đơn vị bừng bừng khí thế tiến công, quyết đánh chiếm các mục tiêu được phân công.

Sau 3 ngày đêm chiến đấu quyết liệt, quân đội ta đã đánh chiếm được nhiều căn cứ, vị trí, đập tan tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch, tiêu diệt và làm tan rã phần lớn các sư đoàn 5, 25, 22, 18, 7 của quân địch.

Cả nước hướng về Sài Gòn-Gia Định. Toàn bộ lực lượng tiến công Sài Gòn đã sẵn sàng. Cán bộ chiến sỹ sục sôi khí thế quyết thắng. Trên mũ, trên tay áo, trên băng sừng, trên nòng pháo, trên thành xe đều ghi lời hịch của Bác Hồ “Tiến lên! Toàn thắng ắt về ta”.

Sáng sớm ngày 30-4-1975, từ khắp các hướng quân đội ta ào ạt tiến vào Sài Gòn. Quân ta nhanh chóng chiếm được Bộ tư lệnh không quân và Bộ tư lệnh sư đoàn dù của địch làm chủ sân bay Tân Sơn Nhất. 10 giờ 45 phút cùng ngày, ta tiến đánh vào Dinh Độc lập, bắt sống toàn bộ chính quyền Sài Gòn, buộc Tổng thống Dương Văn Minh phải tuyên bố đầu hàng không điều kiện. 11 giờ 30 phút, lá cờ cách mạng tung bay trên nóc phủ Tổng thống chính quyền Sài Gòn - Dinh Độc Lập. Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử toàn thắng!

Từ thủ đô Hà Nội đến những bản làng hẻo lánh, các hải đảo xa xôi đều vang tiếng reo mừng. Cả dân tộc vang khúc khai hoàn “ Như có bác Hồ trong ngày vui đại thắng”, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, kết thúc bằng Chiến dịch Hồ Chí Minh là thành quả tổng hợp của một loạt nhân tố: Đó là sự lãnh đạo của Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối chính trị, đường lối quân sự đúng đắn, sáng tạo, độc lập tự chủ; là sức mạnh của truyền thống bốn nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước, là ý chí kiên cường, bất khuất, ý thức làm chủ vận mệnh đất nước của cả dân tộc Việt Nam với tinh thần “Không có gì quý hơn độc lập tự do”; là cuộc chiến đấu dũng cảm, thông minh của cả nước mà nòng cốt là lực lượng vũ trang ba thứ quân và tinh ưu việt của chế độ XHCN ở miền Bắc; là tình đoàn kết và liên minh chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương; là sự đồng tình ủng hộ mạnh mẽ của các lực lượng cách mạng và hoà bình trên thế giới.

Đại thắng mùa Xuân năm 1975 là sự kiện quan trọng đánh dấu một mốc son chói lọi trong lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta: Từ một đất nước bị thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm chiếm, từ một dân tộc bị nô lệ, Việt Nam đã giành lại nền độc lập dân tộc sau gần một thế kỷ mất nước và trở thành một quốc gia độc lập, thống nhất, có đầy đủ chủ quyền được quốc tế thừa nhận. Với đại thắng này, nhân dân ta đã vĩnh viễn thoát khỏi ách nô dịch của các nước đế quốc, đất nước vĩnh viễn thoát khỏi họa bị chia cắt, giải phóng hoàn toàn miền Nam, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên cả nước, bảo vệ những thành quả bước đầu của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đưa cả nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập, tự do, thống nhất và chủ nghĩa xã hội.

2. TRẦN NAM CHUÂN. Những bức điện lịch sử trong cuộc Tổng tấn công và nổi dậy mùa xuân năm 1975// [https://dantri.com.vn/xa-hoi. - Ngày 17/4/2015](https://dantri.com.vn/xa-hoi.-Ngay-17/4/2015).

NHỮNG BỨC ĐIỆN LỊCH SỬ TRONG CUỘC TỔNG TẤN CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN NĂM 1975

Trong suốt quá trình chiến đấu, khắp các mặt trận đều thường xuyên, liên tục nhận được những bức điện chỉ đạo rất nhanh nhạy, sáng suốt, kịp thời của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương, Bộ Tổng Tư lệnh, góp phần cổ vũ, động viên cán bộ, chiến sĩ quyết tâm giành được thắng lợi cuối cùng.



10h45' ngày 30/4/1975, xe tăng quân giải phóng húc đổ cổng dinh Độc Lập cùng bộ đội tiến vào bắt sống Tổng thống ngụy Dương Văn Minh và toàn bộ nội các chính quyền Sài Gòn, kết thúc Chiến dịch Hồ Chí Minh (Ảnh tư liệu Bảo tàng lịch sử quân sự Việt Nam).

...Tây Nguyên, rồi Trị Thiên – Huế, Đà Nẵng thất thủ đã làm cho những tấm lá chắn của quân ngụy ở phía Bắc đã bị phá toang. Con đường chiến thắng của quân ta dẫn tới sào huyệt cuối cùng của chế độ Sài Gòn đang mở rộng.

Ngay trước khi giải phóng hoàn toàn Đà Nẵng, chiều 29 tháng 3 năm 1975, đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn gửi điện cho Trung ương Cục miền Nam: “...Tình hình biến chuyển mau lẹ. Cuộc cách mạng miền Nam đang bước vào giai đoạn phát triển nhảy vọt... Trên thực tế, có thể coi chiến dịch giải phóng Sài Gòn đã bắt đầu từ đây”.^[1]

Sáng ngày 31 tháng 3 năm 1975, tại Hà Nội, Bộ Chính trị họp mở rộng. Đây là cuộc họp lịch sử bàn về đòn chiến lược thứ ba, đòn cuối cùng của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy. Không khí phấn khởi tràn ngập “Nhà con rồng” – (tức phòng họp của Bộ Tổng Tư lệnh xây dựng trên nền Điện Kính thiên trong khu di tích Hoàng thành Thăng Long – BT), những nét mặt rạng rỡ, những ánh mắt sáng ngời, những cái bắt tay hứa hẹn...

Sau khi phân tích kỹ tình hình chiến trường, Hội nghị nhất trí nhận định những nhân tố mới đã xuất hiện rõ nét trong trận Đà Nẵng. Ta hơn hẳn địch cả về thế chiến lược lẫn lực lượng quân sự, chính trị. Dù Mỹ có tăng viện cũng không thể cứu vãn sự sụp đổ của chính quyền Sài Gòn. Bộ Chính trị khẳng định quyết tâm thực hiện tổng công kích, tổng khởi nghĩa trong thời gian sớm nhất. Phương thức tác chiến chiến lược của ta là phát huy sức mạnh của ba đòn chiến lược (chủ lực, nông thôn và thành thị), từ ngoài đánh vào, kết hợp với lực lượng tại chỗ từ trong đánh ra, lấy chủ lực từ ngoài đánh vào là quyết định, tập trung lực lượng tiến công địch, nhanh chóng lợi dụng thời cơ, dồn dập phát triển thắng lợi...

Sau hội nghị, đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn điện ngay vào chiến trường: "...Cách mạng nước ta đang phát triển với nhịp độ "một ngày bằng hai mươi năm". Do vậy, Bộ Chính trị quyết định: Chúng ta phải nắm vững thời cơ chiến lược, quyết tâm thực hiện Tổng tiến công và nổi dậy, kết thúc thắng lợi chiến tranh giải phóng trong thời gian ngắn nhất. Tốt hơn cả là bắt đầu và kết thúc trong tháng 4 năm nay, không để chậm. Phải hành động thần tốc, táo bạo,

bất ngờ. Phải tiến công ngay lúc địch hoang mang, suy sụp. Tập trung lực lượng lớn hơn nữa vào những mục tiêu chủ yếu trên từng hướng, trong từng lúc”.[2]

Từ cuộc họp ngày 31 tháng 3 năm 1975, số phận của chế độ Sài Gòn đã được định đoạt. Quyết tâm của Bộ Chính trị cổ vũ mạnh mẽ nhiệt tình cách mạng của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân.

Ngày 7 tháng 4 năm 1975, căn cứ tin tức từ các mặt trận báo về, Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp ra lệnh cho các đơn vị đang đổ vào chiến trường: “Thần tốc, thần tốc hơn nữa. Táo bạo, táo bạo hơn nữa. Tranh thủ từng giờ, từng phút, xốc tới mặt trận, giải phóng miền Nam. Quyết chiến và toàn thắng”.[3]

Đến ngày 14 tháng 4 năm 1975, thể theo đề nghị của Bộ Chỉ huy chiến dịch tấn công vào Sài Gòn – Gia Định và nguyện vọng của đồng bào, chiến sĩ cả nước, trong bức điện số 37-TK, đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn thay mặt Bộ Chính trị đã đáp ứng kịp thời ý nguyện thiết tha và thiêng liêng ấy: "Đồng ý Chiến dịch Sài Gòn lấy tên là Chiến dịch Hồ Chí Minh".[4]

Vậy là kể từ ngày 14 tháng 4 năm 1975, trận quyết chiến chiến lược cuối cùng kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm được vinh dự mang tên vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam.

Trong suốt quá trình phát động cuộc Tổng tấn công và nổi dậy mùa Xuân 1975, thực hiện truyền thống nhân nghĩa “lấy trí nhân thay cường bạo”, “đánh kẻ chạy đi, chứ không đánh người chạy lại” của dân tộc ta, nên Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương luôn nhắc nhở các cánh quân phải thực hiện đúng chế độ nhân đạo đối với tù binh và hàng binh của địch. Trong bức điện của Ban Bí thư, ngày 18 tháng 4 năm 1975 đã nhấn mạnh: “...Các loại binh lính sĩ quan của địch đã bỏ vũ khí về nhà, về hưu, giải ngũ, trình diện, thì coi như dân thường... Những tên là lính và hạ sĩ quan nếu đã cải tạo tốt có quê ở vùng giải phóng thì cho về với gia đình”.[5] Cũng chính nhờ có chính sách nhân đạo và khoan dung này đã góp phần làm lung lạc, giảm sút tinh thần chiến đấu của quân ngụy.

Để chuẩn bị cho những trận đánh cuối cùng, từ tháng 1 đến tháng 4 năm 1975, Đoàn vận tải Trường Sơn vận chuyển vào Nam Bộ 115.000 quân và 90.000 tấn hàng (trong đó có 37.000 tấn vũ khí, 9.000 tấn xăng dầu). Riêng trong những ngày "chuẩn bị nước rút" từ ngày 5 đến ngày 26 tháng 4, vừa khai

thác vừa vận chuyển, ta đã đưa vào chiến trường 10.100 tấn đạn, 2.300 tấn lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, 2.600 tấn xăng dầu... Nhiều trạm sửa chữa ô tô, sửa chữa pháo và tăng được bố trí dọc đường, phục vụ cơ động của chiến dịch. Trong giai đoạn cuối cùng của chiến tranh, nổi lên tác dụng to lớn của hậu cần tại chỗ. Trục đường 14 từ Đồng Xoài đi Cây Gáo, Bến Bầu được gấp rút thi công. Các đoàn quân hậu cần ở các hướng củng cố và mở rộng tuyến đường chiến dịch với tổng chiều dài hơn 3.000 ki-lô-mét. Đặc biệt, trong những ngày hạ tuần tháng 4, hậu cần Miền đã đưa 10.000 cán bộ, chiến sĩ từ tuyến sau lên thành lập 8 tiểu đoàn cơ động, huy động gần 4.000 xe vận tải, hơn 600 thuyền máy, ca nô, hàng nghìn xe đạp thồ và hơn 60.000 dân công hỏa tuyến, lập 15 bệnh viện dã chiến, 17 đội điều trị với tổng số 10.000 giường, phục vụ bộ đội tiến công Sài Gòn - Gia Định.[6]

Chấp hành chỉ thị của Bộ Chính trị, Bộ Tư lệnh chiến dịch Hồ Chí Minh khẩn trương hoàn chỉnh kế hoạch tác chiến trên cơ sở phương án cũ đã được Trung ương Cục thông qua.

Thế trận tại chỗ đã bày xong. Ngày 22 tháng 4 năm 1975, lần cuối cùng, kế hoạch tiến công Sài Gòn - Gia Định được Đảng ủy và Bộ chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh thông qua và phê duyệt.

Ngày 26 tháng 4 năm 1975, Bộ Chính trị họp, giữa lúc công việc chuẩn bị mọi mặt từ Bộ thống soái tối cao đến Bộ tư lệnh và các đơn vị ở chiến trường trọng điểm cơ bản đã hoàn thành. Năm mục tiêu quan trọng đã được Bộ chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh xác định là: sân bay Tân Sơn Nhất, Bộ Tổng tham mưu ngụy, dinh Tổng thống ngụy quyền, Biệt khu Thủ đô và Tổng nha Cảnh sát.

Sau khi kiểm tra lại lần cuối việc chuẩn bị cho trận đánh quyết định, cuộc họp kết thúc trong không khí náo nức, phấn khởi, quyết tâm, sẵn sàng đón tin chiến thắng.

Giờ phút quyết định đã đến. Chiến trường Nam Bộ bùng lên như một cơn lốc.

Theo kế hoạch, 5 giờ 30 phút sáng 30 tháng 4 năm 1975, các hướng đồng loạt đánh vào Sài Gòn. Đến 10 giờ 45 phút ngày 30 tháng 4, xe tăng 390 đã húc tung cánh cổng chính của dinh Độc Lập - sào huyệt cuối cùng của ngụy quyền Sài Gòn. 11 giờ 30 phút cùng ngày, Trung úy Quân đội Nhân dân Việt Nam Bùi Quang Thận đã hạ lá cờ Việt Nam Cộng hòa trên nóc dinh Độc Lập,

kéo lá cờ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam lên. Cùng lúc này, Tổng thống cuối cùng của Việt Nam Cộng hòa là Dương Văn Minh và toàn bộ những nhân vật chủ chốt của nội các chính quyền Sài Gòn có mặt đầy đủ trong dinh Độc Lập đã bị quân giải phóng bắt sống. Tổng thống ngụy Dương Văn Minh đã phải tuyên bố đầu hàng vô điều kiện trước quân đội cách mạng (tức quân Giải phóng miền Nam Việt Nam). Chiến tranh kết thúc.

Từ thủ đô Hà Nội, nhận được tin chiến thắng, thay mặt Bộ Chính trị Trung ương Đảng, đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn đã gửi ngay bức điện khen ngợi: “Toàn thể cán bộ, chiến sĩ tham gia Chiến dịch Hồ Chí Minh cùng đồng bào Sài Gòn – Gia Định thân mến. Bộ Chính trị Trung ương Đảng nhiệt liệt khen ngợi quân và dân Sài Gòn – Gia Định, khen ngợi toàn thể cán bộ và chiến sĩ, đảng viên và đoàn viên, thuộc các đơn vị bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, bộ đội tinh nhuệ, dân quân tự vệ đã chiến đấu cực kỳ anh dũng, lập chiến công chói lọi, tiêu diệt và làm tan rã lực lượng lớn quân địch, buộc ngụy quyền Sài Gòn phải đầu hàng không điều kiện, giải phóng thành phố Sài Gòn – Gia Định, đưa chiến dịch lịch sử mang tên Bác Hồ vĩ đại đến toàn thắng. Toàn thể các đồng chí hãy nêu cao tinh thần quyết thắng cùng đồng bào tiếp tục tiến công và nổi dậy, giải phóng hoàn toàn miền Nam thân yêu của Tổ quốc”. [7]

Vậy là sau 5 ngày chiến đấu liên tục (từ 26 đến 30/4/1975), chiến dịch Hồ Chí Minh đã giành toàn thắng, miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước thu về một mối.

Nếu tính từ ngày 4 tháng 3 năm 1975, khi quân ta bắt đầu nổ súng ở Playcu trong hoạt động nghi binh chiến lược giải phóng Tây Nguyên cho đến ngày toàn thắng 30 tháng 4 năm 1975, thì toàn bộ cuộc tổng tiến công và nổi dậy giải phóng miền Nam đã diễn ra trong 55 ngày đêm, thật là một sự trùng hợp kỳ lạ với 55 năm ngày đêm của Chiến dịch Điện Biên Phủ cách đó 21 năm. Vậy là hai chiến dịch có hai cách đánh khác nhau. Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, phương châm là “đánh chắc, tiến chắc”, thì trong Chiến dịch Hồ Chí Minh, phương châm là “thần tốc, táo bạo, bất ngờ”. Dù là hai cách đánh khác nhau nhưng đều đi đến thắng lợi cuối cùng đánh đổ hai thực dân đế quốc hùng mạnh nhất lúc bấy giờ là Pháp và Mỹ. Đó là minh chứng hùng hồn cho chủ nghĩa anh hùng cách mạng; truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của dân tộc Việt Nam; quyết không cam chịu làm nô lệ; quyết đánh đuổi giặc ngoại xâm giành độc lập tự do cho dân tộc.

Sự kiện chiến thắng 30 tháng 4 năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước đã một lần nữa chứng minh chân lý bất hủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Không có gì quý hơn độc lập, tự do!”.

3. Chỉ đạo chiến lược của Bộ Chính trị mùa Xuân 1975//
<https://dantri.com.vn/xa-hoi.-> Ngày 19/4/2020.

CHỈ ĐẠO CHIẾN LƯỢC CỦA BỘ CHÍNH TRỊ MÙA XUÂN 1975

Thắng lợi vĩ đại của nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) được tạo nên từ nhiều nhân tố chủ quan và khách quan, nhưng nhân tố bao trùm có vai trò quyết định nhất chính là sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam với đường lối cách mạng đúng đắn, độc lập, tự chủ và nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh tài tình, sáng tạo. Nhân dịp kỷ niệm 45 năm ngày Giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2020), *Thông tấn xã Việt Nam* trân trọng giới thiệu bài viết: “Chỉ đạo chiến lược của Bộ Chính trị trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975” của Tiến sĩ Trần Hữu Huy, Hội viên Hội khoa học lịch sử Việt Nam.

Hạ quyết tâm chiến lược kịp thời, chính xác



Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam đánh chiếm Buôn Ma Thuột ngày 11 tháng 3 năm 1975 (Ảnh tư liệu)

Bước vào nửa cuối năm 1974, cục diện chiến tranh có sự chuyển biến mạnh mẽ theo hướng ngày càng có lợi cho cách mạng. Trước tình hình đó, Đảng Lao động Việt Nam triệu tập Hội nghị Bộ Chính trị (họp từ ngày 30/9 - 7/10/1974) để bàn kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Hội nghị đã phân tích tình hình và rút ra những nhận định rất quan trọng: Về tương quan so sánh lực lượng trên chiến trường, cách mạng đang ở thế thắng, thế chủ động và tiến lên; trái lại địch chịu nhiều thất bại liên tiếp nên đang ở thế thua, thế bị động và xuống dốc. Mỹ đã rút ra, đang gặp nhiều khó khăn, nên không có khả năng quay trở lại (can thiệp trực tiếp bằng quân sự); dù cho Mỹ có can thiệp trở lại bằng quân sự trong chừng mực nào đó thì cũng không xoay chuyển được tình thế, không cứu vãn được sự sụp đổ của chế độ Sài Gòn. Do có sự thỏa hiệp với đế quốc Mỹ, một số nước lớn có ý đồ cản trở thắng lợi của cách mạng Việt Nam, chia rẽ tình đoàn kết nhân dân ba nước Đông Dương nhằm phục vụ cho mưu đồ xâm lược bành trướng, nhưng thời điểm này chưa đủ sức, chưa sẵn sàng.

Từ những nhận định trên, Bộ Chính trị đi đến khẳng định: Đây là thời cơ thuận lợi nhất để nhân dân ta hoàn toàn giải phóng miền Nam, giành thắng lợi trọn vẹn. Hai mươi năm nhân dân cả nước chiến đấu mới tạo được thời cơ này. Ngoài thời cơ này, không còn thời cơ nào khác. Nếu để chậm mười, mười lăm năm nữa, địch gượng dậy được, các thế lực xâm lược bành trướng mạnh lên, tình hình sẽ phức tạp vô cùng.

Trên cơ sở nhận diện đúng thời cơ, Bộ Chính trị đề ra quyết tâm: “Động viên những nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền, mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy cuối cùng, đưa chiến tranh cách mạng phát triển đến mức cao nhất, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ quân nguy (...), đánh đổ nguy quyền ở trung ương và các cấp, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân, giải phóng hoàn toàn miền Nam” (trích Biên bản kết luận Hội nghị).

Về mặt thời gian, Bộ Chính trị cơ bản thống nhất đề án xây dựng kế hoạch chiến lược giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 - 1976, chia làm hai bước: Bước 1 (1975), tranh thủ thời cơ, bắt ngờ mở cuộc tiến công lớn và rộng khắp. Bước 2 (1976), thực hiện tổng công kích, tổng khởi nghĩa giải phóng hoàn toàn miền Nam, giành toàn thắng.

Tuy nhiên, tập thể Bộ Chính trị nhận thấy: quyết tâm giải phóng hoàn toàn miền Nam lần này có ý nghĩa lịch sử rất to lớn, vừa quyết định đến toàn

bộ sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc, nhưng đồng thời mang tính chất thời đại sâu sắc. Do đó, cần phải có thêm thời gian đánh giá tình hình kỹ hơn, thảo luận sâu sắc hơn, xây dựng kế hoạch đầy đủ hơn, để đi đến hạ quyết tâm chiến lược cuối cùng có cơ sở khoa học, bảo đảm chắc thắng.

Sau một thời gian tiếp tục theo dõi tình hình quốc tế và khu vực có liên quan, đồng thời nắm bắt cụ thể diễn biến từ chiến trường, có thêm cơ sở thực tiễn, Đảng triệu tập Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng (họp từ ngày 18/12/1974 - 8/1/1975), trong đó có nhiều đồng chí lãnh đạo, phụ trách các chiến trường từ miền Nam tham dự.

Hội nghị cơ bản nhất trí với phương hướng chiến lược đã được Hội nghị Bộ Chính trị lần trước thông qua; đồng thời đi sâu phân tích, làm rõ thêm so sánh lực lượng giữa ta và địch; đánh giá khả năng can thiệp quân sự của Mỹ; trình độ tác chiến hiệp đồng binh chủng quy mô lớn của chủ lực ta; về khả năng giành thắng lợi nhanh gọn, triệt để...

Giữa lúc Hội nghị đang diễn ra thì nhận được tin Quân giải phóng miền Nam đã giành thắng lợi vang dội trong chiến dịch Đường 14 - Phước Long (13/12/1974 - 6/1/1975). Ta loại khỏi vòng chiến đấu hàng ngàn tên địch; phá hủy, thu giữ nhiều loại vũ khí, đạn dược (trong đó có gần 10.000 viên đạn pháo); giải phóng toàn tỉnh Phước Long với 50.000 dân, tạo thêm bàn đạp uy hiếp từ phía bắc Sài Gòn. Cả Mỹ và chính quyền Sài Gòn đều phản ứng yếu ớt rồi chấp nhận thất bại.

Chiến thắng Phước Long có giá trị như “đòn trinh sát chiến lược”, cho thấy rõ hơn khả năng Mỹ sẽ không can thiệp trở lại bằng quân sự; đồng thời bộc lộ trình độ tác chiến yếu kém của chủ lực quân đội Sài Gòn, ta có thể giành thắng lợi sớm hơn.

Dựa trên những cơ sở thực tiễn mới nhất, đặc biệt là chiến thắng Phước Long, Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng khẳng định: “Thời cơ chiến lược của ta đang phát triển nhanh chóng đến độ chín muồi”, từ đó, chính thức hạ quyết tâm chiến lược: “Động viên nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền, trong thời gian hai năm 1975 - 1976 đẩy mạnh đấu tranh quân sự, chính trị, kết hợp với đấu tranh ngoại giao, làm thay đổi nhanh chóng và toàn diện so sánh lực lượng trên chiến trường miền Nam theo hướng có lợi cho ta; tiến hành rất khẩn trương và hoàn thành mọi mặt công tác chuẩn bị, tạo điều kiện chín muồi, tiến hành tổng công kích tổng khởi nghĩa tiêu diệt và làm

tan rã nguy quân, đánh đổ nguy quyền từ trung ương đến địa phương, giành chính quyền về tay nhân dân, giải phóng miền Nam” (trích Biên bản kết luận Hội nghị).

Tuy đề ra kế hoạch hai năm 1975 - 1976, Hội nghị lần này cũng chỉ rõ: Nếu thời cơ đến sớm hơn, vào đầu hoặc cuối năm 1975, thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975. Phải tranh thủ đánh thắng nhanh để giảm bớt sự thiệt hại về người và của cho nhân dân, giảm bớt sự tàn phá của chiến tranh. Bộ Chính trị thông qua kế hoạch tác chiến chiến lược do Bộ Tổng tham mưu soạn thảo (trải qua 8 lần xin ý kiến chỉnh sửa), thống nhất chọn Nam Tây Nguyên là hướng tiến công chủ yếu, với mục tiêu chính là thị xã Buôn Ma Thuột.

Đây là quyết tâm chiến lược cuối cùng giải phóng hoàn toàn miền Nam của tập thể Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam, là kết quả của sự chuẩn bị chiến lược hết sức chủ động, dũng cảm, sáng tạo, công phu kiên trì, bền bỉ trên tất cả các mặt (chính trị, quân sự, ngoại giao, tiềm lực hậu phương và tiền tuyến, thế trận và lòng người...) trong thời gian dài, thể hiện trí tuệ, bản lĩnh Việt Nam trong “cuộc đụng đầu lịch sử” với đế quốc Mỹ và lực lượng phản động, tay sai.

Thực hiện quyết tâm chiến lược của Bộ Chính trị đề ra, nhân dân cả nước ra sức chuẩn bị mọi mặt với khí thế hào hùng chưa từng có, hướng tới trận quyết chiến chiến lược cuối cùng. Trên khắp chiến trường, đầu năm 1975, quân dân ta đẩy mạnh hoạt động, đánh địch khắp nơi theo quy mô vừa và nhỏ là chính, vừa làm cho địch tiếp tục suy yếu và bị động, vừa thực hành nghi binh che giấu ý đồ, mục tiêu tiến công chiến lược của ta.

Trong lúc đó, Mỹ và chính quyền Sài Gòn vẫn chủ quan, đánh giá: sang năm 1975, phía Quân giải phóng sẽ đánh với quy mô mạnh hơn năm 1974, nhưng không bằng năm 1968 và năm 1972. Quân giải phóng cũng chưa có khả năng đánh chiếm thị xã, thành phố lớn, và nếu có chiếm cũng không giữ được.

Chính quyền Nguyễn Văn Thiệu còn nhận định: hướng tiến công chủ yếu của Quân giải phóng là miền Đông Nam Bộ, do đó, bên cạnh việc tập trung lực lượng mạnh phòng thủ ở Quân khu 1 (tiếp giáp miền Bắc), địch huy động lực lượng về củng cố phòng thủ ở Quân khu 3 (miền Đông Nam Bộ). Đối với chiến trường Tây Nguyên, Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn phán đoán Quân giải phóng sẽ đánh mạnh ở hướng Bắc Tây Nguyên, nên dồn lực

lượng phòng thủ tại đây; trong khi ở hướng Nam Tây Nguyên (có thị xã Buôn Ma Thuột) lực lượng địch bị căng mỏng, bố trí phòng thủ có nhiều sơ hở. Thực tiễn đã khẳng định, đó là những nhận định, đánh giá sai lầm chiến lược của Mỹ và chính quyền Sài Gòn.

Chỉ đạo kiên quyết, linh hoạt, sáng tạo

Thực hiện kế hoạch tác chiến chiến lược đã đề ra, sau một quá trình chuẩn bị, từ ngày 4/3/1975, quân dân ta bất ngờ mở chiến dịch tiến công Tây Nguyên, đánh chiếm mục tiêu chủ yếu (Buôn Ma Thuột) làm rung chuyển toàn bộ hệ thống phòng thủ của địch trên chiến trường miền Nam.

Ngày 3/4/1975, chiến dịch Tây Nguyên kết thúc thắng lợi. Ta tiêu diệt và làm tan rã Quân đoàn 2 - Quân khu 2 của chính quyền Sài Gòn, giải phóng Tây Nguyên cùng một số tỉnh ven biển Trung Trung Bộ, làm thay đổi cơ bản so sánh lực lượng, thế chiến lược giữa ta và địch, tạo bước ngoặt quyết định, đưa cuộc tiến công chiến lược của ta phát triển thành tổng tiến công trên toàn miền Nam.

Thắng lợi bước đầu của chiến dịch Tây Nguyên, đặc biệt là trận then chốt giải phóng thị xã Buôn Ma Thuột (10/3/1975) và thông tin địch rút toàn bộ lực lượng khỏi Tây Nguyên đã mở ra khả năng thắng lớn của cách mạng. Nhận thấy thời cơ chiến lược đến nhanh hết sức thuận lợi, ngày 18/3/1975, Bộ Chính trị họp bàn, bổ sung vào quyết tâm chiến lược: thực hiện phương án tranh thủ thời cơ, giải phóng hoàn toàn miền Nam ngay trong năm 1975. Kế hoạch hai năm được rút xuống còn một năm. Bộ Chính trị nhấn mạnh: Muốn hoàn thành nhiệm vụ cơ bản đó, nhiệm vụ trước mắt của quân và dân ta là mở đòn tiến công chiến lược thứ hai nhằm giải phóng Huế - Đà Nẵng và các tỉnh ven biển miền Trung.

Thực hiện quyết tâm của Bộ Chính trị đề ra, quân dân ta đẩy mạnh tiến công địch ở Trị - Thiên, các tỉnh đồng bằng ven biển Khu 5, gây áp lực mạnh buộc địch phải thu dồn lực lượng về giữ các thành phố lớn là Huế, Đà Nẵng. Tranh thủ thời cơ địch co cụm, các binh đoàn chủ lực của ta phối hợp chặt chẽ với lực lượng vũ trang cùng nhân dân địa phương nhanh chóng mở các đợt tiến công giải phóng nhiều vùng nông thôn rộng lớn; đồng thời tổ chức các mũi thọc sâu chia cắt địch, chặn đường rút chạy của chúng, hình thành thế bao vây địch trong thành phố.

Ngày 25/3/1975, trong khi chiến trường đang diễn biến sôi động, bước vào thời điểm khẩn trương và quyết định, Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương đã họp bàn khẳng định: “Cuộc tổng tiến công chiến lược của ta đã bắt đầu với chiến dịch Tây Nguyên. Thời cơ chiến lược mới đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam”, từ đó đề ra chủ trương: tập trung nhanh nhất binh lực, vật lực giải phóng miền Nam trước mùa mưa (khoảng giữa tháng 5/1975). Kế hoạch một năm tiếp tục được rút xuống còn 5 tháng.

Bộ Chính trị hạ quyết tâm mở chiến dịch lịch sử có ý nghĩa quyết định với quy mô lớn nhất: Chiến dịch tổng công kích và nổi dậy giải phóng Sài Gòn (sau được mang tên Chiến dịch Hồ Chí Minh). Nhưng muốn đi đến đòn quyết chiến chiến lược ấy, Bộ Chính trị chỉ đạo: dứt điểm giải phóng Thừa Thiên - Huế; đồng thời tiến công Đà Nẵng kịp thời nhất, nhanh chóng nhất, táo bạo nhất, bất ngờ nhất và chắc thắng.

Chấp hành mệnh lệnh của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, tranh thủ địch đang hoang mang dao động, các cánh quân chủ lực của ta đồng loạt tiến công, chỉ trong thời gian ngắn đập tan mọi tuyến phòng thủ của địch, giải phóng Huế (26/3/1975), giải phóng Đà Nẵng (29/3) cùng các tỉnh ven biển miền Trung.

Ta đã tiêu diệt, làm tan rã toàn bộ lực lượng Quân đoàn 1 - Quân khu 1 của địch, giáng đòn nặng nề vào chính quyền, quân đội Sài Gòn cũng như kế hoạch kéo dài chiến tranh của Mỹ; mở ra vùng hậu phương chiến lược hoàn chỉnh nối liền với miền Bắc xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng dễ dàng cơ động lực lượng, binh khí kỹ thuật phục vụ cho tác chiến quy mô lớn hơn. Thắng lợi này hợp cùng với thắng lợi Tây Nguyên đã làm thay đổi căn bản so sánh lực lượng giữa ta và địch, tạo bước phát triển nhảy vọt về cục diện chiến tranh hoàn toàn có lợi cho cách mạng.

Căn cứ vào những chuyển biến hết sức mau lẹ từ chiến trường, ngày 31/3/1975, Bộ Chính trị họp bàn, ra quyết định lịch sử: “Năm vững thời cơ chiến lược, quyết tâm thực hiện tổng tiến công và nổi dậy, kết thúc thắng lợi chiến tranh giải phóng trong thời gian ngắn nhất. Tốt hơn cả là bắt đầu và kết thúc trong tháng tư năm nay, không để chậm”. Kế hoạch 5 tháng tiếp tục được rút xuống còn 4 tháng. Bộ Chính trị cũng đề ra phương châm chỉ đạo: “thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”.

Đến ngày 7/4/1975, phương châm chỉ đạo này đã được Đại tướng Võ Nguyên Giáp phát lệnh truyền đi khắp các hướng chiến trường. Ngày 14/4/1975, thể theo nguyện vọng của đồng bào, chiến sĩ cả nước và đề nghị của Bộ Chỉ huy chiến dịch giải phóng Sài Gòn, Bộ Chính trị họp bàn, đồng ý chiến dịch giải phóng Sài Gòn ấy tên là Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Vào những ngày tháng 4/1975, trên mọi miền đất nước, nhân dân ta ra sức chuẩn bị cho trận quyết chiến lịch sử. Quân ta trên chiến trường ra sức tạo thế, tạo lực. Ngày 9/4/1975, quân ta tiến công Xuân Lộc - tuyến phòng thủ trọng yếu bảo vệ Sài Gòn từ phía đông của quân đội Sài Gòn. Ngày 16/4, quân ta đập tan tuyến phòng thủ Phan Rang. Ngày 21/4/1975, quân địch ở Xuân Lộc tháo chạy. Trong khi đó, địch bị tổn thất nặng nề về lực lượng và phương tiện, tinh thần hoang mang. Mỹ lập cầu hàng không viện trợ khẩn cấp cho chính quyền, quân đội Sài Gòn nhằm cứu vãn sự sụp đổ hoàn toàn, hi vọng tìm kiếm một giải pháp qua đàm phán.

Ngày 22/4/1975, Bộ Chính trị họp bàn, phát lệnh: “Thời cơ để mở cuộc tổng tiến công về quân sự và chính trị vào Sài Gòn đã chín muồi. Ta cần tranh thủ từng ngày để kịp thời phát động tiến công. Hành động trong lúc này là bảo đảm chắc chắn nhất để giành thắng lợi hoàn toàn. Nếu để chậm sẽ không có lợi cả về quân sự và chính trị”.

Ngày 26/4/1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh chính thức bắt đầu. Tất cả các cánh quân của ta, bao gồm 4 quân đoàn (1, 2, 3, 4) và Đoàn 232 (trương đương quân đoàn) lần lượt đập tan các tuyến phòng thủ vòng ngoài, đồng thời hình thành các mũi thọc sâu đánh chiếm 5 mục tiêu trọng yếu trong nội đô Sài Gòn.

Trưa ngày 30/4/1975, Quân giải phóng tiến vào Dinh độc lập, bắt sống toàn bộ nội các chính quyền Sài Gòn, buộc tổng thống Dương Văn Minh phải tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

Như vậy, trải qua gần hai tháng Tổng tiến công và nổi dậy, quân dân Việt Nam đã giành thắng lợi trọn vẹn, giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc chặng đường 21 năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đồng thời kết thúc vẻ vang quá trình 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc kể từ Cách mạng tháng Tám năm 1945. Chiến công hiển hách đã làm kinh ngạc làm kinh ngạc cả thế giới.

Nhìn lại thắng lợi vang dội của 45 năm về trước, chúng ta càng nhận thức rõ ràng hơn về nghệ thuật chỉ đạo kết thúc chiến tranh tài tình, sáng tạo

của tập thể Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam, vượt qua mọi hoạch định, toan tính chiến tranh xâm lược của đối phương. Quá trình chỉ đạo chiến lược của Bộ Chính trị trong giai đoạn kết thúc chiến tranh ấy đã để lại những bài học lịch sử lớn, quan trọng đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, như: kiên định mục tiêu độc lập dân và chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong hoàn cảnh mới; bám sát thực tiễn, nhận diện nắm bắt đúng thời cơ, phát huy sức mạnh nội lực, kết hợp với tranh thủ những điều kiện khách quan thuận lợi để vượt qua khó khăn, thực hiện thắng lợi mục tiêu cơ bản đề ra; tăng cường giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ trong mọi chủ trương, đường lối, chính sách vì lợi ích quốc gia, dân tộc; phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng tiềm lực, thế trận quốc phòng - an ninh vững chắc, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt.../.

4. PHẠM HUY CHƯƠNG. Chiến dịch Tây Nguyên - Đòn mở đầu chiến lược // <https://www.hoitruongson.vn.-> Ngày 30/3/2020.

CHIẾN DỊCH TÂY NGUYÊN - ĐÒN MỞ ĐẦU CHIẾN LƯỢC CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG NỔI DẬY MÙA XUÂN 1975 LỊCH SỬ.

Chiến dịch Tây Nguyên (từ ngày 4.3 đến 3.4.1975), được coi như đòn mở đầu trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 của quân và dân ta đã tạo nên bước ngoặt làm thay đổi cục diện chiến trường. Mở ra thời cơ tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam để quân và dân ta tiếp tục thực hiện các đòn tiến công quân sự lớn, phát triển cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 làm nên chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất tổ quốc. Tây Nguyên lúc đó (1971 – 1975) có diện tích khoảng 60.000 km², gồm các tỉnh: Kon Tum, Pleiku, Phú Bổn, Đăk Lăk và một phần tỉnh Quảng Đức. Núi rừng Tây Nguyên đã từng được người Pháp coi là "mái nhà Đông Dương". Trong chiến cuộc, ai làm chủ được địa bàn này sẽ làm chủ được Đông Dương. Khi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta bùng nổ. Thay chân thực dân Pháp, đế quốc Mỹ càng chú trọng hơn vị trí chiến lược quân sự này. Suốt hơn 20 năm ròng, Mỹ và chính quyền ngụy Sài Gòn đã tăng cường nhiều biện pháp để kìm kẹp đồng bào các dân tộc, ngăn chặn phong trào cách mạng ở Tây Nguyên. Tuy nhiên, với tinh thần quật

khởi, quân và dân Tây Nguyên đã liên tục đấu tranh, từng bước đánh bại âm mưu, hành động xâm lược của địch. Bước vào xuân-hè năm 1975, Bộ Chính trị, trực tiếp là Quân ủy Trung ương đã quyết định mở Chiến dịch Tây Nguyên (mang mật danh A 275). Ngày 9-1-1975, Thường trực Quân ủy Trung ương họp đánh giá tương quan lực lượng giữa ta và địch trên chiến trường; đồng thời, đề ra nhiệm vụ quân sự mùa xuân 1975, thực hiện một bước kế hoạch tác chiến chiến lược. Quân ủy Trung ương xác định trong mùa khô 1974-1975, hướng tiến công chủ yếu của ta là Tây Nguyên và bổ sung nhiệm vụ cụ thể của chiến dịch Tây Nguyên là: Phải tiêu diệt 4 đến 5 trung đoàn bộ binh, 1 đến 2 trung đoàn thiết giáp; nhiều tiểu đoàn bảo an, trung đội dân vệ, cố gắng đánh quy hoặc tiêu diệt 1 sư đoàn, đánh thiệt hại Quân đoàn 2 của ngụy Sài Gòn. Giải phóng một phần tỉnh Đắc Lắc, Phú Bổn, Quảng Đức gồm 3 thị xã Cheo Reo, Gia Nghĩa, Buôn Ma Thuột. Trọng điểm là tỉnh Đắc Lắc, trong đó mục tiêu then chốt là Buôn Ma Thuột, mục tiêu quan trọng là 3 quận lỵ: Đức Lập, Thuận Mẫn, Kiến Đức. Hướng phát triển chủ yếu là Cheo Reo, Gia Nghĩa. Ngày 5-2, Bộ Chính trị cử Đại tướng Văn Tiến Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Tổng tham mưu trưởng vào chiến trường Tây Nguyên làm đại diện của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh, bên cạnh Bộ Chỉ huy chiến dịch Tây Nguyên để trực tiếp chỉ đạo chiến dịch. Đồng thời Quyết định thành lập Bộ Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên. Trung tướng Hoàng Minh Thảo được bổ nhiệm làm Tư lệnh mặt trận; Đại tá Đặng Vũ Hiệp làm Chính ủy. Các tỉnh: Gia Lai, Kon Tum, Đắc Lắc huy động mọi khả năng hiện có của địa phương phục vụ mặt trận. tiếp đó Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng quyết định thành lập Đoàn 232 (tương đương Quân đoàn) tại Nam Bộ. Trong Đoàn 232 gồm có 2 Sư đoàn bộ binh số 3 và số 5, Lữ đoàn pháo binh 232, Trung đoàn công binh 32 và một số đơn vị trực thuộc khác. Đồng chí Nguyễn Minh Châu được bổ nhiệm làm Tư lệnh; đồng chí Trần Văn Phác được bổ nhiệm làm Chính ủy.

Mục tiêu của Chiến dịch Tây Nguyên đặt ra nhằm: tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch giải phóng các tỉnh Nam Tây Nguyên, tạo thế chia cắt chiến lược thực hiện chiến lược giải phóng miền Nam (1975). Khu vực Nam Tây Nguyên gồm các tỉnh Phú Bổn, Đắc Lắc, Quảng Đức. Hai chiến tuyến trên chiến trường Tây nguyên lúc này. Về phía địch có Sư đoàn bộ binh 23, Lữ đoàn dù 3, Trung đoàn bộ binh 40, 8 liên đoàn biệt động quân, Lữ đoàn tăng thiết giáp số 2, 30 tiểu đoàn bảo an và các đơn vị binh chủng chuyên môn kỹ

thuật... Về phía lực lượng ta tham gia chiến dịch gồm 5 Sư đoàn (10, 320A, 316, 968, Sư đoàn 3) và 4 Trung đoàn bộ binh là (25, 271, 95A, 95B), Trung đoàn đặc công 198, Trung đoàn xe tăng - thiết giáp 273 và một số đơn vị binh chủng chuyên môn kỹ thuật. Bộ Tư lệnh chiến dịch gồm: Tư lệnh, Trung tướng Hoàng Minh Thảo; Chính ủy Đặng Vũ Hiệp.

Sau các hoạt động nghi binh tích cực thu hút địch lên hướng Bắc. Ngày 4/3/1975, bộ đội ta bước vào tác chiến tạo thế, chặt đứt giao thông địch trên trục đường 19 và 21, chia cắt chiến lược các tập đoàn địch ở Tây Nguyên và đồng bằng. Ngày 8/3, Sư đoàn 302 nổ súng tiêu diệt cứ điểm Cẩm Ga, chiếm giữ đường 14 ở khu vực này, chia cắt chiến dịch quân địch ở Bắc và Nam Tây Nguyên. 2 giờ 30 phút ngày 10/3, các mũi tiến công của ta chính thức bước vào tác chiến chiến dịch, Sư đoàn 10 nhận nhiệm vụ tiêu diệt căn cứ Đức Lập, Sư đoàn 316, Trung đoàn 95B, Trung đoàn 198 đặc công đồng loạt mở 5 mũi tiến công vào thị xã Buôn Ma Thuột. Đây là trận đánh then chốt chủ yếu. Sau hơn một ngày chiến đấu quyết liệt ta đã chiếm đánh sân bay thị xã Buôn Ma Thuột, sân bay Hòa Bình, khu kho Mai Hắc Đế, đánh chiếm xong điểm cao Chư Ebuia, từ 6 giờ đến 8 giờ ngày 11/3 pháo binh của ta từ các hướng bắn dồn dập vào sở chỉ huy Sư đoàn 23 ngụy. Tiếp đó các đơn vị bộ binh và xe tăng quân ta chia thành 3 mũi, tiến công đánh thẳng vào sở chỉ huy Sư đoàn 23 ngụy. Đúng 11 giờ trưa ngày 11/3, cờ Mặt trận Dân tộc Giải phóng đã được kéo lên trên cột cờ của sở chỉ huy sư đoàn 23 ngụy, quân ta làm chủ hoàn toàn thị xã Buôn Ma Thuột, hoàn thành trận đánh then chốt mở đầu thắng lợi chiến dịch Tây Nguyên.

Cay cú bị đánh bất ngờ vỡ trận. Từ ngày 12 đến 15/3, địch dùng hàng trăm lượt chiếc trực thăng đổ quân của Sư đoàn 23 (chỉ thiếu Trung đoàn 45) xuống các khu vực điểm cao 351, Phước An, Tân Trại, chiếm các vị trí có lợi trên đường 21 nhằm phản kích chiếm lại Buôn Ma Thuột. Ngay sáng 14/3 quân ta tiến công tiêu diệt tiểu đoàn ngụy ở chân điểm cao 581, chiều 15/3 quân ta nã pháo vào điểm cao 581, sáng 16/3 quân ta tiến công vào Nông Trại, tiêu diệt gần hết Trung đoàn 45 ngụy, số còn lại chạy về Phước An. Ngày 17/3, quân ta tiếp tục tiến công tiêu diệt và làm tan rã gần hết cụm quân ở Phước An. Ngày 18/3, quân ta đánh trận tiêu diệt Sư đoàn 23 ngụy ở Chư Cúc, đập tan cuộc phản kích của địch, hoàn thành trận then chốt thứ hai của chiến dịch Tây Nguyên. Sau khi mất Buôn Ma Thuột, Nguyễn Văn Thiệu – Tổng thống Việt

Nam Cộng hòa quyết định “tùy nghi di tản”. Đây là một quyết định hoàn toàn sai lầm về chiến lược.

Khoét sâu sai lầm của địch, ta tung Sư đoàn 320 vào truy kích, tập kích tập đoàn địch rút chạy trên đường 7, từ 17 đến 23/3 quân ta tiêu diệt hầu hết lực lượng này gồm 1 trung đoàn bộ binh, 5 liên đoàn biệt động quân, 3 thiết đoàn và các đơn vị khác, giải phóng Cheo Reo, Củng Sơn. Đồng thời, từ 18 đến 24/3/1975, Sư đoàn 968, Trung đoàn 95A, và Trung đoàn 271 tiến vào giải phóng các thị xã Kon Tum, Plâyku và Gia Nghĩa.

Qua 20 ngày đêm chiến đấu, đến ngày 24-3-1975, chiến dịch Tây Nguyên đã giành thắng lợi. Sau đó, quân ta tiếp tục phát triển chiến đấu xuống vùng duyên hải Nam Trung bộ, phối hợp với quân dân địa phương lần lượt giải phóng các tỉnh: Phú Yên, Khánh hòa, kết thúc chiến dịch vào ngày 3/4/1975. Kết quả chiến dịch, ta đã tiêu diệt và làm tan rã Quân đoàn 2 – Quân khu 2 quân đội ngụy Sài Gòn, loại khỏi vòng chiến đấu 28.000 tên địch, thu và phá hủy 154 máy bay, 1096 xe quân sự, giải phóng 5 tỉnh trên đại ngàn Tây Nguyên là: Kon Tum, Gia Lại, Đắc Lăk, Phú Bổn, Quảng Đức và một số tỉnh ở duyên hải Trung bộ. Những thắng lợi to lớn trong chiến dịch Tây Nguyên là cơ sở để Bộ Chính trị kịp thời bổ sung quyết tâm giải phóng hoàn toàn miền Nam ngay trong năm 1975.

Chiến thắng của Chiến dịch Tây Nguyên, mở đầu là đòn điểm huyết Buôn Ma Thuột đã thể hiện sự chỉ đạo sáng suốt của Đảng mà cụ thể là sự chỉ đạo của Bộ Tham mưu tối cao là Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương về tất cả các mặt, từ việc chọn chiến trường, thời điểm, chọn vị trí đột phá cho đến việc chớp thời cơ phát triển chiến dịch đến những thắng lợi tiếp theo to lớn hơn. Thắng lợi của Chiến dịch Tây Nguyên đã tạo ra sự thay đổi căn bản về so sánh lực lượng và thế chiến lược có lợi cho ta, còn địch bị động, bị suy sụp và tan rã về chiến lược, dẫn đến co cụm và bị động đối phó trên các chiến trường. Chiến thắng Tây Nguyên đã mở ra thời cơ tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam để quân và dân ta tiếp tục thực hiện các đòn tiến công quân sự lớn, phát triển cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 đi đến thắng lợi hoàn toàn.

5. MINH PHƯƠNG. Những giờ cuối cùng trước giải phóng miền Nam 30/4/1975// <https://dantri.com.vn/the-gioi>. - Ngày 30/4/2018

**NHỮNG GIỜ CUỐI CÙNG TRƯỚC GIẢI PHÓNG MIỀN NAM
30/4/1975**



Sát thời điểm 30/4/1975, nhận thấy nguy cơ chính quyền Sài Gòn sụp đổ là điều không thể tránh khỏi, những người Mỹ cuối cùng và một số người dân miền Nam đã tìm cách di tản.



Thời điểm đó, khoảng 100 trực thăng của quân đội Mỹ đã sơ tán khoảng 7.000 người khỏi Sài Gòn trong vòng 24 giờ đồng hồ. Trong ảnh: Ngày 28/4/1975, Tổng thống Mỹ khi đó là Gerald Ford, Ngoại trưởng Henry Kissinger và Phó Tổng thống Nelson Rockefeller đã họp bàn về chiến dịch sơ tán khỏi Sài Gòn. Chiến dịch “Gió lốc” (Operation Frequent Wind) có thể coi là chiến dịch sơ tán bằng trực thăng lớn nhất trong lịch sử.



Hàng dài người chen chúc lên một chiếc trực thăng của Mỹ đậu trên một nóc nhà ở Sài Gòn ngày 29/4/1975.



Các công dân Mỹ cuối cùng, trong đó có các phóng viên báo chí, được nhìn thấy vội vã di tản khỏi Sài Gòn một buổi trưa những ngày giáp 30/4.



Khung cảnh hỗn loạn bên ngoài tòa Đại sứ quán Mỹ ở Sài Gòn khi nhiều người tìm cách vượt qua bức tường cao khoảng 4m với hy vọng được lên những chuyến trực thăng cuối cùng chở lính Mỹ đào thoát.



Cảnh tượng bên ngoài Đại sứ quán Mỹ ở Sài Gòn.



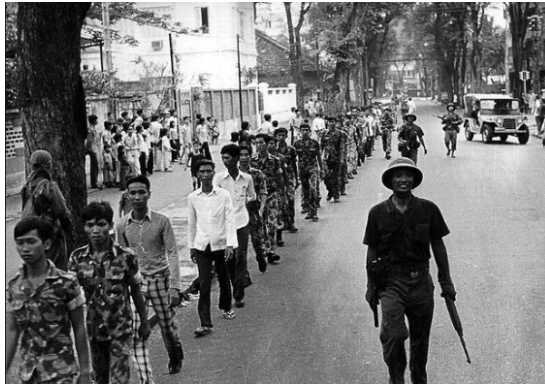
Các quân nhân Mỹ trên tàu USS Blue Ridge ra sức đẩy một trục thăng trên tàu xuống biển để lấy chỗ cho các chuyến bay sơ tán khác đáp xuống.



Vào 10h24 ngày 30/4/1975, Tổng thống Nguyễn quyền Sài Gòn Dương Văn Minh đã tuyên bố đầu hàng vô điều kiện.



Trưa ngày 30/4, các xe tăng của quân đội miền Bắc Việt Nam và lực lượng vũ trang của Quân giải phóng miền Nam Việt Nam đã tiến vào Dinh Độc Lập, húc đổ cánh cổng tòa nhà. Sự kiện này đánh dấu sự sụp đổ của chính quyền Sài Gòn và kết thúc Chiến tranh Việt Nam. Miền Nam đã chính thức được giải phóng và đất nước thống nhất vào ngày 30/4/1975.



Binh lính của chính quyền Sài Gòn bị áp giải sau khi chính quyền sụp đổ.



Vũ khí của các binh lính chính quyền Sài Gòn bị tịch thu.

6. PHƯƠNG NAM. Biệt động Sài Gòn - bản hùng ca của những người con bất tử //<https://www.vietnamplus.vn.-> Ngày 26/4/2020.

BIỆT ĐỘNG SÀI GÒN - BẢN HÙNG CA CỦA NHỮNG NGƯỜI CON BẤT TỬ

Những trận đánh “xuất quỷ, nhập thần” đã chứng tỏ tài nghệ chỉ huy chiến đấu và khả năng to lớn của cách đánh biệt động tại đô thị, góp phần làm phá sản chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ-ngụy



Những phút cuối cùng oanh liệt của Anh hùng Nguyễn Văn Trỗi tại Pháp trường Khám Chí Hòa (Ảnh tư liệu TTXVN)

Ra đời như một tất yếu của cuộc chiến tranh nhân dân, biệt động Sài Gòn là lực lượng đặc biệt tinh nhuệ của quân đội ta, hoạt động chiến đấu giữa sào huyệt, trung tâm đầu não của địch.

Với sự mưu trí, dũng cảm và nhiều cách đánh độc đáo, sáng tạo, lực lượng biệt động Sài Gòn đã lập nên những chiến công hiển hách, làm chấn động cả trong nước và thế giới.

Năm tháng đã qua đi nhưng với cả nước, với miền Nam thành đồng và với thành phố mang tên Bác, những chiến công vang dội của đội quân đặc biệt tinh nhuệ này sẽ sống mãi với các thế hệ Việt Nam, mãi mãi tạc vào lịch sử một tượng đài bất tử.

Không chỉ chiến đấu trong lòng địch, những chiến sỹ biệt động có thể là những người bình thường nhất, sống cùng nhân dân, được người dân bao bọc, nuôi dưỡng và hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ vì dân.

Trong các cuộc chiến tranh vệ quốc trên thế giới, có lẽ chưa ở đâu có đội quân hay binh chủng nào đặc biệt như thế. Có thể nói đây là lực lượng “từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu,” gọn nhẹ, bí mật, linh hoạt, nằm trong lòng địch, hòa vào nhân dân, để thực hiện những nhiệm vụ mạo hiểm, táo bạo, bất ngờ vào cơ quan đầu não và các mục tiêu quan trọng của địch.

Đánh giá về những đóng góp của lực lượng biệt động, **Đại tướng Võ Nguyên Giáp** đã khẳng định trong cuộc kháng chiến oanh liệt 30 năm vì độc lập và thống nhất của Tổ quốc, các đơn vị Biệt động Sài Gòn đã nêu cao khí phách anh hùng, vận dụng sáng tạo **nghệ thuật quân sự** của chiến tranh nhân dân, lập nên những chiến công bất hủ.

Đội quân tinh nhuệ, gắn bó máu thịt với nhân dân

Lực lượng biệt động Sài Gòn xuất hiện từ thời kỳ đầu kháng chiến Nam bộ, và phát triển mạnh trong thời kỳ kháng chiến chống đế quốc Mỹ theo hướng “tinh nhuệ.”

Đây là lực lượng đặc biệt, được vũ trang tại chỗ, chiến đấu trong lòng địch ở các đô thị bị tạm chiếm tại Sài Gòn.

Theo phó giáo sư-tiến sỹ Phan Xuân Biên, Phó Chủ tịch Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, khác với bộ đội đặc công - lực lượng vũ trang thoát ly hoàn toàn, chỉ gồm các thanh niên tác chiến trên mọi chiến trường, "biệt động" là lực lượng vũ trang tại chỗ, chiến đấu trong lòng địch ở các đô thị bị tạm chiếm.

Biệt động có từ thời kỳ tiền khởi nghĩa và thời kỳ đầu kháng chiến Nam Bộ và phát triển mạnh trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ. Họ có cả trai lẫn gái, cả thiếu niên lẫn người cao tuổi ở mọi thành phần xã hội của đô thị. Tham gia biệt động có công nhân, nông dân, thợ thủ công, dân nghèo thành thị, học sinh, trí thức, tiểu thương, tiểu chủ, tư sản yêu nước...

Biệt động hoạt động chủ yếu ban ngày, thường trà trộn trong dân hoặc lọt vào hàng ngũ địch để tiếp cận mục tiêu, rồi lên kế hoạch hành động cực nhanh, dứt khoát, quyết liệt và nhanh chóng rút khỏi khu vực chiến đấu.

Được nhân dân đùm bọc, chở che và nuôi dưỡng, lực lượng biệt động Sài Gòn luôn gắn bó máu thịt với nhân dân, đã trưởng thành từ không đến có, từ nhỏ đến lớn mạnh. Họ hoạt động trong phong trào quần chúng, luôn sâu

đánh hiểm, tự lực, tự cường, phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu, tiêu diệt địch và lập nhiều chiến công.

Đặc biệt, trong thời kỳ chống đế quốc Mỹ, nghệ thuật biệt động phát triển đến đỉnh cao, đã giáng những đòn sấm sét xuống đầu quân địch, lập nên những chiến công vang dội.

Lịch sử sẽ mãi mãi nhắc tới những cái tên như: Nguyễn Văn Trỗi, Nguyễn Thanh Xuân (Bảy Bê), Nguyễn Văn Tăng, Bành Văn Trân, Nguyễn Văn Kịp, Lâm Sơn Náo, Trần Phú Cường (Năm Mộc), Lê Văn Việt, Trần Thị Mai, Đoàn Thị Ánh Tuyết, Nguyễn Thị Thu Trang...

Những đội viên "chim sắt" này đã đánh vào trụ sở Bộ Tư lệnh viện trợ Mỹ tại Việt Nam (MACV) hai lần trong vòng một tháng, tiêu diệt hàng chục tên cố vấn Mỹ.

Trong những năm 1963-1964, lực lượng biệt động đã tổ chức những trận đánh đạt hiệu suất chiến đấu cao, trong đó nổi bật là trận đánh cư xá Brink, trận tập kích khách sạn Carabelle, trận đánh chìm tàu Card (US Card) tải trọng 16.000 tấn tại cảng Sài Gòn, tiêu diệt hàng trăm tên địch.

Những trận đánh "xuất quỷ, nhập thần" này đã chứng tỏ tài nghệ chỉ huy chiến đấu và khả năng to lớn của cách đánh biệt động tại đô thị, góp phần làm phá sản chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ-ngụy.

Trong thời kỳ "chiến tranh cục bộ" và các thời kỳ tiếp theo, lực lượng biệt động thành luôn đảm nhiệm vai trò đánh đòn phủ đầu quân xâm lược Mỹ và chư hầu.

Đặc biệt, trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy **Tết Mậu Thân** năm 1968, lực lượng Biệt động Sài Gòn đã bất ngờ đồng loạt tấn công vào hàng loạt các mục tiêu trọng yếu của Mỹ ngụy, như: Dinh Độc Lập, sân bay Tân Sơn Nhất, bộ tổng tham mưu, đài Phát thanh Sài Gòn, bộ tư lệnh hải quân Sài Gòn, tòa đại sứ Mỹ... tạo bước ngoặt quan trọng, góp phần cùng cả nước đánh bại chiến lược "chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải "xuống thang chiến tranh," tạo nên tiếng vang lớn trên trường quốc tế.

Đoàn kết một lòng-Mưu trí vô song-Dũng cảm tuyệt vời-Trung kiên bất khuất

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, với sự mưu trí, dũng cảm và bằng nhiều cách đánh độc đáo, sáng tạo, lực lượng biệt động

Sài Gòn đã cùng quân và dân thành phố, lập nên nhiều chiến công vang dội, giành chính quyền về tay nhân dân và kết thúc vai trò lịch sử của mình một cách vẻ vang.

Trong chiến dịch này, lực lượng Biệt động Sài Gòn đã được biên chế, tổ chức thành ba tiểu đoàn: 195, 197, 198 và 11 đại đội (gồm 60 tổ), triển khai thành hai hướng hoạt động chính là vùng Đông và Tây thành phố rồi phát triển vào nội đô Sài Gòn.

Biệt động Sài Gòn đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ vừa phối hợp với các đơn vị bạn chiến đấu, giữ cửa trên các hướng, hướng dẫn các cánh quân chủ lực thần tốc tiến vào giải phóng Sài Gòn, vừa phối hợp với địa phương phát động quần chúng nổi dậy giành chính quyền, góp phần to lớn vào thắng lợi của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Chỉ tính từ tháng 12/1974 đến tháng 4/1975, các tổ, đội Biệt động Sài Gòn đã đánh 55 trận trong nội đô và 3 trận vùng ven, tiêu diệt hơn 100 tên địch, thu được súng đạn, máy thông tin và một số tài liệu quan trọng khác của địch.

Đến cuối tháng 4/1975, trong lúc các binh đoàn chủ lực của ta từ năm hướng thần tốc tiến về giải phóng Sài Gòn, các đơn vị Biệt động thành phố đã chiếm giữ các đầu cầu quan trọng trên trục đường vào thành phố; tham gia khống chế các sân bay, trận địa pháo của địch, đánh chiếm một số vị trí then chốt trong trung tâm và dẫn đường cho các đơn vị bộ đội chủ lực tiến vào giải phóng.



Nữ biệt động Sài Gòn hướng dẫn quân Giải phóng tiến vào sân bay Tân Sơn Nhất (Ảnh tư liệu TTXVN)

Các chiến sỹ biệt động đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình, điển hình như: nữ chiến sỹ biệt động Nguyễn Trung Kiên hướng dẫn Trung đoàn 24 đánh vào sân bay Tân Sơn Nhất; nữ đồng chí Nguyễn Thị Thanh Tùng lãnh đạo quân chúng bao vây chiếm trụ sở quận 9; đồng chí Ba Minh, cơ sở trong lòng địch của Đội 5 biệt động, làm việc ở văn phòng bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn đã ra đón và bàn giao toàn bộ cơ sở vật chất, thiết bị ở đây cho Quân Giải phóng...

Cùng với các mũi tiên công của các đơn vị bộ đội, lực lượng Biệt động thành còn phối hợp cùng các đội công tác vũ trang, các đoàn thể trong các quận nội thành, làm nòng cốt và hướng dẫn nhân dân nổi dậy giành chính quyền tại chỗ. Tấn công bằng chính trị, binh vận vào tất cả các lực lượng của địch, khiến chúng phải bỏ súng đầu hàng hoặc quay về với gia đình.

Chỉ trong vòng hai ngày 29 và 30/4/1975, toàn thành phố có 107 điểm nổi dậy (31 điểm ở ngoại thành, 76 điểm ở nội thành).

Vào lúc 11 giờ 30 ngày 30/4/1975, lá cờ của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tung bay trên nóc Phủ Tổng thống nguy, đánh dấu thời điểm kết thúc toàn thắng Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Đây cũng là dấu mốc lớn trong nghệ thuật tác chiến của lực lượng Biệt động Sài Gòn, góp phần làm phong phú thêm nghệ thuật chiến đấu trong lòng địch.

Nêu cao tinh thần quyết chiến, lấy ít đánh nhiều, lấy nhỏ đánh lớn, lực lượng đặc biệt tinh nhuệ này đã thực hiện xuất sắc tư tưởng quân sự Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh, góp phần xứng đáng vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của toàn dân tộc.

Với thành tích chiến đấu xuất sắc, năm 1976, lực lượng Biệt động Sài Gòn đã vinh dự được Đảng và Nhà nước tuyên dương Danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, được Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam tặng 16 chữ vàng: “Đoàn kết một lòng-Mưu trí vô song-Dũng cảm tuyệt vời-Trung kiên bất khuất.”

Có thể nói, những hình ảnh hào hùng của chiến sỹ biệt động Sài Gòn một thời xông pha trận mạc, chấp nhận mọi hy sinh gian khổ để đất nước được độc lập, tự do sẽ còn sống mãi trong lòng nhân dân Việt Nam. Đây là bản hùng ca về những người con bất tử, luôn giành chủ động, tạo bí mật, bất ngờ, biết đánh và biết thắng; là đỉnh cao của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, của khí

phách Việt Nam, sẵn sàng xả thân vì sự nghiệp giải phóng và trường tồn của dân tộc./.

7. NGUYỄN NHÂM. Góc nhìn báo giới nước ngoài về Chiến thắng 30/4/1975// <https://dantri.com.vn/the-gioi.-> Ngày 27/4/2015.

GÓC NHÌN BÁO GIỚI NƯỚC NGOÀI VỀ CHIẾN THẮNG 30/4/1975

“Sự sụp đổ cuối cùng của miền Nam đến quá nhanh, không ai có thể hình dung được”; Việt Nam “kiên cường, anh dũng”; chiến thắng “rung động địa cầu”... là những bình luận của các nhà báo quốc tế đối với ngày kỷ niệm 30/4/1975 của Việt Nam.



Lực lượng vũ trang và nhân dân Sài Gòn chào mừng Quân Giải phóng tiến vào thành phố. (Ảnh tư liệu)

Mỹ lần đầu thất bại

“Nếu phía Mỹ không bị tổn thương về mặt thể xác thì sự hủy hoại về mặt tâm lý phải gánh chịu không thể tính toán hết. Việt Nam là một cuộc chiến tranh đầu tiên mà Mỹ thất bại trong việc giành chiến thắng và đã đẩy nước Mỹ đến những phân rẽ cay đắng”, nhà sử học Nigel Cawthorne nhận xét.

Tờ Thời báo New York còn dẫn tập tài liệu mật ghi chép của Lầu Năm Góc, về chiến tranh Việt Nam với gần 70.000 trang, do luật sư Danien phát

hiện. Điều này khiến người Mỹ hiểu rõ thực chất cuộc chiến tranh mà Mỹ tiến hành ở Việt Nam là tàn bạo và vô nghĩa.

Thời báo Los Angeles viết: “Người Mỹ ra đi, Việt Nam Cộng hòa đầu hàng, nước Việt Nam đã được trả lại cho người Việt Nam”. Báo Mặt trời Baltimore viết: “Chúng ta bị thương tổn và cảm thấy nhục, nhưng có lẽ chúng ta cũng đã chín chắn hơn lên một chút qua sự kiện chiến sự Sài Gòn – Gia Định”.

Phóng viên hãng UPI đã mô tả: “Quân đội Cộng sản tươi cười và vui vẻ cưỡi xe tăng vào phủ Tổng thống ở Sài Gòn và hô vang với những người đứng bên đường các nhà báo đang theo dõi. Họ thật sự không để ý đến sự có mặt của các nhà báo đang ghi lại sự đầu hàng lịch sử của chính quyền Sài Gòn trước những người cộng sản”.



Xe tăng húc đổ cổng dinh Độc lập ngày 30/4/1975. (Ảnh tư liệu)

Hãng tin Pháp AFP bình luận: “Không còn nghi ngờ gì nữa. Chiến sự Sài Gòn - Gia Định kết thúc. Sự kiện này ảnh hưởng to lớn đến khu vực trên thế giới trong tương lai”. Tất cả những thông tin được đăng tải rộng rãi tại Sài Gòn, Mỹ và một số nước phương Tây đã làm cho giới cầm quyền Nhà Trắng và Lầu Năm Góc lúng túng, tức tối vì bị lên án mạnh mẽ.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Mỹ Robert McNamara, sau gần 30 năm im lặng đã phải tự dằn vặt rằng: “Những người cộng sự của tôi trong chính quyền John F. Kennedy và Lyndon B. Johnson là một nhóm người đặc biệt... Tại sao nhóm người giỏi nhất và thông minh nhất ấy lại mắc sai lầm về Việt Nam?”

Chúng tôi mắc nợ các thế hệ tương lai trong việc giải thích tại sao lại mắc sai lầm như vậy?”.

Chiến thắng “rung động địa cầu”

Một ngày sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, ngày 1/5/1975, hãng tin Pháp AFP viết “Trong năm 1975, sự kiện nổi bật nhất châu Á là sự kiện 30/4 của Việt Nam, ‘dư chấn’ rung động địa cầu”.

Năm 2010, nhân kỷ niệm 35 năm sự kiện 30/4, AFP của Pháp và AP của Mỹ và nhiều hãng tin khác tham gia một cuộc triển lãm ảnh mang tên “Việt Nam, 35 năm sau”. Hãng AFP đánh giá: “không còn nghi ngờ gì nữa, sự kiện trên sẽ có ảnh hưởng không nhỏ đến khu vực và thế giới trong tương lai gần”. Rằng đây là những khoảnh khắc trung thực của chiến tranh, hồi chuông cảnh tỉnh nhân loại hãy làm hết sức mình để không xảy ra một cuộc chiến tương tự, cho dù là bên thắng cuộc.



Xe tăng quân giải phóng trong Chiến dịch Hồ Chí Minh (Ảnh tư liệu: *Hứa Kiểm/TTXVN*)

Ông Alain Rusco nhà sử học người Pháp, kiêm chuyên gia chuyên nghiên cứu về lịch sử Đông Dương, cho rằng, sự kiện 30/4 “gây tiếng vang lớn trên trường quốc tế về một dân tộc không chịu khuất phục trước quân thù”.

Sự kiện 30/4/1975 có ý nghĩa trọng đại không chỉ đối với dân tộc Việt Nam mà còn cả với cộng đồng thế giới. Ông Rusco cũng có bài viết, để có được chiến thắng này hàng triệu người dân Việt Nam đã ngã xuống trong

nhieu thập kỷ đầy cam go, quyết liệt. Gần như gia đình người Việt Nam nào cũng có đóng góp và mất mát, cho cuộc kháng chiến vệ quốc vĩ đại này.

Tờ Pasason, tiếng nói của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào ngày 29/4/2010, đã có bài viết tựa đề “Truyền thống đấu tranh anh dũng của nhân dân Việt Nam”, ca ngợi sự lãnh đạo tài tình của Đảng Cộng sản Việt Nam và tinh thần chiến đấu ngoan cường và anh dũng của nhân dân ta trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân cũ và mới, tạo ra Chiến thắng Điện Biên Phủ lừng lẫy tháng 5/1954 và Đại thắng mùa Xuân 1975.

Tạo bước ngoặt lịch sử

Với tựa đề “Sài Gòn sụp đổ”, tờ NewYork Times ngày 1/5/1975 chạy tit lớn suốt 8 cột trang nhất kèm theo hàng loạt tin, ảnh về sự sụp đổ của chính quyền ngụy và chiến thắng của các lực lượng cách mạng. Theo bài viết, ngày 30/4/1975 là ngày “lịch sử của thế giới”.

Cũng trong số ra ngày 1/5/1975, hãng tin AP đăng một bài viết có đoạn “Xe tăng, xe bọc thép và xe tải ngụy trang của Quân Giải phóng tiến nhanh vào Dinh Tổng thống. Cũng trong thời gian này tướng trung lập, Dương Văn Minh đã lên đài phát thanh và truyền hình công bố lệnh đầu hàng”.

Bên cạnh những tờ báo lớn, hầu hết các chương trình thuộc 3 hệ thống truyền hình Mỹ tối 1/5/1975 đều dành cho những đoạn phim về cuộc di tản người Mỹ ra khỏi Sài Gòn ngày 29/4/1975 và các tin về giây phút cuối cùng của chế độ được gọi là Việt Nam Cộng hòa, cùng với việc ra đời một chế độ mới tại miền Nam Việt Nam.

Đánh dấu kỷ niệm 30 năm Việt Nam thống nhất, tờ Washington Time ra đặc san về Việt Nam, trong đó nêu bật những nỗ lực của Việt Nam trên đường đổi mới, hội nhập kinh tế quốc tế. Đặc san đem đến cho độc giả những thông tin chân thực và sinh động về đất nước, con người và sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam

Hãng tin Reuters danh tiếng của Anh cũng đã có bài viết lớn và liên tục cập nhật về cuộc chiến Việt Nam vào giờ phút bước ngoặt đó. Một nhà báo Reuters có mặt tại Sài Gòn 30/4/1975 viết: “Là phóng viên có mặt tại Phủ Tổng thống, tôi chứng kiến chiếc xe tăng đi đầu của quân giải phóng húc đổ cột bằng thép vững chắc và cán cờ ngụy rơi xuống đất, rồi vượt qua.

Gần 10 xe tăng khác nhau nhanh chóng tiến vào theo. Bộ đội Chính phủ Cách mạng tỏa ra khắp khu vực Phủ tổng thống. Lính gác Nam Việt Nam lập tức giao tay xin hàng và tập hợp thành hàng ngũ chờ lệnh mới. Cờ Chính phủ cách mạng lâm thời tung bay trong không khí chiến thắng ở lan can tầng hai ngay cả trong khi lá cờ ba sọc vẫn còn bay trên nóc mái nhà”.

“Vinh quang và thiện ý”

Mặc dù chiến tranh Việt Nam qua đi hàng thập kỷ, nhưng “dur chân” về cuộc chiến tranh này vẫn được báo chí Nhật nhắc đến với sự khâm phục, kính nể. Mở đầu, tờ Asahi Shimbun số ra ngày 1/5/2000 có bài xã luận mang tính thời sự: “Chiến tranh Việt Nam đã kết thúc với thắng lợi của lực lượng giải phóng, điều đó có thể khẳng định, thời mà các nước lớn dùng sức mạnh để bóp nghẹt chủ nghĩa dân tộc đã chấm dứt”.

Theo bài báo: “Ngày nay Việt Nam đang tiến hành công cuộc Đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam giành được nhiều thành tựu rất đáng tự hào”. Báo này dẫn chứng, năm 2000, Tổng thống B.Clinton sang thăm Việt Nam và sau đó Thủ tướng Phan Văn Khải đã có chuyến công du Mỹ.



Các tầng lớp nhân dân Sài Gòn tham dự mít tinh mừng chiến thắng (Ảnh tư liệu)

Năm 2006, tờ Asahi Shimbun số ra ngày 29/4 có bài viết “Việt Nam: Vinh quang và thiện ý”, tái hiện lại chiến tranh qua lời kể của các nhân chứng, những người đã trực tiếp tham gia trong cuộc chiến ở cả hai chiến tuyến.

Trong đó có đoạn văn cảm động nói về sự nhân đạo của một nữ du kích Việt Nam: “Tháng 4/1966, tại khu vực Củ Chi, nữ du kích mới 18 tuổi, phát hiện một nhóm lính Mỹ lọt vào bãi mìn của quân giải phóng. Nữ du kích này tận mắt chứng kiến cảnh lính Mỹ ngồi ngay trên bãi mìn đọc thư nhà, xem ảnh

người thân và khóc, chị không nở nhăn nít phát hỏa. Toán lính Mỹ thoát chết mà không hề hay biết nữ du kích này đã không nở giết họ”.

30 năm sau, tờ Nikkei, ấn phẩm chuyên đề kinh tế lớn nhất Nhật Bản số ra ngày 28/4 đăng lại hình ảnh chiếc xe tăng đầu tiên của Quân giải phóng tiến vào Dinh Độc lập, kèm theo bình luận: “Việt Nam sau 30 năm chiến tranh”. Bài báo nhấn mạnh: “Cuộc chiến tranh Việt Nam đã để lại dấu ấn sâu đậm và đầy ấn tượng trong tâm thức người Mỹ, tạo hiệu ứng dây chuyền trong toàn khu vực Đông Dương”.

Thắng lợi trường tồn

Cũng trong năm 2005, nhân kỷ niệm 30 năm chiến thắng lịch sử của dân tộc Việt Nam, tờ People Daily - Cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Trung Quốc số ra ngày 30/4 có bài bình luận dài về “Thắng lợi mãi mãi ghi vào sử sách” của chúng ta. Tờ báo nhấn mạnh, ngày 30/4 là ngày lễ lớn của nhân dân Việt Nam và cũng là ngày đáng được những người yêu chuộng hòa bình, chính nghĩa trên toàn thế giới kỷ niệm.

Trong khi đó, Tân Hoa Xã số ra cùng ngày dành gần hết trang quốc tế cho chủ đề về chiến thắng 30/4 và cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Việt Nam. Giật tít: “30 năm thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, hình ảnh người cựa chiến binh Việt Nam”, báo này đăng hai bức ảnh chụp hai cựa chiến binh Việt Nam ngực đầy huân chương, được nhân dân thành phố Hồ Chí Minh trân trọng tặng hoa.

Bốn mươi năm đã trôi qua, nhưng chiến thắng 30/4/1975 vẫn mãi mãi là mốc son chói lọi không thể phai mờ trong lòng nhân dân Việt Nam và bạn bè quốc tế.

Thời thế đã đổi thay, Việt Nam đã vượt qua những khó khăn thách thức, đang hướng tới tương lai, hội nhập và phát triển. Chiến thắng vang dội của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử vẫn là niềm tự hào, là động lực để nhân Việt Nam tiếp tục tiến lên trên con đường vinh quang và hạnh phúc./.

8. NGUYỄN VĂN NAM. Lực lượng Vũ trang Sài Gòn - Gia Định tham gia cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975// <https://www.qdnd.vn.-> Ngày 24/4/2020.

LỰC LƯỢNG VŨ TRANG SÀI GÒN – GIA ĐỊNH THAM GIA CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN 1975

QĐND Online - Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh trên quy mô rộng lớn, với cường độ vô cùng khốc liệt. Đó là cuộc đối đầu lịch sử giữa dân tộc Việt Nam với thế lực xâm lược hùng mạnh và hiếu chiến nhất thế giới.

Để đánh bại ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai, thực hiện mục tiêu giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân triệu người như một, đoàn kết tiến hành cuộc chiến tranh Nhân dân toàn dân, toàn diện, lâu dài, với quan điểm dựa vào sức mình là chính, đồng thời ra sức tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của bạn bè quốc tế. Vượt qua muôn vàn thử thách lớn lao, hy sinh to lớn, sự nghiệp chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta đã giành thắng lợi hoàn toàn vào mùa Xuân năm 1975 bằng Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Đất nước sạch bóng ngoại xâm, non sông thu về một mối, đánh dấu một mốc son chói lọi trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh.

Trước cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, trên chiến trường miền Đông Nam Bộ đã hình thành một lực lượng chính trị đông đảo và lực lượng vũ trang ba thứ quân, sẵn sàng chiến đấu với mục tiêu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Trước những chuyển biến nhanh chóng của chiến trường, ngày 25-3-1975, Bộ Chính trị họp nhận định tình hình và hạ quyết tâm giải phóng Sài Gòn, giải phóng miền Nam trước mùa mưa 1975. Tiếp theo, ngày 29-3, Nghị quyết 15 của Trung ương Cục quyết định: “Động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân tập trung cao nhất mọi sức mạnh tinh thần và lực lượng, phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp của ba mũi giáp công, ba thứ quân, hai vùng vùng lên tổng công kích, tổng khởi nghĩa, nhanh chóng đánh sập toàn bộ nguy quân, nguy quyền, giành toàn bộ chính quyền về tay Nhân dân với khí thế tiến công quyết liệt, thần tốc, táo bạo và

quyết giành toàn thắng, giải phóng xã, huyện, tỉnh và toàn miền Nam”. Ngày 12-4, Thành ủy ra chỉ thị hướng dẫn những công tác quan trọng trước, trong và sau chiến dịch khi thành phố được giải phóng. Chỉ thị khẳng định: “Nhiệm vụ khẩn cấp của Đảng bộ và nhân dân thành phố hiện nay là phải góp phần tích cực nhất vào giai đoạn tổng công kích, tổng khởi nghĩa, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân...”. Ngày 12-4, Bộ tư lệnh Miền ra Chỉ thị giao nhiệm vụ cụ thể cho lực lượng vũ trang.



Nữ chiến sĩ biệt động Nguyễn Trung Kiên (Cao Thị Nhíp) dẫn đường cho các chiến sĩ xe tăng Sư đoàn 10 (Quân đoàn 3) đánh chiếm sân bay Tân Sơn Nhất, ngày 30-4-1975. Ảnh: TTXVN.

Chấp hành chỉ thị của Bộ tư lệnh Miền và chủ trương của Thành ủy, LLVT Sài Gòn - Gia Định khẩn trương sắp xếp bố trí lực lượng, tham gia Chiến dịch Hồ Chí Minh theo yêu cầu nhiệm vụ:

Ở hướng Đông: Quân đoàn 4 tiến đánh quyết liệt từ Trảng Bom, Hồ Nai, Hóc Bà Thúc, thị xã và sân bay Biên Hòa. Trước đó, trận địa pháo của ta ở Hiếu Liêm đã khống chế hoàn toàn sân bay Biên Hòa. Một mũi tiến công khác đánh chiếm Tam Hiệp để thần tốc tiến công về Sài Gòn theo đường số 1.

Ở hướng Đông và Đông Nam: Phối hợp Quân đoàn 2 đánh chiếm căn cứ Nước Trong, diệt và bắt gần 2.000 học viên sĩ quan ngụy. Sư đoàn 3, Quân Khu 5 sau ba giờ chiến đấu, đã diệt một lữ đoàn dù của địch, giải phóng Bà

Rịa, rồi tiến đến giải phóng Vũng Tàu ngày 29-4-1975. Một đơn vị của Quân đoàn 2 đánh chiếm Long Thành rồi tiến về Nhơn Trạch, bố trí trận địa pháo bắn không chế sân bay Tân Sơn Nhất. Đơn vị thọc sâu của Quân đoàn 2 vượt sông Buông tiến đánh giải phóng Long Bình; tại đây đêm 29-4 đơn vị đặc công Đoàn 116 hai lần tiến công đánh chiếm cầu Đồng Nai, tiêu diệt và làm tan rã một tiểu đoàn lính dù nguy, bắn cháy 15 xe chở lính từ Long Thành chạy về ứng cứu Sài Gòn; chiếm giữ, bảo vệ cầu và Nam khu Long Bình, cùng quân chủ lực tiến vào Thành phố.

Các đơn vị của LLVT thành phố phối hợp với các đơn vị Quân đoàn 3 đánh thành Ông Năm, quân trường huấn luyện Quang Trung, tiến đánh Bà Quẹo. Trước đó Trung đoàn Quyết Thắng (Gia Định) đã chiếm giữ và làm chủ 15km đường, tạo điều kiện thuận lợi cho Quân đoàn 3 tiến sâu vào nội đô Sài Gòn. Sáng ngày 30-4-1975, quân chủ lực và các đơn vị địa phương Sài Gòn - Gia Định từ Bà Quẹo tiến đánh sân bay Tân Sơn Nhất, bộ tư lệnh không quân, bộ tư lệnh quân dù và khu truyền tin, một tiểu đoàn dù nguy chống trả quyết liệt tại khu vực nhà thờ Đắc Lộ - Lăng Cha Cả bị lực lượng ta tiêu diệt, số còn lại bỏ súng đầu hàng.

Ở hướng Bắc: LLVT Sài Gòn - Gia Định phối hợp với Quân đoàn 1 sau khi đã phá hủy nhiều trận địa pháo của địch, đánh chiếm Tân Uyên, Phú Lợi, Lái Thiêu, tiểu khu Bình Dương - Thủ Dầu Một. Tiến công lữ đoàn kỵ binh thiết giáp số 3 nguy từ Biên Hòa chạy về ở phía Đông cầu Bình Phước, bắt giữ 180 xe các loại. Tiến công giải phóng An Phú Đông đánh chiếm các căn cứ khu vực Gò Vấp; tiến công khu Bình Triệu, theo đường Hàng Xanh đánh chiếm giải phóng bộ tổng tham mưu nguy.

Ở hướng Tây Bắc: Quân đoàn 3 phá hủy 11 trận địa pháo địch, tiến công vào bộ tư lệnh sư đoàn 25 nguy tại căn cứ Đồng Dù. 11 giờ ngày 29-4-1975, địch đầu hàng. Tại cầu Bông, Trung đoàn Gia Định và đơn vị đặc công chiếm giữ cầu; sau khi đánh chiếm Đồng Dù, tiếp tục truy quét tàn quân địch ở các vị trí bên ngoài Đồng Dù như: Lò Táo, Phước Hiệp, Suối Sâu, Trà Võ, Bến Mương, Bàu Nâu, Cầm Giang tiêu diệt và làm tan rã 1 trung đoàn nguy, bắt sống 600 tên.



Lá cờ cách mạng tung bay trên nóc trụ sở Bộ Tổng tham mưu ngay quyền Sài Gòn lúc 11 giờ 30 phút ngày 30-4-1975. Ảnh: TTXVN.

Ở hướng Nam Tây Nam: Lực lượng vũ trang Thành phố phối hợp với Binh đoàn 232 vượt qua sông Vàm Cỏ Đông, đánh chiếm Hậu Nghĩa, Đức Hòa bắt sống gần 1.000 tên địch, rồi tiến đến Bà Hom. Sáng 30-4-1975, đánh chiếm Biệt khu Thủ đô, tên Lâm Văn Phát, tư lệnh Biệt khu thủ đô đầu hàng.

Trung đoàn 16 theo Quốc lộ số 4 đánh vào khu vực Bình Điền, An Lạc rồi tiến vào Chợ Lớn. Các Trung đoàn 24, 88... từ Hưng Long, Đa Phước, Nam cầu chữ Y được nhân dân đưa xe đò chở vào thành phố, đánh chiếm tổng nha cảnh sát ngay sáng ngày 30-4-1975.

5 giờ sáng 30-4-1975 lực lượng Biệt động Sài Gòn cùng với Trung đoàn đặc công 116 và Lữ đoàn 203 xe tăng của Quân đoàn 2 hiệp đồng chiến đấu; lực lượng Biệt động dẫn đường lữ đoàn 203 xe tăng tiến về trung tâm Thành phố. 6 giờ đoàn xe qua cầu Đồng Nai, 9 giờ 30 phút đến cầu Rạch Chiếc, gặp lực lượng Z23 biệt động và Tiểu đoàn 81 đặc công đã chiếm giữ cầu từ đêm 28-4-1975 sau nhiều lần đánh địch phản kích, bảo vệ cầu thắng lợi, an toàn cho các binh đoàn chủ lực tiến về thành phố. Tiểu đoàn 4 Thủ Đức có nhiệm vụ chốt giữ, bảo vệ cầu Sài Gòn. Đoàn xe tăng đi đầu được biệt động Sài Gòn dẫn đường tiến thẳng vào Dinh Độc Lập. Ngay quyền trung ương Sài Gòn tuyên bố đầu hàng. Cờ giải phóng tung bay trên dinh “phủ Tổng thống” ngay vào đúng 11h30 ngày 30 tháng 4 năm 1975.

LLVT Thành đội Sài Gòn - Gia Định tham gia Chiến dịch Hồ Chí Minh có các đơn vị: Trung đoàn 10 Rừng Sác, Trung đoàn Gia Định 1, Trung đoàn Gia Định 2 và 6 Tiểu đoàn bộ binh (Tiểu đoàn 2 Gò Môn, Tiểu đoàn 3 Dĩ An, Tiểu đoàn 4 Thủ Đức, Tiểu đoàn 5 Nhà Bè, Tiểu đoàn 6 Bình Tân, Tiểu đoàn 7 Củ Chi) và các đơn vị đặc công biệt động nội thành. Ngoài ra, các huyện, xã đều có lực lượng dân quân du kích đã có dày dặn kinh nghiệm chiến đấu tham gia. Tất cả các lực lượng được quán triệt về chính trị, tư tưởng, sẵn sàng phối hợp tác chiến với lực lượng chủ lực của cấp trên, đánh chiếm các mục tiêu quân sự của địch, hỗ trợ cho phong trào nổi dậy của quần chúng nhân dân.

Các LLVT Sài Gòn - Gia Định đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được phân công. Đã chủ động phối hợp, hiệp đồng với các đơn vị chiếm giữ các mục tiêu trọng điểm, đặc biệt là cầu Đồng Nai, cầu Ghềnh, cầu Rạch Cát, cầu Mới, cầu Rạch Chiếc, cầu Bình Phước, cầu Chợ mới, cầu Tân An, cầu Bông, cầu Tham Lương, cầu Bà Hom, cầu Phú Lâm, cầu Nhị Thiên Đường, cầu Sài Gòn. Ngoài ra, đánh chiếm nhiều mục tiêu: Bến Gỗ, Nam khu Long Bình, Sở chỉ huy trung đoàn 15 thiết giáp nguy, căn cứ Bình Trung, Phú Hữu, các căn cứ dọc lộ 8, lộ 15, Tân Thạnh Đông, Xuân Thới Thượng, Ngã ba Giồng, ngã năm Vĩnh Lộc, Tân Thới Nhứt, Tân Thới Hiệp, Tân Hòa, Tân Túc, Đài phát thanh Quán Tre, Trạm radar Phú Lâm, ấp Bình Hưng, Trụ sở hành chính quận 7, căn cứ Ký Thủ Ôn, căn cứ 61 (pháo binh), trại Phù Đồng (Gò Vấp)...

Đặc biệt, Đoàn 10 đã giải phóng căn cứ Phước Khánh, cảng Hải quân, khu xăng dầu Nhà Bè, không chế sông Lòng Tàu và sông Sài Gòn, cắt đường ra biển, bắn chìm và cháy 12 tàu địch. Trung đoàn “Quyết Thắng” (Gia Định I) phối hợp hiệp đồng với các đơn vị chủ lực tiến công căn cứ Đồng Dù và Hậu Nghĩa, buộc địch phải đầu hàng. Tiểu đoàn 4 Gia Định cùng với đặc công mở cửa đánh chiếm sân bay Tân Sơn Nhất. Trung đoàn “Đất Thép” (Gia Định 2) từ lộ 8 đánh địch, giải phóng chi khu Hóc Môn và tiểu khu Gia Định. Tiểu đoàn 197 từ Tân Kiên tiến qua An Lạc làm chủ lộ 4, cơ động bằng cơ giới, tiến vào đường Tổng đốc Phương - Đồng Khánh - Trần Hưng Đạo - Lê Lợi - Tự Do và tiến vào Dinh Thống Nhất, các đơn vị địa phương tiếp quản công ty Điện lực và bắt cảnh sát hạ viện nguy...



Lực lượng vũ trang TP Hồ Chí Minh thực hành diễn tập có bắn đạn thật. Ảnh: HỮU TẤN.

Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh, lực lượng vũ trang Thành phố phối hợp với các lực lượng tiêu diệt và làm tan rã 31.000 tên địch, bắt sống 12.119 tên, chiếm giữ, bảo vệ 9 cầu, 21 chi khu quân sự, trụ sở tề, ấp; 22 đồn cấp Tiểu đoàn, Đại đội, chi khu; thu 88 xe quân sự, 12.275 súng các loại, 216 tấn vũ khí và trang bị quân sự.

Trưa ngày 30-4-1975, Bộ Chính trị gửi điện khen ngợi quân và dân Sài Gòn - Gia Định: “Bộ Chính trị nhiệt liệt khen ngợi quân và dân Sài Gòn - Gia Định, khen ngợi toàn bộ cán bộ, chiến sĩ; đảng viên; đoàn viên thuộc đơn vị chủ lực, bộ đội địa phương; bộ đội tinh nhuệ, dân quân tự vệ đã chiến đấu cực kỳ anh dũng, lập chiến công chói lọi, tiêu diệt và làm tan rã lực lượng lớn quân địch, buộc chúng phải đầu hàng không điều kiện, giải phóng thành phố, đưa chiến dịch lịch sử mang tên Bác Hồ vĩ đại đến toàn thắng”.

Phát huy truyền thống đã đạt được, trong thời gian tới, Đảng bộ, Bộ tư lệnh TP Hồ Chí Minh tiếp tục phát huy tốt vai trò tham mưu giúp thành ủy, UBND Thành phố lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ quân sự quốc phòng, chính sách hậu phương quân đội và an sinh xã hội, xây dựng tiềm lực chính trị tinh thần và thể trận lòng dân vững chắc; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, cùng với Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố thực hiện thắng lợi Nghị quyết 54/2017 của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố trên nhiều lĩnh vực. Cán bộ, chiến LLVT Thành phố tiếp tục phát huy truyền

thống “Trung thành vô hạn, bám trụ kiên cường, đoàn kết kỷ cương, năng động sáng tạo, quyết chiến quyết thắng”, vững vàng vượt qua mọi khó khăn thử thách, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, góp phần cùng Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố đồng lòng, chung sức “cùng cả nước, vì cả nước”, xây dựng TP Hồ Chí Minh có chất lượng sống tốt, văn minh, hiện đại, nghĩa tình, tiếp tục có những đóng góp quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới.

9. NGUYỄN VĂN LƯỢNG. Tư tưởng chủ động tiến công trong chiến dịch Tây Nguyên và cuộc Tổng tiến công chiến lược Xuân 1975
[//https://www.tapchiquptd.vn.-](https://www.tapchiquptd.vn.-) Ngày 26/3/2020.

TƯ TƯỞNG CHỦ ĐỘNG TIẾN CÔNG TRONG CHIẾN DỊCH TÂY NGUYÊN VÀ CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG CHIẾN LƯỢC XUÂN 1975

Thắng lợi của Chiến dịch Tây Nguyên là kết quả của quá trình phát huy tư tưởng chủ động tiến công, giành thắng lợi từng bước trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; tạo thời cơ và bước chuyển quan trọng cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn miền Nam. Đó là thắng lợi về chủ trương, phương châm lãnh đạo, chỉ đạo với tư tưởng chủ động tiến công tác chiến chiến lược mùa Xuân 1975 của Đảng, trực tiếp là Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng. Thể hiện ở một số nội dung cơ bản sau:



Tấn công, đánh chiếm trại Mai Hắc Đế, thị xã Buôn Ma Thuột trong Chiến dịch Tây Nguyên tháng 3/1975 (Ảnh tư liệu)

1. Xây dựng phương án, kế hoạch tác chiến chiến lược, lấy Chiến dịch Tây Nguyên mở đầu cho cuộc Tổng tiến công chiến lược Xuân 1975.

Ngày 27-01-1973, Hiệp định Pa-ri về Việt Nam được ký kết, buộc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam, rút hết Quân đội Mỹ và đồng minh ra khỏi miền Nam Việt Nam. Mặc dù vậy, nhưng trên chiến trường vẫn không ngưng tiếng súng, bởi Nguyễn Văn Thiệu đẩy mạnh thực hiện xua quân “tràn ngập lãnh thổ” trên toàn miền Nam. Trước tình hình đó, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 21 đã họp (7-1973), xác định: “Con đường tiến lên của cách mạng miền Nam là con đường cách mạng bạo lực. Bất kể trong tình huống nào cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công”¹. Theo đó, cơ quan Tổng hành dinh đã tập trung vào xây dựng kế hoạch tác chiến chiến lược. Kế hoạch do Bộ Tổng Tham mưu soạn thảo, trên cơ sở tiếp thu ý kiến các tư lệnh chiến trường; sau nhiều lần hoàn thiện theo chỉ đạo của trên, kế hoạch chiến lược được hoàn chỉnh, báo cáo Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương. Tháng 10 và 12 năm 1974², Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đã tổ chức hai cuộc họp cùng với lãnh đạo, chỉ huy chủ chốt các chiến trường thống nhất và thông qua kế hoạch chiến lược. Bộ Chính trị họp hạ quyết tâm chiến lược giải phóng miền Nam trong hai năm 1975, 1976 và Kế hoạch Tác chiến chiến lược năm 1975 do Bộ Tổng Tham mưu đề nghị³.

Ngày 06-01-1975, Chiến dịch Đường số 14 - Phước Long “trận trinh sát chiến lược” của ta giành thắng lợi, tạo cơ sở vững chắc để Bộ Chính trị chính thức hạ quyết tâm chiến lược giải phóng miền Nam, xác định: Tây Nguyên là chiến trường chủ yếu. Quán triệt sâu sắc nhiệm vụ trên giao, Bộ Tư lệnh Chiến dịch Tây Nguyên đã trực tiếp chỉ đạo cơ quan, cùng đội ngũ cán bộ tác chiến khẩn trương triển khai công tác chuẩn bị chiến trường, nhất là xây dựng và hoàn thành kế hoạch chiến dịch, bao gồm các kế hoạch: Triển khai đường cơ động trên các hướng, các mũi chiến dịch; cơ động lực lượng; nghi binh chiến dịch; tập kết bộ đội; bảo đảm hậu cần kỹ thuật; tiếp nhận cơ sở vật chất, lực lượng tăng cường và bảo đảm tối đa hệ số kỹ thuật các phương tiện hiện có. Cùng với đó, lãnh đạo, chỉ huy các cấp cần làm tốt công tác chính trị tư tưởng, nâng cao ý chí quyết tâm chiến đấu, phát huy sức mạnh tổng hợp, thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Ngày 09-01-1975, Thường trực Quân ủy Trung ương họp, bàn và quyết định mở Chiến dịch Tây Nguyên với mật danh “Chiến dịch 275”. Từ ngày 17 đến 19-02-1975, Bộ Tư lệnh Chiến dịch họp và xác định phương án tác chiến;

trong đó, xác định cách đánh chung là: “Bí mật triển khai lực lượng cắt đường giao thông đường số 14, 19, 21, ngăn chặn lực lượng cơ động chiến dịch, chiến lược của quân Ngụy ứng cứu, tăng viện cho Buôn Ma Thuột”⁴. Ngày 04-3-1975, ta mở Chiến dịch Tây Nguyên và chọn mục tiêu tiên công chủ yếu là Buôn Ma Thuột làm trận đột phá then chốt mở màn cho Chiến dịch giành thắng lợi, làm đảo lộn thế phòng thủ của địch, buộc chúng phải rút khỏi Kon Tum, Pleiku, tạo bước ngoặt quan trọng và thời cơ thuận lợi cho các chiến trường tiến tới thực hiện cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975.

Dự kiến Phương án và Kế hoạch Tác chiến chiến lược cho năm 1975, Trung ương Đảng đã khẳng định: “Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975”⁵. Sự quyết đoán của Trung ương Đảng, thể hiện tầm nhìn chiến lược, tư duy sắc sảo, quyết tâm chiến lược táo bạo nhưng hết sức chính xác. Cùng với đó, ta đã tận dụng được thời cơ chiến lược mở ra từ thắng lợi ở Buôn Ma Thuột, chuyển sang kế hoạch một năm từ tiến công chiến lược sang tổng tiến công chiến lược, rút ngắn một nửa thời gian hoàn thành nhiệm vụ giải phóng miền Nam.

2. Chủ động, tích cực làm tốt công tác chuẩn bị mọi mặt cho Chiến dịch Tây Nguyên và cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975

Năm 1974, Quân đội Sài Gòn bị thất bại nặng nề, nhưng lực lượng của địch còn hàng triệu quân, được trang bị hiện đại, đang triển khai hoàn chỉnh trên bốn quân khu từ Trị Thiên đến đồng bằng sông Cửu Long. Trong tình hình đó, việc lựa chọn hướng, mục tiêu chủ yếu mở đầu cuộc tổng tiến công, tiêu diệt lớn quân địch làm thay đổi nhanh chóng so sánh tương quan lực lượng, chuyển biến cục diện chiến trường, tạo bước ngoặt về chiến lược là vấn đề hết sức quan trọng đã được Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương cân nhắc hết sức cẩn trọng. Buôn Ma Thuột được lựa chọn mở đầu cho Chiến dịch Tây Nguyên, đó là mục tiêu lớn ta tổ chức đánh, làm rung động quân địch, tạo điều kiện cho các hướng phát huy sức mạnh hiệp đồng binh chủng đột phá tiến hành và phát triển thuận lợi để đánh vào các mục tiêu quan trọng.

Tháng 6 năm 1974, Đảng ủy Bộ Tư lệnh Chiến dịch Tây Nguyên ra Nghị quyết xây dựng khối chủ lực Tây Nguyên thành binh đoàn chiến dịch, có khả năng tác chiến hiệp đồng binh chủng, có sức cơ động cao. Về lực lượng, thành lập trung đoàn pháo binh ở các sư đoàn; lực lượng pháo binh của mặt trận được tổ chức thành 02 trung đoàn hoàn chỉnh; lực lượng phòng không được tổ chức lại thành 02 trung đoàn (234, 575); thành lập Trung đoàn Đặc

công 198, Trung đoàn Xe tăng 273, Trung đoàn Thông tin 29. Đồng thời, đẩy mạnh xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân, đặc biệt là thành lập một số quân đoàn chủ lực⁶.

Về hậu cần, kỹ thuật, được tổ chức theo hướng bảo đảm khả năng tác chiến tập trung quy mô lớn, có sức cơ động cao, dưới sự chỉ đạo của Bộ Tổng Tham mưu. Bộ Tư lệnh Trường Sơn phối hợp với Mặt trận Tây Nguyên tổ chức xây dựng hệ thống đường cơ động, kho, trạm dự trữ được khối lượng lớn vật chất hậu cần chiến dịch, bảo đảm cho bộ đội có thể tác chiến hiệp đồng binh chủng dài ngày. Cùng với đó, công tác huấn luyện được coi trọng kết hợp giữa tác chiến với luân phiên đưa bộ đội về phía sau để huấn luyện theo hình thức tác chiến hiệp đồng quân, binh chủng. Bộ Tư lệnh Chiến dịch đã mở nhiều lớp tập huấn chiến dịch - chiến thuật⁷ cho cán bộ từ cấp trung đoàn trở lên. Bước vào thực hiện Chiến dịch, Bộ Tư lệnh tập trung làm tốt công tác giáo dục chính trị, nhất là quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 21; tổ chức các cuộc vận động “nâng cao chất lượng chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu”, “thi đua giết giặc lập công”..., tạo nên khí thế thi đua sôi nổi với quyết tâm chiến đấu cao. Bộ đội Công binh phối hợp với các lực lượng chuẩn bị chu đáo hệ thống đường cơ động chiến dịch, bảo đảm tuyến vận chuyển chiến lược - chiến dịch trên đường Hồ Chí Minh và mở thêm nhiều tuyến đường mới bảo đảm cho thực hiện chiến dịch giành thắng lợi.

Trong Chiến dịch Tây Nguyên, để giữ quyền chủ động tiến công, Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương chỉ đạo tiến hành kế hoạch nghi binh rất công phu. Trong lúc địch cho rằng ta chưa đủ điều kiện để đánh lớn ở Tây Nguyên và tiến công giải phóng miền Nam...; chúng lại rơi vào thế bị động; phân tán lực lượng; chưa phán đoán được quyết tâm chiến lược của ta, ta quyết định mở chiến dịch. Bằng cuộc tiến công hiệp đồng binh chủng, kết hợp các đơn vị đặc biệt tinh nhuệ và các tiểu đoàn bộ binh bí mật tiến vào bố trí sẵn, với tốc độ tiến công cao, đánh thẳng vào thị xã Buôn Ma Thuột, đập tan Sở Chỉ huy Sư đoàn 23 và Sở Chỉ huy tiểu khu của địch, sau đó phát triển tiến công, cùng các lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân tiêu diệt toàn bộ quân địch rút chạy, giải phóng các tỉnh Tây Nguyên và ven biển miền Trung. Triệt để tận dụng thời cơ chiến lược mở ra từ chiến thắng Tây Nguyên ta chuyển sang Tổng tiến công chiến lược hoàn thành nhiệm vụ giải phóng miền Nam. Kết quả đó là nhờ chủ động làm tốt công tác chuẩn bị mọi mặt cho Chiến dịch Tây Nguyên và thực hiện kế hoạch quyết tâm chiến lược của Bộ Chính trị, Quân ủy

Trung ương nên ta đã triệt để chớp thời cơ giành thắng lợi lớn cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

3. Chỉ đạo kịp thời, kiên quyết, triệt để giành thắng lợi trong Chiến dịch Tây Nguyên, chớp thời cơ tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn Xuân 1975

Quán triệt sâu sắc quan điểm “Muốn tạo thời cơ, tranh thủ thời cơ, trước hết phải quán triệt tư tưởng chỉ đạo: Kiên quyết tiến công, tích cực tiêu diệt địch”⁸ và “Nếu không có tinh thần kiên quyết và liên tục tiến công thì không thể tạo được thời cơ tốt, có thời cơ tốt cũng bỏ lỡ mà có khi còn bị địch ép vào thế bị động rất nguy hiểm”⁹. Nắm bắt thời cơ lịch sử, sau khi giải phóng Tây Nguyên, Bộ Chính trị đã chỉ đạo Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng “Chớp thời cơ nâng cao tốc độ tiến công”. Các đơn vị thừa thắng, phát triển xuống vùng Duyên hải Trung Bộ lần lượt giải phóng Bình Khê, Phú Yên, Nha Trang, Cam Ranh... làm cho toàn bộ lực lượng Quân đoàn 2, Quân khu 2 của địch bị tan rã; hệ thống phòng thủ chiến lược của địch bị chia cắt, tạo nên thời cơ mới. Trong lúc Chiến dịch Tây Nguyên tập trung phản kích đánh địch ở Buôn Ma Thuột và tổ chức trận đánh tiêu diệt các lực lượng còn lại của Quân đoàn 2 Quân đội Sài Gòn rút chạy trên Đường số 7. Ngày 18-3-1975, Bộ Chính trị kịp thời bổ sung quyết tâm giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975, nhiệm vụ trước mắt là nhanh chóng tiêu diệt Quân đoàn 1 Quân đội Sài Gòn, không cho chúng rút về Sài Gòn; giải phóng Huế, Đà Nẵng và các tỉnh Trung Bộ.

Thực hiện sự chỉ đạo của Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh, Quân khu Trị Thiên, Quân đoàn 2 đã mở Chiến dịch Trị Thiên - Huế (05-3 - 26-3-1975) nhằm bao vây, tiêu diệt tập đoàn phòng ngự thuộc Quân đoàn 1 - Quân khu 1, Quân đội Sài Gòn ở Quảng Trị, Thừa Thiên Huế. Từ ngày 05 đến 20-3-1975, ta tiến hành nghi binh ở bắc Quảng Trị; sử dụng lực lượng địa phương đánh nhỏ trên các trục giao thông, bao vây uy hiếp địch ở tuyến giáp ranh, kết hợp hoạt động vũ trang tuyên truyền; các đơn vị chủ lực đồng loạt tiến công đánh chiếm các căn cứ, vị trí phòng ngự của địch ở vùng giáp ranh và đồng bằng, đập tan mọi cố gắng phản kích của địch, tạo điều kiện cho lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân nổi dậy; ngày 19-3-1975, tỉnh Quảng Trị hoàn toàn giải phóng; ngày 26-3-1975, giải phóng thành phố Huế và toàn tỉnh Thừa Thiên.

Tiếp đó, từ ngày 26 đến 29-3-1975, Quân đoàn 2, Quân khu 5 đã tổ chức Chiến dịch giải phóng Đà Nẵng, tiến công tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Quảng Đà và lực lượng Quân đoàn 1 - Quân khu 1 Quân đội Sài Gòn tại Đà Nẵng. Trên các hướng, Quân Giải phóng tiến công các vị trí phòng thủ vòng ngoài của địch, mở đường tiến vào Thành phố. Hướng Bắc, Quân đoàn 2 đánh chiếm Phước Tường, Lăng Cô, đèo Hải Vân, kho xăng Liên Chiêu, tiến vào trung tâm Thành phố. Hướng Nam, các đơn vị chủ lực Quân khu 5 và lực lượng vũ trang Quảng Đà pháo kích chặn các cửa biển, đánh chiếm quận lỵ Duy Xuyên, Vĩnh Điện, thị xã Hội An, sân bay Nước Mặn, bán đảo Sơn Trà, căn cứ Bộ Tư lệnh Quân đoàn 1 Quân đội Sài Gòn, sân bay Đà Nẵng. Đến ngày 29-3-1975, ta giải phóng hoàn toàn thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Đà.

Đòn tiến công chiến lược vào Huế - Đà Nẵng giành thắng lợi, tạo bước nhảy vọt về chiến lược, làm thay đổi hoàn toàn cục diện so sánh lực lượng, thế trận. Trên đà thắng lợi, với tư tưởng: “Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”, “Thần tốc, thần tốc hơn nữa, táo bạo, táo bạo hơn nữa...”, ta bước vào chiến dịch cuối cùng, có ý nghĩa quyết định trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 - Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Chiến dịch diễn ra với quy mô lớn, hiệp đồng tác chiến quân, binh chủng hiện đại, kết hợp chặt chẽ giữa tiến công và nổi dậy, nổi dậy và tiến công của lực lượng vũ trang ba thứ quân và lực lượng chính trị quần chúng rộng khắp, đánh vào sào huyệt cuối cùng của địch ở Sài Gòn. Sau khi đã hoàn thành công tác chuẩn bị và tập trung một khối lượng lớn lực lượng và phương tiện trong thời gian ngắn nhất ở vùng kế cận Sài Gòn, chiều 26-4-1975, ta nổ súng mở màn Chiến dịch. Từ năm hướng, các quân đoàn đồng loạt tiến công Sài Gòn, chọc thủng tuyến phòng ngự vòng ngoài, đập tan sự kháng cự của các sư đoàn địch, tiếp cận Sài Gòn, làm cho địch bị rối loạn hoàn toàn về chiến lược. Ngày 29-4-1975, ta tổng tiến công bằng các binh đoàn bộ đội hợp thành tiến công trong hành tiến, tiêu diệt các cánh quân địch ngăn chặn và phản kích, nhằm thẳng các mục tiêu đã được phân công, các quân đoàn nhanh chóng đánh chiếm các mục tiêu. Đúng 11 giờ 30 phút ngày 30-4-1975, lá cờ Chiến thắng của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tung bay trên nóc Dinh Độc Lập, kết thúc Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giành thắng lợi trọn vẹn trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, với tinh thần, ý chí triệt để cách mạng, tư tưởng tích cực, chủ động tiến công.

Thắng lợi Chiến dịch Tây Nguyên đến Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 là sự vận dụng sáng tạo quan điểm tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh muốn giành thắng lợi không thể chỉ dựa vào ý chí, mà phải có đường lối chiến lược đúng đắn, sáng tạo, biết tạo ra sức mạnh và “Phải được tiến hành theo đúng những nguyên tắc căn bản của khoa học và chiến thuật quân sự”¹⁰. Đó là một hệ thống bao gồm các luận điểm về thế tiến công; về vận dụng các nhân tố lực, thế, thời và dùng mưu đánh giặc; về phát huy sức mạnh tổng hợp của mọi lực lượng, đánh địch bằng mọi hình thức, mọi cách đánh và mọi thứ vũ khí trang bị; là biết giành thắng lợi từng bước, biết khởi đầu và kết thúc chiến tranh. Trong đó, tư tưởng “Kiên quyết không ngừng thế tiến công” giữ vị trí chủ đạo.

Tư tưởng chủ động, tích cực tiến công trong Chiến dịch Tây Nguyên là đòn tiến công chiến lược mở đầu cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 giành thắng lợi, là nét đặc sắc trong chỉ đạo kiên quyết, triệt để. Thể hiện việc phát huy tư tưởng chủ động tiến công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước được bắt đầu từ các phong trào đồng khởi Bến Tre; Chiến thắng Tua Hai, Chiến dịch Bình Giã... ; điển hình cho phát huy tính chủ động tiến công trong Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, đã giáng cho đế quốc Mỹ một đòn thất bại nặng nề về quân sự và chính trị, buộc Mỹ phải xuống thang và chấp nhận giải quyết cuộc chiến tranh theo những điều kiện có lợi cho ta. Với tư tưởng chủ động tiến công trong Chiến dịch Tây Nguyên, một lần nữa cho thấy tầm tư duy quân sự của Đảng ta đã đưa đến một quyết định chiến lược dũng cảm và chính xác. Nhờ đó, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã giành thắng lợi trọn vẹn. Quân và dân ta đã đập tan bộ máy chiến tranh của chính quyền tay sai ở miền Nam, quét sạch bộ máy chính quyền Sài Gòn mà đế quốc Mỹ đã xây dựng hơn 20 năm. Ta đã giải phóng hoàn toàn miền Nam và các đảo do Quân đội Sài Gòn chiếm giữ. Nhân dân ta đã giành được độc lập, tự do, thống nhất đất nước, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Chiến thắng Tây Nguyên khẳng định sự đúng đắn về sự lãnh đạo tài tình của Đảng ta, về tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh, về sức mạnh của chiến tranh nhân dân, thể hiện chủ động tích cực tiến công địch của dân tộc ta tiếp tục được kế thừa, phát huy để chống mọi cuộc chiến tranh xâm lược đi đến giành thắng lợi quyết định trong sự nghiệp giải phóng dân tộc kết thúc chiến tranh. Những kinh nghiệm đó vẫn còn nguyên giá trị, cần được tiếp tục được nghiên

cứu, vận dụng sáng tạo và phát huy trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống.

10. TRẦN NGỌC LONG. Giải phóng và làm chủ biển đảo mùa Xuân năm 1975 // <https://www.bienphong.com.vn.-> Ngày 20/12/2014.

GIẢI PHÓNG VÀ LÀM CHỦ BIỂN ĐẢO MÙA XUÂN NĂM 1975

Biên phòng - Sau chiến thắng Buôn Ma Thuột, thời cơ chiến lược để giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước đã xuất hiện. Bộ Chính trị quyết định giải phóng hoàn toàn miền Nam, bao gồm cả các đảo, quần đảo thuộc chủ quyền của Việt Nam ngay trong mùa khô 1975. Trong cuộc họp cuối tháng 3-1975, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương chỉ đạo: "Năm vững hơn nữa thời cơ chiến lược với tư tưởng chỉ đạo thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng, có quyết tâm lớn thực hiện tổng công kích, tổng khởi nghĩa trong thời gian sớm nhất, tốt nhất là trong tháng 4-1975 không thể để chậm"*.



Bộ đội Hải quân giải phóng đảo Nam Yết (quần đảo Trường Sa) tháng 4-1975.

Cùng với việc khẩn trương chuẩn bị cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng giải phóng hoàn toàn miền Nam ngay trong tháng 4-1975, nhiệm vụ giải phóng các đảo, quần đảo thuộc chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông mà Quân đội Sài Gòn đang chốt giữ, cũng được đặt ra hết sức cấp bách, đặc biệt là với một số đảo, quần đảo ở xa đất liền và có vị trí chiến lược hết sức quan trọng như: Trường Sa, Côn Đảo, Phú Quốc... Các đảo, quần đảo này vừa

ở xa đất liền, vừa có yếu tố nước ngoài chi phối, nhất là quần đảo Trường Sa, do vậy mà việc giải phóng các đảo, quần đảo vào thời điểm nào cho thích hợp và bằng cách nào để giảm thiểu nhất thương vong cho bộ đội, là một bài toán hóc búa mà cơ quan chỉ đạo chiến lược phải tính toán, cân nhắc rất kỹ. Tình hình ở miền Nam lúc này diễn biến hết sức mau lẹ. Sau khi Tây Nguyên, Trị-Thiên Huế, Đà Nẵng và một loạt các vị trí chiến lược quan trọng dọc các tỉnh duyên hải miền Trung rơi vào tay Quân giải phóng, hai quân đoàn thiện chiến và hai quân khu phía Bắc của Việt Nam cộng hòa bị xóa sổ, chính quyền và quân đội Sài Gòn lâm vào tình trạng suy sụp hoàn toàn. Đây chính là thời cơ thuận lợi để ta thực hiện chủ trương giải phóng biển đảo, nhất là quần đảo Trường Sa.

Ngày 4-4-1975, thay mặt Thường vụ Quân ủy và Bộ Tổng Tư lệnh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã gửi một bức điện đặc biệt cho Khu ủy, Bộ Tư lệnh (BTL) Quân khu 5 và BTL Hải quân, chính thức giao nhiệm vụ giải phóng quần đảo Trường Sa, trong đó chỉ rõ: "Theo chỉ thị của Bộ Chính trị, Thường vụ Quân ủy giao nhiệm vụ cho Khu ủy, Quân khu ủy, BTL Quân khu 5 và BTL Hải quân khẩn trương nghiên cứu kế hoạch tác chiến và tiến hành mọi công tác chuẩn bị để khi có thời cơ thì kịp thời giải phóng quần đảo Trường Sa, coi đó là một nhiệm vụ rất quan trọng".

Do ý thức đầy đủ về chủ quyền biển, đảo nên ngay từ đầu năm 1975, Quân chủng Hải quân cũng đã xây dựng các phương án và chuẩn bị tác chiến trên hướng biển, đặc biệt là giải phóng các đảo khi có lệnh. Tư tưởng chỉ đạo tập trung vào các nội dung: Quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền thiêng liêng của Việt Nam. Đây là một địa bàn có ý nghĩa chiến lược về quân sự, chính trị và kinh tế. Quân đội Sài Gòn đóng giữ một số đảo, còn một số đảo do quân đội nước ngoài chiếm giữ. Các lực lượng làm nhiệm vụ giải phóng quần đảo Trường Sa phải tích cực chuẩn bị, để khi thời cơ đến nhanh chóng hành động, bảo đảm chắc thắng; phải bám sát tình hình, nếu phát hiện đối phương có biểu hiện hoang mang rối loạn, phải kiên quyết hành động ngay, không để chậm.



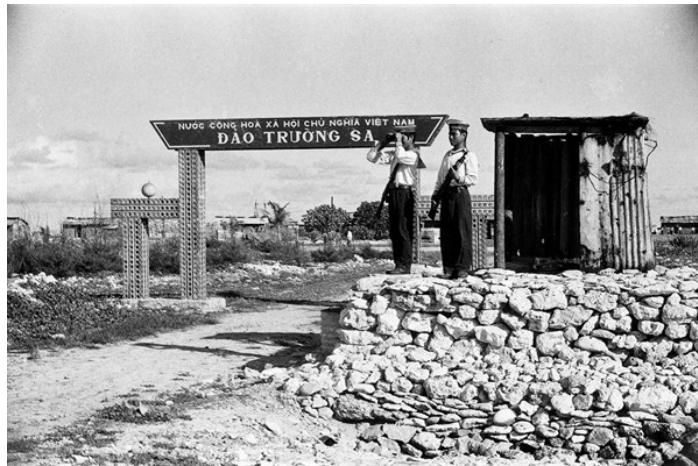
Giải phóng đảo Song Tử Tây (quần đảo Trường Sa).

Các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam đều nằm cách đất liền hàng trăm hải lý, tình hình ở các vùng biển này lại cực kỳ phức tạp. Năm 1956, Hoàng Sa đã bị quân đội nước ngoài đánh chiếm một phần và năm 1974 thì chúng chiếm hoàn toàn. Trong khi đó lực lượng làm nhiệm vụ giải phóng đảo, quần đảo của ta lại rất mỏng, trang bị vũ khí, phương tiện còn hạn chế... vì vậy mà vấn đề nắm thời cơ để giải phóng các đảo rất quan trọng, nó phụ thuộc vào bước chân thần tốc của các cánh quân trong đất liền, phụ thuộc vào sự bị động của quân đội nước ngoài, không để họ "tát nước theo mưa" nhảy vào đánh chiếm Trường Sa trước như đã từng làm với quần đảo Hoàng Sa. Thời cơ để giải phóng quần đảo Trường Sa xuất hiện khi mà, một dải đất duyên hải Nam Trung bộ cùng với các đảo gần bờ đã được giải phóng, quân đội Sài Gòn như "ong vỡ tổ" phải co cụm về cố thủ ở phòng tuyến Xuân Lộc để bảo vệ cho Sài Gòn.

Ngày 9-4-1975, khi ở trong đất liền, cuộc tiến công vào phòng tuyến Xuân Lộc mở màn, thì trên hướng biển, BTL Hải quân được lệnh ra giải phóng quần đảo Trường Sa. Ngày 11-4, một biên đội tàu vận tải của Đoàn 125, gồm 3 chiếc: 673, 674, 675 cùng với một số đơn vị bộ binh và đặc công rời quân cảng Đà Nẵng nhanh chóng tiến ra Trường Sa. 5 giờ sáng ngày 14-4, đảo Song Tử Tây được giải phóng. Trong khi biên đội tàu cơ động giải phóng tiếp đảo Sơn Ca, thì trên vùng trời và biển Trường Sa xuất hiện nhiều máy bay và tàu lạ cố tình gây cản trở.

Trước tình hình đó, BTL Hải quân đã lệnh cho một bộ phận tiếp tục ở lại giữ Song Tử Tây, bộ phận còn lại trở về để củng cố và bổ sung lực lượng, trang bị. Ngày 21-4-1975, phòng tuyến Xuân Lộc bị chọc thủng, cánh cửa phía Đông của Sài Gòn mở toang; tổng thống ngụy quyền Nguyễn Văn Thiệu từ

chức... Thời cơ lớn đã đến, BTL Hải quân tiếp tục điều một biên đội tàu (673, 675 và 641) đưa Đội 1 của Đoàn 126 Đặc công và Tiểu đoàn 471 của Quân khu 5 ra giải phóng các đảo còn lại ở quần đảo Trường Sa. Sáng 25-4, ta giải phóng đảo Sơn Ca, sáng 27-4 làm chủ hoàn toàn đảo Nam Yết, 28-4 là đảo Sinh Tồn... tiếp đó là đảo Trường Sa lớn (29-4) và các đảo còn lại.



Trường Sa những ngày đầu Hải quân nhân dân Việt Nam tiếp quản.

Sau khi giải phóng một số đảo trên quần đảo Trường Sa, ngày 30-4-1975, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung Ương điện cho Bộ Tư lệnh và Đảng ủy Mặt trận Sài Gòn - Gia Định lưu ý việc giải phóng và đưa số tù nhân từ các nhà tù Côn Đảo và Phú Quốc trở về đất liền. Một ngày sau đó, trong khi tàu của Đoàn 125 đang trên đường đưa lực lượng ra giải phóng đảo, thì tù nhân ở nhà tù Côn Đảo đã tự nổi dậy phá nhà lao, giải phóng hòn đảo này.

Tương tự như vậy, tại Phú Quốc, hơn 8.000 quân chúng cùng với một số tù nhân sau khi nghe tin Sài Gòn giải phóng, đã tự nổi dậy phá khám, giải phóng đảo ngọc này vào chiều 30-4-1975. Một số đảo trên vùng biển Tây Nam tuy có muộn hơn, song tất cả đã được giải phóng: Thổ Chu (đêm 23, rạng 24-5), Pô Lô Vai (27-5). Cả hai hòn đảo này đều được giải phóng từ tay quân Pôn Pốt. Các đảo gần bờ duyên hải Trung bộ được giải phóng từ trước đó, cùng thời điểm khi các lực lượng ra giải phóng quần đảo Trường Sa (đảo Lý Sơn: 31-3, Cù Lao Thu: 27-4...).

Việc kịp thời nắm bắt thời cơ và quyết định tổ chức lực lượng ra giải phóng các đảo, quần đảo, đặc biệt là một số ở xa đất liền và có vị trí chiến lược quan trọng như Trường Sa, Côn Đảo, Phú Quốc trong Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 cho thấy, chủ trương và sự chỉ đạo sắc sảo, kịp thời, sáng

suốt của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương. Điều này còn thể hiện rõ ý thức của cán bộ, chiến sĩ QĐND Việt Nam về chủ quyền đối với vùng biển và hải đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

11. PHƯƠNG NAM. Chiến sỹ tình báo – người kiến tạo những chiến công thầm lặng // <https://www.vietnamplus.vn.-> Ngày 27/4/2020.

CHIẾN SĨ TÌNH BÁO - NGƯỜI KIẾN TẠO NHỮNG CHIẾN CÔNG THẦM LẶNG

Chiến sỹ tình báo - người kiến tạo những chiến công thầm lặng

Những cống hiến, hy sinh thầm lặng trong suốt những năm tháng hoạt động dưới vỏ bọc “kẻ thù” đã đưa nhiều chiến sỹ tình báo trở thành huyền thoại có một không hai trong lịch sử quân sự Việt Nam.



Phạm Xuân Ân, người được báo chí nước ngoài coi là một trong những điệp viên hoàn hảo của thế kỷ 20 (Ảnh tư liệu)

Trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, **thông nhất đất nước**, chiến trường không chỉ diễn ra ngoài mặt trận mà còn diễn ra ngay trong lòng địch - nơi những chiến sỹ tình báo xuất sắc nhất của quân đội ta lặng lẽ lập những chiến công.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc Việt Nam ta đã tạo ra “những chiến công lịch sử mà như huyền thoại.” Một trong những “huyền thoại” ấy là câu chuyện về những chiến sỹ tình báo đầy bản lĩnh, trí tuệ đã “chui sâu, bám chắc” trong lòng địch nhằm thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Tình báo là tai mắt của Đảng, của quân đội, trách nhiệm của nó rất quan trọng... Muốn biết địch thì phải có tình báo giỏi. Muốn khỏi địch biết ta, cũng phải có tình báo giỏi...”

“Ôi Tổ quốc ta, ta yêu như máu thịt,
 Như mẹ cha ta, như vợ như chồng
 Ôi Tổ quốc, nếu cần, ta chết
 Cho mỗi ngôi nhà, ngọn núi, con sông...”
 (“Sao chiến thắng” - Chế Lan Viên)

Tình yêu Tổ quốc, nỗi mong mỗi đất nước được độc lập tự do, giang sơn thu về một mối đã trở thành động lực, thành niềm tin để những chiến sỹ tình báo - những “vì sao chiến thắng” - thêm vững vàng trong cuộc chiến tàn khốc không tiếng súng giữa lòng địch.

Những công hiến, hy sinh thầm lặng trong suốt những năm tháng hoạt động dưới vỏ bọc “kẻ thù” đã đưa nhiều chiến sỹ tình báo trở thành huyền thoại có một không hai trong lịch sử quân sự Việt Nam.

Những tên tuổi ấy mãi mãi được Tổ quốc ghi công, được nhân dân ghi nhớ, như Đại tá tình báo Phạm Ngọc Thảo, điệp viên hoàn hảo Phạm Xuân Ẩn, "Ông cố vấn" Vũ Ngọc Nhạ, nữ tình báo vẽ bản đồ bên kia vĩ tuyến 17 Đinh Thị Vân, Thiếu tướng Đặng Trần Đức (bí danh Ba Quốc), Đại tá Nguyễn Văn Tàu (bí danh Tư Cang), nữ tình báo Nguyễn Thị Mỹ Nhung (bí danh Tám Thảo)...

Trong cuốn “*Tình báo kể chuyện*” của mình, Đại tá, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Nguyễn Văn Tàu (bí danh Tư Cang) khẳng định: “Có những con người tình báo dũng cảm, thông minh, sáng tạo, có những người dân đô thành không sợ hiểm nguy mà còn tích cực tham gia công tác cách mạng... Tất cả hợp thành lực lượng bách chiến, bách thắng mà kẻ thù quen thói hợm hĩnh không lường được hết sức mạnh...”

“Đơn độc” cận kề với trăm mối hiểm nguy

Thắng lợi của cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, với đỉnh cao là Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 là thắng lợi của sức mạnh tổng hợp với nhiều yếu tố, trong đó có sự đóng góp rất quan trọng của lực lượng Tình báo quân sự Việt Nam.

Gác lại tình riêng, nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, “bí mật, khôn khéo, cẩn thận, kiên nhẫn,” “dựa vào dân, đi sát địch,” các chiến sỹ tình báo đã xây dựng được những tổ chức bí mật, thậm chí nhiều người đã “chui sâu, bám chắc” thâm nhập vào các cơ quan đầu não địch, hoạt động lâu dài mà không hề bị lộ.



Quân giải phóng tiến công căn cứ lính thủy đánh bộ Mỹ ở Khe Sanh (Quảng Trị)

Điện hình như Thiếu tướng Vũ Ngọc Nhạ (bí danh Hai Long) - "Ông có vấn" cho 3 đời tổng thống ngụy quyền Sài Gòn. Với chức danh "Cố vấn cao cấp," ông đã khai thác được nhiều tài liệu cơ mật trong Phủ tổng thống.

Ông cũng là người xây dựng cụm tình báo chiến lược nổi tiếng A22, từng làm rúng động chính trường Sài Gòn trong suốt những năm cuối của thập niên 1960.

Với mạng lưới 42 điệp báo viên, hoạt động dưới nhiều chức danh, cấp bậc từ cao tới thấp trong chính quyền ngụy Sài Gòn, ông và đồng đội đã cung cấp nhiều thông tin, tài liệu quan trọng góp phần vào chiến thắng của quân và dân ta trong cuộc đấu tranh **giải phóng miền Nam**, thống nhất đất nước.

Bằng những hoạt động khéo léo và đầy biến hóa của mình, tranh thủ những yếu tố "tranh tối tranh sáng" đầy bất ổn của chính trường Sài Gòn, **Dai tá Phạm Ngọc Thảo**, một trong những huyền thoại xuất sắc nhất trong lịch sử quân sự Việt Nam, đã thâm nhập trong quân đội chính quyền Sài Gòn.

Trong thời gian làm tỉnh trưởng Kiến Hòa (Bến Tre), ông đã cung cấp nhiều tin tức, tài liệu mật liên quan đến các cuộc hành quân của địch trong tỉnh và quân khu, thả hơn 2.000 tù chính trị, khôn khéo lái các cuộc hành quân "tảo thanh" của địch vào chỗ không người, bảo toàn lực lượng cách mạng, góp phần vào thắng lợi của phong trào Đồng Khởi Bến Tre.

Dưới danh nghĩa một sỹ quan cao cấp quân đội, có tiếng nói, có ảnh hưởng lớn đối với chính trường Sài Gòn, ông đã tham gia, tổ chức hàng loạt vụ đảo chính làm rung chuyển nền chính trị miền Nam những năm 1964-1965,

gây mất ổn định nghiêm trọng chế độ Sài Gòn, tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng miền Nam.

Ông chính là nguyên mẫu để nhà văn Trần Bạch Đằng xây dựng thành công nhân vật điệp viên bản lĩnh, thông minh, gan góc Nguyễn Thành Luân trong bộ phim nổi tiếng “Ván bài lật ngửa.”

Nhờ tạo vỏ bọc bình phong tốt trong cơ quan an ninh và tình báo địch, Thiếu tướng Đặng Trần Đức (bí danh Ba Quốc) được tuyển mộ và làm việc suốt 20 năm tại Phủ đặc ủy trung ương tình báo ngụy.

Nhờ những báo cáo và tài liệu tuyệt mật ông gửi ra, ta đã triệt phá 35 ổ gián điệp địch tung vào các vùng giải phóng ở miền Nam và cả miền Bắc.

Ông cũng là người “gợi ý” cho Nguyễn Cao Kỳ đảo chính lật Nguyễn Văn Thiệu, giải cứu Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh, “tài liệu của Bộ Tổng tham mưu, Tổng tham mưu trưởng chưa đọc mà Hà Nội đã đọc rồi.”

[Tình báo Quốc phòng đón nhận danh hiệu Anh hùng LLVT nhân dân]

Vượt qua muôn vàn hiểm nguy, lúc nào cũng trong tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, những chiến sỹ tình báo lặng thầm bám sát địch, theo dõi, điều tra, thu thập, tổng hợp thông tin, phân tích, nhận định và báo cáo về cấp trên.

Họ luôn “đơn độc” cận kề với hàng trăm mối hiểm nguy, có những lúc lên đến cực đỉnh, bởi phải sống và hoạt động ngay giữa một rừng súng đạn hiểm ác ngay giữa trung tâm đầu não của địch.

Để đảm bảo an toàn cho tổ chức, nhiều người trong số họ không dám gặp vợ con, ngay cả người thân cũng không dám nhận. Nhiều chiến sỹ tình báo đã trở thành "đối tượng" nằm trong danh sách hồ sơ đặc biệt và là "con cá bự" mà cơ quan mật vụ của chính quyền Mỹ-ngụy Sài Gòn ráo riết truy lùng và treo nhiều thưởng lớn, điển hình như Đại tá, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Nguyễn Văn Tàu (bí danh Tư Cang) - nguyên Cục trưởng cục tình báo H63 (trước năm 1967 là A18), Chính ủy Lữ đoàn 316 đặc công biệt động, mở đường tiến đánh Sài Gòn trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Xác định “ra đi là không có ngày trở về,” những chiến sỹ tình báo luôn nguyện hy sinh thân mình để hoàn thành nhiệm vụ. Sau hai cuộc đảo chính bất thành, dù Mặt trận giải phóng yêu cầu rời khỏi Sài Gòn nhưng Phạm Ngọc Thảo vẫn quyết trụ lại để tiến hành cuộc đảo chính cuối cùng. Việc lớn không

thành, bị bắt và tra tấn dã man nhưng Phạm Ngọc Thảo vẫn không để lộ tung tích của mình. Cho đến lúc hy sinh, không ai biết ông là một chiến sỹ tình báo cộng sản.

Cung cấp những thông tin vô cùng giá trị

Với vai trò là “tai mắt của Đảng, của Quân đội,” các chiến sỹ tình báo đã cung cấp nhiều thông tin vô cùng giá trị, giúp cho Đảng và Bộ Chính trị đánh giá, dự đoán đúng những chuyển biến tình hình, đưa ra những chỉ đạo chiến lược kịp thời làm nên những chiến thắng lẫy lừng.

Nhờ những thông tin tình báo chính xác, kịp thời, ta đã phát hiện nhiều âm mưu, thủ đoạn của địch, như: kế hoạch chống phá tổng tuyển cử vào năm 1956 trong Hiệp định Geneva, nắm chắc kế hoạch “tổ cộng, diệt cộng,” lập áp chiến lược, âm mưu hắt cẳng Pháp xâm lược miền Nam của Mỹ, phục vụ cho sự chỉ đạo kịp thời của Đảng ở miền Nam.

Dưới vỏ bọc “kẻ thù”, nhiều chiến sỹ tình báo đã thu thập được những thông tin có giá trị cao, như chiến lược “chiến tranh đặc biệt,” “chiến tranh cục bộ,” “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ-ngụy; các kế hoạch quân sự hàng năm như AB141, AB142, AB143, AB144...; các kế hoạch mùa khô 1965-1966 và 1966-1967; kế hoạch về cuộc hành quân Lam Sơn-719 của địch đánh ra đường 9 Nam Lào, với mục tiêu xóa bỏ đường mòn Hồ Chí Minh, cắt đứt sự chi viện từ miền Bắc vào miền Nam bằng đường bộ; nắm chắc âm mưu, ý đồ của Mỹ dùng không quân, hải quân đánh phá miền Bắc; hoạt động của máy bay chiến lược B52 của Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng cuối năm 1972, phục vụ hiệu quả cho chiến dịch “Điện Biên Phủ trên không” giành thắng lợi...

Với sự khôn khéo, cẩn thận, kiên nhẫn, nhiều **chiến sỹ tình báo** còn vận động, chuyển hóa được quần chúng, kể cả những người đứng trong hàng ngũ địch phục vụ cho cách mạng.

Bằng các mối quan hệ của mình, nữ tình báo Đinh Thị Vân đã vận động được Đỗ Trọng Quyên - chánh văn phòng, Phó tổng tham mưu trưởng quân đội ngụy - cung cấp nhiều tin tức, tài liệu quan trọng, trong đó có thông tin kịp thời về việc Mỹ sẽ đổ quân vào miền Nam Việt Nam sau khi chiến lược “chiến tranh đặc biệt” thất bại; tài liệu về cuộc hành quân quy mô lớn Junction City của Mỹ, với 40.000 quân đánh vào căn cứ Tây Ninh của Trung ương cục miền Nam năm 1967, giúp ta chủ động đối phó làm thất bại âm mưu của địch.

Bà cũng là người đã vẽ bản đồ phòng ngự của quân đội Sài Gòn ở phía Nam vĩ tuyến 17, trong giai đoạn 1959-1960.

Những thông tin mật, thậm chí là tuyệt mật của các chiến sỹ tình báo cũng giúp ta bảo toàn được lực lượng.

Năm 1969, cụm trưởng tình báo H67 đã cấp tốc chuyển lên cấp trên thông tin địch định dùng máy bay chiến lược B52 hủy diệt căn cứ Trung ương cục miền Nam và Bộ tư lệnh Miền, do ông Nguyễn Văn Lễ (nghị sỹ Quốc hội Sài Gòn - người được vận động làm việc cho tình báo cách mạng) cung cấp.

Nhờ thông tin cơ mật này, căn cứ của ta đã di chuyển kịp thời đến một địa điểm khác, tránh được cuộc tập kích quy mô lớn và nhiều đợt rải thảm liên tục bằng B52 từ 8 giờ tối hôm trước đến 5 giờ sáng hôm sau, tại căn cứ Sóc Mong trong phạm vi 20km².



Xe tăng của Lữ đoàn 203, Sư đoàn 304, Quân đoàn 2 tiến vào Dinh Độc Lập, trưa 30/4/1975, đánh dấu Đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. (Ảnh: Trần Mai Hương/ TTXVN)

Đặc biệt, những thông tin tình báo của Đại tá Nguyễn Văn Minh - văn thư bảo mật của đại tướng Cao Văn Viên, Tổng tham mưu trưởng quân đội Sài Gòn - chuyển về đã giúp Đảng và Bộ chỉ huy chiến dịch khẳng định Mỹ không đưa quân trở lại nếu ta đánh lớn vào giải phóng Sài Gòn.

Thông tin này đã giúp Bộ chính trị có thêm cơ sở quyết định mở cuộc Tổng tấn công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 trong thời gian ngắn nhất để giải phóng miền Nam, góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân giành thắng lợi trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Có thể nói, những chiến sỹ tình báo quân sự Việt Nam đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, với đỉnh cao là Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975.

Họ đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước và Quân đội giao phó; đóng góp to lớn vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước, viết nên những trang sử hào hùng của ngành Tình báo Quốc phòng Việt Nam.

Tên tuổi và sự nghiệp của họ không chỉ làm hàng triệu người con đất Việt cảm phục, ngưỡng mộ, mà còn làm cho đối phương cũng phải “ngả mũ kính chào”./.

12. THÁI DUY. 30/4/1975 thiên anh hùng ca vĩ đại// <https://www.bienphong.com.vn>.- Ngày 30/4/2019.

30/4/1975 THIÊN ANH HÙNG CA VĨ ĐẠI

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ (7-5- 1954), Hiệp định Genève được ký kết, đất nước bị chia cắt, chính quyền miền Nam vào tay bọn Mỹ - Diệm. Chúng phá hoại hiệp định ngay khi còn chưa ráo mực.

Chúng tổ chức các đợt tổ cộng và diệt cộng nhắm vào cán bộ và những người kháng chiến cũ hết sức ác độc, "thà giết lầm còn hơn bỏ sót". Tiếp tục đấu tranh chính trị đơn thuần không còn là giải pháp hữu hiệu. Có nơi cũng còn Đảng viên nhưng bên ta phải "điều lắng" đi một nơi rất xa vì đang bị truy lùng.

Hội nghị Trung ương lần thứ 15 mở rộng năm 1959 họp hai đợt tại Hà Nội vào mùa xuân và mùa hè, có tầm quan trọng đặc biệt đối với vận mệnh của dân tộc. Hội nghị tập trung thảo luận và tranh luận công khai, thẳng thắn, dân chủ, không hạn chế thời gian và cuối cùng ra nghị quyết về vấn đề trọng đại: Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh khai mạc và tổng kết hội nghị. Bác Hồ cũng trực tiếp chủ tọa hội nghị suốt hai đợt họp mùa xuân và mùa hè. Hội nghị nhất trí rất cao với nghị quyết dùng bạo lực cách mạng từ đấu tranh chính trị tiến lên kết hợp đấu tranh vũ trang và dự kiến xu hướng phát triển từ khởi nghĩa của

nhân dân có thể tiến lên đấu tranh vũ trang trường kỳ. Bác nhắc nhở hội nghị cần nhận rõ quan điểm xây dựng và phát triển miền Bắc làm cơ sở cho cuộc cách mạng giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Nghị quyết 15 đã đáp ứng khát vọng cháy bỏng của nhân dân miền Nam và không còn gì kìm hãm được cuộc nổi dậy mà mọi người đang hết sức mong đợi vì chỉ chậm một thời gian rất ngắn nữa thôi sẽ không còn gượng dậy nổi nữa, sẽ không còn Đảng viên. Sức mạnh của ta ở miền Nam chỉ còn trông cậy vào nhân dân nổi dậy mới không lỡ thời cơ. Nghị quyết 15 mới chỉ nghe truyền miệng, một số cuộc đấu tranh đã nổ ra ở Quảng Nam, Tây Ninh, Bình Thuận, Ninh Thuận, đấu tranh còn lẻ tẻ. Phải đến Đồng Khởi, dù không có vũ trang, không có tiếng nổ nhưng đã làm rung chuyển bộ máy ngụy quân, ngụy quyền. Lực lượng xung kích là phụ nữ, các mẹ, các chị vào trận chẳng có một tấc sắt trong tay, vũ khí sắc bén là lý lẽ, là tình cảm, là chính trị... Nhiều mẹ, nhiều chị có chồng, có con là ngụy binh cũng tham gia đội quân Đồng Khởi. Cuộc đấu tranh nào cũng có các đội em nhỏ, kể cả còn ẵm ngửa, không phải nhà không có người trông nom mà phải mang cả em bé theo để cùng chịu nắng chịu mưa với mẹ; sự có mặt của em là cần thiết, càng tăng thêm thế hợp pháp, càng dễ thâm nhập đồn bốt địch để tranh thủ, lôi cuốn binh sĩ. Cuộc Đồng Khởi từ Bến Tre, Tiền Giang và miền Trung Nam Bộ đã lan rất nhanh thành cao trào, làm tan rã hàng loạt bộ máy kìm kẹp của địch.



Ảnh. HOÀNG TRIỀU

MẶC DÙ MỸ ĐÃ ĐƯA QUÂN ĐẾN MIỀN NAM NƯỚC TA RẤT ĐÔNG: 70% lục quân, 60% lính thủy đánh bộ, 40% hải quân và 60% không quân; 6,5 triệu lượt thanh niên Mỹ trực tiếp tham gia chiến tranh xâm lược Việt Nam cùng với 22.000 xí nghiệp trên đất Mỹ trực tiếp phục vụ chiến tranh

xâm lược Việt Nam nhưng từ cuối năm 1959 đến cuối năm 1960, ta đã giành quyền tự quản hàng nghìn ấp, thôn, bản. Các mẹ, các chị cùng một số cán bộ, Đảng viên còn lại đã chuyển bại thành thắng, dồn địch vào thế bị động. Đánh giá tầm vóc lịch sử của cuộc Đồng Khởi vĩ đại, đánh giá công lao ngút trời của các mẹ, các chị thuộc Đội quân tóc dài, sử sách đã ghi cụ thể, chính xác.

Từ cao trào Đồng Khởi, Đảng bộ miền Nam được khôi phục, đội quân đấu tranh chính trị, đặc biệt là Đội quân tóc dài của phụ nữ miền Nam ra đời. Lực lượng vũ trang ba thứ quân và hệ thống chỉ huy quân sự các cấp từng bước được hình thành. Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam thành lập, các căn cứ địa cách mạng tại chỗ được khắc phục, mở rộng. Từ miền Bắc, đường vận tải chiến lược vào Nam, đường bộ 559, đường biển 759 hình thành và phát triển (trang 42, Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước - Thắng lợi và bài học, Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia, 1995).

Chỉ riêng các căn cứ địa cách mạng, kể cả một số vùng vẫn được coi là hậu cần của quân đội được giải phóng, nhiều thôn xóm không còn bị địch chiếm, dân đã làm chủ, sức mạnh của miền Nam được nhân lên gấp bội khi người và hàng từ hậu phương lớn miền Bắc tiếp viện cho chiến trường miền Nam đã có đất để hoạt động. Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ đã cung cấp những con số cụ thể về miền Bắc đưa quân, đưa hàng vào miền Nam: Từ năm 1961 đến 1963 qua đường 559 là 40.000 cán bộ, chiến sĩ, trong đó có 2.000 cán bộ lãnh đạo, chỉ huy và nhân viên kỹ thuật cùng 165.000 khẩu súng các loại. Trong 2 năm từ tháng 2-1962 đến tháng 12-1964, qua đường 759, tuyến vận tải đường biển đã giao cho chiến trường miền Nam 4.920 tấn hàng, chủ yếu là vũ khí, đạn dược và trang bị kỹ thuật cho chiến trường xa, nhất là Nam Bộ.

Trong 16 năm, tính đến năm 1975, tuyến giao thông Trường Sơn đã vận chuyển 1,3 triệu tấn hàng cho miền Nam, trong đó 2 năm chuẩn bị cho Tổng Tiến công và Nổi dậy mùa Xuân 1975 đã giao cho chiến trường miền Nam 413.450 tấn hàng.

TỪ ĐẦU NĂM 1973, SAU KHI KÝ HIỆP ĐỊNH PARIS VỀ VIỆT NAM, thắng lợi quan trọng nhất của ta là quân Mỹ và quân các nước phụ thuộc Mỹ đã rút khỏi miền Nam Việt Nam, còn quân chủ lực ta vẫn ở nguyên tại chỗ, cán bộ, chiến sĩ ta ở miền Bắc vào Nam ngày càng nhiều, tạo nên tương quan lực lượng hoàn toàn có lợi cho ta. Cuối năm 1974, Tổng Bí thư Lê Duẩn cùng Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương họp hội nghị với lãnh đạo chủ

chốt các chiến trường, thống nhất quyết tâm chiến lược và thông qua kế hoạch chiến lược giải phóng miền Nam trong thời gian sớm nhất, ngay trong năm 1975.

Thắng lợi của quân ta ở miền Đông Nam Bộ, nhất là giải phóng toàn tỉnh Phước Long cuối năm 1974 cho thấy rõ ràng khả năng thực tế của quân đội Sài Gòn không thể ngăn chặn được bước tiến của quân ta, còn quân Mỹ rất khó quay trở lại để cứu tập đoàn "Việt Nam Cộng hòa". Cuối tháng 3-1975, ta giải phóng Đà Nẵng và 5 tỉnh Bắc Trung Bộ. Căn cứ vào sức tiến công dồn dập trên chiến trường, Bộ Chính trị lại tiếp tục bổ sung quyết tâm chiến lược giải phóng miền Nam trong thời gian sớm nhất, vẫn là năm 1975 nhưng phải là trước mùa mưa, tức là trong tháng 4-1975, không thể chậm hơn. Ngày 26-4-1975, bắt đầu chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn - Gia Định, buộc tổng thống chính quyền Sài Gòn tuyên bố đầu hàng không điều kiện lúc 11 giờ 30 phút ngày 30-4-1975.

Miền Nam nước ta đánh Mỹ có quân đông, vũ khí hiện đại, thừa thãi chẳng khác gì "châu chấu đá xe" nhưng "ai dè xe nghiêng"! Chỉ trong 55 ngày đêm, cả bộ máy "Việt Nam Cộng hòa" (không có quân Mỹ, song Mỹ vẫn thực sự nắm quyền), chính quyền và quân đội bị đập tan tành. Chế độ thực dân mới được đế quốc Mỹ dốc sức xây dựng qua 5 đời tổng thống hoàn toàn sụp đổ. Đồng bào cả nước đã đánh thắng cuộc chiến tranh thực dân mới quy mô lớn nhất, dài ngày nhất, ác liệt nhất từ sau Chiến tranh Thế giới thứ hai.

13. TRẦN ĐÌNH QUANG. Tuyên vận tải chiến lược trong Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 // <https://www.tapchiquptd.vn.-> Ngày 9/4/2020.

TUYÊN VẬN TẢI CHIẾN LƯỢC TRONG TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN 1975

Sau khi Hiệp định Paris được ký kết, tình hình trên chiến trường miền Nam có những chuyển biến tích cực, có lợi cho ta. Trung ương Đảng đã ra Nghị quyết số 21 (7/1973) xác định nhiệm vụ của cách mạng miền Nam; tháng 10/1974, Bộ Chính trị đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 - 1976 và sau đó đề ra kế hoạch thời cơ, giải phóng miền Nam trong năm 1975.

Quán triệt sâu sắc quyết tâm chiến lược, Tổng cục Hậu cần đã chủ động xây dựng và triển khai Kế hoạch Hậu cần 3 năm (1973 - 1975) chuẩn bị cho “thời cơ lớn”. Theo đó, công tác chuẩn bị chiến trường về hậu cần được tiến hành toàn diện ở các cấp; trong đó, vận tải - khâu trung tâm, then chốt, được đặc biệt quan tâm. Nghị quyết số 21 chỉ rõ: “Tích cực xây dựng, phát triển và hoàn thiện các tuyến giao thông vận tải, bảo vệ hành lang và kho tàng, ra sức dự trữ lương thực, vũ khí, trang bị kỹ thuật, bảo đảm vật chất cho các lực lượng vũ trang trên các chiến trường”. Thực hiện định hướng đó, tranh thủ thời cơ khi địch giảm bớt hoạt động đánh phá, chúng ta đẩy mạnh sửa chữa đường, cầu, mở thêm tuyến mới, xây dựng, phát triển tuyến giao thông vận tải chiến lược; mở rộng, hoàn thiện mạng giao thông đường bộ, đường ống trên cả hai phía Đông và Tây Trường Sơn đảm bảo cho vận chuyển bằng cơ giới quy mô lớn, liên tục trong cả năm. Đồng thời, phát triển mạnh mạng đường chiến dịch, nhằm đưa vận tải cơ giới đến sát các khu vực tác chiến; chấn chỉnh tổ chức lực lượng vận tải chiến lược để vận chuyển lớn, tăng cường chi viện vật chất hậu cần, kỹ thuật cho các chiến trường.



Tư lệnh Đồng Sỹ Nguyên (đội mũ vải) nghe báo cáo về kế hoạch triển khai tuyến xăng dầu khu vực 471. Ảnh: Tư liệu

Trên tuyến vận tải chiến lược 559, đến đầu năm 1973, đường Đông Trường Sơn đã được mở rộng, nhưng cơ bản vẫn là đường đất, chỉ vận chuyển được trong mùa khô; đường Tây Trường Sơn mới mở rộng và rải cấp phối đoạn từ Đường 9 vào đến địa đầu Khu 5. Để tăng tốc độ xe chạy, rút ngắn thời gian vận chuyển, đáp ứng yêu cầu vận chuyển lớn, tháng 02/1973, Quân uỷ Trung ương giao cho Bộ Tư lệnh Trường Sơn trong 3 năm phải hoàn thành xây dựng cơ bản hệ thống đường chiến lược Đông Trường Sơn từ Đường 9

vào Đông Nam Bộ. Trước mắt, gấp rút hoàn thành đoạn từ Đường 9 vào Tây Nguyên và Khu 5; tiếp tục nâng cấp đường Tây Trường Sơn. Thực hiện kế hoạch đó, Bộ Tư lệnh Trường Sơn đã huy động 15 trung đoàn làm đường, 01 trung đoàn làm cầu và các tiểu đoàn công binh,... với tổng quân số trên 36.000 người (chiếm 36% lực lượng) cùng hơn 1.000 xe máy công trình và lực lượng của hậu phương chi viện. Với quyết tâm, nỗ lực cao độ, trong 02 năm (1973 - 1974), Bộ đội Trường Sơn đã mở thêm được 5.560 km đường bộ, đưa tổng chiều dài tuyến đường Trường Sơn lên 16.790 km, trong đó có 6.810 km đường trục dọc, 4.980 km đường trục ngang và 5.000 km đường vòng tránh. Xây dựng thêm 1.311 km đường ống và nối thông hai tuyến ống Đông - Tây Trường Sơn ở Plây Khốc, kéo vào Bù Gia Mập, đưa tuyến đường ống phía trước lên 1.712 km với 101 trạm bơm và trữ lượng kho 27.000 m³ nhiên liệu, v.v. Các chiến trường cũng mở thêm hàng nghìn ki-lô-mét đường ô tô nối với tuyến vận tải chiến lược, tạo nên hệ thống giao thông vận tải cơ giới thông suốt từ hậu phương lớn miền Bắc đến các chiến trường, địa bàn tác chiến, liên hoàn giữa tuyến chiến lược với tuyến chiến dịch và giữa các chiến trường, hình thành thế trận vận tải vững chắc, tạo khả năng cơ động cao để bảo đảm hậu cần cho tác chiến hiệp đồng binh chủng quy mô lớn.

Cùng với phát triển mạng giao thông, xây dựng thế trận vận tải, hậu cần chiến lược chủ động tạo chân hàng và chỉ đạo điều chỉnh tổ chức vận tải ở hậu phương và Tuyến 559 theo hướng tổ chức các sư đoàn, trung đoàn ô tô, thực hiện vận tải tập trung quy mô lớn, “lấy vận tải cơ giới là chủ yếu, vận tải ô tô là chủ lực”, tổ chức vận chuyển ban ngày, từ cung ngắn sang cung dài, từ đội hình nhỏ sang đội hình trung đoàn, sư đoàn ô tô, nhằm đẩy mạnh chi viện chiến lược, đưa nhanh vật chất, phương tiện kỹ thuật ra phía trước.

Trên Tuyến vận tải chiến lược 559, từ năm 1973, ta đã cải tiến cơ cấu tổ chức: Từ 05 sư đoàn khu vực chỉ để lại 03 sư đoàn (470, 471, 472) bố trí trên các khu vực Đông, Tây Trường Sơn và chuyển Sư đoàn khu vực 473 thành Sư đoàn Công binh 473, Sư đoàn 571 thành Sư đoàn Ô tô 571; nhiều binh trạm được tổ chức thành các trung đoàn vận tải ô tô và công binh; các kho rải rác trên Tuyến được thu gọn thành các trung đoàn kho. Sang năm 1974, Sư đoàn khu vực 470 và 472 được chuyển thành các sư đoàn công binh để đẩy nhanh tiến độ mở đường; Sư đoàn khu vực 471 chuyển thành Sư đoàn Ô tô 471 cùng Sư đoàn Ô tô 571 tổ chức vận chuyển lớn, cung dài vào các chiến trường. Công tác bảo vệ vận tải cũng được hết sức coi trọng, một số đơn vị pháo cao

xạ được tập trung để tổ chức thành Sư đoàn Phòng không 377 bảo vệ vùng căn cứ ở khu vực Đường 9 và tuyến Đông Trường Sơn; Sư đoàn 968 được sáp nhập một số đơn vị và tăng cường binh khí, kỹ thuật để bảo vệ tuyến Tây Trường Sơn. Vì vậy, tuyến vận tải chiến lược luôn đảm bảo thông suốt.

Trên tuyến hậu phương, ta giải thể tổ chức vận tải thống nhất ở các tỉnh; rút 11 binh trạm vận tải xuống còn 06 và sau đó còn 03; các tiểu đoàn xe được tập trung lại thành 02 đoàn vận tải ô tô (Đoàn 10 và 26 sau chuyển thành Trung đoàn 510 và 525) trực thuộc Cục Vận tải. Đoàn vận tải biển cũng được thành lập và đến tháng 5/1974 sáp nhập với Đoàn vận tải sông thành Đoàn vận tải Hồng Hà làm nhiệm vụ vận tải đường thủy. Các trạm giao liên chuyên thương được thu gọn thành các trạm lớn, đặt dọc đường quốc lộ 1A; các tiểu đoàn xe giao liên chuyên thương được tách khỏi các binh trạm để thành lập các trung đoàn giao liên cơ giới thuộc Cục Vận tải đảm nhiệm tuyến giao liên hành quân và chuyển thương binh ra miền Bắc, v.v.

Cuối năm 1972, Tổng cục Hậu cần thực hiện kế hoạch vận chuyển đặc biệt (ĐB1, 2, 3) đưa khối lượng lớn vật chất trang bị, chủ yếu là vũ khí, đạn vào Nam sông Bến Hải và qua biên giới Việt - Lào. Đặc biệt, trong 30 ngày của Kế hoạch ĐB3, đã huy động 10.391 xe ô tô vận tải (gồm 2.504 xe của Cục Vận tải, các quân binh chủng, tổng cục, quân khu và 7.887 xe của 19 công ty vận tải quốc doanh và các bộ, ngành) vận chuyển 52.829 tấn vũ khí từ hậu phương vào khu vực Cửa Việt, Đông Hà, Cam Lộ. Năm 1973 - 1974, hậu cần chiến lược còn sử dụng tàu thủy, tàu hỏa chuyển vào khu vực Cam Lộ 780.665 tấn hàng các loại.

Mùa khô 1974 - 1975, nhu cầu vận chuyển theo kế hoạch tác chiến chiến lược tăng 161% so với mùa khô 1973 - 1974. Trước yêu cầu nhiệm vụ và điều kiện mới, Bộ Tư lệnh Trường Sơn đã tổ chức lại cung độ vận chuyển với 02 cung vận chuyển cơ bản dài và ngắn (từ Đông Hà đi Sê Sụ và từ Sê Sụ đi Đông Nam Bộ mỗi cung dài 450 km - 550 km và một số cung ngắn khoảng 200 km vận chuyển vào các chiến trường khác); đồng thời, bố trí đồng bộ lực lượng bảo đảm hậu cần - kỹ thuật, bốc xếp, chỉ huy vận tải đáp ứng yêu cầu vận chuyển lớn. Tháng 12/1974, sau khi Bộ Chính trị phê chuẩn kế hoạch tác chiến năm 1975, khối lượng vận chuyển của Bộ đội Trường Sơn tăng thêm 10% so với ban đầu. Để tăng khả năng vận chuyển đáp ứng yêu cầu kế hoạch tác chiến chiến lược, Bộ Quốc phòng huy động xe từ các cơ quan, đơn vị ở phía sau, gấp rút xây dựng Trung đoàn Ô tô 510B và tiếp nhận 1.100 xe ô tô

Chính phủ cấp bổ sung cho Bộ Tư lệnh Trường Sơn. Với những nỗ lực vượt bậc, từ đầu năm 1973 đến 4/1975, tuyến vận tải chiến lược đã vận chuyển trên 823.146 tấn hàng hoá các loại (gấp 1,6 lần khối lượng vận chuyển của 13 năm trước đó), trong đó giao cho các chiến trường 364.524 tấn (gấp 2,6 lần khối lượng vận chuyển của 13 năm trước đó), tạo lượng dự trữ lớn tiếp cận các địa bàn trọng yếu, sẵn sàng bảo đảm cho tác chiến quy mô lớn theo quyết tâm chiến lược.

Cùng với tổ chức vận chuyển vật chất hậu cần, kỹ thuật cho thời cơ lớn, tuyến vận tải chiến lược đã chủ động bảo đảm cho nhu cầu hành quân, chuyển thương binh. Trên tuyến Đông Trường Sơn, ta tổ chức 10 trạm giao liên với 10 cung (1.030 km). Tuyến Tây Trường Sơn tổ chức 05 trạm với 05 cung xe (840 km). Đồng thời, tổ chức một đường hành quân với hàng loạt các trạm giao liên chuyên phục vụ cho các đoàn binh khí, phương tiện kỹ thuật hành quân vào chiến trường. Trong hơn hai năm (1973 đến 4/1975), đã tổ chức cho 411.161 lượt người (có 25.989 cán bộ dân chính đảng), 149 đoàn binh khí kỹ thuật với 269 pháo mặt đất, 974 pháo cao xạ, 457 xe tăng và xe bọc thép vào chiến trường; chuyển 219.380 thương bệnh binh ra miền Bắc. Riêng từ tháng 11/1974 đến 4/1975, đã đưa vào chiến trường hơn 232.000 người, v.v.

Sau thắng lợi của Chiến dịch Tây Nguyên, ngày 18/3/1975, Bộ Chính trị hạ quyết tâm hoàn thành kế hoạch hai năm ngay trong năm 1975; chỉ đạo: “Tập trung lớn và nhanh nhất lực lượng, binh khí kỹ thuật, vật chất bảo đảm giải phóng Sài Gòn trước mùa mưa”. Bám sát quyết tâm chiến lược và tình hình chiến trường, vận tải chiến lược phát động đợt vận chuyển thần tốc, tập trung mọi lực lượng để vận chuyển vật chất, cơ động lực lượng và binh khí kỹ thuật vào chiến trường. Cục Vận tải đã cùng với các lực lượng vận tải của các quân khu, quân chủng, binh chủng và lực lượng vận tải của các cơ quan nhà nước, hợp thành lực lượng vận tải tổng hợp, tổ chức thành hai mũi chủ yếu là đường biển và đường bộ đi thẳng vào chiến trường. Trên tuyến vận tải chiến lược, Bộ Tư lệnh 559 chỉ đạo “lật cánh”, chuyển lực lượng và phương tiện từ Tây sang Đông Trường Sơn, tập trung cao nhất mọi khả năng để hoàn thành nhiệm vụ cơ động lực lượng, vũ khí trang bị, đặc biệt là đạn hỏa lực bảo đảm cho tác chiến.



Đội hình xe ô tô Trung đoàn 13 (Sư đoàn 571) lên đường thực hiện nhiệm vụ

Thực tiễn công tác bảo đảm hậu cần trong Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 cho thấy, chúng ta đã giải quyết thành công nhiều vấn đề về chỉ huy, chỉ đạo, tổ chức bảo đảm, v.v. Trong đó, vận tải chiến lược đã thể hiện rõ vai trò, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Mặc dù phải đảm bảo khối lượng vật chất, vũ khí, trang bị kỹ thuật rất lớn trong điều kiện cơ động thần tốc, các chiến dịch tác chiến hiệp đồng binh chủng quy mô lớn, diễn ra liên tiếp, xen kẽ nhau, trong thời gian ngắn, không gian rộng, trải khắp chiến trường miền Nam, nhưng vận tải chiến lược đã chủ động đi trước một bước, làm tốt công tác chuẩn bị cầu, đường, lực lượng, phương tiện vận tải đủ mạnh. Đồng thời, bám sát quyết tâm, tình huống chiến lược, chiến dịch, linh hoạt huy động, sử dụng có hiệu quả mọi phương thức, phương tiện vận tải, tổ chức vận chuyển theo cách đánh thần tốc, táo bạo nên đã giải quyết tốt mâu thuẫn chiến trường “không gian rộng”, “thời gian ngắn”, “khối lượng vận chuyển lớn”. Vận tải chiến lược đã “thọc sâu, vươn xa” bảo đảm, cùng hậu cần Bộ Tư lệnh Miền, hậu cần các chiến dịch, các quân khu, quân đoàn, thực hiện tốt nhiệm vụ cơ động chiến lược, kịp thời đưa các quân đoàn, sư đoàn chủ lực cùng binh khí kỹ thuật và hàng chục nghìn tấn vật chất vượt quãng đường hàng nghìn ki-lô-mét đến các hướng chiến trường, đáp ứng thời cơ chiến lược, yêu cầu tiến công đồng loạt, liên tục, tốc độ cao, góp phần tạo nên sự “thần tốc” và thắng lợi to lớn trong Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

Những bài học kinh nghiệm công tác hậu cần nói chung, công tác vận tải chiến lược nói riêng trong Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 đến nay vẫn còn nguyên giá trị, cần được nghiên cứu, kế thừa, phát triển phù hợp

với điều kiện mới của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (nếu xảy ra) sẽ là chiến tranh nhân dân phát triển cao chống lại chiến tranh xâm lược địch sử dụng vũ khí công nghệ cao. Để giành thắng lợi, chúng ta phải chủ động chuẩn bị đất nước toàn diện về mọi mặt. Về công tác hậu cần, cần tiếp tục quán triệt, thực hiện tốt đường lối quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, quan điểm hậu cần toàn dân của Đảng; tăng cường xây dựng tiềm lực, thế trận hậu cần chiến tranh nhân dân, chủ động chuẩn bị trước về hậu cần ngay từ thời bình. Hiện nay, cần đẩy mạnh kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, nhằm xây dựng tiềm lực, thế trận hậu cần vững mạnh; chú trọng xây dựng hậu cần nhân dân rộng khắp làm cơ sở, hậu cần khu vực phòng thủ làm nền tảng. Tập trung xây dựng ngành Hậu cần Quân đội vững mạnh toàn diện, ngày càng chính quy, hiện đại, đủ khả năng làm nòng cốt trong bảo đảm hậu cần khi chiến tranh xảy ra; gắn kết chặt chẽ hậu cần tại chỗ với hậu cần cơ động, hình thành thế trận liên hoàn, vững chắc, có thể độc lập bảo đảm trên từng khu vực, hướng chiến lược trong mọi tình huống, v.v. Vận tải là khâu trung tâm của công tác hậu cần và là cầu nối đưa sức mạnh của hậu phương ra tiền tuyến; bởi vậy, phải quan tâm xây dựng tiềm lực, thế trận vận tải vững chắc. Từ kinh nghiệm công tác vận tải trong Chiến dịch Điện Biên Phủ trong kháng chiến chống thực dân Pháp và tổ chức vận tải chiến lược trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cần đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, bến, bãi; phát triển lực lượng, phương tiện vận tải của các thành phần kinh tế; xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách huy động, động viên nguồn lực vận tải bảo đảm cho quốc phòng trong điều kiện nền kinh tế thị trường; tổ chức luyện tập, diễn tập huy động lực lượng, phương tiện vận tải dự bị động viên trong khu vực phòng thủ để hoàn chỉnh kế hoạch, phương án, v.v. Đặc biệt, chú trọng xây dựng, kiện toàn tổ chức lực lượng vận tải quân sự theo hướng “tinh, gọn, mạnh”, đồng bộ ở cả 03 cấp (chiến lược, chiến dịch, chiến thuật) và từng bước hiện đại hóa trang bị, phương tiện vận tải theo tiến trình hiện đại hóa Quân đội, để nâng cao khả năng cơ động và bảo đảm. Cùng với đó, làm tốt công tác tổng kết, nghiên cứu phát triển lý luận vận tải quân sự, phù hợp với sự phát triển của khoa học quân sự, nghệ thuật quân sự, tổ chức biên chế, trang bị của lực lượng vũ trang trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc./.

14. NGUYỄN VĂN NINH. Sư đoàn ô tô vận tải 571 – Bộ đội Trường Sơn trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử // [https://www.hoitruongson.vn.-2020.- Ngày26/4](https://www.hoitruongson.vn.-2020.-Ngày26/4).

SƯ ĐOÀN Ô TÔ VẬN TẢI 571 - BỘ ĐỘI TRƯỜNG SƠN TRONG CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH LỊCH SỬ

Sau chiến thắng giòn giã ở Tây Nguyên, quân ta tiến đánh địch ở khắp các chiến trường, giải phóng thêm một số vùng đất đai rộng lớn, đẩy địch vào bước suy sụp mới phải từ phòng ngự chiến lược chuyển sang rút lui có cụm chiến lược.

Một cục diện mới đã mở ra. Thời cơ mới đang hình thành từ thực tiễn chiến đấu của quân dân ta và từ bộ óc vĩ đại của Đảng ta. Bộ Chính trị thấy rằng thời cơ chiến lược đã tới và hạ quyết tâm *“Năm vững thời cơ, với tư tưởng chỉ đạo: thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng, thực hiện tổng công kích, tổng khởi nghĩa trong thời gian sớm nhất, tốt nhất là trong tháng 4, không thể để chậm”*.

Các đơn vị ô tô vận tải chiến lược được chọn làm lực lượng chủ lực chủ yếu cơ động các binh đoàn chủ lực và binh khí kỹ thuật thần tốc, táo bạo tiến vào Nam Bộ, tạo bất ngờ đối với địch, nhanh chóng áp sát Sài Gòn từ nhiều hướng, thực hiện tổng công kích.

Sư đoàn ô tô vận tải 571 thuộc Bộ Tư lệnh Trường Sơn, ngày 2/3/1975 nhận được lệnh của Bộ Tư lệnh Trường Sơn chuẩn bị 1000 xe vận tải để làm nhiệm vụ cơ động gấp. Quân đoàn 1 - lực lượng dự bị chiến lược của Bộ từ Vĩnh Chấp (Vĩnh Linh) vào Đồng Xoài chuẩn bị cho trận quyết chiến lịch sử (trước đó Quân đoàn đã từ Ninh Bình di chuyển vào Vĩnh Linh).

Bộ xác định, thời gian chậm nhất là ngày 3 tháng 4 Quân đoàn 1 phải xuất phát, và ngày 25 tháng 4 là hạn cuối cùng phải có mặt tại Đồng Xoài.

Mệnh lệnh này đến trong thời điểm hầu hết lực lượng xe của Sư đoàn đang trên đường vận chuyển ở Tây Trường Sơn. Nhưng nhờ có hệ thống thông tin được tổ chức chặt chẽ, Bộ Tư lệnh Sư đoàn đã kịp thời điện khẩn cấp cho các đơn vị nhanh chóng trả hàng, thu quân về nhận nhiệm vụ. Mặt khác, Sư đoàn tập trung toàn bộ lực lượng lái xe và thợ sửa chữa ở hậu cứ của các Trung

đoàn, các trạm tiểu tu, trung tu, khẩn trương chuẩn bị kỹ thuật cho số xe tại trại. Đồng thời, tiến hành chuẩn bị công tác hậu cần, quân y, nhằm bảo đảm sức khỏe, ăn uống, sinh hoạt cho bộ đội theo phương án cơ động liên tục trên đường. Công tác chính trị được phát huy hơn lúc nào hết. Mọi cán bộ, chiến sĩ đều nhận thức đầy đủ về thời cơ lớn, thấu suốt ý đồ thần tốc, táo bạo của trên.

Đi đôi với công tác chuẩn bị xe, Sư đoàn đã tổ chức thêm các chốt, trạm chỉ huy điều hành và tăng cường cán chỉ huy, nhân viên thông tin vô tuyến trên đường hành quân suốt chiều dài hơn 1000 km .

Để đảm bảo đội hình nhanh, gọn, an toàn, Bộ Tư lệnh Sư đoàn đã tổ chức hiệp đồng với Bộ Tham mưu Quân đoàn về tổ chức đội hình, chỉ huy hành quân, chỉ huy chiến đấu khi gặp địch, và công tác đảm bảo hậu cần.

Tổ chức hành quân được sắp xếp thành 3 đội hình lớn, mỗi đội hình có 3 Tiểu đoàn xe, chở gọn một Trung đoàn bộ binh, hành quân cách nhau 5 ngày. Ngày 29 tháng 3, đội hình thứ nhất xuất phát 268 xe, cơ động gọn 2 Trung đoàn và Sư đoàn bộ 320B từ Vĩnh Chấp tiến vào Đường 9 theo Đường 22 Tây Trường Sơn rồi tạt sang Đường 14 đến Đồng Xoài. Cùng ngày, một lực lượng xe vận tải vào Huế, Đà Nẵng cơ động Trung đoàn 27 (cũng của Sư đoàn 320B) theo quốc lộ 1, qua Đà Nẵng vừa giải phóng đến Quy Nhơn, rồi rẽ Đường 19 lên Buôn Ma Thuột, theo Đường 14 đến Đồng Xoài.

Ngày 3 tháng 4, đội hình thứ 2 xuất phát gồm 395 xe, cơ động Sư đoàn 312 và cơ quan Quân đoàn bộ.

Ngày 8 tháng 4, đội hình thứ 3 xuất phát gần 400 xe, cơ động Sư đoàn phòng không 367 và chở đạn dược, xăng dầu đi theo đoàn binh khí kỹ thuật của Quân đoàn.

Như vậy là chỉ trong vòng 10 ngày, Sư đoàn 571 đã sử dụng 1.053 xe ô tô vận tải (cả 32 xe dự phòng và hộ tống đi theo đội hình), cơ động đại bộ phận Quân đoàn 1 (còn sư đoàn 308 ở lại làm lực lượng dự bị chiến lược) hành quân bằng cơ giới hoá theo Đường 22 Tây Trường Sơn đến Sê Sụ rồi tạt sang Đường 14 qua Plâyku, Đức Lập xuống Đồng Xoài.

Trên đường hành quân, các đội hình xe phải đi qua nhiều địa hình vừa xảy ra chiến đấu như Kon Tum, Plâyku, Buôn Ma Thuột, mảnh đạn đầy đường, xe pháo, súng đạn của địch vút ngồn ngang khắp chốn. Đường Trường Sơn giữa mùa nắng, trời rất oi bức, gió bụi mịt mù, đội hình xe của Sư đoàn nối tiếp nhau kéo dài hàng trăm cây số. Lính bộ binh, lính lái xe, người nào cũng phủ

một lớp bụi đỏ quạch; mỗi xe được bố trí hai lái, anh em thay phiên nhau chạy suốt ngày đêm. Bộ binh ngủ ngồi trên thùng xe. Xe chỉ được tạm dừng nghỉ để bộ đội ăn uống và lái xe tranh thủ kiểm tra, sửa chữa kỹ thuật. Ai cũng hiểu rõ, lúc này thời gian là lực lượng, thời gian là chiến thắng. Tất cả đều hăm hở quyết tâm tiến nhanh tới đích.

Sau hơn 10 ngày đêm hành quân liên tục, ngày 11/4 đội hình đầu tiên đã đến Đồng Xoài, đội hình thứ hai đến ngày 17/4 và đội hình cuối cùng đến ngày 19/4, tất cả đều đảm bảo an toàn tuyệt đối. Với hơn một nghìn xe cơ động máy vận quân và nhiều binh khí kỹ thuật trên đường rừng núi dài 1200 km, vượt thời gian Bộ Tổng Tư lệnh quy định 6 ngày.

Sự có mặt của Quân đoàn 1 tại Đồng Xoài vào trung tuần tháng 4 đã góp phần tạo nên ưu thế tuyệt đối, bất ngờ áp đảo kẻ địch trên hướng Tây Bắc Sài Gòn, khiến chúng càng rối loạn thêm về chiến lược. Trong khi đang triển khai nhiệm vụ cơ động Quân đoàn 1 vào Đồng Xoài thì cuối tháng 3 Sư đoàn nhận lệnh dùng hơn 600 xe vận chuyên gạo và đạn từ Đông Hà theo đường số 1 vào Đà Nẵng đảm bảo cho Quân đoàn 2 chiến đấu.

Sau đó, ngày 6 tháng 4 Sư đoàn nhận được lệnh của Trung tướng Lê Trọng Tấn, Phó Tổng Tham mưu trưởng, Tư lệnh cánh quân Duyên Hải sử dụng toàn bộ số xe hiện có của Sư đoàn tại Đà Nẵng để cơ động Quân đoàn 2 tấn công địch theo đường số 1 vào phía Nam.

Ngày 8 tháng 4, đồng chí Lê Trọng Tấn cử đồng chí Thiếu tướng Giáp Văn Cương, Phó Tổng Tham mưu trưởng cùng đồng chí Hoàng Trá, quyền Tư lệnh Sư đoàn 571, dùng trực thăng bay ra Sở chỉ huy của Bộ Tư lệnh Trường Sơn tại Gio Linh để làm công tác hiệp đồng.

Như vậy, từ ngày 9 tháng 4, trong khi trên hướng Tây Trường Sơn hơn 1.000 xe của Sư đoàn đang trên đường cơ động Quân đoàn 1 đến Đồng Xoài, thì ở hướng đông 669 xe của Sư đoàn đã tập kết từ chân đèo Hải Vân đến sân bay Đà Nẵng để cơ động các lực lượng của Quân đoàn 2, thần tốc tiến theo quốc lộ số 1, vừa đi vừa đánh địch, giải phóng các tỉnh ven biển miền Trung, nhanh chóng áp sát Sài Gòn từ hướng đông. Lực lượng xe của Sư đoàn được tổ chức theo các khối hành quân của Quân đoàn. Công binh đi trước gặp cầu hỏng là khắc phục ngay (đọc đường đã phải lắp ghép cầu phao qua 6 con sông lớn do địch đã nổ mìn khi tháo chạy). Tiếp theo là lực lượng xe tăng thiết giáp nhằm đề bẹp các ổ đề kháng của địch. Sau đó là bộ binh và pháo binh. Mỗi

khởi hành quân có một Trung đoàn pháo cao xạ bảo vệ. Cuối cùng là đội hình xe chở đạn dược và lương thực, thực phẩm, có thể đủ ăn trong một tháng.

Khẩu hiệu “Thần tốc, táo bạo” được dán trên mũ các chiến sĩ và dán ở cánh cửa của từng xe.

Dọc đường hành quân, bộ đội đi qua địa phận các tỉnh trên trục đường số 1 từ Đà Nẵng trở vào, đến đâu cũng nhận được sự đón tiếp nồng ấm của nhân dân.

Trong sự hoảng loạn, quân địch đã tháo chạy, địch phát hiện lực lượng của Quân đoàn 2 tiến công theo đường số 1, trong cơn tuyệt vọng, chúng đã dùng máy bay, tàu chiến điên cuồng bắn phá vào đội hình cơ giới và tung biệt kích quấy rối phía sau. Theo yêu cầu tác chiến hiệp đồng binh chủng, mọi hoạt động của lực lượng xe đều phụ thuộc vào ý đồ tác chiến của bộ binh. Mọi diễn biến và các yêu cầu phải xử lý trên đường đều thuộc vào bản lĩnh, trí tuệ thông minh, trình độ và kinh nghiệm vốn có của từng cán bộ, chiến sĩ vận tải. Ở tất cả các mũi tiến công, địch đều tập trung các loại hỏa lực nhằm bắn vào đội hình xe cơ động bộ binh tiến công. Song, các chiến sĩ lái xe của Sư đoàn 571 vẫn bình tĩnh, dũng cảm, vững vàng tay lái đưa các chiến sĩ bộ binh xông lên đánh chiếm hết mục tiêu này đến mục tiêu khác, lần lượt tiến công giải phóng Nha Trang, Cam Ranh, Phan Rang, sân bay Thành Sơn, Phan Thiết, Hàm Tân, sau đó tiến sát Xuân Lộc, kịp thời tham gia Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Sau khi cơ động Quân đoàn 2 vào vị trí tập kết, Sư đoàn ô tô vận tải 571 được lệnh để lại 250 xe để cơ động lực lượng đánh thọc sâu của Quân đoàn tiến đánh các vị trí ngoại vi, rồi đánh thẳng vào nội thành Sài Gòn. Lực lượng còn lại được lệnh khẩn cấp quay ra Nha Trang cùng với các đơn vị của Sư đoàn vừa mới ở hướng Tây Trường Sơn xuống, chở đạn hỏa lực phục vụ các cánh quân đang tiến công đánh chiếm Sài Gòn.

Đúng 17 giờ ngày 26 tháng 4, các cánh quân của ta từ 5 hướng cùng nổ súng tấn công, mở màn Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Ở hướng Quân đoàn 2, trận bão lửa của gần chục tiểu đoàn pháo binh trút xuống đầu giặc vừa dứt, đội hình xe cơ giới của Sư đoàn 571 cơ động lực lượng đánh thọc sâu của quân đoàn từ các cánh rừng cao su ào ào xông lên theo tiếng kèn đồng của bộ binh.

Trong vòng chưa đầy 2 giờ đồng hồ, xe của Sư đoàn 571 đã cơ động bộ binh của Sư đoàn 304 đánh chiếm Trường huấn luyện thiết giáp, một phần căn cứ Nước Trong. Trước sự ngoan cố chống cự, phản kích quyết liệt của địch suốt đêm 26 và cả ngày 27, các chiến sĩ lái xe đã sát cánh cùng với các chiến sĩ bộ binh chiến đấu ngoan cường vừa đánh địch mặt đất, vừa đánh trả máy bay địch đang lờng lộn trên không oanh tạc bừa bãi. Giữa trưa ngày 29 tháng 4, Sư đoàn 304 đã làm chủ hoàn toàn căn cứ Nước Trong.

Sáng ngày 29 tháng 4, thực hiện lời kêu gọi của Bộ Chính trị và lệnh động viên của Bộ Chỉ huy Chiến dịch, các chiến sĩ lái xe của Sư đoàn đã nhanh chóng vận chuyển đạn pháo lớn cho trận địa pháo tầm xa của ta ở Nhơn Trạch, đảm bảo kịp thời cho trận pháo kích dữ dội vào sân bay Tân Sơn Nhất vào lúc 5 giờ sáng ngày 29 tháng 4, mở màn cho trận Tổng công kích.

Tiếng nổ của loạt pháo hạng nặng vừa dứt ở sân bay Tân Sơn Nhất, đội hình xe của Sư đoàn cơ động lực lượng đánh thọc sâu của Quân đoàn 2 vượt qua các ồ đề kháng của địch, tiến sát đông bắc cầu Sài Gòn khi trời chưa sáng rõ.

Sáng ngày 30 tháng 4, lực lượng đánh thọc sâu của Quân đoàn 2 được xe của Sư đoàn 571 cơ động, có chi viện của ba trận địa hỏa lực, có đặc công, biệt động dẫn đường nhằm thẳng hướng Sài Gòn. Dọc đường quân ta vừa tiến công, vừa dùng hỏa lực tiêu diệt các ồ đề kháng của địch đánh chiếm Đài Phát thanh

ngụy.

Phía bắc cầu Rạch Chiếc, Tiểu đội trưởng lái xe Dương Quang Lự, Đại đội 5, Tiểu đoàn 964, Trung đoàn 512, Sư đoàn 571 đã cùng đồng đội chiến đấu rất dũng cảm, tiêu diệt nhiều địch và bắt sống nhiều tù binh. 9 giờ 30 phút, xe của Nguyễn Văn Nam và xe của Dương Quang Lự cơ động đơn vị trình sát, đặc công bám sát xe tăng thuộc Lữ đoàn 203 vượt qua cầu Rạch Chiếc, bon nhanh trên đường Hồng Tập Tự, tiến về hướng Định Độc Lập. Xe tăng đi trước mở đường, xe của Nam và Lự bám theo sau, bỗng dừng xe của Nam phải dừng lại bởi trục truyền động vướng phải bùng nhùng dây thép gai trên đường do bánh xích xe tăng nghiêng đứt bật lại phía sau. Xe của Dương Quang Lự chở các chiến sĩ bộ binh, đặc công tăng tốc bám sát theo xe tăng xông thẳng vào Dinh Độc Lập, bắt sống toàn bộ ngụy quyền, buộc chúng đầu hàng vô điều kiện lúc 11 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4. Đây là xe ô tô vận tải quân sự đầu tiên bám sát xe tăng của Lữ đoàn 203, Quân đoàn 2 có mặt tại Dinh Độc Lập trong giờ phút huy hoàng của dân tộc.

Cũng sáng ngày 30 tháng 4, một bộ phận xe của Sư đoàn 571 cơ động Sư đoàn 325 và Sư đoàn 7 đánh chiếm Bộ Tổng Tham mưu ngụy và khu Bộ Tư lệnh các binh chủng của địch. Đồng thời, khoảng 500 xe của sư đoàn đưa các lực lượng của các quân, binh chủng và lực lượng an ninh vào tiếp quản Sài Gòn.

Như vậy, trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử 1975, Sư đoàn ô tô vận tải - Bộ đội Trường Sơn đã sử dụng gần 1.800 xe các loại vận chuyển vũ khí đạn dược, cơ sở vật chất kỹ thuật đảm bảo kịp thời cho các hướng chiến trường tác chiến. Đồng thời, thần tốc cơ động Quân đoàn 1 từ hậu phương vào vị trí tập kết triển khai chiến dịch; cơ động Quân đoàn 2 vừa đi vừa đánh địch trên đường số 1 giải phóng các tỉnh Duyên hải miền Trung, tiến vào Sài Gòn đánh chiếm Dinh Độc Lập - hang ổ cuối cùng của Mỹ Ngụy, góp phần giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Đây là bước phát triển mới về nghệ thuật quân sự, lần đầu tiên trong lịch sử chiến tranh ta đã sử dụng một lực lượng lớn xe ô tô để cơ động gọn một quân đoàn trên một hướng chiến dịch. Đồng thời, thực hiện việc cơ giới hoá lực lượng bộ binh vừa đi, vừa đánh, tiến lên đánh trận then chốt, quyết định của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH XE CỦA SƯ ĐOÀN 571 TRONG XUÂN 1975 VÀ CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH LỊCH SỬ



Đội hình lớn xe ô tô của Sư đoàn 571 vượt ngàn ở Trường Sơn.



*Cơ động bộ đội Quân đoàn 2 giải phóng các địa phương dọc miền Trung.
(ảnh trên và dưới).*



Trên đường thần tốc cùng Quân đoàn 2 tiến đánh Sài Gòn.



Xe ô tô chở lực lượng bộ binh Quân đoàn 2 tiến về Dinh Độc Lập sáng ngày 30/4/1975



Nhân dân Sài Gòn đón chào quân Giải phóng tiến về Sài Gòn.

15. LÊ VĂN CƯỜNG. Sư đoàn 320A trong Chiến dịch Tây Nguyên 1975 // <https://www.tapchiquptd.vn.-> Ngày 19/3/2020.

SƯ ĐOÀN 320 TRONG CHIẾN DỊCH TÂY NGUYÊN 1975

Thực hiện quyết tâm của Bộ Chính trị là giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước trong hai năm 1975 - 1976, Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh quyết định mở Chiến dịch Tây Nguyên với mật danh “Chiến dịch 275”, nhằm thực hiện chia cắt chiến lược và tạo thế chiến lược mới trên chiến trường miền Nam.



Đại tá Lê Văn Cương (thứ nhất bên trái) *trực tiếp kiểm tra hội thao mô hình học cụ cấp Sư đoàn năm 2020.*

Trong Chiến dịch Tây Nguyên, Sư đoàn 320A (nay là Sư đoàn 320) giữ vai trò quan trọng trong thực hiện phương án tác chiến, cũng như góp phần to lớn vào thắng lợi của Chiến dịch. Thực tiễn kết quả Chiến dịch đã chứng minh: Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương, Bộ Tổng Tư lệnh quyết định mở Chiến dịch Tây Nguyên, chọn thị xã Buôn Ma Thuột để đánh trận then chốt là quyết định chính xác và sáng suốt.

Quyết định đó đã được Bộ Tư lệnh Chiến dịch Tây Nguyên cụ thể hóa bằng quyết tâm và kế hoạch tác chiến chặt chẽ, khoa học, táo bạo, công phu. Phương án tác chiến của Chiến dịch là: Tiến công, nghi binh như, kéo địch về Pleiku và Kon Tum; cắt đứt các con đường số 14, 19, 21; “trói” chặt địch ở bắc Tây Nguyên; nhanh chóng đánh chiếm Đức Lập, Thuận Mẫn, cô lập địch ở thị xã Buôn Ma Thuột; tập trung lực lượng chủ yếu đánh đòn quyết định giải phóng thị xã Buôn Ma Thuột và đánh bại các lực lượng phản kích của địch. Tiếp đó, phát triển tiến công đánh chiếm Cheo Reo, Gia Nghĩa, giải phóng ba tỉnh Đắc Lắc, Phú Bổn, Quảng Đức, tạo điều kiện và thời cơ phát triển tiến công trên các hướng khác¹.

Để thực hiện phương án tác chiến, tạo điều kiện cho lực lượng chủ yếu của chiến dịch ở phía nam Tây Nguyên đột phá thắng lợi vào thị xã Buôn Ma Thuột, Bộ Tư lệnh Chiến dịch Tây Nguyên đã giao cho Sư đoàn 320A đảm nhiệm một hướng quan trọng ở phía Bắc của chiến dịch, với nhiệm vụ: cắt đường số 14 đoạn Cẩm Ga - Thuận Mẫn, sẵn sàng diệt địch từ Pleiku đi giải tỏa Buôn Ma Thuột hoặc địch từ Buôn Ma Thuột đánh lên. Sau khi dứt điểm Thuận Mẫn, phát triển bao vây và tiêu diệt địch, giải phóng thị xã Cheo Reo.

Sau khi nhận nhiệm vụ, Bộ Tư lệnh Sư đoàn nhanh chóng làm tốt công tác chuẩn bị để tham gia chiến dịch, nhất là xây dựng quyết tâm chiến đấu và kế hoạch cơ động lực lượng, bảo đảm bí mật, bất ngờ, tạo lập được thế trận hoàn chỉnh trước thời gian lệnh nổ súng.

Trong hai ngày 19, 20 tháng 01 năm 1975, Đảng ủy Sư đoàn đã họp đánh giá tình hình địch, quán triệt nhiệm vụ và thông qua Quyết tâm chiến đấu của Tư lệnh Sư đoàn. Trong đó, ý định tác chiến xác định được tiến hành trong 2 giai đoạn: *Giai đoạn 1*: Từ 30 đến 40 ngày nhằm tiêu diệt 01 - 02 tiểu đoàn địch, giải phóng quận lỵ Thuận Mẫn² và làm chủ đoạn đường số 14, đường số 7B và xung quanh đường số 7B³. *Giai đoạn 2*: Từ 20 đến 30 ngày tiếp tục đánh bại phản kích của địch, phát triển đánh chiếm vùng nông thôn thị xã Cheo Reo, giải phóng thị xã Cheo Reo khi có thời cơ. Khu vực tác chiến của Sư đoàn nằm trong tam giác Phú Nhơn - Cheo Reo - Buôn Hồ, trọng điểm là khu vực Cẩm Ga - Thuận Mẫn.

Ngày 28-01-1975, Quyết tâm chiến đấu tiến công khu vực quận lỵ Thuận Mẫn của Sư đoàn được Bộ Tư lệnh Chiến dịch Tây Nguyên thông qua; trong đó xác định: khu vực tác chiến của Sư đoàn nằm trên trục đường số 14, đường số 7 trong khu tam giác Phú Nhơn - Cheo Reo - Buôn Hồ, phía Bắc giáp Mỹ Thạch, phía Nam tới thị xã Buôn Ma Thuột, phía Đông tới thị xã Cheo Reo (Phú Bồn). Nhiệm vụ của các đơn vị: Trung đoàn 48 (thiếu Tiểu đoàn 3), có nhiệm vụ tiến công tiêu diệt địch, giải phóng quận lỵ Thuận Mẫn; Trung đoàn 64 được tăng cường Tiểu đoàn 3 (Trung đoàn 48), có nhiệm vụ phục kích giao thông trên đường số 14 từ Chư Léo đến điểm cao 826, cắt đứt đường số 14, không cho địch lên phía Bắc và từ phía Bắc về Buôn Ma Thuột; Trung đoàn 9 phục kích trên đường số 14 đoạn Cẩm Ga (bắc chi khu quân sự Thuận Mẫn); Tiểu đoàn 9 (Trung đoàn 64) có nhiệm vụ sẵn sàng đánh địch từ Cheo Reo lên chi viện khi ta tiến công quận lỵ Thuận Mẫn.

Ngày 01-02-1975, các đơn vị của Sư đoàn 320A lần lượt được lệnh rút khỏi tuyến chốt giữ dọc đường 19 Tây (nam Gia Lai), bí mật hành quân vào phía Nam Tây Nguyên (Trung đoàn 48 vào tập kết ở Tây Nam điểm cao Chư Xê; Trung đoàn 9 vào tập kết ở Tây quận lỵ Thuận Mẫn; Trung đoàn 64 vào áp sát phía Tây Chư Léo, cách quận lỵ Buôn Hồ 20 km về phía Bắc). Các đơn vị khi di chuyển đều được lệnh để lại một bộ phận kết hợp với Tiểu đoàn 12 (Tinh đội Gia Lai) do Phó Tư lệnh Sư đoàn Bùi Đình Hòa chỉ huy tiếp tục đánh địch bảo vệ địa bàn và thực hiện Kế hoạch nghi binh của Bộ Tư lệnh

Chiến dịch. Khi Sư đoàn 968 từ Hạ Lào về thay chân chốt giữ dọc đường số 19 Tây thì lực lượng của Sư đoàn 320A mới rút hết.

Ngày 10-02-1975, việc triển khai đội hình của Sư đoàn cơ bản hoàn thành, các đơn vị được lệnh khẩn trương làm công tác chuẩn bị chiến đấu. Việc nhanh chóng cơ động toàn bộ đội hình lớn đến vị trí tập kết mà vẫn bảo đảm được yếu tố bí mật, an toàn không đơn thuần là sự nỗ lực, cố gắng rất lớn mà còn là ý thức chấp hành kỷ luật của cán bộ, chiến sĩ trong các hành động cụ thể, thực hiện đúng ý định của người chỉ huy. Có thể nói, trong nghệ thuật chiến dịch, điều quan trọng hàng đầu là phải giữ được bí mật, tạo được yếu tố bất ngờ trong tạo lập thế trận, thì mới có thể giành và giữ quyền chủ động chiến dịch, tạo ra thời cơ để đánh thắng địch.

Điểm nổi bật của Bộ Tư lệnh và cơ quan tác chiến Sư đoàn trong giai đoạn chuẩn bị chiến đấu, đó là dự kiến chiều hướng phát triển của chiến dịch để bố trí đội hình chiến đấu. Bên cạnh việc triển khai đội hình theo nhiệm vụ chủ yếu ở giai đoạn 1 của kế hoạch tác chiến, Bộ Tư lệnh Sư đoàn đã nghĩ tới hướng phát triển ở giai đoạn 2. Do đó, khi triển khai đội hình, Bộ Tư lệnh Sư đoàn đã bố trí Tiểu đoàn 9 (Trung đoàn 64) đứng chân ở phía Tây, cách thị xã Cheo Reo 07 km, có nhiệm vụ chuẩn bị đường và sẵn sàng đánh địch từ Cheo Reo lên chi viện khi Trung đoàn 48 tiến công quận lỵ Thuận Mẫn; đồng thời, sẵn sàng làm mũi nhọn phát triển tiến công thị xã Cheo Reo khi Sư đoàn chuyển sang giai đoạn 2 của kế hoạch tác chiến. Đây là một điểm hết sức thuận lợi cho Sư đoàn khi được nhận nhiệm vụ truy kích, chốt chặn địch rút chạy trên đường số 7.

Bằng các hoạt động nghi binh chiến dịch hiệu quả, ta đã thu hút được địch lên hướng Bắc Tây Nguyên. Nắm thời cơ thuận lợi, đêm ngày 03 rạng sáng, ngày 04 tháng 3 năm 1975, Bộ Tư lệnh Chiến dịch Tây Nguyên lệnh cho các đơn vị bắt đầu nổ súng chiến đấu tạo thế. Mở đầu là Trung đoàn 95A tiến công địch trên đường số 19, phía Đông thị xã Pleiku từ ngã ba Plei Bôn đến ấp Phú Yên, làm chủ đoạn đường dài 20km. Cũng trên đường số 19, 5 giờ 30 phút, ngày 04 tháng 3 năm 1975, Sư đoàn 3 (Quân khu 5) đã diệt 2 đại đội và 9 chốt của địch, cắt đứt và làm chủ đoạn từ Thượng An đến cầu số 13. Trên đường số 14, sáng ngày 05 tháng 3, Trung đoàn 9 (Sư đoàn 320A) chặn đánh đoàn xe (14 chiếc) của trung đoàn 45 Ngụy ở khu vực Cẩm Ga (Bắc chi khu quân sự Thuận Mẫn), diệt 08 xe, thu 02 pháo 105mm, cắt đứt đường số 14 và trong đêm ngày 05 tháng 3, Trung đoàn 25 chiếm giữ một đoạn đường số 21 ở

phía Đông Chư Cúc. Như vậy, ta đã cắt đứt 3 đường bộ chủ yếu (14, 19, 21), chia cắt Tây Nguyên với đồng bằng Trung Bộ, phía Nam với phía Bắc Tây Nguyên, bao vây cô lập thị xã Buôn Ma Thuột.

Lúc này ở khu vực chi khu quân sự Thuận Mãn, Trung đoàn 48 đang khẩn trương làm các bước chuẩn bị cuối cùng, đưa các phân đội vào chiếm lĩnh trận địa xuất phát tiến công. Cùng với công tác chuẩn bị tiến công của Trung đoàn 48 vào khu vực quận lỵ Thuận Mãn, ngày 03 tháng 3, theo phương án tác chiến của Sư đoàn, Trung đoàn 64 được tăng cường Tiểu đoàn 3 (Trung đoàn 48) và các phân đội binh chủng, bảo đảm đã cơ động chiếm lĩnh, xây dựng trận địa phục kích giao thông đường số 14 từ Chư Léo đến đèo cao 826, có nhiệm vụ cắt đứt giao thông, không cho địch từ Buôn Ma Thuột lên phía Bắc và từ phía Bắc về Buôn Ma Thuột. Đến ngày 05 tháng 3, Trung đoàn 64 và Trung đoàn 48 đã sẵn sàng nổ súng tiến công các mục tiêu theo đúng thời gian quy định.

Trong quá trình chuẩn bị trận đánh then chốt quyết định vào thị xã Buôn Ma Thuột, đã phát sinh tình huống, đó là: ngày 06 tháng 3, trước nguy cơ bị cô lập và uy hiếp do đường số 14 bị cắt, Chỉ huy địch ở Buôn Ma Thuột đã cho trung đoàn 53 (thiếu) thuộc Sư đoàn 23 Ngụy lên lùng sục phía Bắc thị xã nên việc mở đường cho các đơn vị bộ binh, pháo binh vào vị trí tập kết tiến công thị xã Buôn Ma Thuột trên hướng này gặp khó khăn. Vì thế, Bộ Tư lệnh Chiến dịch đã lệnh cho Sư đoàn 320A nhanh chóng đánh chiếm chi khu quân sự Thuận Mãn, buộc địch phải kéo trung đoàn 53 (thiếu) lên đối phó, tạo điều kiện cho các đơn vị ở phía Bắc thị xã Buôn Ma Thuột tiến hành công tác chuẩn bị.

Trong ngày 07 tháng 3, trước khi Trung đoàn 48 tiến công tiêu diệt chi khu quân sự Thuận Mãn, Bộ Tư lệnh Sư đoàn nhận thấy: tại khu vực chiến đấu của Trung đoàn 64, sau khi ta tiêu diệt chi khu quân sự Thuận Mãn, cùng với Trung đoàn 9 đang chốt cắt ở phía Bắc quận lỵ này, địch chi viện theo con đường này là rất khó xảy ra, nên Bộ Tư lệnh Sư đoàn đã báo cáo Bộ Tư lệnh Chiến dịch chuyển Trung đoàn 64 sang tiến công hướng quận lỵ Buôn Hồ (nằm trên đường số 14, cách thị xã Buôn Ma Thuột 50 km về phía Bắc), với mục đích tranh thủ yếu tố bất ngờ để tiến công tiêu diệt địch.

Để tạo thế tiến công chi khu quân sự Thuận Mãn, tối ngày 07 tháng 3, Bộ Tư lệnh Sư đoàn chỉ thị cho Trung đoàn 48 tổ chức cho Đại đội 7 (Tiểu đoàn 2) nổ súng đánh chiếm đèo cao Chư Xê, cách chi khu Thuận Mãn 3km về phía Nam. Sau 40 phút chiến đấu, Đại đội 7 đã diệt gọn một trung đội địch, làm chủ đèo cao Chư Xê. Đúng 6 giờ ngày 08 tháng 3, Trung đoàn 48 (thiếu

Tiểu đoàn 3) được tăng cường 02 khẩu pháo 105mm, 02 khẩu pháo 85mm và 01 khẩu cối 160mm tiến công chi khu quân sự Thuận Mẫn. Sau 02 giờ chiến đấu ác liệt, Trung đoàn 48 đã làm chủ trận địa, diệt diệt trên 200 tên, bắt 120 tên, thu 200 súng cùng nhiều phương tiện chiến tranh khác.

Phát huy thắng lợi, chiều 08 tháng 3, Bộ Tư lệnh Sư đoàn ra lệnh cho Trung đoàn 64 (thiếu Tiểu đoàn 9) được tăng cường Tiểu đoàn 3 (Trung đoàn 48), 03 khẩu pháo 105mm, 02 khẩu cối 120mm và 04 khẩu 12,7mm khẩn trương làm công tác chuẩn bị chiến đấu tiến công chi khu quận lỵ Buôn Hồ. Đúng 5 giờ sáng ngày 09 tháng 3, Trung đoàn 64 đã phát lệnh nổ súng tiến công. Sau hơn 02 giờ chiến đấu quyết liệt, ta đã tiêu diệt, bắt sống và làm tan rã toàn bộ quân địch, giải phóng hoàn toàn quận lỵ Buôn Hồ. Tiếp đó, Ban Chỉ huy Trung đoàn 64 lệnh cho Tiểu đoàn 8 và Tiểu đoàn 3 chia làm hai mũi phát triển tiến công: Tiểu đoàn 8 đánh chiếm Chư Pao, Đạt Lý; Tiểu đoàn 3 tiến công ra phía đường số 21. Cả hai cánh quân phát triển thuận lợi, bắt nhiều tù binh, thu nhiều vũ khí, làm tan rã các lực lượng dân vệ.

Chi khu quận lỵ Thuận Mẫn và Buôn Hồ, 2 căn cứ mạnh nhất của địch trên đường số 14 bị tiêu diệt. Sư đoàn 320A hoàn thành nhiệm vụ đầu tiên mà Bộ Tư lệnh Chiến dịch giao cho đó là cắt đứt đường số 14 đoạn từ Thuận Mẫn đến Buôn Hồ, cô lập hoàn toàn giữa Pleiku với Buôn Ma Thuột, thực hiện cài thế chiến dịch. Với thắng lợi này, ta đã đẩy nhanh tốc độ phát triển của chiến dịch, tạo thế chia cắt về chiến lược, làm rối loạn sự chỉ đạo chiến lược và đảo lộn thế phòng thủ của địch ở chiến trường Tây Nguyên, mở đầu bước suy sụp không thể cứu vãn của Quân đoàn 2 - Quân khu 2 Ngụy ở Bắc Tây Nguyên, mở ra một cục diện mới có lợi cho ta. Với những chiến thắng này, Sư đoàn đã có bước trưởng thành mới về nghệ thuật tạo thế, chuẩn bị chiến trường, tác chiến hợp đồng binh chủng, vận dụng cách đánh địch phòng ngự vững chắc theo chi khu quân sự, cũng như cách bố trí đội hình, tổ chức sử dụng lực lượng một cách sáng tạo, linh hoạt, có hiệu quả cao.

Như vậy, bằng chiến thắng Thuận Mẫn, Buôn Hồ và hàng loạt các hoạt động của Sư đoàn 320A ở phía Bắc thị xã Buôn Ma Thuột đã tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị bạn nổ súng tiến công làm chủ thị xã Buôn Ma Thuột vào trưa ngày 11 tháng 3. Đây là trận mở màn then chốt quyết định của Chiến dịch.

Buôn Ma Thuột bị mất, Sư đoàn bộ binh 23 bị xóa sổ, Sư đoàn bộ binh 22 bị tiêu diệt một bộ phận và đang bị bao vây ở Đông An Khê, phần lớn lực lượng biệt động quân bị tiêu hao và giam chân ở Bắc Tây Nguyên; đường 14,

19 và 21 vẫn bị cắt triệt; Nha Trang, Cam Ranh bị bỏ ngỏ, âm mưu tái chiếm Buôn Ma Thuột đã tiêu tan; khối chủ lực Quân đoàn 2 - Quân khu 2 Ngụy bị vây chặt ở Pleiku, Kon Tum và có nguy cơ bị tiêu diệt. Trước tình hình nguy cấp đó, ngày 14 tháng 3, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu quyết định rút toàn bộ lực lượng ở Pleiku và Kon Tum về giữ vùng đồng bằng Duyên hải Trung Bộ để bảo toàn lực lượng. Lúc này mọi con đường từ Tây Nguyên về đồng bằng ven biển đều đã bị ta cắt đứt, chỉ còn duy nhất đường số 7, nhưng cũng đã bị hư hỏng nặng. Theo kế hoạch, địch sẽ rút trong 3 ngày: Ngày 15 tháng 3, rải quân chốt bảo vệ và sửa đường số 7; ngày 16 tháng 3, rút khỏi Kon Tum; ngày 17 tháng 3, rút khỏi Pleiku. Tuy nhiên, cuộc rút lui chiến lược có chủ định, kế hoạch chu đáo đã biến thành một cuộc tháo chạy hoảng loạn trên đường số 7. Khi phát hiện địch rút chạy khỏi Tây Nguyên, Bộ Tư lệnh Chiến dịch đã lập tức ra lệnh cho Sư đoàn 320A được tăng cường Trung đoàn 95B, Tiểu đoàn 1 (Trung đoàn xe tăng 273), Trung đoàn PB 675, Trung đoàn PK 593 và 2 tiểu đoàn bộ đội địa phương tỉnh Phú Yên khẩn trương truy kích, ngăn chặn, bao vây, tiêu diệt địch rút chạy trên đường số 7; kiên quyết không cho địch có cơ hội co cụm về đồng bằng Duyên hải Trung Bộ.

Nắm được ý đồ của địch chuẩn bị tháo chạy khỏi thị xã Cheo Reo, 16 giờ 30 phút ngày 18 tháng 3, Bộ Tư lệnh Sư đoàn ra lệnh cho các đơn vị nổ súng tiến công, đồng thời lệnh cho Trung đoàn 64 khẩn trương cơ động về nam Cheo Reo để cùng Tiểu đoàn 9 hình thành tuyến chốt chặn địch, khóa chặt thung lũng Cheo Reo. Chấp hành mệnh lệnh của Bộ Tư lệnh Sư đoàn, Trung đoàn 48 nhanh chóng đánh chiếm thị xã Cheo Reo và đến 8 giờ ngày 19 tháng 3, đã tiêu diệt và bắt sống cơ bản toàn bộ quân địch ở đây, làm chủ hoàn toàn thị xã này.

Với những trận đánh liên tiếp, táo bạo, tốc chiến, đến đêm 19 tháng 3, Sư đoàn 320 đã cơ bản tiêu diệt quân địch tháo chạy ở Tây Nguyên, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 4.000 tên địch, bắt sống 3.000 (có nhiều sĩ quan), thu giữ và phá hủy hầu hết trang bị, phương tiện của Quân đoàn 2 Ngụy.

Phát huy thắng lợi, Bộ Tư lệnh Sư đoàn lệnh cho Trung đoàn 64 và lực lượng thiết giáp tăng cường nhanh chóng tổ chức tiến công chặn địch ở Củng Sơn. Trung đoàn 95B ở lại Cheo Reo thu dọn chiến trường, giải quyết hậu quả chiến tranh; Trung đoàn 48 và Trung đoàn 9 cơ động ngay sau Trung đoàn 64 để kịp thời phối hợp tác chiến. Đúng 13 giờ ngày 24 tháng 3, Bộ Tư lệnh Sư đoàn ra lệnh cho Trung đoàn 64 nổ súng tiến công, đến 07 giờ ngày 25 tháng

3, ta đã tiêu diệt và bắt sống toàn bộ quân địch, giải phóng hoàn toàn quận lỵ Củng Sơn, kết thúc cuộc truy kích thần tốc trong 9 ngày (từ 17 đến 25-3-1975) của Sư đoàn 320 bằng những thắng lợi giòn giã: bắt sống khoảng 8.000 tên, thu giữ và phá hủy 1.400 xe, 6 tiểu đoàn pháo. Đây là trận then chốt thứ ba của Chiến dịch Tây Nguyên - do Sư đoàn 320 cùng các đơn vị tăng cường đảm nhiệm, đập tan âm mưu rút chạy bất ngờ nhằm bảo toàn lực lượng, thực hiện co cụm ở đồng bằng Duyên hải Trung Bộ của địch.

Ngày 26 tháng 3, Sư đoàn 320 nhận lệnh tiến quân theo đường số 7, cùng lực lượng vũ trang tỉnh Phú Yên giải phóng thị xã Tuy Hòa và tỉnh Phú Yên. Đến 15 giờ ngày 01 tháng 4, Sư đoàn cơ bản làm chủ thị xã Tuy Hòa gồm các quận: Tuy Hòa 1, Tuy An, Hiếu Xương đến Đèo Cả và tiến tới giải phóng toàn bộ tỉnh Phú Yên.



*Súng máy Phòng không 12,7 ly của Tiểu đoàn 16
tham gia Diễn tập vòng tổng hợp năm 2019*

Những chiến công nêu trên của Sư đoàn 320A, đã góp phần quan trọng vào sự toàn thắng của Chiến dịch Tây Nguyên (03-4-1975). Qua đó, khẳng định tài nghệ quân sự, tư duy sắc sảo, bản lĩnh, kinh nghiệm chiến trường và sự nhạy bén trước sự thay đổi tình hình của Bộ Tư lệnh và cơ quan tác chiến Sư đoàn trong việc tạo lập thế trận vững chắc, linh hoạt; tạo và nắm chắc thời cơ, chỉ huy kiên quyết, hiệp đồng chặt chẽ trong tiến công địch phòng ngự, cũng như chuyển hóa thế trận kịp thời trong truy kích địch rút chạy. Đồng thời, thể hiện nghệ thuật bố trí đội hình, tổ chức sử dụng lực lượng trong quá trình chuẩn bị chiến đấu, cũng như vận dụng linh hoạt, sáng tạo các hình thức chiến thuật, thủ đoạn chiến đấu trong thực hành tiến công tiêu diệt địch. Thắng lợi của Sư đoàn trong Chiến dịch Tây Nguyên đã khẳng định rõ sự trưởng thành

vượt bậc về nghệ thuật tổ chức chỉ huy tác chiến hiệp đồng binh chủng, đánh trong hành tiến, tốc độ nhanh, khẩn trương, ít có thời gian chuẩn bị, đột phá nhanh, mạnh, kịp thời; liên tục củng cố và duy trì sức chiến đấu trong suốt quá trình tác chiến, truy quét tiêu diệt triệt để quân địch.

Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, Tây Nguyên vẫn được xác định là địa bàn chiến lược trọng yếu. Do đó, chúng ta cần tiếp tục quán triệt và cụ thể hóa những quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Đảng về quân sự, quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc, nhằm giải quyết hàng loạt vấn đề về mặt chiến lược, nghệ thuật chiến dịch và chiến thuật đang đặt ra cả trước mắt và lâu dài. Những kinh nghiệm quý báu được đúc rút từ Chiến dịch Tây Nguyên là cơ sở để Sư đoàn tiếp tục nghiên cứu, vận dụng phát triển trong huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn cách mạng mới.

16. THANH HẰNG. Công tác chi viện của Đoàn 125 Hải quân trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975
[//https://www.btlsqsvn.org.vn.-](https://www.btlsqsvn.org.vn.-) Ngày 7/4/2019.

CÔNG TÁC CHI VIỆN CỦA ĐOÀN 125 HẢI QUÂN TRONG CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN 1975

Bước sang năm 1975, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước có nhiều chuyển biến thuận lợi cho ta. Vì vậy, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng hạ quyết tâm sớm giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Quán triệt thực hiện Nghị quyết Bộ Chính trị, Quân chủng Hải quân cùng quân dân cả nước khẩn trương chuẩn bị lực lượng. Để phục vụ kịp thời yêu cầu chiến đấu ở chiến trường miền Nam, Quân chủng Hải quân đã huy động mức cao nhất số tàu vận tải của Đoàn 125 để chở bộ đội, xe tăng và vũ khí từ miền Bắc vào chiến trường.

Tháng 2/1975, Đoàn nhận nhiệm vụ tổ chức đợt vận chuyển mang tên “T5”, đưa một số xe tăng của Bộ Tư lệnh Thiết giáp và Đông Hà (Quảng Trị), đồng thời khẩn trương đưa một số hàng của Tổng cục Hậu cần vào bổ sung cho chiến trường, kịp thời phục vụ chiến đấu. Ngày 20/2/1975, Đoàn 125 bắt đầu thực hiện nhiệm vụ vận chuyển chi viện chiến trường.

Đợt đầu tiên các tàu vận tải đổ bộ 424, 426, 428, 430, 422 đã chở 5 xe tăng với đầy đủ cơ số đạn, khí tài, nhiên liệu từ Bến Thủy vào Đông Hà. Đợt 2, các tàu chở 10 xe tăng lội nước K36-85 với 5 lần chuyển vào chiến trường. Cùng thời gian này, các tàu vận tải loại 400 tấn là 681, 683, 685 cùng rời cảng Hải Phòng, đưa một khối lượng lớn hàng vào Đồng Hới an toàn. Như vậy, cho tới thời điểm này, đường Hồ Chí Minh trên biển đã đảm bảo tốt yêu cầu của các chiến trường, tạo điều kiện thuận lợi cho quân và dân ta tiến hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975.

Ngày 10/3, bộ đội ta nổ súng đánh vào thị xã Buôn Mê Thuật. Đồng thời với chiến dịch Tây Nguyên, đòn tiến công chiến lược giải phóng Huế - Đà Nẵng. Lúc này vai trò của Đường Hồ Chí Minh trên biển ngày càng quan trọng hơn bao giờ hết. Bộ Tổng Tham mưu chỉ thị cho Đoàn 125 Hải quân vận chuyển vũ khí và bộ đội vào sâu hơn nữa, càng sát nơi ta mở chiến dịch càng tốt.

Chấp hành mệnh lệnh, Đoàn 125 huy động toàn bộ lực lượng và phương tiện để vận chuyển người và vũ khí vào mặt trận. Hòa chung khí thế chiến đấu trên các chiến trường, các tàu được huy động thực hiện nhiệm vụ vận chuyển đã tiến hành quay vòng tăng chuyển, tăng trọng tải, tranh thủ thời gian, nhằm chở được nhiều, chở được nhanh. Trên tuyến Hải Phòng - Đồng Hới, ngoài lực lượng tàu có trọng tải 400 tấn, Đoàn còn huy động thêm loại tàu có trọng tải 200 tấn, như các tàu 601, 606, 608, 609, và 605. Đến ngày 20/3, Đoàn 125 đã vận chuyển được 2.960 tấn hàng, 12 xe tăng, chi viện kịp thời cho các đơn vị đánh địch.

Sau khi giành thắng lợi ở Tây Nguyên, tình hình chiến trường diễn biến có lợi cho ta. Đáp ứng yêu cầu của tình hình mới Bộ Tổng Tham mưu chỉ thị cho Quân chủng Hải quân huy động lực lượng cao nhất phục vụ chiến dịch. Thực hiện chỉ thị này, ngày 22/3/1975, Thường vụ Đảng ủy Bộ Tư lệnh Hải quân đã họp và quyết định: *“Sẵn sàng huy động lực lượng có thể phục vụ cho vận chuyển đáp ứng yêu cầu đột xuất cho chiến trường với khả năng lớn nhất, đúng thời gian quy định, bảo đảm an toàn về mọi mặt. Đoàn kết chặt chẽ, hiệp đồng với các binh chủng bạn, tạo mọi điều kiện thuận lợi để các quân binh chủng vào chiến trường nhanh nhất, an toàn nhất”*.

đang bảo quản trên ụ, bãi ra sửa chữa cùng với 4 tàu cá vũ trang chuyển sang làm nhiệm vụ vận chuyển phục vụ chiến dịch. Công tác điều động bổ sung cán bộ, chiến sĩ kỹ thuật cho các tàu vận tải được xúc tiến khẩn trương,

bảo đảm đúng biên chế, công tác kiện toàn tổ chức lãnh đạo, chỉ huy được tiến hành kịp thời, các tàu đều có chi bộ đủ năng lực lãnh đạo hoàn thành nhiệm vụ.

Ngày 26/4/1975, chiến dịch Hồ Chí Minh mở màn. Nhiệm vụ của tuyến vận tải đường biển được giao trong trận chiến chiến lược này là: *Vận chuyển bộ đội và phương tiện chiến đấu với số lượng cao nhất, thời gian nhanh nhất và an toàn nhất, xây dựng lực lượng khẩn trương đáp ứng với yêu cầu chiến đấu giải phóng các đảo và tiếp quản căn cứ hải quân địch.*

Để thực hiện nhiệm vụ trên, Đảng ủy Quân chủng Hải quân quyết định tập trung mọi cố gắng, nỗ lực của toàn Đảng bộ và Quân chủng, dồn sức hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. Đoàn 125 tạm gác lại kế hoạch vận chuyển thường xuyên để thực hiện mục tiêu vận chuyển: Tất cả cho chiến trường, tất cả cho tiền tuyến, tất cả cho chiến đấu. Tàu 601 được lệnh nhanh chóng từ Hải Phòng và cửa Nhật Lệ. Sau khi dỡ hàng xong là hành quân ngay vào Đà Nẵng. Tàu 641 đang trên đường làm nhiệm vụ, được lệnh ghé vào Cửa Việt chờ quân đi chiến đấu. Các tàu còn lại của Đoàn đã theo sát bước tiến quân của các đoàn quân chủ lực đánh ven biển, góp phần vào mỗi thắng lợi của quân, dân ta. Tính chung trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, Đoàn 125 Hải quân đã huy động 143 lần chiếc tàu với hành trình 65.721 hải lý, chuyên chở được 8.721 tấn vũ khí, 50 xe tăng và pháo, đưa 18.741 cán bộ, chiến sĩ đi chiến đấu, đánh chìm 1 tàu PCR, bị thương 3 tàu khác, gọi hàng 1 tàu và bắt 42 tên địch.

Sau đó, chấp hành chỉ thị của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương cùng Quân khu 5: “Nghiên cứu và chỉ đạo gấp rút thực hiện gấp rút nhằm thời cơ thuận lợi nhanh nhất, đánh chiếm các đảo do quân ngụy miền Nam chiếm đóng thuộc quần đảo Trường Sa”, Quân chủng Hải quân đã sử dụng tàu của Đoàn 125 để chở bộ đội Đặc công của Đoàn 126 Hải quân quân và lực lượng vũ trang khác ra giải phóng đảo.

Chủ trương tiến đánh giải phóng đảo Song Tử Tây trước, tiếp đó tiến công các đảo Nam Yết, Sơn Ca, Sinh Tồn, Trường Sa và các đảo còn lại, không cho địch kịp đối phó. Nhận rõ trách nhiệm, Đoàn 125 đã cử 3 tàu 673, 674 và 675, do đồng chí Trần Phong và đồng chí Dương Tấn Kịch chỉ huy tiến đánh giải phóng các đảo ở Quần đảo Trường Sa... Chiến thắng giải phóng các

đảo thuộc Quần đảo Trường Sa là một trong những chiến thắng có ý nghĩa chiến lược trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975.

Sáng ngày 30/4/1975, quân ta nổ súng tiến công đồng loạt trên các hướng, tiêu diệt và làm tan rã các sư đoàn quân chủ lực ngụy và tiến vào trung tâm thành phố Sài Gòn, buộc Tổng thống và toàn bộ nội các Việt Nam cộng hòa đầu hàng. 11 giờ 30 phút cờ giải phóng tung bay trên nóc dinh Độc Lập. Chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh kết thúc thắng lợi.

13 giờ cùng ngày các lực lượng Hải quân tiến vào tiếp quản cơ quan Bộ tư lệnh Hải quân Việt Nam Cộng hòa đóng ở trại Bạch Đằng, cơ quan Bộ tư lệnh hạm đội Xương Ba Sơn, Bộ tư lệnh Sư đoàn lính thủy đánh bộ, trại Trịnh Minh Thế và một số vị trí khác. Tiếp đó, bộ đội Hải quân tiến ra giải phóng Côn Đảo, rồi phối hợp cùng lực lượng vũ trang Quân khu 9 giải phóng một số đảo ở phía Nam và Tây Nam Tổ quốc.

Thắng lợi trong việc giải phóng một số đảo này cũng là kết thúc nhiệm vụ của bộ đội Hải quân trong quá trình tham gia cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, đồng thời cũng kết thúc sứ mệnh lịch sử của Đường Hồ Chí Minh trên biển trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước./.

17. NGUYỄN NHUNG. “Thần tốc, thần tốc hơn nữa...”– mật lệnh của nghệ thuật chớp thời cơ // <https://www.vov.vn.-2015.- Ngày7/4>.

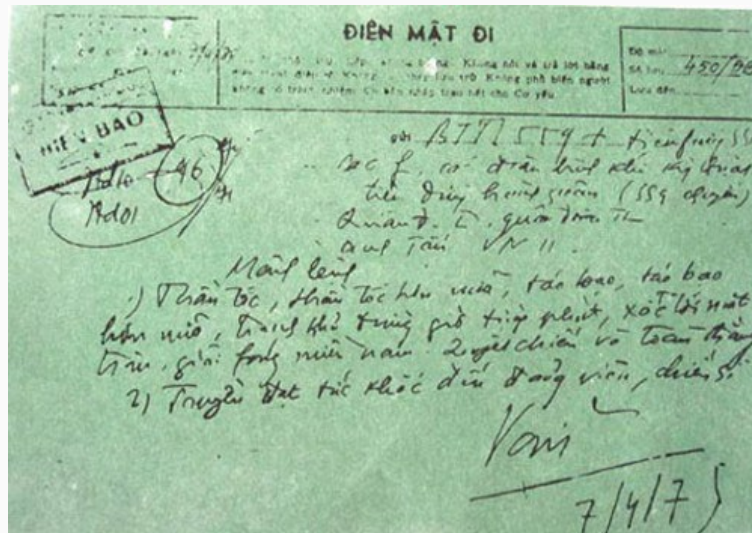
**“THẦN TỐC, THẦN TỐC HƠN NỮA...” – MẬT LỆNH CỦA
NGHỆ THUẬT CHỚP THỜI CƠ**

VOV.VN - Bức điện vừa là mệnh lệnh, vừa là lời hịch cổ vũ tinh thần đối với chỉ huy, chiến sỹ trên chiến trường vào thời điểm vô cùng quan trọng của cuộc chiến

Cách đây tròn 40 năm, ngày 7/4/1975, toàn bộ các cánh quân của ta ở phía Nam đã nhận được một bức điện khẩn của Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp: “Thần tốc, thần tốc hơn nữa, táo bạo, táo bạo hơn nữa, tranh thủ

từng giờ từng phút xốc tới chiến trường giải phóng miền Nam, quyết chiến và toàn thắng”. Bức điện vừa là mệnh lệnh, vừa là lời khích cổ vũ tinh thần đối với chỉ huy, chiến sỹ trên chiến trường vào thời điểm vô cùng quan trọng của cuộc chiến.

Dưới góc nhìn của các nhà lịch sử quân sự cũng như những người lính trên chiến trường, bức điện lịch sử sẽ còn mãi với thời gian - trở thành mệnh lệnh của nghệ thuật chớp thời cơ.



Mệnh lệnh của Đại tướng Võ Nguyên Giáp (Ảnh tư liệu)

Bức điện ghi ngày 7/4/1975 với nội dung “thần tốc thần tốc hơn nữa, táo bạo táo bạo hơn nữa, tranh thủ từng giờ từng phút xốc tới chiến trường giải phóng miền nam, quyết chiến và toàn thắng. Truyền đạt tức khắc tới Đảng viên, chiến sỹ”, bên dưới ký một chữ Văn, được ra đời từ Tổng hành dinh chỉ huy chiến dịch nhà D67 trong khu vực thành cổ Hà Nội. Bức điện lập tức được giao ban cơ yếu mã hóa và được truyền đến chỉ huy các cánh quân tham gia giải phóng miền Nam.

Là người vinh dự được trực tiếp truyền mật lệnh lịch sử, ông Nguyễn Bá Lú - chiến sỹ bảo vệ của Lữ đoàn 25 anh hùng nhớ lại, khi bức điện lịch sử này đến tay ông, cũng giống như các bức điện khác đều được mã hóa nên ông không hiểu nội dung. Không khí làm việc tại thời điểm đó rất khẩn trương.

Sáng 7/4/1975, ngay đầu ca trực, ông được Tiểu đoàn trưởng quán triệt: phải bảo đảm liên tục giữ vững liên lạc thông suốt, yêu cầu nhận điện đến, chuyển điện đi nhanh, gọn, chính xác tuyệt đối. Tín hiệu tốt, thao tác nhanh, những mã hóa trên bức điện được ông chuyển tải bằng ngôn ngữ điện tín “tạch

tè”, chính xác nên chỉ mất khoảng 15 phút là chuyển xong”. Tuy nhiên, đến sau ngày giải phóng 30/4/1975, ông mới được biết chính mình là người chuyển bức điện lịch sử này.

Ông Nguyễn Bá Lúu tâm sự, lúc bấy giờ ông chỉ biết xác định mục tiêu hoàn thành nhiệm vụ bảo đảm thông tin liên lạc trong mọi tình huống. Sau này, ông mới biết được bức điện đó là của Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Ông cũng rất tự hào vì đã hoàn thành trọng trách lịch sử quân đội đã giao.

Đối với Trung tướng Khuất Duy Tiến, nguyên Trưởng phòng tác chiến Quân đoàn 3, một mũi tiến công giải phóng miền Nam, bức điện được truyền đạt đến ông chính là mệnh lệnh tiến công khẩn trương, là thông điệp cho biết phải nhanh chóng chớp lấy thời cơ. Thực hiện mệnh lệnh, ngay tức khắc, quân đoàn cơ động lực lượng khẩn trương tăng tốc tiến về giải phóng Sài Gòn.

Cũng theo Đại tá Nguyễn Văn Hữu, nguyên bác sỹ Binh đoàn Tây Nguyên, thông điệp tiến công rõ ràng, quyết liệt như truyền một nguồn cảm hứng, sức mạnh mới, như hồi kèn xung trận, khiến những người lính như ông tăng tốc hành quân không mệt mỏi, hướng về sào huyệt của địch. Với ông, cảm xúc khi được truyền đạt mật lệnh lịch sử này như vẫn còn tươi mới, như vừa đánh xong trận đánh ở Buôn Mê Thuột, rồi tăng tốc hơn nữa đi thẳng từ Buôn Mê Thuột xuống đồng bằng, vào giải phóng sân bay ở Phan Rang.



Bộ đội hành quân trong chiến dịch Tây Nguyên. Ảnh tư liệu: TTXVN

Đặt trong bối cảnh lịch sử, bức điện “thần tốc” còn là chỉ đạo quan trọng thực hiện kế hoạch chớp thời cơ. Đại tá, PGS.TS Trần Ngọc Long, nguyên Viện Phó viện Lịch sử Quân sự Việt Nam phân tích: Sau chiến dịch Tây

Nguyên, thời cơ mới mở ra, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Thường trực quân ủy Trung ương quyết định chuyển cuộc tiến công chiến lược thành cuộc Tổng tiến công chiến lược. Từ mục tiêu ban đầu giải phóng miền Nam trong 2 năm 1975 – 1976, đã rút ngắn lại giải phóng trong năm 1975. Đặc biệt, sau thắng lợi của chiến dịch Trị Thiên – Huế và Đà Nẵng, quân đội Việt Nam cộng hòa đang rơi vào thế đổ vỡ về chiến lược, thời cơ lớn cho giải phóng miền Nam đã mở ra.

Ngày 31/3, Bộ Chính trị quyết định tổng công kích giải phóng miền Nam. Như vậy, từ xác định giải phóng miền Nam trong năm 1975, Bộ Chính trị quyết định rút ngắn lại, giải phóng trước mùa mưa mà cụ thể là ngay trong tháng 4. Khi thời cơ đã mở ra, bức điện là mệnh lệnh đúng thời điểm để các cánh quân của ta trên chiến trường thực hiện kế hoạch chớp thời cơ, nhanh chóng hình thành các mũi, hình thành thế bao vây và tiến về sào huyệt cuối cùng của chính quyền Việt Nam Cộng hòa.

PGS.TS Trần Ngọc Long phân tích: “Nếu không chớp thời cơ, nếu để chậm thì một mặt là quân đội đối phương sẽ có điều kiện để phục hồi, điều chỉnh lại thế bố trí chiến lược và có sự phục hồi để cầm cự thì lúc ấy chiến tranh sẽ kéo dài. Hơn nữa, cuộc chiến tranh Việt Nam đã được quốc tế hóa cao độ, cho nên sự chi phối của các nước lớn đối với cuộc chiến này là rất lớn, nếu chúng ta không tranh thủ, không chớp thời cơ thì chúng ta sẽ để sự can thiệp của một số nước chi phối vào gây khó khăn nhất định cho chúng ta, trong đó có mục đích giải phóng hoàn toàn miền Nam ngay trong tháng 4”.

Mệnh lệnh "Thần tốc, thần tốc hơn nữa, táo bạo, táo bạo hơn nữa, tranh thủ từng giờ từng phút xốc tới chiến trường giải phóng miền Nam, quyết chiến và toàn thắng" mà Đại tướng, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp thay mặt Thường trực quân ủy Trung ương thảo ra như một lát cắt lịch sử. Nhìn vào đó thấy được việc nắm chắc thời cơ, tầm nhìn chiến lược của Đảng, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, mở đường cho Đại thắng Mùa xuân năm 1975, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước./.

18. HOÀNG XUÂN NHIÊN. Nghệ thuật tạo thế và lực trong Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 // <https://www.tapchiquptd.vn.-> Ngày 23/4/2020.

NGHỆ THUẬT TẠO THẾ VÀ LỰC TRONG TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN NĂM 1975

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 diễn ra từ ngày 04/3 đến ngày 30/4/1975, được thực hiện bằng ba đòn tiến công chiến lược chủ yếu vào Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng và Sài Gòn - Gia Định, kết hợp với các chiến dịch, các đợt hoạt động tác chiến và nổi dậy. Để kết thúc thắng lợi cuộc Tổng tiến công và nổi dậy, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, dưới sự lãnh đạo sáng suốt và tài tình của Đảng, quân và dân ta đã vận dụng linh hoạt, sắc sảo nghệ thuật chiến tranh nhân dân, tạo thế, lực mạnh hơn địch nhiều lần - yếu tố quyết định giành thắng lợi - nét độc đáo của nghệ thuật quân sự Việt Nam, để lại một số vấn đề học thuật mang tầm chiến lược.



Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng các đồng chí trong Quân ủy Trung ương theo dõi diễn biến chiến dịch Hồ Chí Minh (tháng 4/1975). Ảnh tư liệu.

1. Trong đòn tiến công chiến lược mở đầu trên chiến trường Tây Nguyên, ý định ban đầu của ta là tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, giải phóng Buôn Ma Thuật và Nam Tây Nguyên, mở rộng hành lang, nối liền Tây Nguyên với Đông Nam Bộ; thực hiện chia cắt, tạo cục diện mới về

chiến lược. Thực hiện ý định đó, việc tạo ưu thế về lực lượng và phương tiện là một nhân tố quan trọng được Bộ Tổng Tư lệnh, người chỉ huy và cơ quan chiến trường hoạch định tỉ mỉ, có tính nghệ thuật cao. Theo đó, ta chủ động kết hợp giữa lực lượng tại chỗ (28 tiểu đoàn bộ binh và dân quân du kích) với lực lượng của Bộ tăng cường (14 tiểu đoàn bộ binh) và chủ lực của Quân khu 5, miền Đông Nam Bộ đến phối hợp (10 tiểu đoàn) hình thành tập đoàn chiến lược mạnh, tạo được ưu thế về binh lực và phương tiện so với địch, nhất là trên hướng chủ yếu của Chiến dịch và ở trọng điểm đột phá khẩu Buôn Ma Thuột¹. Đặc biệt, trong Chiến dịch này, nghệ thuật nghi binh, tạo thế, giữ quyền chủ động tác chiến cũng là nét nổi bật và thành công lớn của ta ở cả cấp chiến dịch và chiến lược. Bằng một loạt các biện pháp nghi binh công phu ta đã thu hút và giam chân khối chủ lực cơ động của địch ở Bắc Tây Nguyên, dẫn đến sơ hở ở Nam Tây Nguyên, điều kiện thuận lợi để ta tập trung lực lượng chủ yếu tiến công mạnh quân địch làm cho chúng hoàn toàn bị bất ngờ và nhanh chóng thất bại. Đó chính là nghệ thuật nghi binh, lừa địch, làm thay đổi tương quan so sánh lực lượng trên chiến trường chính Tây Nguyên có lợi cho ta, bất lợi cho địch. Mặc dù, ta chỉ tăng cường đến chiến trường này 04 sư đoàn bộ binh (316, 968, 10, 320), song đã tạo thế áp đảo, nhất là trên hướng chủ yếu của Chiến dịch. Cùng với đó, ta đã kết hợp khéo léo giữa thế bao vây, chia cắt với cách đánh linh hoạt, sắc nhọn, hiểm chắc, nên trận then chốt mở đầu Buôn Ma Thuột nhanh chóng giành thắng lợi.

Thắng lợi của trận đánh chiếm thị xã Buôn Ma Thuột đã tạo đà cho ta tiêu diệt Sư đoàn 23 nguy tại Phước An, mở ra thế phát triển về chiến dịch và chiến lược, để lực lượng vũ trang Tây Nguyên phá vỡ thế trận phòng thủ của địch, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ lực lượng của chúng ở Tây Nguyên, giải phóng toàn bộ địa bàn Tây Nguyên và nhanh chóng phát triển tiến công xuống đồng bằng duyên hải miền Trung, cắt đôi thế bố trí chiến lược của địch, tạo thời cơ phát triển cuộc tiến công chiến lược thành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam. Theo *Tài liệu tổng kết về Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975* của Bộ Tổng Tham mưu (năm 1976): nếu như ở thời điểm tháng 02/1975, so sánh tổng quân số địch, ta ở miền Nam là 1,7/1; trong đó, quân chủ lực là 1/1,03, quân địa phương là 4,9/1, đến khi ta chuyển lên Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam (ngày 18/3/1975), so sánh tổng quân số địch, ta là 1,38/1, trong đó quân chủ lực là 1/1,26, quân địa phương là 4,5/1. Thực tế cho thấy, thắng lợi của đòn tiến công chiến lược mở đầu trên chiến

trường Tây Nguyên không chỉ tạo bước phát triển mới về thế trận chiến lược, chiến dịch, mà còn góp phần quan trọng làm cho cán cân lực lượng chiến lược có sự thay đổi đáng kể, có lợi cho ta.

2. Trong lúc đòn tiến công chiến lược mở đầu trên chiến trường Tây Nguyên tập trung đánh địch phản kích ở Buôn Ma Thuột và tổ chức chặn đánh, tiêu diệt các lực lượng còn lại của Quân đoàn 2 ngay rút chạy trên Đường 7, thì Quân khu Trị Thiên, Quân khu 5 và Quân đoàn 2 của ta đồng loạt mở hai chiến dịch quy mô vừa, đánh địch ở đầu phía Bắc thuộc Quân đoàn 1, Quân khu 1 ngay. Khi đòn tiến công Tây Nguyên của ta giành được thắng lợi, làm cho thế trận chiến lược của địch đứng trước nguy cơ bị cắt đôi, Quân khu 3 ngay bị uy hiếp trực tiếp, buộc địch phải rút bỏ Quảng Trị về cơ cụm chiến lược. Trước sự phát triển nhanh về mọi mặt của ta trên chiến trường, ngày 24/3/1975, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định mở cuộc tiến công vào Đà Nẵng. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh, lực lượng vũ trang Quân khu Trị Thiên, Quân khu 5 và Quân đoàn 2 chủ lực của Bộ đã nhanh chóng phát triển hai chiến dịch quy mô vừa, thành chiến dịch tiến công quy mô lớn, khẩn trương tiêu diệt cụm quân lớn của địch, giải phóng Huế - Đà Nẵng.

Trong đòn tiến công chiến lược này, mặc dù kém chúng về quân số và vũ khí trang bị, nhưng so sánh về ưu thế ta vẫn hơn địch, bởi nhiều yếu tố, điển hình là, thế thắng lớn ở Tây Nguyên, thế bao vây, chia cắt hiểm và hơn nữa là bí mật, bất ngờ chớp thời cơ tạo thế và lực áp đảo - thời cơ là lực lượng - tiến công giải quyết nhanh các mục tiêu Huế, Tam Kỳ, Đà Nẵng. Nhờ đó, chỉ hơn 01 tháng liên tục tổng tiến công và nổi dậy, với 02 đòn tiến công chiến lược ở chiến trường Tây Nguyên và Huế - Đà Nẵng, quân và dân ta đã giành được thắng lợi to lớn: tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ lực lượng quân sự và hệ thống chính quyền ngay ở 02 địa bàn có lực lượng quân sự rất mạnh², giải phóng 16 tỉnh, 05 thành phố cùng nhiều quận lỵ, chi khu, yếu khu quân sự. Vùng giải phóng được mở rộng chiếm 3/4 đất đai và gần 1/2 dân số miền Nam. Sau thắng lợi của đòn Huế - Đà Nẵng (29/3/1975), so sánh tổng quân số địch, ta là 1/1,14 (địch: 464.000, ta: 530.000); trong đó, quân chủ lực là 1/1,95 (địch: 235.000, ta: 457.873); quân địa phương là 3,2/1 (địch: 229.800, ta 71.727)³. Như vậy, chỉ trong một thời gian ngắn đấu trí, đấu lực, cán cân lực lượng chiến lược giữa ta và địch trên chiến trường càng có sự thay đổi lớn hơn.

Trong khi lực lượng của địch giảm mạnh, thì lực lượng của ta lại tăng với tốc độ rất nhanh.

Rõ ràng, cùng với thắng lợi có ý nghĩa quyết định của đòn tiến công chiến lược Tây Nguyên và thắng lợi nhanh chóng, vang dội của đòn tiến công chiến lược Huế - Đà Nẵng, ta đã đập tan ý định co cụm chiến lược của địch, góp phần làm thay đổi lớn về so sánh thế, lực giữa ta và địch ở cả quy mô chiến lược, chiến trường. Từ đó, tạo sự nhảy vọt về chất của cục diện chiến tranh, hoàn toàn có lợi cho ta, mở ra cục diện chiến lược mới chưa từng có, cơ sở, tiền đề quan trọng để ta giành được những mục tiêu chiến lược lớn hơn và sớm hơn dự kiến.

3. Đòn quyết chiến chiến lược đánh thẳng vào sào huyệt cuối cùng của địch ở Sài Gòn - Gia Định. Trên cơ sở dự báo sớm “Kế hoạch thời cơ”, khi thời cơ giải phóng hoàn toàn miền Nam xuất hiện, Bộ Chính trị chủ trương: tập trung nhanh nhất lực lượng (từ 12 sư đoàn trở lên), binh khí, kỹ thuật và vật chất giải quyết xong Sài Gòn - Gia Định trước mùa mưa. Tiếp đó (ngày 30/3/1975 và ngày 14/4/1975), Bộ Chính trị chính thức hạ quyết tâm mở Chiến dịch Hồ Chí Minh - chiến dịch quyết chiến chiến lược với hình thức tiến công hiệp đồng quân chủng, binh chủng quy mô lớn kết thúc chiến tranh.

Nghệ thuật tạo thế và lực trong đòn quyết chiến chiến lược này, đó chính là sự kịp thời phát hiện, nắm bắt và tận dụng triệt để thời cơ chiến dịch, chiến lược; sự vận dụng linh hoạt, sáng tạo mưu kế, thế, thời; nghệ thuật tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy đúng đắn, tài tình,... của Bộ thống soái. Đó là những cơ sở khoa học để các lực lượng cơ động thần tốc, tác chiến hiệp đồng quân chủng, binh chủng, tiến công và nổi dậy,... tạo ưu thế hơn hẳn cả về thế và lực, áp đảo hoàn toàn quân địch trên từng hướng tiến công vào Sài Gòn.

Về thế, ta chủ động, tích cực xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân phát triển ở trình độ cao; thế của hai lực lượng, ba thứ quân; thế bao vây chia cắt; thế tiến công quân sự và nổi dậy của quần chúng; thế đứng chân ở các vị trí xung yếu,... còn thế của địch đang ở thế tan rã, thế hoang mang và tất yếu là thế thua trận. *Về lực*, ta đã làm suy giảm lực lượng địch bằng những trận tiêu diệt lớn⁴. Hơn nữa, ta chủ động xây dựng được các binh đoàn chủ lực mạnh làm chuyển biến căn bản so sánh lực lượng có lợi cho ta, bất lợi cho địch: ta 1,7, địch 1 (riêng quân chủ lực là 3/1); về binh khí, kỹ thuật ta đã tập trung được 516 khẩu pháo mặt đất, 550 tên lửa và pháo phòng không, 01 đại đội máy bay A37, 320 xe tăng, xe thiết giáp,... còn lực của địch đang lâm vào

trạng thái, “lực bất tòng tâm”. Đó là những thuận lợi căn bản, tạo sức mạnh tổng hợp hơn hẳn địch, đập tan mọi cố gắng cuối cùng của quân đội và chính quyền Sài Gòn, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Như vậy, chỉ với 55 ngày đêm diễn ra cuộc đấu trí, đấu lực giữa ta và địch trên chiến trường, dưới sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Đảng, sự chỉ đạo, điều hành, tổ chức, chỉ huy mưu lược, trí tuệ, sáng tạo và linh hoạt của Quân ủy Trung ương, Bộ Tổng Tư lệnh, của người chỉ huy và cơ quan chiến trường, chiến dịch, quân và dân ta đã làm nên kỳ tích lịch sử ở thế kỷ XX, trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975. Thắng lợi đó để lại nhiều bài học quý, trong đó bài học về nghệ thuật tạo thế và lực trong tác chiến chiến dịch mãi mãi là tinh hoa quân sự để các thế hệ người Việt Nam tiếp tục kế thừa, nghiên cứu, vận dụng trong công cuộc xây dựng thế và lực của nền quốc phòng toàn dân để bảo vệ Tổ quốc.

19. ĐẶNG QUANG MINH. Nghệ thuật kết hợp tác chiến các binh đoàn chủ lực với phong trào nổi dậy của quần chúng trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử // <https://www.tapchiquptd.vn.-2020.-> Ngày 14/4.

**NGHỆ THUẬT KẾT HỢP TÁC CHIẾN CỦA CÁC BINH ĐOÀN
CHỦ LỰC VỚI PHONG TRÀO NỔI DẬY CỦA QUẦN CHÚNG
TRONG CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH LỊCH SỬ**

Thắng lợi của Chiến dịch Hồ Chí Minh trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 là kết quả của nhiều yếu tố; trong đó, nghệ thuật kết hợp tác chiến của các binh đoàn chủ lực với phong trào nổi dậy của quần chúng là nội dung quan trọng, tạo sức mạnh tổng hợp, đập tan chính quyền tay sai, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.



Bộ Chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh tại căn cứ Tà Thiết – Lộc Ninh (tháng 4/1975).
(Ảnh tư liệu TTXVN)

Vận dụng sáng tạo và phát huy truyền thống “cả nước đánh giặc” trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, Đảng ta chủ trương tiến hành phương thức chiến tranh nhân dân; trong đó, xác định: “Tiến công quân sự phải đi trước một bước để hỗ trợ và kết hợp với nổi dậy của quần chúng”¹, nhằm tiêu diệt địch và giành quyền làm chủ. Thực hiện chủ trương đó, trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 nói chung, Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử nói riêng, chúng ta đã thực hiện thành công nghệ thuật kết hợp tác chiến của các binh đoàn chủ lực với phong trào nổi dậy của quần chúng, tạo sức mạnh tổng hợp đưa cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ, nhân dân ở miền Nam đến thắng lợi hoàn toàn. Trong sự kết hợp đó, các đơn vị tiến công quân sự của bộ đội chủ lực đã “châm ngòi”, làm “đòn bẫy” thúc đẩy quần chúng vùng dậy đấu tranh; ngược lại, lực lượng quần chúng nhân dân tham gia đấu tranh đa dạng về quy mô, phong phú về hình thức, lấy đấu tranh chính trị, nổi dậy khởi nghĩa, giành chính quyền là mục tiêu cao nhất, tạo thế, lực, thời cơ, địa bàn,... hỗ trợ lực lượng vũ trang ba thứ quân, đặc biệt là bộ đội chủ lực thực hiện các trận then chốt quyết định, chiến dịch quyết chiến chiến lược giành thắng lợi.

Đối với nhân dân Sài Gòn - Gia Định, vốn có truyền thống yêu nước nồng nàn, dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào đấu tranh chống chế độ tàn bạo Mỹ - Diệm diễn ra liên tục, bền bỉ, rộng khắp, gặp khí thế chiến thắng to lớn, dồn dập ở Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng đã thổi bùng ngọn lửa đấu tranh cách mạng thành phong trào sôi nổi, mạnh mẽ, kết hợp với sức mạnh của lực lượng vũ trang, đặc biệt là bộ đội chủ lực làm nên cuộc Tổng tiến công và nổi

dậy “long trời, lở đất”, đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Sự kết hợp đó được thể hiện trên một số nội dung cơ bản sau.

Trước hết, *kết hợp chặt chẽ giữa tạo lập thế trận tác chiến của các binh đoàn chủ lực với thế trận nổi dậy của quần chúng trong tổ chức chuẩn bị Chiến dịch*. Theo chỉ thị của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, các quân khu 6, 7, 8, 9 ở miền Nam đẩy mạnh hoạt động tác chiến tạo thế ở vùng phụ cận Sài Gòn. Tại khu vực miền Đông Nam Bộ, ta tổ chức lực lượng tác chiến tạo thế, đánh cắt Đường 1, áp sát Trảng Bom, sẵn sàng cắt tiếp Đường 15, khống chế Vũng Tàu, làm tê liệt sân bay Biên Hòa. Từ đầu tháng 4-1975, Quân đoàn 4 triển khai lực lượng tập trung đánh lớn vào Sư đoàn 18 ngự ở thị xã Xuân Lộc (tỉnh Long Khánh). Trên hướng Tây và Tây Nam Sài Gòn, lực lượng ta đã bám sát, chuẩn bị cắt đứt trục đường huyết mạch số 4 (Sài Gòn - đồng bằng sông Cửu Long). Binh đoàn 232 cùng các lực lượng vũ trang, chính trị địa phương tiến đánh Tân An, Bến Lức,... triển khai thế trận tiến công Sài Gòn từ phía Tây Nam, sẵn sàng chặn đường rút lui của địch từ Sài Gòn về Cần Thơ. Đồng thời, bí mật bố trí 04 tiểu đoàn, nhiều đội biệt động ở ngoại thành, 60 tổ biệt động, 300 quần chúng vũ trang do lực lượng biệt động chỉ huy ở nội thành; triển khai Trung đoàn Thành đội Sài Gòn ở Gia Định và các đại đội, tiểu đoàn bộ đội địa phương theo phương án đánh địch. Trên hướng Tây Bắc và Bắc, quân ta tập kết lực lượng ở Nam Sông Bé và Dầu Tiếng; công tác bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, nhất là hệ thống đường hành lang nối liền các cánh quân, hướng đánh đầy đủ, sẵn sàng tổng tiến công.

Để lãnh đạo các lực lượng tập trung, thống nhất, Thành ủy Sài Gòn - Gia Định cùng với Trung ương Cục và Quân ủy Miền xây dựng, triển khai kế hoạch phối hợp nổi dậy của đồng bào Nam Bộ với hoạt động tác chiến của lực lượng vũ trang, tập trung phối hợp với các binh đoàn cơ động chiến lược; tăng cường số lượng ủy viên ban cán sự, bổ sung hàng trăm cán bộ, đảng viên, tuyên truyền viên, hàng nghìn đoàn viên, huy động hàng chục nghìn quần chúng sẵn sàng làm hạt nhân cổ vũ đồng bào nổi dậy đấu tranh. Đồng thời, tổ chức các cơ sở chính trị trong nội đô, nắm tình hình địa bàn, chuẩn bị phương tiện, vật chất (loa phóng thanh, cờ, khẩu hiệu,...) theo kế hoạch nổi dậy, giành quyền làm chủ; phối hợp với lực lượng tác chiến chiến lược tổng tiến công của 05 binh đoàn chủ lực, bộ đội đặc công, các đội biệt động, bộ đội địa phương, dân quân tự vệ, an ninh vũ trang,... hình thành thế trận áp sát, bao vây Sài Gòn trên 04 hướng chiến lược, sẵn sàng tổng công kích, chọc thủng tuyến phòng

thủ vòng ngoài, chia cắt, thọc sâu đánh chiếm trung tâm thành phố, giải phóng Sài Gòn. Đây là sự phát triển đỉnh cao của nghệ thuật tạo lập thế trận chiến dịch, sự kết hợp khách quan giữa các binh đoàn cơ động chiến lược - lực lượng vũ trang tại chỗ - lực lượng chính trị, quần chúng trên địa bàn thành phố và các vùng ven đô, tạo sức mạnh vượt trội, bảo đảm cho chiến dịch quyết chiến chiến lược cuối cùng giành thắng lợi nhanh chóng.

Hai là, nghệ thuật kết hợp sức mạnh của các binh đoàn chủ lực với phong trào nổi dậy của quần chúng trong thực hiện phương pháp và kế hoạch tác chiến Chiến dịch. Quân ủy Trung ương xác định: “Để tạo điều kiện cho các binh đoàn đột kích thọc sâu nhanh và đánh trúng 05 mục tiêu đã định², các trung đoàn, tiểu đoàn đặc công Sài Gòn - Gia Định sẽ đánh chiếm các cầu qua sông, các đội biệt động, các lực lượng an ninh vũ trang và tự vệ thành phố, các lực lượng chính trị của quần chúng tạo các bàn đạp cho các binh đoàn chủ lực tiến quân, dẫn đường cho các đơn vị bộ đội cơ động và phát động đông đảo quần chúng nổi dậy diệt tề diệt, trừ gian”³. Theo đó, Bộ Tư lệnh Chiến dịch đã xây dựng kế hoạch nổi dậy của quần chúng để phối hợp chặt chẽ với các đơn vị tiến công quân sự dồn dập, mãnh liệt của bộ đội chủ lực; đồng thời, bí mật, khẩn trương phổ biến đến các cơ sở chính trị, hướng dẫn hình thức, thời cơ nổi dậy, làm cơ sở huy động lực lượng quần chúng kết hợp với lực lượng vũ trang tiến hành tổng tiến công và nổi dậy giành thắng lợi. Công tác vận động binh lính và nhân viên nguy quyền cũng được triển khai rất khẩn trương. Trước ngày nổ súng tổng công kích vào Sài Gòn, ta công bố chính sách của cách mạng đối với tù binh, hàng binh, kêu gọi binh sĩ địch hạ vũ khí về với gia đình, lôi kéo cảnh sát, nhân viên chính quyền Việt Nam Cộng hòa đứng về phía nhân dân, không chống lại cách mạng, v.v. Nhờ đó, các đơn vị đột phá của 05 binh đoàn chiến lược trên 04 hướng đã phát triển tiến công thuận lợi, đi trước một bước, dọn đường, tạo đà để quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ ở cơ sở phường, khóm, đường phố, góp phần quan trọng bảo đảm cho Chiến dịch giành thắng lợi nhanh chóng, quyết định.

Ba là, nghệ thuật kết hợp sử dụng lực lượng quy mô lớn của ba mũi giáp công, tiến công mạnh về quân sự với nổi dậy hiệu quả của quần chúng trong Chiến dịch. Với chiến dịch quyết chiến chiến lược cuối cùng, ta xác định lấy các đơn vị tiến công quân sự của các binh đoàn chủ lực giữ vai trò quyết định; đồng thời, phát huy sức mạnh tổng hợp lớn nhất cả quân sự, chính trị và binh, địch vận, kết hợp tiến công và nổi dậy để giành toàn thắng trong thời gian

ngắn nhất. Các đòn tiến công quân sự nhanh, mạnh, tiêu diệt và làm tan rã phần lớn quân chủ lực địch, tạo điều kiện cho các cơ sở chính trị lãnh đạo, vận động quần chúng đứng lên đấu tranh giành chính quyền và bảo vệ cơ sở vật chất của thành phố bàn giao cho chính quyền cách mạng.

Tiến công quân sự là hình thức tiến công quyết định với ba mũi giáp công trong chiến dịch tiến công vào thành phố, tạo sức mạnh tổng hợp, toàn diện. Ở những nơi mà cánh quân lớn của các binh đoàn chủ lực chưa tiến vào hoặc ở xa các trục đường tiến quân, quần chúng dưới sự lãnh đạo của các tổ chức đảng và sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang tại chỗ đã tranh thủ thời cơ, vừa vận động, vừa đe dọa, buộc binh lính địch đầu hàng; đồng thời, tổ chức đấu tranh, nhanh chóng nổi dậy giành quyền làm chủ. Tại nhiều địa phương, bộ đội tiến tới đâu, nhân dân nổi dậy tới đó, cùng với lực lượng vũ trang làm chủ địa bàn, thiết lập an ninh trật tự, truy quét tàn binh địch. Quy mô, phạm vi nổi dậy và các hình thức, phương pháp kết hợp giữa nổi dậy với tiến công quân sự đã phản ánh quy luật của khởi nghĩa trong chiến tranh, sự kết hợp ba mũi giáp công, trong đó nghệ thuật kết hợp tiến công quân sự với nổi dậy của quần chúng phát triển đến trình độ cao trong Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Bốn là, *nghệ thuật kết hợp đòn đánh quyết định của các binh đoàn cơ động chiến lược với nổi dậy của quần chúng và hoạt động tác chiến của lực lượng vũ trang tại chỗ, lấy đòn đánh lớn của bộ đội chủ lực làm trung tâm phối hợp*. Đây là sự khác biệt, nét đặc sắc về nghệ thuật kết hợp sức mạnh giữa lực lượng vũ trang ba thứ quân với phong trào nổi dậy của quần chúng; trong đó, đòn đánh của các binh đoàn cơ động chiến lược giữ vai trò then chốt, quyết định thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 nói chung, Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử nói riêng.

Sự phối hợp hoạt động tác chiến quy mô lớn của bộ đội chủ lực trên các hướng của Chiến dịch với lực lượng vũ trang địa phương đã bao vây, tiêu diệt, truy kích và làm tan rã phần lớn các đồn bốt, chi khu, giải phóng một số tỉnh lỵ, hầu hết các quận lỵ, xã, ấp,... làm nòng cốt, đòn bẩy cho hành động nổi dậy của quần chúng. Đặc biệt, “Ở Sài Gòn, đã có 107 điểm quần chúng nổi dậy (31 điểm ở nội thành, 76 điểm ở ngoại thành), 32 điểm nổi dậy trước ngày 30 tháng 4; 30 điểm nổi dậy sáng 30 tháng 4 và 45 điểm nổi dậy sau khi Tổng thống ngụy quyền tuyên bố đầu hàng”⁴. Hành động nổi dậy của quần chúng có tác dụng hỗ trợ và phát huy thắng lợi của đòn tiến công quân sự, tiếp tục phát triển cùng hoạt động tác chiến của lực lượng vũ trang ba thứ quân. Trong đó,

lực lượng vũ trang địa phương đã tích cực phối hợp, hỗ trợ bộ đội chủ lực trong trinh sát địa hình, cung cấp tình hình địch, dẫn đường; tổ chức các hoạt động tác chiến rộng khắp, đánh vào bên sườn, phía sau, trong lòng địch, làm căng kéo, phân tán đối phó của chúng trên các hướng, tạo bàn đạp, điều kiện cho bộ đội chủ lực tập trung lực lượng đánh các trận then chốt quyết định tiêu diệt các mục tiêu chủ yếu, làm tan rã lớn quân địch, đưa Chiến dịch đến toàn thắng.

Những nội dung trên luận giải, làm sâu sắc thêm nghệ thuật kết hợp tác chiến của các binh đoàn chủ lực với phong trào nổi dậy của quần chúng trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử; trên cơ sở đó, tiếp tục nghiên cứu, phát triển, vận dụng trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

20. VŨ VĂN KHANH. Nghệ thuật điều khiển thế trận trong trận then chốt // <https://www.qdnd.vn.- Ngày7/3/2020>.

NGHỆ THUẬT ĐIỀU KHIỂN THẾ TRẬN TRONG TRẬN THEN CHỐT

QĐND - Thực hiện kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm (1975-1976), Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương quyết định chọn Tây Nguyên làm hướng tiến công chiến lược, vì xác định đây là địa bàn có vị trí vô cùng quan trọng về chiến lược, nếu ta giải phóng được, sẽ làm rung chuyển toàn bộ chiến trường miền Nam.

Để bảo đảm chiến dịch chắc thắng, Bộ tư lệnh chiến dịch đã tiến hành công tác chuẩn bị hết sức kỹ lưỡng, chu đáo và quyết định chọn Buôn Ma Thuột để đánh trận mở đầu-trận then chốt quyết định. Trận đánh này được coi là điển hình của nghệ thuật quân sự Việt Nam, trong đó, mưu kế điều khiển thế trận là nét nổi bật, góp phần vào thành công của chiến dịch.



Bộ đội ta đánh chiếm sân bay Hòa Bình trong Chiến dịch Tây Nguyên. Ảnh tư liệu

Ngày 4-3-1975, Chiến dịch Tây Nguyên chính thức bắt đầu. Từ ngày 4 đến 9-3, ta đã chỉ huy tổ chức nghi binh, tạo thế, triển khai lực lượng, chia cắt chiến dịch, tạo điều kiện đánh Buôn Ma Thuột. Đây là một vị trí xung yếu, nhưng do mắc mưu kế nghi binh của ta, nên địch dồn phần lớn lực lượng lên phía Bắc; phòng thủ của chúng ở đây mỏng hơn và có nhiều sơ hở. Sau thời gian nghi binh, khiến địch tin chắc ta sẽ đánh Plây-cu, ta quyết định nổ súng đánh cắt giao thông, chia cắt chiến dịch theo kế hoạch. Trong ngày mở đầu chiến dịch, ba con đường huyết mạch (19, 14, 21) tiếp tế cho Tây Nguyên của địch đã bị cắt hoàn toàn. Khi thấy địch vội vã dùng trực thăng đổ liên đoàn 21 biệt động quân từ Bắc Tây Nguyên xuống sân bay Hòa Bình và đưa tiểu đoàn này lên Buôn Hồ để bảo vệ Bắc Buôn Ma Thuột, ta đã sử dụng các đơn vị pháo binh tổ chức kiểm chế hai sân bay Cù Hanh, Hòa Bình; Sư đoàn 968 cắt Đường số 14 giữa Kon Tum và Pleiku và tiếp tục bắn phá vào hai thị xã này.

Tiếp tục kế hoạch cô lập Buôn Ma Thuột, ngày 9-3, Sư đoàn 10 nổ súng tiến công Đức Lập. Sau 6 ngày đêm chiến đấu, giai đoạn tạo thế của chiến dịch đã hoàn thành, Buôn Ma Thuột hoàn toàn bị chia cắt từ mọi phía. Sau đó, ta tiếp tục đánh chiếm Thuận Mẫn, tiến công Đức Lập, nhưng địch vẫn chưa đoán được ý định tiến công vào Buôn Ma Thuột. Để bảo đảm chắc thắng, ta đã tập trung lực lượng lớn, gồm 12 trung đoàn bộ binh và binh chủng tham gia; triển khai tiến công trên 5 hướng: Sư đoàn 316 trên hướng bắc, nam và đông; Sư đoàn 10 tổ chức một mũi binh chủng hợp thành thọc sâu vào sở chỉ huy sư đoàn 23 ngụy; Trung đoàn 95B triển khai đánh vào ngã sáu.

Bị tiến công dồn dập từ nhiều hướng, địch co về phòng thủ tại căn cứ Sư đoàn 23 đồng thời sử dụng 79 lần chiếc máy bay ném bom vào đội hình tiến công của ta. Mục đích của địch lúc này là cố giữ địa bàn từ 2 đến 3 ngày để chúng tăng viện ứng cứu. Sau khi phân tích tình hình, chỉ huy chiến dịch hạ quyết tâm nhanh chóng đánh chiếm căn cứ Sư đoàn 23 và các mục tiêu còn lại trước khi địch đưa lực lượng dự bị đến ứng cứu. Sáng sớm 11-3, ta nổ súng tiến công vào căn cứ sư đoàn 23 ngay, sau 2 giờ hỏa lực chuẩn bị, bộ binh xe tăng ta từ 3 mũi tiến công, đến 11 giờ ta hoàn toàn làm chủ trận địa. Trận then chốt quyết định mở đầu chiến dịch thắng lợi sau 32 giờ tiến công mãnh liệt, ta bắt sống toàn bộ chỉ huy của địch. Thắng lợi này đã tạo nên bước ngoặt chiến lược của cuộc chiến tranh, thúc đẩy nhanh quá trình tan rã và sụp đổ của chúng.

21. LÊ TIẾN. Nghệ thuật bao vây, chia cắt trong Chiến dịch Hồ Chí Minh// <https://www.qdnd.vn.-> Ngày 25/4/2020.

NGHỆ THUẬT BAO VÂY, CHIA CẮT TRONG CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH

QĐND - Sau khi giành thắng lợi trong Chiến dịch Tây Nguyên, Trị Thiên-Huế và Đà Nẵng (năm 1975) quân và dân ta đã đập tan toàn bộ hệ thống chính quyền địch ở 16 tỉnh, 5 thành phố và nhiều địa bàn quan trọng. So sánh cả thế và lực giữa ta và địch đã có sự chuyển biến hoàn toàn có lợi cho ta. Thời cơ giải phóng miền Nam đã đến, ngày 14-4-1975, kế hoạch giải phóng Sài Gòn-Gia Định mang tên Chiến dịch Hồ Chí Minh được Bộ Chính trị thông qua.

Trước yêu cầu của chiến dịch, Bộ chỉ huy chiến dịch xác định cách đánh của Chiến dịch Hồ Chí Minh là: “Dùng một bộ phận lực lượng thích hợp trên từng hướng đủ sức hình thành bao vây, chia cắt, chặn giữ quân địch không cho chúng rút chạy hoặc lùi dần về Sài Gòn; tiêu diệt và làm tan rã tại chỗ các sư đoàn bộ binh chủ lực của địch phòng thủ vòng ngoài; đồng thời dùng đại bộ phận lực lượng nhanh chóng thọc sâu đánh chiếm các địa bàn then chốt ở vùng ven, mở đường cho các binh đoàn đột kích cơ giới hóa mạnh đã được tổ chức chặt chẽ, tiến nhanh theo các trục đường lớn đánh thẳng vào 5 mục tiêu đã được lựa chọn trong nội thành gồm: Sân bay Tân Sơn Nhất, bộ tổng tham mưu ngụy, Dinh Độc Lập, biệt khu thủ đô và tổng nha cảnh sát ngụy”.



Nhân dân Sài Gòn chào mừng Quân Giải phóng tiến vào thành phố. Ảnh tư liệu.

Để bảo đảm chắc thắng, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định tập trung lực lượng lớn chủ lực và binh khí kỹ thuật cho chiến dịch. Các binh đoàn chủ lực được lệnh hành quân thần tốc, áp sát Sài Gòn để tạo thế bao vây, cô lập địch trên 5 hướng tiến vào thành phố Sài Gòn: Hướng bắc gồm Quân đoàn 1 được tăng cường Trung đoàn 95 (Sư đoàn 325, Quân đoàn 2) và một trung đoàn phòng không đảm nhiệm tiến đánh bộ tổng tham mưu và căn cứ bộ tư lệnh các binh chủng của quân ngụy ở Gò Vấp. Hướng tây bắc gồm Quân đoàn 3 cùng hai trung đoàn (1 và 2 Gia Định), các đội đặc công biệt động của Thành đội Sài Gòn được các lực lượng pháo binh và lực lượng phòng không chiến dịch chi viện tiến đánh Đồng Dù, chiếm sân bay Tân Sơn Nhất, phối hợp cùng Quân đoàn 1 đánh chiếm bộ tổng tham mưu ngụy. Hướng đông bắc gồm Quân đoàn 4, được tăng cường Lữ đoàn bộ binh 52 (Quân khu 5) và một số tiểu đoàn binh chủng có nhiệm vụ tiến công sở chỉ huy bộ tư lệnh quân đoàn 3 và sư đoàn 18 của địch ở Biên Hòa, sau đó thọc sâu đánh chiếm Dinh Độc Lập. Hướng đông, Quân đoàn 2 tiến đánh Bà Rịa, các căn cứ Nước Trong, Long Bình, sau đó tiến vào cùng Quân đoàn 4 chiếm Dinh Độc Lập. Hướng tây và tây nam, Đoàn 232 và lực lượng vũ trang (LLVT) Quân khu 8 có nhiệm vụ đánh chia cắt Đường số 4, chiếm biệt khu thủ đô và tổng nha cảnh sát ngụy. Các đơn vị đặc công biệt động và LLVT thành phố Sài Gòn cũng đồng thời đánh chiếm các cầu vào thành phố, dẫn đường các binh đoàn chủ lực thọc sâu đánh chiếm các mục tiêu, hỗ trợ quần chúng nổi dậy phối hợp với đòn tiến công quân sự.

Đến trước 17 giờ ngày 26-4, ta đã hình thành được thế trận bao vây thành phố từ nhiều mặt. Ở phía đông, ta đã cắt hoàn toàn Đường số 1, sẵn

sàng cắt đứt Đường số 15 (xuống Vũng Tàu), sông Lòng Tàu và khống chế Vũng Tàu, làm tê liệt sân bay Biên Hòa. Quân ta đã áp sát con đường huyết mạch số 4, cắt lia Sài Gòn với Đồng bằng sông Cửu Long. Các đơn vị thuộc Khu 8 mở rộng hoạt động ở Long An, sẵn sàng cắt Đường số 4 với kênh Chợ Gạo. Các lực lượng lớn của chiến dịch đã tiến dần vào vị trí triển khai. Các lực lượng đặc công, biệt động đã ém sẵn tại các vị trí quy định ở vùng ven và cả trong nội thành, sẵn sàng đánh chiếm các mục tiêu, mở và bảo vệ đường tiến cho các cánh quân lớn, đặc biệt là các cầu quan trọng trên đường vào trung tâm thành phố.

Đúng 17 giờ ngày 26-4, ta nổ súng mở màn chiến dịch. Các binh đoàn chủ lực phối hợp với lực lượng tại chỗ đồng loạt tổ chức tiến công địch trên các hướng, nhanh chóng làm tan rã quân địch, ngăn chặn không cho chúng chạy về co cụm ở nội thành. Các lực lượng chiến dịch nhanh chóng thọc sâu, kết hợp với lực lượng tại chỗ, mở đường cho các binh đoàn cơ giới nhanh chóng đánh chiếm 5 mục tiêu đầu não đã quy định. Ta kết hợp đánh địch trên tuyến phòng thủ từ xa và đột phá tuyến phòng thủ cơ bản của địch với đánh địch trong thành phố; giữa cắt đường bộ với ngăn đường sông, khống chế đường không; giữa diệt bộ binh, thiết giáp với chế áp, tiêu diệt các trận địa pháo binh địch và bắn phá làm tê liệt các sân bay. Ta còn sử dụng máy bay A37 lấy được của địch để ném bom sân bay Tân Sơn Nhất, tạo nên sự phối hợp chiến dịch giữa trên không và mặt đất.

Với thế trận bao vây, chia cắt và hiệp đồng chặt chẽ, ta đã uy hiếp địch trên cả 5 hướng, khiến chúng trong, ngoài bị chia cắt, lâm vào thế “cá nằm trên thớt”, tạo cơ sở cho các mũi thọc sâu chiến dịch trên các hướng ào ạt tiến vào trung tâm Sài Gòn. Cuộc tổng công kích trên toàn mặt trận diễn ra như vũ bão suốt hai ngày 29 và 30-4. Đúng 11 giờ 30 phút ngày 30-4-1975, lá cờ chiến thắng của Quân Giải phóng đã được cắm lên nóc Dinh Độc Lập, kết thúc số phận của chính quyền ngụy Sài Gòn, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

22. THANH THUẬN. Nghệ thuật nghi binh hoàn hảo trong Chiến dịch Tây Nguyên // <https://www.bienphong.com.vn.-2019.-> Ngày 22/12/2019.

NGHỆ THUẬT NGHI BINH HOÀN HẢO TRONG CHIẾN DỊCH TÂY NGUYÊN

Biên phòng - Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, Tây Nguyên có vị trí chiến lược rất quan trọng, nên Mỹ - ngụy đã biến nơi đây thành một căn cứ chiến lược lớn, hòng đè bẹp cuộc kháng chiến của nhân dân ba nước Đông Dương, ngăn chặn sự chi viện của ta từ miền Bắc vào và từ rừng núi xuống đồng bằng Khu 5. Thực hiện quyết tâm của Bộ Chính trị về giải phóng miền Nam trong năm 1975, tháng 1-1975, Thường trực Quân ủy Trung ương họp quán triệt và quyết định mở Chiến dịch Tây Nguyên (mang mật danh A275), nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, giải phóng các tỉnh Nam Tây Nguyên (Đắk Lắk, Phú Bổn, Quảng Đức), thực hiện chia cắt chiến lược và tạo thế chiến lược mới trên chiến trường toàn miền Nam.



Trung tướng Khuất Duy Tiến. Ảnh: Thanh Thuận

44 năm trôi qua, nhưng ký ức về những ngày tháng Ba Tây Nguyên sục sôi đánh giặc vẫn in đậm trong tâm trí của Trung tướng, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Khuất Duy Tiến, nguyên Tư lệnh Quân đoàn 3 Tây Nguyên, nguyên Cục trưởng Cục Quân lực (Bộ Tổng tham mưu). Với Trung tướng Khuất Duy Tiến, những ngày ông trực tiếp chiến đấu tại Tây Nguyên mãi là ký ức đẹp mà ông luôn ghi nhớ, trân trọng. Phóng viên Báo Biên phòng đã có

cuộc phỏng vấn Trung tướng Khuất Duy Tiến xung quanh Chiến dịch Tây Nguyên.

- Đề nghị Trung tướng cho biết bối cảnh lịch sử thời điểm chuẩn bị Chiến dịch Tây Nguyên?

- Đầu năm 1975, trên chiến trường toàn quốc, thế của ta mạnh hơn địch sau 2 năm thực hiện Hiệp định Paris (tháng 1-1973). Miền Bắc đẩy mạnh sản xuất, huy động lực lượng với khí thế hùng hực ra sức chi viện cho tiền tuyến để tập trung tìm mọi cách vào giải phóng miền Nam nhanh nhất.

Với Hiệp định Paris, ta đã “đánh cho Mỹ cút” mà vẫn chưa “đánh cho ngụy nhào”. Mỹ còn duy trì được chính quyền tay sai ở miền Nam, tiếp tục viện trợ quân sự, kinh tế cho ngụy. Chúng huy động lực lượng tiếp tục chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

Tại Tây Nguyên, lực lượng địch có Sư đoàn bộ binh 23, 7 tiểu đoàn biệt động quân, 36 tiểu đoàn bảo an, 4 thiết đoàn, 230 khẩu pháo, 150 máy bay... Nhìn chung, địch bố trí lực lượng mạnh ở khu vực Bắc Tây Nguyên, còn khu vực phía Nam Tây Nguyên được coi như hậu phương, nên chúng bố trí lực lượng mỏng hơn.

- Thưa Trung tướng, trước bối cảnh lịch sử đó, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đã có những chiến lược gì?

- Cuối năm 1974, cục diện chiến trường miền Nam trên đà chuyển biến, có lợi cho cách mạng Việt Nam. Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định mở Chiến dịch chiến lược chính trên chiến trường Tây Nguyên, đánh địch ở Nam Tây Nguyên, giải phóng Buôn Ma Thuột, đánh vào tỉnh lỵ Phú Bôn (Cheo Reo) và phát triển xuống đồng bằng Khu 5 trong năm 1975.

Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh chính thức giao nhiệm vụ cho Bộ Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên mở Chiến dịch Nam Tây Nguyên. Phòng Tác chiến Mặt trận Tây Nguyên do tôi làm Trưởng phòng lập tức lập kế hoạch chuẩn bị chiến trường chiến dịch, xây dựng kế hoạch chiến dịch bao gồm: Kế hoạch triển khai đường cơ động trên các hướng, các mũi chiến dịch; kế hoạch cơ động lực lượng; kế hoạch nghi binh chiến dịch; kế hoạch tập kết bộ đội; kế hoạch đảm bảo hậu cần kỹ thuật... Đồng thời, lập kế hoạch tiếp nhận cơ sở vật chất, tiếp nhận các đơn vị mới đến tăng cường, các đơn vị binh chủng kỹ thuật của Bộ phải được tổ chức chu đáo, bí mật, an toàn. Công tác bảo quản, sửa chữa vũ khí, phương tiện xe - máy phải bảo đảm tối đa hệ số kỹ thuật các

phương tiện hiện có. Công tác Đảng, công tác chính trị tư tưởng phải nhằm nâng cao ý chí quyết tâm chiến đấu, sức mạnh chiến đấu tổng hợp của mọi đơn vị, mọi binh chủng...

Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên đã xác định, để cô lập và đánh chiếm Buôn Ma Thuột nhanh nhất, cần phải lên kế hoạch nghi binh để lừa địch. Tư lệnh Vũ Lăng đã giao tôi phụ trách việc xây dựng kế hoạch nghi binh. Tôi đã dốc sức để xây dựng kế hoạch được thông qua, tiến hành thực hiện kế hoạch một cách cẩn thận, chu đáo.

- Điểm nổi bật nhất trong nghệ thuật tác chiến ở Chiến dịch Tây Nguyên là tổ chức nghi binh, lừa địch, khiến địch bất ngờ, mất quyền chủ động đối phó. Kế hoạch này đã diễn ra như thế nào?

- Khi đó, Sư đoàn 968 đang đứng chân tại Nam Lào đã được lệnh về Tây Nguyên trước ngày 6-1-1975 nhận nhiệm vụ. Khi Sư đoàn 968 về đến Tây Nguyên đã được giao nhiệm vụ thay cho Sư đoàn 10 (ở Kon Tum) và Sư đoàn 320A (ở Gia Lai) để hai sư đoàn này cơ động về hướng chính làm nhiệm vụ. Với Sư đoàn 968, bằng mọi biện pháp, Sư đoàn phải thu hút sự tập trung đối phó của địch lên hướng Bắc Tây Nguyên, ghìm chân địch ở hướng này càng lâu càng tốt cho đến ngày hướng chính nổ súng.

Trong khi đó, ngày 17-1-1975, Sư đoàn 10 và Sư đoàn 320A di chuyển hết lực lượng về Nam Tây Nguyên mà địch tưởng hai sư đoàn chủ lực này của ta sẽ đánh vào Kon Tum và Pleiku (phía Bắc Tây Nguyên), chứ không đánh xuống phía Nam. Vì để đánh được Đắc Lắc, ta phải đi mất khoảng 300km đường rừng, nhiều sông suối, nên việc hành quân và đưa phương tiện vào sẽ rất khó khăn. Chúng tôi tương kế tựu kế theo nhận định của địch, lên kế hoạch nghi binh, cho địch lầm tưởng ta đang chuẩn bị đánh Kon Tum, Gia Lai, nhưng thực tế, ta lại điều quân xuống phía Nam Tây Nguyên, chuẩn bị đánh Buôn Ma Thuột. Mặt khác, ta lan truyền thông tin vào trong nhân dân và những huyện gần căn cứ địch ở Kon Tum và Pleiku, để các địa phương vội thực hiện chuẩn bị lực lượng, làm đường, kéo pháo, tải lương... để vào đánh Kon Tum và Pleiku... Khi đó, máy bay do thám của địch trên không, quân thám báo của địch thăm dò thấy vậy nên tin là ta sẽ đánh Kon Tum.



Quân Giải phóng đánh chiếm Sở Chỉ huy Sư đoàn 23 ngay trong trận Buôn Ma Thuột, tháng 3-1975. Ảnh: Tư liệu

Đối với lực lượng hành quân xuống phía Nam, Bộ Tư lệnh quy định toàn bộ cuộc hành quân phải bảo đảm nguyên tắc bí mật, nguy trang kỹ lưỡng, ngày vào rừng, tối hành quân..., đi đến đâu nguy trang xóa dấu vết đến đó.

Cùng thời gian đó, ở Kon Tum và Gia Lai, ta hạ lệnh truyền tin, chuẩn bị đi dân công, tải thương, tải đạn, kéo xe tăng... áp vào đánh địch. Sư đoàn 968 nhận lệnh kéo pháo đánh ngay Đồn Thanh An, bắn pháo vào Pleiku. Từ ngày 1 đến 3-3, ta đánh mạnh ở Gia Lai, Kon Tum, khiến địch tin rằng ta chuẩn bị đánh Bắc Tây Nguyên thật.

- Có thể nói, nghệ thuật nghi binh hoàn hảo đã tạo thế đánh bật địch khỏi Tây Nguyên, giải phóng “nóc nhà của Đông Dương”?

- Đúng vậy. Từ ngày 14 đến 18-3-1975, Sư đoàn 10 và các lực lượng phối hợp bằng 4 trận tiến công đã tiêu diệt Sư đoàn 23 và Liên đoàn biệt động số 21, đập tan ý định phản kích của lực lượng dự bị Quân đoàn 2, góp phần quan trọng thúc đẩy chiến dịch phát triển. 5 giờ sáng ngày 17-3-1975, các mũi tiến công của Trung đoàn 19 đồng loạt nổ súng đánh vào quận lỵ Thanh An, nhanh chóng tiêu diệt quân địch. Tiếp đà, Trung đoàn 19 tiến công giải phóng Bàu Cạn, Hòn Rồng. Cùng ngày, Tiểu đoàn 5, Trung đoàn 29 cắt đường 14, chặn đánh Tiểu đoàn 153 bảo an, diệt 52 tên, bắt 14 tên, thu 23 súng các loại. 11 giờ 30 phút, ngày 17-3, Trung đoàn 95A chủ lực Quân khu 5 và Trung đoàn 19 tiến vào giải phóng Pleiku, Trung đoàn 29 vào giải phóng Kon Tum. Ngày 19-3, Sư đoàn 968 đưa Trung đoàn 29 về làm nhiệm vụ tiếp quản Buôn Ma

Thuật... Đến ngày 24-3, quân ta hoàn toàn làm chủ Tây Nguyên. Lúc này, kế hoạch nghi binh đã hoàn thành tốt đẹp.

Mất Buôn Ma Thuật, địch hoảng loạn, tan vỡ từng mảng. Chiến dịch Tây Nguyên toàn thắng, hơn 28 nghìn quân địch bị loại khỏi vòng chiến. Tây Nguyên sạch bóng quân thù, tạo tiền đề cho sự sụp đổ hoàn toàn và tan rã nhanh chóng của chế độ ngụy quyền Sài Gòn một tháng sau đó.

23. TRẦN ĐƠN. Bài học về sự lãnh đạo, chỉ đạo chiến lược của Đảng trong Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975// <https://www.qdnd.vn.-> Ngày 23/4/2020.

BÀI HỌC VỀ SỰ LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CHIẾN LƯỢC CỦA ĐẢNG TRONG TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN 1975

QĐND - Đại thắng mùa Xuân 1975 là mốc son chói lọi, niềm tự hào của quân và dân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh; một trong những nguyên nhân, đồng thời cũng là bài học sâu sắc nhất, là đỉnh cao về tư duy lãnh đạo, chỉ đạo chiến lược sáng suốt của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc nói chung, trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 nói riêng mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Từ thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử; ta có thể rút ra mấy bài học kinh nghiệm quý sau:

Thứ nhất: Ban Chấp hành (BCH) Trung ương, Bộ Chính trị đã sớm đánh giá đúng kẻ thù, có chủ trương, đường lối phù hợp lãnh đạo cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ (1954-1960). Đánh giá đúng bản chất, âm mưu xâm lược của đế quốc Mỹ, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6 (tháng 7-1954) chỉ rõ: “Đế quốc Mỹ là kẻ thù chính của nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới và hiện đang trở thành kẻ thù chính, trực tiếp của nhân dân Đông Dương”. Hội nghị lần thứ 15 (năm 1959) của BCH Trung ương Đảng (khóa II) chỉ rõ: Mỹ-Diệm chẳng những là kẻ thù của nhân dân miền Nam đang bị chúng thống trị mà còn là kẻ thù của cả dân tộc Việt Nam,

của nhân dân miền Bắc đã được giải phóng. Trong diễn văn khai mạc Đại hội lần thứ III của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Nhân dân ta đã từng đau khổ vì bọn đế quốc và ngày nay còn bị Mỹ-Diệm chia cắt đất nước, giày xéo miền Nam. Ngày nào mà chưa đuổi được đế quốc Mỹ ra khỏi miền Nam nước ta, chưa giải phóng được miền Nam khỏi ách thống trị tàn bạo của Mỹ-Diệm, thì nhân dân ta vẫn chưa thể ăn ngon, ngủ yên” (1). Từ nhận định này, Đảng ta xác định: “Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân” (2). Với chủ trương đúng đắn đó, Phong trào Đồng Khởi ở miền Nam Việt Nam đã nổ ra và nhanh chóng phát triển thành cao trào, khởi nghĩa từng phần và giành thắng lợi, đưa cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

Thứ hai: Đảng lãnh đạo giữ vững và phát triển thế tiến công, đánh bại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ-ngụy (1961-1965). Để đối phó với sự phát triển mạnh mẽ của cách mạng miền Nam, chiếm lại những địa bàn, vùng dân cư đã mất sau Phong trào Đồng Khởi của ta, đế quốc Mỹ chuyển sang thực hiện chiến lược “chiến tranh đặc biệt”. Đây là chiến lược đầu tiên trong 3 loại hình chiến tranh nằm trong chiến lược quân sự toàn cầu “phản ứng linh hoạt” của Mỹ. Trong những năm 1961-1964, nhân dân miền Nam vừa đấu tranh, vừa chú trọng xây dựng lực lượng vũ trang (LLVT) cách mạng với sự chi viện hiệu quả từ miền Bắc. Nhiều trung đoàn chủ lực Miền được thành lập. Tích cực mở rộng căn cứ cách mạng, phát triển chiến tranh du kích, tăng cường đánh phá các căn cứ quân sự xung yếu của địch như sân bay, kho tàng, bến cảng, phá hệ thống áp chiến lược do địch lập ra, liên tiếp giành thắng lợi trên các chiến trường. Điển hình là trận Ấp Bắc (tháng 1-1963), Chiến dịch Bình Giã (tháng 12-1964 đến tháng 1-1965), Ba Gia (tháng 5 đến 7-1965), Đồng Xoài (tháng 5 đến 7-1965).

Tại Hội nghị Trung ương lần thứ 11 (tháng 3-1965) và lần thứ 12 (tháng 12-1965), trên cơ sở phân tích, so sánh lực lượng giữa ta và địch, Trung ương đã khẳng định sự thất bại không tránh khỏi của đế quốc Mỹ và hạ quyết tâm động viên toàn dân, toàn quân trong cả nước nêu cao ý chí tự lực, tự cường, phát huy sức mạnh của toàn dân tộc, tranh thủ sự giúp đỡ của quốc tế, kiên quyết đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Thứ ba: Nét độc đáo về chỉ đạo phát huy sức mạnh tổng hợp, kết hợp chặt chẽ các mặt đấu tranh. Trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, với

đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn, Đảng ta đã động viên và phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân, đó là: Sức mạnh của hậu phương lớn miền Bắc vừa chiến đấu, xây dựng, vừa chi viện đặc lực sức người, sức của cho miền Nam, kết hợp với sức mạnh của đồng bào và chiến sĩ miền Nam trực tiếp trên tuyến đầu đánh Mỹ và thắng Mỹ. Đảng ta chỉ đạo kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao; kết hợp khởi nghĩa với chiến tranh cách mạng; đánh địch bằng 3 mũi giáp công: Quân sự, chính trị, binh vận; trên cả 3 vùng chiến lược: Rừng núi, nông thôn đồng bằng và thành thị; kết hợp chiến tranh du kích và chiến tranh chính quy, thực hiện đánh địch trên mọi quy mô: Đánh lớn, đánh vừa, đánh nhỏ của LLVT 3 thứ quân; thực hiện làm chủ để tiêu diệt địch, để giành quyền làm chủ.

Thứ tư: Nắm vững tư tưởng chiến lược tiến công, tạo thế và lực, tạo thời cơ, kiên quyết tiến hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 giành thắng lợi trọn vẹn. Sau Chiến dịch Tây Nguyên và Chiến dịch Trị Thiên-Huế; Đà Nẵng, Bộ Chính trị nhận định: “Chúng ta đang đứng trước thời cơ chiến lược lớn, chưa bao giờ ta có đủ điều kiện đầy đủ về quân sự và chính trị như hiện nay, có thời cơ chiến lược to lớn như hiện nay để hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam để tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc” (3). Thời cơ chiến lược đã đến, ngày 27-3-1975, Bộ Chính trị chỉ thị: “Phải nhanh chóng phát động quần chúng vũ trang nổi dậy, đập tan các lực lượng kìm kẹp ở cơ sở, chiếm lĩnh các công sở... và vận động binh sĩ địch bỏ súng đầu hàng, làm tan rã các đơn vị quân nguy” (4).

Với ý nghĩa đó, ngày 14-4-1975, Bộ Chính trị quyết định mở Chiến dịch Hồ Chí Minh nhằm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Thực hiện tư tưởng chỉ đạo: “Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”, theo kế hoạch đúng ngày 26-4-1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh chính thức bắt đầu, các đơn vị chủ lực của Quân đội ta đã thực hiện cuộc hành quân thần tốc, tiến về giải phóng Sài Gòn-Gia Định. 11 giờ 30 phút ngày 30-4-1975, các binh đoàn chủ lực của ta kết hợp với LLVT Miền nhanh chóng đánh chiếm các mục tiêu trọng yếu của địch. Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử toàn thắng.

45 năm đã trôi qua, Đại thắng mùa Xuân 1975 mãi mãi đi vào lịch sử dân tộc như một mốc son rực sáng, là động lực tinh thần to lớn để toàn quân, toàn dân ta vững bước trên con đường mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu cùng nhân dân ta đã chọn: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tiếp tục công cuộc đổi mới, thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo

vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; phấn đấu vì mục tiêu: “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” mà Đảng ta đã xác định.

24. *TRẦN DUY GIANG. Phát huy giá trị bài học bảo đảm hậu cần chiến lược trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử// [## **PHÁT HUY GIÁ TRỊ BÀI HỌC BẢO ĐẢM HẬU CẦN CHIẾN LƯỢC TRONG CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH LỊCH SỬ](https://www.qdnd.vn.-2020.- Ngày 25/4.</i></p></div><div data-bbox=)***

QĐND - Để bảo đảm hậu cần (BĐHC) cho Chiến dịch Hồ Chí Minh, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, cơ quan hậu cần chiến lược và các tuyến hậu cần chiến dịch đã quán triệt sâu sắc tư tưởng chỉ đạo của Bộ Chính trị “Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”, nêu cao tính chủ động, sáng tạo, khắc phục mọi khó khăn, góp phần quan trọng cùng toàn quân giành thắng lợi trọn vẹn, để lại nhiều bài học quý cho công tác hậu cần chiến lược hôm nay và mai sau.

Trong hoàn cảnh và điều kiện cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Việt Nam, để bảo đảm hậu cần cho chiến dịch giành thắng lợi, phải dựa trên cơ sở chuẩn bị chu đáo, toàn diện, kiên trì từ nhiều năm trước. Chính vì thế, ngay sau khi có Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng, khóa II, hậu cần chiến lược đã quyết tâm xây dựng tuyến giao thông vận tải Trường Sơn. Đến năm 1968, tuyến vận tải đã vươn tới chiến trường Nam Bộ và các chiến trường khác. Cùng với đó, tuyến đường ống xăng dầu và các tuyến vận chuyển đường sông được hình thành. Các sư đoàn, trung đoàn vận tải ô tô được thành lập để tăng cường chi viện cho các chiến trường. Các kho dự trữ chiến lược trên các hướng vào các chiến trường được hình thành và tổ chức chặt chẽ. Chỉ trong hơn hai năm, vận tải chiến lược đã đưa vào các chiến trường hơn 300.000 tấn vật chất hậu cần, kỹ thuật, đáp ứng kịp thời yêu cầu cho hoạt động của các lực lượng.

Ở chiến trường miền Nam, lực lượng hậu cần cũng từng bước phát triển mạnh mẽ trên cơ sở xây dựng căn cứ địa cách mạng gắn với căn cứ hậu cần tại chỗ. Trong hai năm (1973-1974), đường vận tải cơ giới được mở rộng và

nối liền các căn cứ hậu cần, tạo thế vững chắc ở từng khu vực trên các hướng đông bắc, đông-đông nam, tây bắc Sài Gòn, sẵn sàng cơ động triển khai sang hướng tây nam. Cùng với đó, hậu cần Miền chi viện và chỉ đạo hậu cần các Quân khu 7, 8 triển khai các cơ sở hậu cần trên hướng đông nam và nam Sài Gòn. Các phân đội hậu cần như tiểu đoàn vận tải ô tô, đội điều trị quân y, trạm sửa chữa kỹ thuật... do hậu cần chiến lược tăng cường được đưa về các căn cứ hậu cần khu vực. Vật chất hậu cần, kỹ thuật do hậu phương lớn chi viện đạt 10.000 tấn, kết hợp khai thác tại chỗ tạo lượng dự trữ tại chiến trường hơn 40.000 tấn.



Tiểu đoàn Vận tải 101 Bộ đội Trường Sơn chuẩn bị lên đường làm nhiệm vụ trong kháng chiến chống Mỹ. Ảnh tư liệu.

Có thể thấy rõ, trong điều kiện kháng chiến dài ngày, chống kẻ thù xâm lược có tiềm lực kinh tế, quân sự mạnh hơn ta gấp nhiều lần, để chuẩn bị cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng giành thắng lợi, ta đã chủ động chuẩn bị chiến trường về hậu cần một cách kiên trì, toàn diện, khoa học và rất hiệu quả.

Trên cơ sở thế trận hậu cần đã xây dựng tại chiến trường, ta đã nhanh chóng tổ chức lực lượng, điều chỉnh bố trí, hình thành thế trận hậu cần chiến dịch liên hoàn vững chắc, bao quanh Sài Gòn, phù hợp với quyết tâm của chiến dịch lịch sử, có chiều sâu từ hậu phương, chiến trường, chiến dịch tới các hướng tác chiến, tiếp cận các quân đoàn, cơ động theo các đơn vị thọc sâu, đồng thời có sẵn hậu cần tại chỗ bảo đảm cho các đơn vị chiến đấu trong vùng địch còn kiểm soát.

Bước vào Chiến dịch Hồ Chí Minh, Đoàn 770 được mở rộng về quy mô, lực lượng, tổ chức tiếp nhận vật chất hậu cần-kỹ thuật từ hậu phương. Trên các hướng tiến công, điều chỉnh lực lượng hậu cần chiến trường, bố trí các đoàn (căn cứ) hậu cần Miền và hậu cần các quân khu trên địa bàn chiến dịch, hình thành thế trận hậu cần khu vực quanh Sài Gòn, đáp ứng trên các hướng tác chiến. Tăng cường lực lượng cho các đoàn (căn cứ) hậu cần trên các hướng đông, đông bắc, tây bắc Sài Gòn. Các đoàn hậu cần tổ chức các “cánh” (phân căn cứ hậu cần), tiếp cận đội hình các đơn vị cơ động chiến đấu. Tổ chức thêm Đoàn hậu cần 240 ở phía tây, cùng Đoàn hậu cần 230 trực tiếp bảo đảm cho các lực lượng tác chiến ở hướng tây và tây nam. Hậu cần Quân khu 8 mở rộng các căn cứ hậu cần ở đông và tây Quốc lộ 4, bảo đảm cho các lực lượng tác chiến ở hướng tây nam và nam Sài Gòn. Hậu cần Quân khu 7 mở rộng căn cứ hậu cần ở đông Đường 15-Bắc Bà Rịa, bảo đảm cho các lực lượng tác chiến ở hướng đông và đông nam Sài Gòn. Việc tổ chức, điều chỉnh trên đã hình thành thế trận hậu cần chiến dịch vững chắc, cùng với hậu cần tại chỗ tạo nên hậu cần khu vực trên các hướng quanh Sài Gòn.

Như vậy, trong Chiến dịch Hồ Chí Minh, hậu cần chiến dịch đã được triển khai đồng bộ, có chiều sâu, từ chiến trường, chiến dịch, quân đoàn tới cấp chiến thuật, nối liền được với hậu cần chiến lược và hậu phương đất nước. Đó là điều kiện cơ bản để hậu cần chiến dịch hoàn thành nhiệm vụ.

Về vận dụng phương pháp, cách thức BĐHC phù hợp với điều kiện chiến trường, phương thức tác chiến chiến dịch và thế trận hậu cần, giải quyết đúng đắn các mối quan hệ, giữa tại chỗ và cơ động, giữa phân cấp và vượt cấp đã đem lại hiệu quả cao trong BĐHC.

Hậu cần Chiến dịch Hồ Chí Minh đã giải quyết thành công mối quan hệ giữa tại chỗ và cơ động, dự trữ và vận chuyển, lấy tại chỗ là cơ bản, trên cơ sở đó tổ chức tốt hậu cần cơ động, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ tác chiến khẩn trương, thọc sâu và đột phá nhanh vào dinh lũy cuối cùng của địch. Trong chiến dịch, chúng ta đã vận dụng linh hoạt giữa BĐHC theo phân cấp và vượt cấp. Hậu cần chiến lược trực tiếp bảo đảm cho các quân đoàn trong hành quân cơ động vào chiến trường. Hậu cần chiến trường (Miền), hậu cần chiến dịch trực tiếp chỉ đạo, cùng hậu cần Quân khu 7, tăng cường lực lượng và chi viện vật chất cho các “mũi”, “bộ phận” hậu cần của Thành đội Sài Gòn và lực lượng đặc công.

Như vậy, hậu cần chiến dịch đã vận dụng những kinh nghiệm phong phú của các chiến dịch trước, trong điều kiện nghệ thuật quân sự có những bước phát triển mới, hậu cần Chiến dịch Hồ Chí Minh đã vận dụng linh hoạt, sáng tạo phương thức BĐHC, nâng lên một bước, phù hợp với cường độ và tốc độ tác chiến trong tiến công hiệp đồng quân, binh chủng hiện đại, quy mô lớn.

Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã giành được thắng lợi hoàn toàn, hậu cần đã hoàn thành nhiệm vụ bảo đảm cho một chiến dịch tiến công hiệp đồng quân, binh chủng quy mô lớn nhất trong 30 năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, với những sáng tạo độc đáo về nghệ thuật tác chiến và nghệ thuật bảo đảm, trong đó hậu cần đã phát huy và vận dụng sáng tạo các kinh nghiệm BĐHC chiến dịch trước đây, nâng cao lên một bước và phù hợp với yêu cầu phát triển của nghệ thuật tác chiến chiến dịch.

Hiện nay, trước yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới, những bài học về công tác BĐHC trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước nói chung và trong Đại thắng mùa Xuân 1975 nói riêng vẫn còn nguyên giá trị, cần tiếp tục nghiên cứu, tổng kết, góp phần giáo dục truyền thống, xây dựng ngành hậu cần và bảo đảm cho quân đội hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới.

Vì vậy, ngành hậu cần nói chung, Tổng cục Hậu cần nói riêng cần quán triệt sâu sắc các quan điểm của Đảng, nhất là Nghị quyết Trung ương 8, khóa XI về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới” và Nghị quyết 623 của Quân ủy Trung ương “Về công tác hậu cần quân đội đến năm 2020 và những năm tiếp theo”, tập trung xây dựng hậu cần quân đội, nhất là hậu cần chiến lược thực sự là nòng cốt của hậu cần quốc phòng toàn dân trong thế trận chiến tranh nhân dân; xây dựng thế trận, tạo tiềm lực, khả năng huy động hậu cần của đất nước, hậu cần nhân dân cho quốc phòng. Chú trọng xây dựng hậu cần khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố vững chắc. Từng bước hình thành các khu vực hậu cần hoàn chỉnh trên các địa bàn, hướng chiến lược, xây dựng ngành hậu cần quân đội vững mạnh toàn diện theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, bảo đảm nâng cao sức mạnh của quân đội, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

25. **LƯƠNG CƯƠNG. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định làm nên Đại thắng mùa xuân năm 1975**
[//https://www.quankhu2.vn.-](https://www.quankhu2.vn.-) Ngày 28/4/2020.

**SỰ LÃNH ĐẠO ĐÚNG ĐẮN CỦA ĐẢNG
LÀ NHÂN TỐ QUYẾT ĐỊNH
LÀM NÊN ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN NĂM 1975**

Đại thắng mùa Xuân 1975 được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang sử chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ 20, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc.

Báo cáo Chính trị tại Đại hội lần thứ IV của Đảng (tháng 12-1976) đã khẳng định: "Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thành quả tổng hợp của một loạt nhân tố tạo nên sức mạnh vô địch của cách mạng Việt Nam. Nguồn gốc của mọi nhân tố ấy chính là sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng ta", mà "trước hết là thắng lợi của đường lối chính trị, đường lối quân sự độc lập, tự chủ, đúng đắn và sáng tạo của Đảng".

Đặc điểm nổi bật của cách mạng Việt Nam sau Hiệp định Geneva năm 1954 là đất nước tạm thời chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị-xã hội khác nhau. Miền Bắc hoàn toàn độc lập, quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Miền Nam bị đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai đặt ách thống trị, nhân dân bị kìm kẹp, đàn áp rất tàn bạo. Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 15 (tháng 1-1959), tiếp sau đó là Nghị quyết Đại hội lần thứ III của Đảng (tháng 9-1960) đã hoàn chỉnh đường lối cách mạng Việt Nam là gương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng: "Một là, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Hai là, giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bọn tay sai, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước. Hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng ấy có quan hệ mật thiết với nhau và có tác dụng thúc đẩy lẫn nhau". Với đường lối đúng đắn, sáng tạo, Đảng ta đã động viên được sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc và sức mạnh của thời đại, sự giúp đỡ của bạn bè quốc tế, trước hết là của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa anh em, đặc biệt là sự đoàn kết

chiến đấu chống kẻ thù chung của ba nước Đông Dương (Việt Nam, Lào và Campuchia), tạo nên sức mạnh tổng hợp để từng bước đánh thắng kẻ thù.



Tại rừng cao su Biên Hòa (Đồng Nai), lễ chuyển giao cờ chiến thắng cho Đại đội 2 (đơn vị hai lần anh hùng) thuộc Tiểu đoàn 9, Trung đoàn 3, Sư đoàn 304 trước khi vào giải phóng Sài Gòn. Ảnh tư liệu.

Sự lãnh đạo sáng suốt, đúng đắn của Đảng trong Tổng tiến công chiến lược mùa Xuân 1975 thể hiện những nội dung chính sau đây:

Một là, Đánh giá đúng tình hình, nắm vững thời cơ, hạ quyết tâm giải phóng hoàn toàn miền Nam chính xác.

Sau Hiệp định Paris năm 1973, quân Mỹ và chư hầu buộc phải rút khỏi Việt Nam nhưng chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ vẫn tiếp tục. Mỹ sử dụng chính quyền và quân đội Sài Gòn làm công cụ thực hiện chủ nghĩa thực dân kiểu mới, tiến hành chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ”, buộc quân và dân ta phải đánh trả để bảo vệ vùng giải phóng, giữ vững hiện trạng. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 21 (khóa III) chỉ rõ: “Con đường của cách mạng miền Nam là con đường bạo lực cách mạng. Bất kể trong tình hình nào, ta cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công và chỉ đạo linh hoạt để đưa cách mạng miền Nam tiến lên”. Phương hướng chủ động tích cực, có lợi nhất cho sự nghiệp cách mạng của cả nước trong giai đoạn này là luôn luôn giương cao ngọn cờ hòa bình và chính nghĩa, đấu tranh chính trị, quân sự và ngoại giao, buộc địch phải thi hành hiệp định để thắng địch. Đồng thời hội nghị xác định: “Chủ động chuẩn bị sẵn sàng cho trường hợp phải tiến

hành chiến tranh cách mạng trên khắp chiến trường miền Nam để giành thắng lợi hoàn toàn”.

Nghị quyết Trung ương 21 (khóa III) của Đảng đã chỉ đường, dẫn lối cho sự nghiệp giải phóng miền Nam Việt Nam liên tiếp giành được thắng lợi, cục diện chiến trường chuyển biến nhanh về chiến lược, tạo bước ngoặt căn bản về tương quan so sánh giữa lực lượng giữa ta và địch, dẫn tới Tổng tiến công chiến lược mùa Xuân 1975.

Hội nghị Bộ Chính trị họp lần thứ nhất từ ngày 30-9-1974 đến 8-10-1974; lần thứ hai từ ngày 18-12-1974 đến 8-1-1975, trên cơ sở nắm chắc, đánh giá đúng tình hình thế giới, trong nước, nhất là so sánh lực lượng ta-địch, điểm mạnh và điểm yếu của chính quyền Sài Gòn sau khi đế quốc Mỹ rút quân khỏi miền Nam và khả năng của ta... đã hạ quyết tâm chiến lược giải phóng miền Nam trong hai năm (1975-1976); đồng thời xác định nhiệm vụ: Nắm vững thời cơ lịch sử, mở nhiều chiến dịch tổng hợp liên tiếp, đánh những trận quyết định, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, tiến tới thống nhất Tổ quốc.

Theo dõi sự phát triển cực kỳ mau lẹ của tình hình, Bộ Chính trị, Thường vụ Quân ủy Trung ương đã có những quyết định kịp thời khi thời cơ mới xuất hiện, chuyển kế hoạch cơ bản giải phóng miền Nam từ hai năm (1975-1976) lúc đầu, sang kế hoạch rút xuống còn một năm rồi quyết định kết thúc trước mùa mưa năm 1975. Đảng đã lãnh đạo quân và dân ta mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn chiến trường miền Nam, đánh tan toàn bộ ngụy quân với số lượng hơn một triệu tên và bộ máy ngụy quyền Sài Gòn, xóa bỏ chủ nghĩa thực dân kiểu mới của Mỹ ở miền Nam Việt Nam.

Hai là, Chọn đúng hướng và mục tiêu tiến công chủ yếu, làm thay đổi hoàn toàn cục diện chiến tranh, theo hướng có lợi cho ta.

Trong lãnh đạo, chỉ đạo chiến tranh, việc chọn hướng và mục tiêu tiến công chủ yếu có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng (nhất là kinh nghiệm qua Chiến dịch Biên Giới 1950; tiến công chiến lược Đông-Xuân 1953-1954; Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968; tiến công chiến lược 1972...) cho thấy, chọn đúng hướng, mục tiêu chủ yếu của cuộc tiến công chiến lược sẽ làm thay đổi cục diện chiến trường, hình thành thế và lực mới, tạo ra bước ngoặt của chiến tranh. Thắng trận mở đầu có ý nghĩa rất quan trọng, tạo ra khí thế, niềm tin, thúc đẩy sự phát triển của chiến

tranh và là đòn đánh mạnh vào ý chí, tinh thần quân địch, dẫn tới sự suy sụp, tan rã, thất bại của chúng.

Đầu năm 1975, sau thắng lợi giải phóng tỉnh Phước Long, Bộ Chính trị và Thường vụ Quân ủy Trung ương quyết định chọn hướng tiến công chính là nam Tây Nguyên, mục tiêu chủ yếu, trận mở đầu là đánh và giải phóng Buôn Ma Thuột. Quyết định này của Đảng được hình thành trên cơ sở phân tích khoa học so sánh thế và lực giữa ta và địch, xu thế phát triển của tình hình trong giai đoạn cuối cuộc chiến tranh, căn cứ vào sự bố trí lực lượng và âm mưu chiến lược của Mỹ-ngụy trên chiến trường và kết quả công tác chuẩn bị của ta trong hai năm 1973-1974. Vào đầu năm 1975, do phán đoán sai lầm kế hoạch của ta, Mỹ-ngụy không thay đổi thế bố trí chiến lược mạnh ở hai đầu là Trị Thiên (quân khu I của địch) và miền Đông Nam Bộ (quân khu III của ngụy). Ở Tây Nguyên, nhờ tài năng nghi binh chiến lược và khả năng giữ bí mật của quân và dân ta, địch mắc sai lầm khi nhận định nếu ta tấn công Tây Nguyên thì sẽ tấn công từ hướng Bắc xuống, nên đã tập trung lực lượng vào khu vực phòng thủ chính ở Pleiku và Kon Tum. Buôn Ma Thuột là vị trí hiểm yếu, địch yếu và phòng thủ sơ hở. Chọn Nam Tây Nguyên và Buôn Ma Thuột làm hướng và mục tiêu tiến công chủ yếu, đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của Đảng ta về nghệ thuật chỉ đạo chiến lược, chiến dịch trong chiến tranh.

Đòn điểm huyết Buôn Ma Thuột và chiến thắng của Chiến dịch Tây Nguyên làm xuất hiện nhân tố mới, trực tiếp làm xoay chuyển cục diện chiến trường theo hướng có lợi cho ta, đưa chiến tranh cách mạng ở miền Nam phát triển nhảy vọt. Kể từ đây, với sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Bộ Chính trị, Thường vụ Quân ủy Trung ương, việc lựa chọn hướng, mục tiêu chủ yếu trong tất cả các chiến dịch để đi đến ngày toàn thắng đều chính xác. Ngay khi Chiến dịch Tây Nguyên chưa kết thúc, Bộ Chính trị đã kịp thời chỉ đạo mở các mũi tiến công vào quân khu I của địch lúc đó đã bị cô lập, nhằm vào mục tiêu quan trọng là Huế và Đà Nẵng. Điện của Bộ Chính trị ngày 1-4-1975 chỉ đạo rõ: “Trước mắt, như trước đã định, nay cần làm nhanh hơn, gấp rút tăng thêm lực lượng ở hướng tây Sài Gòn, thực hiện chia cắt và bao vây chiến lược, triệt hẳn Đường số 4 và áp sát Sài Gòn. Đồng thời, nhanh chóng tập trung lực lượng ở hướng đông và đông-nam, đánh chiếm những mục tiêu quan trọng, thực hiện bao vây, cô lập hoàn toàn Sài Gòn từ phía Long Khánh, Bà Rịa-Vũng Tàu”. Sau khi lực lượng địch ở quân khu I, quân khu II bị loại khỏi vòng chiến đấu, cùng với những hoạt động của quân và dân ta ở quân khu III, quân khu IV của địch đã được đẩy mạnh, địch bị tiêu diệt và tan rã hàng chục vạn quân; trên đả

thắng lợi, lực lượng của ta ngày càng mạnh, thế trận vững chắc... Tình hình đó đã chín muồi để ta mở trận quyết chiến chiến lược tại Sài Gòn-Gia Định, sào huyệt cuối cùng của địch.

Ba là, Tổ chức và từng bước đưa cuộc chiến tranh nhân dân phát triển đến đỉnh cao, tạo nên sức mạnh tổng hợp áp đảo đối phương trong chiến dịch quyết chiến chiến lược, kết thúc toàn thắng cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng ta đã tổ chức và từng bước đưa cuộc chiến tranh nhân dân phát triển đến đỉnh cao; thực hiện toàn dân đánh giặc, không phân biệt tiền tuyến, hậu phương. Điều đó đã động viên và phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp; sức mạnh của hậu phương lớn miền Bắc vừa chiến đấu, xây dựng, vừa chi viện đắc lực sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam, kết hợp với sức mạnh của đồng bào và chiến sĩ miền Nam trực tiếp trên tuyến đầu đánh Mỹ và thắng Mỹ.

Đảng ta đã kiên định và vận dụng sáng tạo quan điểm về con đường cách mạng miền Nam phải là con đường cách mạng bạo lực, với hai lực lượng cơ bản: Lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang; kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao; kết hợp khởi nghĩa với chiến tranh cách mạng; đánh địch bằng ba mũi giáp công: Quân sự, chính trị, binh vận; trên cả ba vùng chiến lược: Rừng núi, nông thôn đồng bằng và thành thị; kết hợp chiến tranh du kích và chiến tranh chính quy, thực hiện đánh địch trên mọi quy mô: Đánh lớn, đánh vừa, đánh nhỏ của lực lượng vũ trang ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích); thực hiện làm chủ để tiêu diệt địch, tiêu diệt địch để giành quyền làm chủ.

Trong Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, cũng như trong từng chiến dịch, ta đã quán triệt tư tưởng chiến lược tiến công, vận dụng phương pháp tác chiến, hình thức tác chiến hết sức linh hoạt, táo bạo, sáng tạo, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể nên đã đạt hiệu suất, hiệu quả chiến đấu cao. Chúng ta đã phát triển lên một bước mới cách đánh truyền thống của chiến tranh nhân dân: Kết hợp tiến công và nổi dậy; kết hợp, phối hợp tác chiến của lực lượng vũ trang ba thứ quân; kết hợp cả đánh lớn, đánh vừa và đánh nhỏ... Ta đã mở những chiến dịch tiến công hiệp đồng binh chủng quy mô lớn, quan hệ chặt chẽ với nhau, theo ý định chiến lược thống nhất: Thực hiện chia cắt, bao vây, phá vỡ hệ thống phòng thủ chiến lược của địch, tiêu diệt và làm tan rã bộ phận lớn quân địch, kết hợp với tiến công rộng khắp ở

quy mô vừa và nhỏ của lực lượng vũ trang địa phương và nổi dậy mạnh mẽ giành quyền làm chủ của quần chúng.

Trong các chiến dịch tiến công, ta đã vận dụng linh hoạt phương pháp tác chiến và các hình thức, thủ đoạn tác chiến: Tiến công trận địa, bao vây, chia cắt, đột phá thọc sâu... làm cho địch liên tiếp bị bất ngờ về nhiều mặt, không thể đối phó như ở Tây Nguyên; khi thì bị bất ngờ về cách đánh như ở Huế, hoặc thời gian tiến công rất nhanh như ở Đà Nẵng; khi thì bị bất ngờ cả về thời gian, tốc độ tiến công và quy mô tập trung lực lượng của ta như Chiến dịch Hồ Chí Minh. Nhưng trên hết, cả bộ máy chiến tranh của Mỹ-ngụy đều bị bất ngờ khi ta tổ chức cuộc Tổng tiến công chiến lược. Đối phương cho rằng ta chưa đủ khả năng mở cuộc Tổng tiến công chiến lược vào năm 1975. Đây là điểm mấu chốt khiến chúng hoàn toàn bị động về chiến lược, nên thất bại là tất yếu.

Cuộc Tổng tiến công chiến lược mùa Xuân 1975 là đỉnh cao của sự kết hợp giữa tiến công và nổi dậy, nổi dậy và tiến công nhằm đánh bại và làm tan rã toàn bộ lực lượng địch, kết thúc chiến tranh trong thời gian ngắn, có lợi nhất, thể hiện nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh và tài thao lược quân sự sắc bén, sáng tạo, táo bạo mà đúng đắn của Đảng ta. Sự kết hợp giữa tiến công quân sự của bộ đội chủ lực và nổi dậy của quần chúng được kết hợp chặt chẽ, hiệu quả trong suốt cuộc Tổng tiến công chiến lược mùa Xuân 1975. Những đòn tiến công quân sự của bộ đội chủ lực, bằng một loạt trận đánh hiệp đồng binh chủng quy mô lớn, đánh thẳng vào các thành thị, trung tâm đầu não, căn cứ quân sự lớn của địch, tiêu diệt, làm tan rã lực lượng lớn và gây cho chúng hoang mang tột độ đã tạo điều kiện thuận lợi để hỗ trợ, thúc đẩy lực lượng chính trị của quần chúng nổi dậy, đập tan bộ máy kìm kẹp của địch ở địa phương, để giành quyền làm chủ. Sự nổi dậy mạnh mẽ của lực lượng quần chúng đông đảo trên nhiều địa bàn từ nông thôn đến thành thị, với nhiều hình thức phong phú, linh hoạt đã tạo thuận lợi cho bộ đội chủ lực cả về thế, lực và điều kiện để nhanh chóng đập tan sự kháng cự của địch; đồng thời, tạo điều kiện để tập trung lực lượng vào những mục tiêu chủ yếu của cuộc tổng tiến công chiến lược.

Chiến dịch quyết chiến chiến lược cuối cùng là minh chứng rõ ràng nhất cho sức mạnh từ đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng. Ngày 14-4-1975, Bộ Chính trị phê chuẩn đề nghị của Bộ chỉ huy Chiến dịch đặt tên chiến dịch tiến công giải phóng Sài Gòn-Gia Định là Chiến dịch Hồ Chí Minh, khẳng định đây là “một chiến dịch tiến công hiệp đồng binh chủng quy mô lớn, có kết

hợp với nổi dậy của quần chúng kết thúc chiến tranh”. Năm cánh quân tiến vào Sài Gòn có lực lượng tương đương 5 quân đoàn binh chủng hợp thành, cùng với lực lượng hậu cần phục vụ chiến dịch hùng hậu 18 vạn người tạo nên một thế trận với sức mạnh áp đảo hoàn toàn, bảo đảm thắng lợi chắc chắn, nhanh chóng và trọn vẹn. Thành ủy Sài Gòn-Gia Định đã điều động 1.700 cán bộ vào các quận nội thành và các xã vùng ven đô cùng với cấp ủy, chính quyền địa phương vận động quần chúng nổi dậy, phối hợp với đòn tiến công của bộ đội chủ lực. LLVT của thành phố với 2 trung đoàn, 5 tiểu đoàn bộ binh, đặc công biệt động và 3.500 du kích, tự vệ ráo riết chuẩn bị phương án chiến đấu phối hợp và dẫn đường cho các binh đoàn chủ lực đánh chiếm các mục tiêu. Các đoàn thể nhân dân bí mật may cờ, in truyền đơn, viết khẩu hiệu chào đón bộ đội. Năm vững tư tưởng chỉ đạo và nghiêm chỉnh chấp hành chỉ thị của Bộ Chính trị, quân và dân ta đã biểu thị sự nhất trí rất cao trong hành động, muôn người như một, đập tan mọi sự kháng cự của địch, giành thắng lợi hoàn toàn.

Rõ ràng là, sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định làm nên Đại thắng mùa Xuân 1975. Tập trung, thống nhất, trách nhiệm, kỷ luật, thần tốc, táo bạo là nét nổi bật trong sự lãnh đạo của Đảng, bảo đảm giành thắng lợi cuối cùng. Đại thắng mùa Xuân 1975 mãi mãi là niềm tự hào của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta. Khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng trong Tổng tiến công chiến lược mùa Xuân 1975 để lại ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm vẫn còn nguyên giá trị đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay. Niềm vinh dự, tự hào và trách nhiệm của chúng ta là tiếp tục nghiên cứu, vận dụng sáng tạo những kinh nghiệm đó để kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, giữ vững nguyên tắc Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với Quân đội nhân dân Việt Nam, xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

26. **NGUYỄN VĂN THỊNH. Sức mạnh trong các cuộc nổi dậy của quần chúng nhân dân// <https://www.qdnd.vn.-2020.- Ngày 25/4>.**

SỨC MẠNH TRONG CÁC CUỘC NỔI DẬY CỦA QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN

QĐND - Trước khi 5 cánh quân của ta tiến công vào nội đô Sài Gòn, công tác chuẩn bị cho nổi dậy của quần chúng rất sôi động. Thực hiện chỉ thị của trên, Thành ủy Sài Gòn-Gia Định đã phân công hàng vạn cán bộ, đảng viên, quần chúng nòng cốt, các đội tuyên truyền xung phong, nhất là lực lượng nhân dân vùng ven đô sẵn sàng phối hợp với các hướng của các lực lượng chủ lực nổi dậy giành chính quyền.

Đúng 17 giờ ngày 26-4-1975, tiếng súng tiến công vào Sài Gòn của quân ta rền vang từ 5 hướng chính. Cùng với các mũi tiến công như vũ bão của quân chủ lực, lực lượng quần chúng nhân dân địa phương, du kích, biệt động, đặc công vùng ven Sài Gòn-Gia Định đã vùng lên khởi nghĩa giành chính quyền. Ngày 27-4, lợi dụng quân địch phải lo đối phó với chủ lực của ta, quần chúng nhân dân ở Củ Chi, Hóc Môn, Thủ Đức, Bình Chánh, Gò Vấp, Tân Bình... đã nổi dậy tiêu diệt bộ máy chính quyền của địch ở hầu hết các ấp. Trước sức mạnh tiến công như vũ bão của quân và dân ta, quân địch tại Sài Gòn thêm hoảng loạn, hệ thống chính quyền ở cơ sở rệu rã. Cờ giải phóng được cắm khắp nơi khiến tinh thần chiến đấu của bà con các xã càng lên cao. Đến ngày 29-4, cả 5 cánh quân của ta đã khép chặt vòng vây khiến chính quyền địch ở các xã hoang mang lo sợ. Trước tình huống đó, quần chúng nhân dân ở Trung An, Phú Hòa Đông, Phước Vĩnh An, Phước Hiệp... được sự hỗ trợ của LLVT địa phương đã nổi dậy đánh chiếm các trụ sở tề, truy lùng ác ôn, giải tán phòng vệ dân sự. Chiều 29-4, LLVT địa phương kết hợp với quần chúng các xã xung quanh thị trấn đã giải phóng huyện lỵ Củ Chi. Sau đó, dưới sự hỗ trợ của LLVT tại chỗ, nhân dân các huyện lỵ khác như: Bình Chánh, Cần Giờ... đã tự đứng lên giải phóng cho mình. Trong khí thế đó, Thành đoàn Sài Gòn-Gia Định đã tổ chức 5 điểm hướng dẫn nhân dân khởi nghĩa gồm: Bàn Cờ, Phú Nhuận, Quận 4, Bình Hưng Hòa và Tân Sơn Nhì (Tân Bình).

Rạng sáng 30-4-1975, khi 5 cánh quân của ta đồng loạt mở cuộc tổng công kích vào nội đô, ở ngoại thành, quần chúng nhân dân kết hợp với LLVT tại chỗ đã nổi dậy giành chính quyền ở hầu hết các ấp, 70% các xã. Bà con Hóc Môn đã chiếm lĩnh bộ chỉ huy trung tâm huấn luyện Quang Trung, tiếp quản và bảo quản kho xăng, kho lương thực, hướng dẫn bộ đội đánh chiếm nhà đèn Chợ Quán. Tại huyện lỵ Thủ Đức, nhân dân kết hợp với LLVT xông vào chiếm dinh quận trưởng. Cùng với đó, lực lượng tự vệ công nhân phối hợp với lực lượng đặc công, biệt động thành đã đánh chiếm các mục tiêu quan trọng trong thành phố, cùng nhân dân nổi dậy, phá đồn, chiếm giữ nhiều tòa hành chính của địch. Công nhân, học sinh, sinh viên, trí thức xuống đường vận động nhân dân treo cờ Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, tham gia truy quét, vây bắt bọn ác ôn. Ở một số quận nội thành, bà con đã xông vào tước súng, chiếm lĩnh bột ở các phường... Đến trưa 30-4, hầu hết nhân dân các quận, huyện đã vùng lên giành chính quyền trước khi ta cắm cờ trên nóc Dinh Độc Lập. Có thể khẳng định, các cuộc nổi dậy, đứng lên giành chính quyền của các lực lượng quần chúng đã góp phần quan trọng vào cuộc tiến công tổng lực, thần tốc của quân ta, giúp đẩy nhanh thắng lợi của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

27. PHƯƠNG LINH. Mặt trận ngoại giao góp phần vào chiến thắng lịch sử 30-4 // <https://www.qdnd.vn.-> Ngày 28/4/2020.

MẶT TRẬN NGOẠI GIAO GÓP PHẦN LÀM NÊN CHIẾN THẮNG LỊCH SỬ 30/4

QĐND Online - Ngày 28-4, tại Hà Nội, Bộ Ngoại giao đã tổ chức tọa đàm trực tuyến “Từ Hiệp định Paris về Việt Nam đến Đại thắng Mùa xuân năm 1975: Vai trò của Mặt trận Ngoại giao góp phần vào thắng lợi lịch sử 30-4” dưới sự chủ trì của đồng chí Bùi Thanh Sơn, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Thường trực Bộ Ngoại giao.



Thứ trưởng Thường trực Bộ Ngoại giao Bùi Thanh Sơn (ngồi giữa) chủ trì tọa đàm. Ảnh: NGUYỄN HỒNG

Tham dự tọa đàm có các đồng chí nguyên lãnh đạo Đảng, Nhà nước đã tham gia trực tiếp vào quá trình đấu tranh ngoại giao đi đến Hiệp định Paris (27-01-1973), các nhân chứng lịch sử và các nhà nghiên cứu về chính trị, quân sự và ngoại giao. Phát biểu khai mạc tọa đàm, Thứ trưởng Thường trực Bùi Thanh Sơn khẳng định Hội nghị và Hiệp định Paris là đỉnh cao của mặt trận ngoại giao Việt Nam thời kỳ chống Mỹ, cứu nước, thể hiện vai trò quan trọng, tích cực và chủ động của mặt trận ngoại giao trong sự phối hợp chặt chẽ với mặt trận quân sự và chính trị, trên cơ sở đề cao nguyên tắc hòa bình, độc lập, tự chủ, đồng thời kết hợp sức mạnh dân tộc với sự ủng hộ đoàn kết của nhân dân thế giới, góp phần quan trọng vào Đại thắng mùa Xuân 1975.



Nguyên Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Dy Niên phát biểu tại tọa đàm. Ảnh: NGUYỄN HỒNG

Tại tọa đàm, nhiều tham luận và ý kiến phát biểu đã đi sâu phân tích một số vấn đề lịch sử trong giai đoạn đàm phán Hiệp định Paris, chia sẻ thông tin làm rõ hơn giai đoạn thực thi Hiệp định Paris từ năm 1973 đến ngày Đại thắng 30-4-1975. Đặc biệt, tọa đàm đã tập trung trao đổi về việc triển khai mặt trận ngoại giao giai đoạn 1973-1975, cho đến nay còn là một khoảng trống ít được giới nghiên cứu nhắc đến. Các học giả và các nhân chứng lịch sử cũng đã làm sống lại những ký ức sinh động về quá trình đàm phán và thi hành Hiệp định Paris; từ chủ trương chiến lược sáng suốt của Trung ương Đảng về việc mở ra mặt trận tấn công ngoại giao từ cuối những năm 1960; bài học về ứng xử ngoại giao tài tình của Bác Hồ và các nhà ngoại giao lão thành của ta, đến những nỗ lực nghiên cứu chiến lược của Bộ Ngoại giao với việc thành lập Nhóm CP80, quy tụ nhiều cán bộ ngoại giao tài năng nhằm đánh giá chính xác chính trị nội bộ và khả năng can dự của các nước lớn trước những biến chuyển rất nhanh chóng và mạnh mẽ của tình hình cách mạng miền Nam; những ký ức và cảm xúc sống động của các nhà ngoại giao “mặc áo lính” gợi nhớ lại không khí hào hùng nhưng quyết liệt của những ngày đấu tranh chính trị, pháp lý ngay trong lòng địch.

Các ý kiến tại tọa đàm nhất trí cho rằng, quá trình đàm phán và đấu tranh ngoại giao thực thi Hiệp định Paris đã để lại nhiều bài học quý báu, còn nguyên giá trị cho công tác đối ngoại trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Đó là sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng trong công tác đối ngoại; gương cao tư tưởng độc lập, tự chủ trong hoạch định chính sách đặc biệt là

trên vấn đề đối ngoại; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; sự thống nhất đoàn kết và sự phối hợp chặt chẽ giữa mặt trận ngoại giao với mặt trận quân sự, đã góp phần tạo nên thắng lợi lịch sử mùa Xuân năm 1975.

28. **THANH TÙNG.** Sài Gòn ngày 30/4 qua hồi ức sống động của nhà báo Anh// <https://dantri.com.vn>.- Ngày 25/4/2015.

SÀI GÒN NGÀY 30/4 QUA HỒI ỨC SỐNG ĐỘNG CỦA NHÀ BÁO ANH

Sáng 30/4/1975, người Sài Gòn hân hoan trong tiếng nhạc chiến thắng vang lên từ các loa phóng thanh khắp đường phố. Vui mừng nhưng cũng bối rối, nhiều người không biết phải làm gì, có tiếp tục đi làm hay ở nhà, liệu chợ có còn bán thực phẩm hay không...

Trên đây một phần trong những hồi ức sống động của phóng viên Martin Woollacott của tờ báo Anh *The Guardian*, người đã chứng kiến toàn bộ thời khắc cuối cùng khi người Mỹ tháo chạy và chính quyền ngụy đầu hàng tại Sài Gòn ngày 30/4/1975. Trong bài viết nhân dịp 40 năm sự kiện trọng đại này, ông Woollacott đã thuật lại những cảm xúc như mới vừa diễn ra hôm qua.



Một nhóm lính ngụy bị bộ đội Việt Nam áp giải trên đường ngày 30/4/1975 (Ảnh: AFP)

Theo đó, một ngày sau khi những người Bắc Việt Nam tiến vào Sài Gòn, thành phố bị đánh thức bởi bài ca chiến thắng. Trong suốt đêm trước đó, lính công binh của đoàn quân chiến thắng đã gắn lên hàng loạt loa phóng

thanh. Và từ khoảng 5 giờ sáng, giai điệu giải phóng được phát lên không ngừng.

Đó là ngày 30/4/1975, và những ánh nắng ban mai mạnh mẽ chiếu sáng khắp những con phố hầu như vắng tanh của Sài Gòn, tại thời điểm mà thường ngày giao thông bắt đầu nhộn nhịp. Dù vậy, khi ấy không ai biết phải làm gì - liệu có đi làm hay không, liệu có thể mua thứ gì đó ở chợ không, và liệu có xăng dầu, hoặc những cuộc giao tranh mới nữa không.

Không chỉ có cuộc sống thường nhật của Sài Gòn bị đảo lộn. Vị trí của nó với tư cách thủ đô của Nam Việt Nam đã biến mất chỉ sau một đêm. Các binh sỹ, tướng lĩnh, chính trị gia và cả những viên chức đều đã biến mất. Tại thời điểm đó, họ đang đứng ngòi lố nhố trên boong của các tàu chiến trên Biển Đông, với những tấm chắn của hải quân Mỹ quàng trên vai.

Người Việt Nam đùa rằng quân giải phóng tiến Sài Gòn “mà không làm vỡ một cái đèn đường”. Điều đó không hề đúng, bởi thương vong là rất lớn với cả hai phía, nhưng giao tranh đã không nổ ra trong thành phố. Tại trung tâm, mối lo ngại lớn hơn chính là tình trạng cướp bóc và vô pháp luật.

“Phóng viên Stewart Dalby của tờ *Financial Times* và tôi đang đi dọc Tự Do (nay là đường Đồng Khởi), một trong những phố chính của Sài Gòn, thì một người đàn ông trông hung dữ với áo cởi buộc ngang lưng quần bước tới. Ông ta để tay lên thắt lưng để ra hiệu có súng, và sau đó thoải mái nhắc chiếc máy ảnh đắt tiền ra khỏi cổ Dalby”, ông Woollacott nhớ lại. “Những vụ việc như vậy đủ để khiến hầu hết mọi người tin rằng bộ đội giải phóng tiếp quản hoàn toàn thành phố này sớm ngày nào tốt ngày đó”.

Và vào ngày đầu tiên của kỷ nguyên mới, không còn người Mỹ nào tại tòa đại sứ trông như pháo đài trên đại lộ Thống Nhất (nay là đường Lê Duẩn), hoàn toàn trái ngược với cảnh sơ tán hỗn loạn một ngày trước đó, mà theo sau là cảnh cướp bóc.

Tại tòa thị chính lộng lẫy cũng không một bóng người. Không còn vị đại biểu nào tại nhà hát lớn kiểu Pháp, nơi quốc hội cũ từng nhóm họp. Và cũng không còn vị tổng thống nào tại dinh tổng thống. Nguyễn Văn Thiệu đã rời khỏi đất nước. Người kế nhiệm ông ta chỉ nắm quyền một tuần trước khi bàn giao cho Dương Văn Minh.

Ông Minh đã nói với những sỹ quan đầu tiên của quân đội miền Bắc, những người vào dinh tổng thống rằng ông sẵn sàng bàn giao quyền lực. “Ông

không thể bàn giao thứ mà ông không có”, các sỹ quan đáp lại trước khi dẫn giải ông ta đi. Ông Minh chỉ làm tổng thống có 2 ngày.



Giày và quân phục của binh sỹ chính quyền Sài Gòn bị bỏ lại trên đường
(Ảnh: Internet)

Tại khắp các khu thảo cầm viên của thành phố, nơi người dân từng dạo bộ dịp cuối tuần với con cái, số tin đồn nhiều không kém số bước chân. “Người Pháp đang quay lại với 2 sư đoàn”, một người nói. “Người Mỹ sẽ sớm ném bom”, một người khác phao tin. “Sẽ có một chính phủ liên minh”, một người nữa nói.

Nhưng đến cuối những câu chuyện đó, tâm lý chung dường như là “chúng ta đều là người Việt Nam cả mà”, được nói ra với vẻ vừa như hy vọng, vừa như buông xuôi. Đó là suy nghĩ tự trấn an với nhiều người, nhưng không phải với các quan chức, hoặc những người có mối liên hệ với chính quyền cũ hoặc người Mỹ.

Họ sợ sự trả thù, hoặc ít nhất, bị chú ý do sự trung thành trước đây của mình. Một số người, theo chúng tôi, không đáng phải lo lắng đến vậy, nhưng bị cuốn theo sự điên loạn của thời khắc đó. Do vậy nhiều người tìm cách tháo chạy.

Các sỹ quan Mỹ chịu trách nhiệm điều phối việc di tản đã có những lựa chọn khó khăn. Để không làm suy yếu lực lượng bảo vệ miền Nam Việt Nam, họ phải hạn chế những đợt di tản sớm, nhưng cũng phải hứa hẹn ngày càng mạnh mẽ với những ai ở lại rằng “nếu mọi chuyện ổn cả” (chính quyền miền Nam Việt Nam còn tồn tại dưới một dạng nào đó), tất cả sẽ được đưa đi ở phút cuối.

Đó là lời hứa họ không thể giữ. “Tiếng la hét hoảng loạn trên điện đài của CIA vào ngày cuối vẫn còn giăng xé lương tâm tôi”, Frank Snepp, một trong những nhân viên của CIA tại Sài Gòn thuật lại nhiều năm sau chiến tranh.

Một ngày trước khi Sài Gòn thất thủ, từ nóc của Caravelle, một trong hai khách sạn hạng sang của thành phố, tôi và các phóng viên khác nhìn thấy một hàng người chờ đợi trong sự tuyệt vọng ngày một tăng tại một điểm sơ tán, và dần nhận ra rằng sẽ không còn chiếc trực thăng Mỹ nào quay lại.

Tại đại sứ quán Mỹ, sự tuyệt vọng là rõ hơn cả. Đám đông la hét ùa vào nơi này, van nài được vào trong, giữa lúc các binh sỹ kéo vào những ai có giấy giới thiệu phù hợp - một khuôn mặt phương Tây cũng có ích - còn đẩy ra những người còn lại.



Xe tăng của quân giải phóng tại sân dinh Độc Lập ngày 30/4/1975 (Ảnh: AP)

Ngày hôm sau, những chiếc xe tăng tiến vào đầu tiên. Những nòng pháo dài vươn ra hướng về trung tâm thành phố và dinh tổng thống. Chiến tranh luôn đi kèm với lộn xộn, và một số xe bị lạc đường. Chúng tôi thấy một xe lùi lại và chuyển hướng. Bánh xe nó nghiêng kèn kẹt và sau đó tiến về phía một bệnh viện cũ kiểu Pháp, rõ ràng không phải một mục tiêu quân sự. Nhưng cũng rất nhanh sau đó, xe tăng đã đến cổng dinh tổng thống và chạy xuyên qua.

Những người lính mới, mà chúng tôi nhanh chóng học được cách gọi “bộ đội”, mặc bộ quân phục một màu xanh, hơi nhẹ nhàng và đội những chiếc mũ kiểu cũ. Trông họ thật nhẹ nhõm: chiến tranh đã qua, họ vẫn còn sống và đóng góp phần của mình vào một trang sử vĩ đại.

Vài ngày sau, một cuộc duyệt binh diễn ra và sau đó nhiều người rời Sài Gòn. Những người ở lại đều lịch thiệp và có chút gì miễn cưỡng. Họ xem những người nước ngoài da trắng đều là người Nga. Một số thì bất ngờ bởi sự phồn thịnh của Sài Gòn, hoặc thích thú với những chiếc đồng hồ, chỉ được phát cho các sỹ quan cấp tá trở lên, đặc biệt những chiếc có thể hiện ngày. Họ gọi những chiếc đó là “đồng hồ có cửa sổ”.

Nếu đi thành cặp, họ thường nắm tay nhau, một cử chỉ cảm động gây tò mò. Nhưng họ rõ ràng được huấn luyện bài bản đáng ngưỡng mộ. Khi một vài kẻ ngoan cố nổ súng về phía bộ đội miền Bắc gần công viên nằm giữa dinh tổng thống và nhà thờ lớn, các phóng viên ngay lập tức được thấy một màn dàn đội hình như múa ba lê.

Những binh sỹ đang nằm và hút thuốc chỉ một phút trước đó đột ngột nằm sấp xuống và bắn trả đầy khôn ngoan, trong khi các nhóm bên cánh áp sát những kẻ tấn công. Đó là lời nhắc nhở rằng thời chiến tranh giữa lực lượng du kích được trang bị thô sơ đối đầu với lực lượng quân chính quy đông đảo đã qua.

Các binh sỹ miền Bắc Việt Nam tiến vào Sài Gòn với tất cả những gì một đội quân hiện đại muốn có. Họ có nhiều vũ khí và pháo binh - tất cả mọi thứ trừ không quân. Nhưng đến thời điểm đó những người Nam Việt Nam cũng hầu như chẳng còn sức mạnh không quân nào.

29. TRẦN VƯƠNG. Hồi ký oanh liệt về chiến thắng lịch sử mùa xuân năm 1975 // <https://www.laodong.vn.-2019.-> Ngày 28/4.

HỒI KÝ OANH LIỆT VỀ CHIẾN THẮNG LỊCH SỬ MÙA XUÂN NĂM 1975

Đại tướng Lê Đức Anh (nguyên Phó Tư lệnh Bộ Chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh, kiêm Tư lệnh Đoàn 232 - Cánh quân hướng tây-tây nam đánh vào nội đô Sài Gòn - Gia Định tháng 4.1975) đã góp công làm nên chiến thắng lịch sử của dân tộc.

Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đại thắng

Tháng 4.1975, sau khi hoàn thành chuẩn bị chiến lược cả về thế và lực, cả ở miền Bắc và miền Nam, cuộc Tổng tiến công chiến lược tiến đến giải phóng hoàn toàn miền Nam bắt đầu. Ban đầu chiến dịch có tên là chiến dịch Sài Gòn, sau đó được Bộ Chính trị đồng ý đổi tên thành chiến dịch Hồ Chí Minh. Trong cuốn hồi ký “Đại tướng Lê Đức Anh - cuộc đời và sự nghiệp cách mạng”, Đại tướng Lê Đức Anh nhớ như in từng chi tiết, khoảnh khắc lịch sử và những phút giây huy hoàng trong việc chuẩn bị cho cuộc nổi dậy, tổng tiến công mùa xuân năm 1975 tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Hồi ký Đại tướng Lê Đức Anh nêu rõ: Sáng 30.4.1975 các cánh quân ta cùng nhân dân nổi dậy, đồng loạt tấn công đánh chiếm các mục tiêu đã định. Đến 9h30, quân địch về cơ bản đã mất sức chiến đấu. Cả Sài Gòn - Gia Định trở thành một rừng cờ, biểu ngữ, hoa các loại vẫy chào quân giải phóng. Những nơi chưa có bộ đội quản lý thì nhân dân, chủ yếu là công nhân, sinh viên, học sinh quản lý. Khi bộ đội đến thì họ giao cho bộ đội quản lý. Nhân dân dẫn đường cho các mũi đột kích chiếm các mục tiêu còn lại.

Trước tình hình đó, Dương Văn Minh - tân Tổng thống mới nhậm chức của chính quyền Sài Gòn - tuyên bố xin ngừng bắn để thảo luận bàn giao chính quyền. Lập tức, anh Phạm Hùng phát ngay bức điện hỏa tốc gửi thủ trưởng các đơn vị đang cầm quân trên chiến trường; “Địch dao động đang rã. Các cánh quân hãy đánh mạnh, tiến nhanh, chiếm lĩnh các mục tiêu đúng quy định.

Hội quân tại Dinh Độc Lập ngụy. Địch không còn gì để thương lượng bàn giao. Chúng phải đầu hàng vô điều kiện. Tiến lên! Toàn thắng! Chấp hàng nghiêm lệnh của Bộ Chỉ huy chiến dịch, các cánh quân của ta tiếp tục tấn công, buộc chính quyền Dương Văn Minh đầu hàng vô điều kiện”.

Từ sáng sớm 30.4.1975, các mũi tiến công của quân ta cùng dồn dập tấn công địch. Khoảng 9h sáng 30.4.1975, Bộ đội đã làm chủ và tổ chức gác toàn bộ các vị trí. Anh em rất hăng hái nên dù không được giao mục tiêu, nhưng khi hoàn thành nhiệm vụ sớm ở Tổng nha Cảnh sát, đã cho một mũi vào Dinh Độc Lập, còn mũi phát triển ra đánh căn cứ Tư lệnh Hải quân địch.

Mũi phát triển vào tới Dinh Độc Lập thì hợp điểm với mũi thọc sâu của Quân đoàn 2 ở đó. Thời khắc lịch sử trưa 30.4.1975 tại Dinh Độc Lập có mặt ba mũi cùng tiến công vào từ hai hướng; hướng đông là mũi của Quân đoàn 2,

hướng tây - tây nam là mũi của Sư đoàn 9 và một mũi của đồng chí Tư Thân (Đoàn 232).

Ký ức hào hùng về giờ phút thiêng liêng

“Đúng 11h30 ngày 30.4.1975, lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập. Tổng thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. Lúc này, ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, quân và dân ta tự lực giải phóng địa bàn, góp phần cùng cả nước chấm dứt cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc kéo dài 30 năm.

Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy, trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của quân và dân ta toàn thắng. Nó đã toát lên một điều là đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng ta đã thấm sâu vào quần chúng, kể cả quần chúng bị bắt buộc vào trong hàng ngũ địch. Đây là thời cơ để bộc lộ tinh thần yêu nước, vì độc lập dân tộc, làm phát lộ chủ nghĩa anh hùng cách mạng của quần chúng vô cùng sinh động, mạnh mẽ và hiệu quả hơn bao giờ hết” - Đại tướng Lê Đức Anh nhớ lại trong hồi ký của mình.

Chia sẻ về cuộc đời hoạt động cách mạng của Đại tướng Lê Đức Anh, Thượng tướng Nguyễn Văn Rinh - nguyên Thứ trưởng Bộ Quốc phòng - cho hay: Đại tướng Lê Đức Anh là một người anh, người đồng đội, người chỉ huy sâu sắc, quyết liệt, có tầm nhìn xa, trông rộng.

Cuộc đời ông gắn với nhiều dấu ấn to lớn trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta. Đại tướng Lê Đức Anh là cán bộ lão thành cách mạng. Ông tham gia cách mạng từ sau Cách mạng Tháng 8.1945. Đại tướng Lê Đức Anh có nhiều năm chiến đấu ở chiến trường miền Nam, đảm nhận nhiều chức vụ trọng trách trong quân đội. Đặc biệt, ông cũng là một trong những người có vai trò rất lớn trong Bộ Chỉ huy giải phóng miền Nam và chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Thượng tướng Nguyễn Văn Rinh cũng cho biết thêm, sau khi hòa bình lập lại, Đại tướng Lê Đức Anh đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng như Tổng Tham mưu trưởng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng... và chức vụ cao nhất ông tham gia là Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Nước. Sau này Đại tướng Lê Đức Anh được cử làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng. “Ông là một con người quyết đoán, có tầm nhìn chiến lược trong chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, ông cũng là người có vai trò to lớn trong sự nghiệp đổi mới đất nước.

Ông cũng là người xây dựng, đặt nền móng mở rộng mối quan hệ ngoại giao với nhiều nước trên thế giới và có vai trò to lớn trong việc bình thường mối quan hệ với các quốc gia như Mỹ, Trung Quốc” - Thượng tướng Nguyễn Văn Rinh chia sẻ.

30. HOÀNG LAN-GIANG THUẬN. Chiếc xe tăng húc đổ cổng phủ Dinh Độc Lập trong ngày 30/4/1975 //<https://www.qdnd.vn.-> Ngày 18/12/2019.

CHIẾC XE TĂNG HÚC ĐỔ CỘNG PHỤ DINH ĐỘC LẬP TRONG NGÀY 30/4/1975

QĐND Online - Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam hiện đang lưu giữ một hiện vật quý, ghi dấu chiến công của quân và dân ta trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, đó là xe tăng T-54B mang số hiệu 843.

Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh, đúng 5 giờ 30 phút ngày 30-4-1975, quân ta từ 5 hướng đồng loạt tổng tiến công vào nội đô Sài Gòn. Xe tăng T-54B mang số hiệu 843 thuộc Đại đội 4, Tiểu đoàn 1, Lữ đoàn Tăng thiết giáp 203, Quân đoàn 2 do Đại đội trưởng Bùi Quang Thận làm Trưởng xe, kíp xe gồm Thái Bá Minh-pháo thủ số 1, Nguyễn Văn Kỹ-pháo thủ số 2, Lữ Văn Hòa-lái xe. Tiếp sau là xe tăng T-59 số hiệu 390 do Chính trị viên Vũ Đăng Toàn chỉ huy; kíp xe gồm Ngô Sĩ Nguyên-pháo thủ số 1, Lê Văn Phụng-Đại đội phó kỹ thuật (thay thế pháo thủ số 2 Đỗ Cao Trường bị thương phải ở lại tuyến sau), Nguyễn Văn Tập-lái xe.



Xe tăng T-54B mang số hiệu 843 trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam. Ảnh: Thuận Nguyễn.

Sau khi tràn qua cầu Sài Gòn, trên hướng tiến công của Quân đoàn 2, lực lượng đột kích thọc sâu của Lữ đoàn Tăng thiết giáp 203 chia thành hai mũi theo đại lộ Thống Nhất và đại lộ Hồng Thập Tự tiến về dinh Tổng thống chính quyền Sài Gòn. Trên đường đến Dinh Độc Lập, xe tăng 843 đã bắn cháy 3 xe tăng và bọc thép của địch; 11 giờ ngày 30-4-1975, xe tăng đã húc vào cổng phụ của Dinh Độc Lập, sau đó bị chết máy. Xe tăng 390 đi sau lập tức xông lên húc đổ cánh cổng chính. Đại đội trưởng Bùi Quang Thận nhảy ra khỏi xe và chạy lên nóc Dinh Độc Lập cắm lá cờ Mặt trận dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam. Đây là sự kiện đánh dấu giờ phút thiêng liêng của dân tộc, kết thúc vẻ vang cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Trước đó, xe tăng 843 đã tham gia giải phóng Huế, Đà Nẵng, sau đó tiếp tục hành quân tham gia giải phóng các tỉnh ven biển miền Trung và thẳng tiến về Sài Gòn với tinh thần “thần tốc và quyết thắng”. Từ ngày 26 đến 29-4-1975, xe tăng 843 đã tham gia chiến đấu đập tan tuyến phòng thủ của địch ở căn cứ Nước Trong.

Sau ngày thống nhất, xe tăng 843 được lệnh ra tiếp quản cảng Nhà Bè (nay là cảng Nhà Rồng) rồi hành quân về Tổng kho Long Bình. Sau đó, xe được đưa ra Hà Nội dự triển lãm mừng ngày thống nhất. Kết thúc triển lãm, xe tăng 843 trở về làm nhiệm vụ huấn luyện tại Lữ đoàn 203 cho đến năm 1979 thì được đưa về trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam và được công nhận Bảo vật quốc gia đợt 1, ngày 1-10-2012.

Đây là hiện vật có ý nghĩa tuyên truyền, giáo dục sâu sắc truyền thống cách mạng đối với các tầng lớp nhân dân và khách quốc tế, là vật chứng xác thực ghi dấu chiến công to lớn của quân và dân ta trong Chiến dịch Hồ Chí Minh, trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 lịch sử.

31. **MẠNH HÙNG.** Tiêu diệt căn cứ Đồng Dù
[//https://www.baoquankhu4.com.vn.- Ngày27/4/2020.](https://www.baoquankhu4.com.vn.- Ngày27/4/2020)

TIÊU DIỆT CĂN CỨ ĐỒNG DÙ

Những ngày tháng Tư lịch sử này, cựu chiến binh Nguyễn Hữu Thanh ở thị trấn Xuân An, Nghi Xuân, Hà Tĩnh như sống lại một thời hoa lửa, vinh dự, tự hào có mặt trong đoàn quân tiến công giải phóng Sài Gòn năm 1975.

Năm 1968, nhập ngũ vào Trung đoàn 7, Bộ Tư lệnh 350, sau khi hoàn thành khóa huấn luyện chiến sĩ mới, Nguyễn Hữu Thanh được biên chế về Đại đội 25, Trung đoàn 48 (Trung đoàn Thạch Hãn), Sư đoàn 320A, Quân đoàn 3. Từ đây, ông tham gia nhiều trận đánh ác liệt trên chiến trường phía Tây Quảng Trị; chiến trường Mường Phìn, Lào; vào Mặt trận B3 đánh các cao điểm 1015, 1049 phía Tây huyện Sa Thầy; căn cứ Chư Sê; truy kích địch trên tuyến đường 7 - thị xã Cheo Reo trong Chiến dịch giải phóng Tây Nguyên...



Cựu chiến binh Nguyễn Hữu Thanh kể về những đồng đội trong trận đánh căn cứ Đồng Dù.

Tham gia nhiều chiến dịch, trận đánh ác liệt nhưng với ông vinh dự, tự hào nhất vẫn là được tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, cùng đồng đội tiến công căn cứ Đồng Dù, Củ Chi, mở toang “cánh cửa thép” trên Đường 1,

tạo điều kiện để đơn vị bạn đánh vào nội đô Sài Gòn. Lúc này, ông là Thượng sĩ, Trung đội trưởng Trung đội 1, Đại đội 25, đơn vị của ông được bổ sung tăng cường cho nhiệm vụ vận tải, có nhiệm vụ vừa chiến đấu vừa vận chuyển vũ khí, đạn dược, lương thực thực phẩm vào vị trí tập kết, sẵn sàng cho các cánh quân chủ lực đánh trận quyết định, đồng thời vận chuyển thương binh.

Ông Thanh nhớ lại: Căn cứ Đồng Dù cách Trung tâm Sài Gòn khoảng 30km về phía Tây Bắc, được Sư đoàn Bộ binh 25 “Tia chớp nhiệt đới” Mỹ xây dựng đầu năm 1966 và được bàn giao lại cho Sư đoàn Bộ binh 25 quân ngụy khi Mỹ buộc phải rút khỏi miền Nam Việt Nam. Đây là căn cứ quân sự hỗn hợp rộng 7km², có vị trí chiến lược quan trọng, không chỉ là nơi xuất phát các cuộc tiến công tìm diệt Quân Giải phóng, lực lượng vũ trang miền Đông Nam Bộ của Sư đoàn “Tia chớp nhiệt đới” và Sư đoàn 25 ngụy mà còn là một trong những trọng điểm kiên cố trong tuyến phòng thủ Tây Bắc Sài Gòn. Vì vậy, mặc dù trong cơn “hấp hối” nhưng quân ngụy vẫn bố trí ở đây hệ thống trận địa, vũ khí trang bị khổng lồ, với quân số khoảng 3.000 tên, xung quanh căn cứ lại có nhiều đơn vị chi viện nên Chuẩn tướng Lý Tòng Bá, Sư đoàn trưởng rất ngoan cố, bắt quân lính tử thủ đến cùng.

Với phương châm tác chiến bí mật, bất ngờ đột phá trận địa phòng ngự của quân địch bằng sức mạnh hiệp đồng quân binh chủng, đúng 5 giờ 30 phút sáng ngày 29/4/1975, toàn Sư đoàn được lệnh tiến công căn cứ Đồng Dù. Trung đoàn 48 chúng tôi đảm nhiệm hướng tiến công chủ yếu phía Tây Bắc. Sau khi pháo binh chuyển làn vào trung tâm căn cứ địch, Trung đoàn trưởng Lê Quang Bình chỉ huy Trung đoàn xung phong phá rào mở cửa đánh chiếm đầu cầu. Trận đánh ngay từ phút đầu đã diễn ra hết sức ác liệt, quân địch với hỏa lực mạnh điên cuồng chống trả khiến các đơn vị qua hai giờ tiến công, ba lần đột phá vẫn chưa mở cửa xong, quân số thương vong ngày càng tăng...

Trước tình thế đó, Sư đoàn lệnh cho Trung đoàn đưa lực lượng dự bị vào yểm trợ đã đột phá mãnh liệt vượt qua cửa mở, đè bẹp hàng chục “ổ đê kháng” dài hàng trăm mét của địch. Sau hơn 1 giờ đột phá qua các cụm chốt, Trung đoàn đã làm chủ Sở chỉ huy Sư đoàn 25 địch. Lý Tòng Bá và cấp dưới cải trang lẫn trốn vào rừng cao su đã bị du kích Củ Chi bắt sống.

Chiến công xuất sắc này không chỉ thể hiện ý chí quyết chiến, quyết thắng của cựu chiến binh Nguyễn Hữu Thanh và đồng đội trong chiến dịch mang tên Bác Hồ kính yêu mà còn góp phần quan trọng đập tan “cánh cửa

thép” tuyến phòng thủ Tây Bắc của địch, tạo điều kiện để các đơn vị của Quân đoàn 3 thọc sâu tiêu diệt sào huyệt cuối cùng của ngụy quyền Sài Gòn.

32. **HỒNG YẾN. Ký ức của người trung đội trưởng về chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử// <https://www.vinhphuc.gov.vn>.- Ngày 29/4/2018.**

KÝ ỨC CỦA NGƯỜI TRUNG ĐỘI TRƯỞNG VỀ CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH LỊCH SỬ

Vào một ngày cuối tháng 4, chúng tôi có dịp đến thăm cựu chiến binh Phùng Văn Bào, xã Kim Long, huyện Tam Dương – người trực tiếp tham gia Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Ký ức ngày chiến thắng vẫn còn nguyên vẹn trong ông dù chiến tranh đã lùi xa hơn 40 năm.



Lần giờ lại những kỷ niệm chiến tranh, ông Bào luôn tự hào là một chiến sỹ giải phóng

Sinh năm 1949, với mong muốn được góp sức trong công cuộc đấu tranh giành lại độc lập cho dân tộc, tháng 7/1969, khi vừa tròn 20 tuổi, chàng trai trẻ Phùng Văn Bào tình nguyện lên đường nhập ngũ, về trung đội 3, đại đội 2, trung đoàn 304 đóng quân ở huyện Phú Bình, tỉnh Bắc Thái. Tháng 3/1970, ông Bào được điều chuyển về trung đoàn 28, bổ sung tham gia trận đánh Đăk Siêng, tỉnh Kon Tum, rồi tiếp tục giúp bạn Lào tại mặt trận Nam Lào. Ở trận đánh này, Trung đoàn 28 của ông đã giải phóng được thị xã A-

Tô-Pơ và cao nguyên Pu-Lô-Ven. Sau đó trở về Kon Tum, ông cùng trung đoàn tham gia giải phóng Đăk-Tô, Tân Cảnh.

Tháng 6/1972, Phùng Văn Bào được cử đi học Trường Quân chính B3. Sau 2 năm ra trường, ông được phong quân hàm chuẩn úy, giữ chức Trung đội trưởng trung đội 2, tiểu đoàn 2, Trung đoàn 28. Từ đó, ông đã chỉ huy các chiến sỹ của đơn vị tham gia các trận đánh thành công, luôn đảm bảo giữ vững quân số, chưa từng xảy ra thương vong. Cũng chính vì vậy, trung đội trưởng Phùng Văn Bào luôn được Trung đoàn trưởng và cấp trên tin tưởng, giao phó những nhiệm vụ quan trọng.

Để chuẩn bị cho chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, đơn vị ông đã phải tham gia các trận đánh đồn Măng Đen, chiếm chỉ huy sở và khu trung tâm; đánh chiếm quận lỵ Đức Lộc, tỉnh Gia Lai; giải phóng đèo Phụng Hoàng, tỉnh Khánh Hòa; đánh chiếm quân cảng Cam Ranh... Ở tất cả các trận đánh, ông đều thể hiện rõ vai trò, vị trí là người chỉ huy linh động, quyết đoán, không để xảy ra sơ xuất và quân số đơn vị luôn được giữ vững. Riêng trận đánh chiếm quân cảng Cam Ranh, Trung đội 2 của ông đã bắt sống hơn 400 tù binh và thu giữ trên 1.000 vũ khí, giải phóng 2 đảo, thành lập sơ bộ chính quyền địa phương.

Nói về chiến dịch Hồ Chí Minh mùa Xuân năm 1975, ông Bào cho biết, được sự tin tưởng của Trung đoàn trưởng và cấp trên, trung đội ông được giao nhiệm vụ đánh thọc sâu vào Bộ Tổng tham mưu quân Ngụy, mở đường cho đội quân tiến vào cắm cờ trên nóc Bộ Tổng tham mưu. Sau khi nhận nhiệm vụ này, trung đội đã hạ quyết tâm đánh vào mục tiêu cuối cùng, cả trung đội thống nhất còn 1 người cũng phải vào được Bộ Tổng tham mưu. Sau đó, các chiến sỹ trong trung đội cùng nhau bàn chiến thuật tiến công với mục đích cuối cùng là đảm bảo quân số, tránh thương vong cho đơn vị. Do có sự chuẩn bị kỹ càng, đơn vị ông đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, không có thiệt hại về người, trực tiếp góp phần cho Trung đoàn tiến vào cắm cờ trên nóc Bộ Tổng tham mưu Ngụy, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Sau chiến dịch, ông tiếp tục tham gia công tác tại Tổng Cục kỹ thuật Tổng cục kho Long Bình, tỉnh Đồng Nai; Tổng cục Kỹ thuật, thành phố Hà Nội; Tổng cục kỹ thuật, thị xã Sơn Tây, tỉnh Hà Tây (cũ). Năm 1986, cựu chiến binh Phùng Văn Bào về nghỉ hưu tại địa phương. Tiếp tục phát huy tinh thần "thép" của người lính Cụ Hồ trong xây dựng kinh tế gia đình, tích cực

tham gia công tác xã hội ở địa phương, ông từng được bầu làm Bí thư chi bộ, đội trưởng đội sản xuất, thanh tra nhân dân, trưởng ban công tác mặt trận thôn Đồng Mận, xã Kim Long.

Trong ký ức của ông, những hình ảnh về chiến tranh, chiến thắng lịch sử không hề phai nhạt. Người rung đội trưởng năm xưa luôn tự hào, hạnh phúc vì được xả thân vì độc lập, tự do của dân tộc và được cống hiến sức lực xây dựng đất nước. Xin được ghi lại lời tâm sự của ông thay cho phần kết của bài viết này: “Tôi là một chiến sỹ của đại tướng Võ Nguyên Giáp. Tuy chưa một lần được gặp đại tướng xong nhiệm vụ của đại tướng giao cho, tôi đã hoàn thành xuất sắc. Tôi xin cảm ơn cán bộ, chiến sỹ đại đội 7 nói chung, cán bộ, chiến sỹ trung đội 2 nói riêng đã cùng tôi chiến đấu và giúp tôi hoàn thành nhiệm vụ. Xin cảm ơn các bà mẹ, những người vợ là hậu phương vững chắc cho chúng tôi, những bà mẹ đã sinh ra những người con ưu tú, dũng cảm cùng với chúng tôi trong trận đánh cuối cùng vào Bộ Tổng tham mưu Ngụy vào lúc 11h30 phút ngày 30/4/1975 .”

33. HỒNG YẾN. Gặp xạ thủ A72 từng bắn rơi 5 máy bay Mỹ - Ngụy// <https://www.vinhphuc.gov.vn>.- Ngày 30/5/2018.

GẶP XẠ THỦ A72 TỪNG BẮN RƠI 5 MÁY BAY MỸ - NGUY

Một ngày cuối tháng 5, chúng tôi có dịp đến thăm cựu chiến binh Nguyễn Quang Lộc, phường Đông Đa, thành phố Vinh Yên – người từng bắn rơi 5 máy bay Mỹ - Ngụy, góp phần vào cuộc tổng tiến công giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Ông là một trong 9 đại biểu của tỉnh tham dự lễ kỷ niệm 70 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi thi đua ái quốc được tổ chức tại Hà Nội vào đầu tháng 6 tới.



Cựu chiến binh Nguyễn Quang Lộc luôn tự hào là một xạ thủ A72

Sau khi tốt nghiệp phổ thông, tháng 8/1971, Nguyễn Quang Lộc lên đường nhập ngũ. Hết 6 tháng huấn luyện, tháng 2/1972, ông cùng đơn vị tham gia chiến đấu tại chiến trường miền Đông Nam Bộ khi cuộc chiến đang trong giai đoạn ác liệt, cam go. Đơn vị ông có nhiệm vụ bí mật, bất ngờ đánh cho Mỹ - Ngụy những đòn thất bại nặng nề, yểm trợ và bảo vệ bộ binh không cho máy bay ném bom đúng mục tiêu vào căn cứ đóng quân hoặc các hướng tiến quân của ta, giảm tỷ lệ thương vong tới mức thấp nhất.

Sau 3 tháng cùng đơn vị hành quân vượt Trường Sơn vào miền Đông Nam Bộ, ông Lộc đã tham gia chiến đấu liên tục tại Chiến dịch Nguyễn Huệ giải phóng mặt trận Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; chiến dịch Bầu Bông – Quảng Đức; Sài Gòn – Gia Định và chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Là một trong các xạ thủ tiêu biểu được giao đánh trận đầu, quả đạn đầu, ông đã phóng tổng cộng 8 quả đạn, bắn rơi 5 máy bay. Trong đó, 2 ngày mở đầu chiến dịch Nguyễn Huệ đợt 2 tại mặt trận Bình Long, ông bắn rơi 2 máy bay; trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử chỉ bằng một quả đạn A72M, lần đầu tiên đã bắn cháy 1 chiếc C119 trên bầu trời Sài Gòn. Chiến thắng này đã cổ vũ mạnh mẽ cuộc tổng tiến công của quân dân ta tiến vào giải phóng Sài Gòn ngày 30/4/1975.

Do lập nhiều chiến công xuất sắc, tháng 5/1974, ông Lộc là một trong số các xạ thủ tổ A72 được giao nhiệm vụ phối hợp với Đoàn đặc công Rừng Sác 316 anh hùng, luồn sâu vào vùng kiểm soát của địch, bí mật, bất ngờ nổ súng tiêu diệt một mục tiêu đặc biệt do lực lượng tình báo, biệt động báo ra. Đây là

nhệm vụ vinh quang nhưng cũng đầy thử thách bởi có thể hy sinh hoặc rơi vào tay giặc bất cứ lúc nào. Ngày 9/3/1975, ông cùng đồng đội được lệnh hành quân thần tốc về Sài Gòn, tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Ngày 25/4/1975, tổ A72 của ông tới quận Gò Vấp, có nhiệm vụ bắn tiêu diệt máy bay địch, khống chế máy bay ở sân bay Tân Sơn Nhất không cho cất cánh, hỗ trợ cho xe tăng, bộ binh ta tiến công vào giải phóng Sài Gòn. Vào khoảng 9h30' ngày 29/4/1975, khi chiếc máy bay C119 lượn vòng bắn pháo hiệu và đạn xuống hướng tiền quân của ta đã lọt vào tầm ngắm của ông. Ông Lộc nâng quả đạn A72M lên bắn thiêu cháy chiếc máy bay ngay trên bầu trời Sài Gòn – Chợ Lớn. Theo thông tin của đơn vị phối hợp 316, đây là chiếc máy bay chỉ huy có 2 tên giặc lái cố vấn Mỹ và hàng chục sỹ quan Ngụy. Đó cũng là chiến công có nhiều ý nghĩa đối với ông và đồng đội trong tổ A72.

Sau giải phóng miền Nam, ông Lộc chuyển ngành đi học nghề tại Tiệp Khắc. Từ tháng 2/1977 đến tháng 4/1984, ông công tác trong ngành Xây dựng, tại Nhà máy nước Vĩnh Yên, Công ty cấp thoát nước Vĩnh Phúc. Phát huy phẩm chất bộ đội cụ Hồ, ông Lộc luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Ông từng giữ chức Giám đốc Nhà máy nước Tam Đảo. Về nghỉ hưu theo chế độ năm 2009, ông tích cực tham gia công tác Hội Cựu chiến binh và các phong trào hoạt động tại địa phương.

Cựu chiến binh Nguyễn Quang Lộc từng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến công giải phóng hạng Ba, Huân chương Chiến sỹ giải phóng hạng Ba, Huy chương Kháng chiến hạng Nhì và nhiều Bằng khen, Giấy khen, Kỷ niệm chương của ngành Xây dựng, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam.

34. ĐỨC HIẾU. Chuyện kể về chiếc xe tăng mang số hiệu 985//
<https://www.vinhphuc.gov.vn.-> Ngày 28/4/2012.

CHUYỆN KỂ VỀ CHIẾC XE TĂNG MANG SỐ HIỆU 985

Trong những ngày tháng tư lịch sử, chúng tôi tìm gặp lại người chiến sĩ lái xe Phùng Văn Tính, quê xã Kim Long, Tam Dương, Vĩnh Phúc - người trực tiếp lái chiếc xe tăng mang số hiệu 985 anh hùng. Hơn 30 năm đã trôi qua, nhưng chất lính mộc mạc, đơn sơ như vẫn còn nguyên vẹn, ông say sưa kể lại cho chúng tôi nghe những trận đánh đã đi vào lịch sử.



Ảnh minh họa

Tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, lúc đó tôi thuộc Lữ đoàn xe tăng 273, một trong những đơn vị trực tiếp tham gia chiến dịch Tây Nguyên – Buôn Mê Thuật, đánh thọc sâu vào sân bay Tân Sơn Nhất và Bộ Tổng tham mưu của ngụy quyền Sài Gòn. Tham gia nhiều trận đánh, nhưng có lẽ trận đánh “đề đời” với tôi là trận diễn ra rạng sáng ngày 30/4/1975 tại ngã tư Bảy Hiền, Lăng Cha Cả, Gia Định. Đó là các điểm phải đột phá, để mở cửa tiến đánh sân bay Tân Sơn Nhất và Bộ Tổng tham mưu Ngụy.

Đúng 5 giờ sáng hôm ấy, chúng tôi được lệnh xuất kích. Trực tiếp tham gia chiến đấu có 4 xe tăng, trong đó xe tăng 985 do anh Mai Trọng Hoạt chỉ huy và tôi là người trực tiếp lái đi theo đội hình chữ chi và cách xa nhau để có thể yểm trợ bằng tất cả các loại hỏa lực cho xe đi trước. Đến khoảng 6 giờ 30

phút, chúng tôi đến ngã tư Bảy Hiền. Chiếc xe đi đầu do anh Tư chỉ huy rẽ trái tiến về phía Lăng Cha Cả. 2 xe tăng M48 của địch ở các ngách nhô ra chặn đánh, xe đi đầu bị trúng đạn bốc cháy. Khi xe của tôi vừa vượt lên thì bị xe tăng của địch bắn hồng pháo. Anh Mai Văn Hoạt phán đoán: Địch phục kích ở khu vực bệnh viện Vi Dân (nay là bệnh viện Thống Nhất) nếu không diệt phân đội xe tăng M48 phục kích ở đó thì khó vượt được ngã tư Bảy Hiền.

Anh Hoạt dùng máy vô tuyến nói yêu cầu bắn yểm trợ, rồi bắt ngờ ra lệnh cho xe rẽ phải, 2 xe tăng M48 của địch phục kích đã nhô ra và bắn trượt qua mũi xe tăng của tôi. Lúc này, tình thế rất khẩn cấp, xe tăng của ta mặt đối mặt với xe tăng của địch. Mà loại xe tăng M48 của Mỹ là loại xe tăng mạnh nhất ngày đó được trang bị cho Ngụy quân. Trọng lượng chiến đấu là 45 tấn, cỡ pháo 90mm vỏ xe bằng thép dày từ 76 đến 100mm, tốp xe có 4 tên. Còn xe T54 của ta trọng lượng chiến đấu 36 tấn, cỡ pháo 100 mm, nếu dùng đạn xuyên thép thì có thể bắn mục tiêu cao 2m50 ở cự ly xa nhất là 1.000 mét. Vì vậy lúc đó, nếu ta ra tay chậm hơn kẻ địch chỉ 1 giây thôi thì sẽ bị địch bắn trúng và chắc chắn cả kíp xe khó tránh khỏi thương vong. Trong giây phút đó, phải quyết đoán và hành động thật nhanh trước khi địch kịp ra tay. Qua máy vô tuyến, anh Hoạt hô to: “Lái xe, tăng tốc lao thẳng vào xe tăng quân thù”. Tôi nhấn mạnh chân dầu, gạt cần sang số điều khiển xe tăng T54 lao thẳng vào đầu xe tăng M48. Quá hoảng loạn, chiếc xe tăng M48 lùi vào mặt tiền của một căn nhà, căn nhà đổ ụp xuống, gạch vữa của căn nhà đè lên xe, những tên lính trên xe vội chui qua cửa xe thoát hiểm ở gầm xe, chạy biến mất trong đồng cỏ nát. Thừa thắng, các Trung đội ào lên đánh chiếm. Đến 10 giờ 30, ta đánh chiếm được Lăng Cha Cả, rồi tiến vào sân bay Tân Sơn Nhất và Bộ Tổng tham mưu ngụy, góp công vào chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

Với những chiến công trong suốt quá trình chiến đấu, kíp xe tăng 985 của chúng tôi đã được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Nhất và nhiều phần thưởng cao quý khác.

35. **KIẾN NGHĨA.** Chuyện cắm cờ tại Dinh Độc Lập//
<https://www.tienphong.vn.-> Ngày 27/4/2018.

CHUYỆN CẮM CỜ TẠI DINH ĐỘC LẬP

TP - Trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, khi thắng lợi chỉ còn là thời gian, việc cắm cờ tại Dinh Độc Lập đã được chuẩn bị. Câu chuyện đại đội trưởng Bùi Quang Thận cắm cờ trên nóc Dinh Độc Lập ngày 30/4/1975 vừa phản ánh đúng xu thế tất yếu của lịch sử, vừa có sự linh hoạt bởi thực tế cuộc chiến.



(Từ trái sang) Đại tá Nguyễn Khắc Nguyệt (thứ nhất), cựu Trưởng xe 390 Vũ Đăng Toàn (thứ ba), đại tá Bùi Quang Thận (thứ sáu) và cựu pháo thủ xe tăng 390 Ngô Sĩ Nguyên (thứ 9) trong một cuộc gặp năm 2009.

Linh hoạt đơn vị cắm cờ

Gần đây, tôi có dịp gặp đại tá-nhà văn Nguyễn Khắc Nguyệt, Trưởng Ban Liên lạc Cựu chiến binh Đại đội 4 (Tiểu đoàn 1, Lữ đoàn xe tăng 203, Quân đoàn 2), đơn vị của hai xe tăng 390 và 843 - những xe tăng đầu tiên tiến vào Dinh Độc Lập ngày 30/4/1975 lịch sử. Thời điểm đó, đại tá Nguyệt là chiến sĩ lái xe tăng 380 của đại đội 4, từng tới Dinh Độc Lập sau hai chiếc xe tăng nói trên của đơn vị không lâu. “Lá cờ được đại đội trưởng Bùi Quang Thận cắm trên nóc Dinh Độc Lập là cờ được cắm trên xe tăng của anh. Trải qua nhiều

trận đánh, lá cờ trận mạc này đã sờn rách, khi được cắm tại Dinh Độc Lập phản ánh rõ tính thực tế của cuộc chiến”- đại tá Nguyễn Khắc Nguyệt cho biết.



Sau khi cắm cờ, đại đội trưởng Bùi Quang Thận được các nhà báo quốc tế chụp ảnh tại sân Dinh Độc Lập.

Sau này, khi tìm hiểu tư liệu để viết một số cuốn sách về bộ đội xe tăng (như “Bút ký lính tăng: Hành trình đến Dinh Độc Lập”, “Bão thép” (bộ tiểu thuyết 4 tập về Binh chủng Tăng-Thiết giáp), “Một chọi mười: Trận đấu tăng bi tráng”...), đại tá-nhà văn Nguyễn Khắc Nguyệt có dịp hiểu rõ hơn về chuyện cắm cờ chiến thắng tại Dinh Độc Lập. Ông cho biết, trong chiến dịch Hồ Chí Minh, để giành thắng lợi nhanh nhất với tổn thất ít nhất, Bộ Tư lệnh Chiến dịch đã tổ chức năm cánh quân đồng loạt tiến công vào Sài Gòn theo 5 hướng khác nhau. Với mục tiêu cụ thể được phân công cho từng hướng, Quân đoàn 4 thuộc cánh quân phía đông có nhiệm vụ đánh chiếm Dinh Độc Lập. Khi đó, một sĩ quan tham mưu của Quân đoàn 2 (cũng thuộc cánh quân phía đông) đã phát biểu: “Trong trường hợp Quân đoàn 2 vào trước thì có được đánh chiếm Dinh Độc Lập không?”. Nhận thấy đây là ý kiến hợp lý, lãnh đạo Bộ Tư lệnh Chiến dịch kết luận: Kế hoạch là như vậy, nhưng đơn vị nào vào trước thì đánh chiếm Dinh Độc Lập trước.

Trải qua thực tế cuộc chiến, lực lượng Quân đoàn 2 trở thành mũi tiến công có cơ hội đánh chiếm Dinh Độc Lập. Sau khi dùng một phần lực lượng đánh “bóc vỏ”, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 tổ chức một binh đoàn thọc sâu với lực lượng nòng cốt là Lữ đoàn xe tăng 203 nhằm hướng Sài Gòn tiến đánh. Sau khi chọc thủng một loạt phòng tuyến của địch, sáng 28/4/1975, Tư lệnh

Quân đoàn 2 Nguyễn Hữu An đã trao cờ “quyết chiến, quyết thắng” cho Lữ đoàn xe tăng 203 để cắm tại Dinh Độc Lập. Trước nhiệm vụ vinh quang này, Ban chỉ huy Lữ đoàn xe tăng 203 lựa chọn đại đội 3 (tiểu đoàn 1) là đơn vị sẽ tiến vào Dinh Độc Lập để thực hiện việc cắm cờ. Sáng ngày 30/4/1975, khi tiểu đoàn 1 của Lữ đoàn xe tăng 203 tiến đến cầu Sài Gòn, địch chống trả rất quyết liệt. Chúng thậm chí còn có ý định đánh sập cầu Sài Gòn để cản bước tiến của ta. Trước tình thế khẩn trương, khi nhô ra khỏi xe tăng để chỉ huy đơn vị, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 1 Ngô Quang Nhữ trúng đạn hy sinh. Đại đội xe tăng 3 đảm nhận mũi chủ công, trong trận kịch chiến với địch cũng bị thiệt hại đáng kể về quân số. Trước tình hình đó, cấp chỉ huy đại đội 4 gồm đại đội trưởng Bùi Quang Thận, chính trị viên Vũ Đăng Toàn, đại đội phó phụ trách kỹ thuật Lê Văn Phượng đã nhanh chóng hội ý rồi cho đơn vị vượt qua cầu Sài Gòn, tiến thẳng vào nội đô.

Lá cờ trận mạc trên nóc Dinh Độc Lập

Để tìm hiểu rõ hơn khoảnh khắc vào Dinh Độc Lập, người viết bài này có dịp hỏi chuyện ông Ngô Sĩ Nguyên, cựu pháo thủ số 1 xe tăng 390, xe tăng đầu tiên tiến vào Dinh Độc Lập ngày 30/4/1975. Ông Nguyên cho biết, trong quá trình tới Dinh Độc Lập, xe tăng 843 (do đại đội trưởng Bùi Quang Thận là trưởng xe) và xe tăng 390 (do chính trị viên Vũ Đăng Toàn là trưởng xe, đại đội phó Lê Văn Phượng ngồi cùng xe) là hai xe dẫn đầu. Tới gần Dinh Độc Lập, các thành viên kíp xe tăng 390 thấy xe tăng 843 đang mắc ở cổng phụ bên trái Dinh. Trước tình thế khẩn trương, khi được đồng đội hỏi ý kiến, trưởng xe 390 Vũ Đăng Toàn đã hạ lệnh: “Cho xe tiến thẳng vào”. Lái xe Nguyễn Văn Tập lập tức tăng tốc để xe tăng 390 lao tới húc văng hai cánh cửa cổng chính Dinh Độc Lập, rồi băng qua thảm cỏ để tới trước Dinh. Lúc này, xe tăng 843 vẫn mắc ở cổng phụ nên đại đội trưởng Bùi Quang Thận quyết định ra ngoài, cầm theo lá cờ cắm trên tháp pháo và chạy bộ vào Dinh. “Thấy vậy, anh Toàn vội xách khẩu AK và xuống xe để bảo vệ anh Thận. Sau đó, tôi cũng xuống xe, vào trong Dinh. Lúc này anh Thận đã lên nóc Dinh Độc Lập để cắm cờ. Tôi cùng với anh Toàn dón nội các của Tổng thống Dương Văn Minh vào một chỗ, rồi ra gác cửa chờ bộ đội ta vào” - cựu pháo thủ Ngô Sĩ Nguyên cho biết.



Tấm ảnh của nữ nhà báo Pháp Françoise Demulder chụp lại khoảnh khắc lịch sử ngày 30/4/1975: Xe tăng 390 húc văng hai cánh cửa cổng chính, còn xe tăng 843 bị kẹt ở cổng phụ bên trái Dinh Độc Lập. Đại đội trưởng Bùi Quang Thận xuống xe, cầm cờ chạy bộ vào Dinh Độc Lập (mũi tên).

Lá cờ mà đại đội trưởng Bùi Quang Thận lấy ở xe không phải cờ được chuẩn bị trước để cắm tại Dinh Độc Lập. Kể về lá cờ này, đại tá Nguyễn Khắc Nguyệt cho biết: Ngày 19/3/1975, khi đại đội 4 đang đóng quân tại A Lưới (Thừa thiên-Huế) nhận được lệnh lên đường. Trước khi xuất phát, mỗi xe tăng của đại đội đều được cấp một lá cờ giải phóng, kích thước 60x90 cm, may bằng vải phin thông dụng. Mục đích của việc phát cờ nhằm phân định rõ đây là xe tăng của Quân giải phóng để các đơn vị của ta dễ nhận và tránh bắn nhầm nhau. Ngoài ra, mỗi khi xe tăng di chuyển, lá cờ trên tháp pháo thường bay phấp phật càng làm cho việc xung trận khí thế hơn. Với ý nghĩa đó, nên từ lúc xuất quân vào ngày 20/3/1975 cho đến trận đánh cuối cùng để vào Dinh Độc Lập, lá cờ trên tháp pháo xe tăng của đại đội 4 chưa lúc nào hạ xuống.

Trở lại câu chuyện khi xe tăng 390 và 843 đến được Dinh Độc Lập, thì nhiệm vụ quan trọng của người lính trong thời điểm đó là cắm cờ. Lúc đó, do không có cờ được chuẩn bị sẵn nên đại đội trưởng Bùi Quang Thận đã tháo lá cờ trên tháp pháo xuống để vào Dinh. Lá cờ trận mạc này tuy không to, nhưng đã đồng hành cùng xe hàng ngàn cây số, trải qua nhiều trận đánh nên là một biểu tượng rất có ý nghĩa ở thời khắc lịch sử này khi được cắm tại Dinh Độc Lập. Lúc lên tới nóc Dinh, để cắm được cờ, Bùi Quang Thận phải hạ lá cờ “ba sọc” của Việt Nam Cộng Hòa xuống. Lá cờ này to, vải dày nên khá mất thời gian đại đội trưởng Bùi Quang Thận mới hạ được cờ. Trước khi kéo cờ của ta

lên nóc Dinh Độc Lập, vì muốn lưu lại khoảnh khắc này, anh đã ghi vào góc cờ: “Bùi Quang Thận - 11h30 ngày 30/4/1975”.

Sau khi kéo cờ xong, đại đội trưởng Bùi Quang Thận cuộn lá cờ “ba sọc” lại, cầm theo và đi xuống sân Dinh Độc Lập. Lúc này, bộ đội ta đã vào Dinh rất đông, nhiều lá cờ chiến thắng được phát lên và cắm ở một vài nơi. Thấy Bùi Quang Thận, một số phóng viên đã tới chụp ảnh, trong khi tay anh vẫn cầm theo chiến lợi phẩm là lá cờ “ba sọc” được cuộn tròn. Sau này, khi cần tìm hiểu xem ai là người đã cắm cờ trên nóc Dinh Độc Lập, lá cờ “ba sọc” mà đại đội trưởng Bùi Quang Thận cầm theo là minh chứng quan trọng để xác định việc này. “Lá cờ “ba sọc” mà đại đội trưởng Bùi Quang Thận còn giữ có vết rách, và vết rách này hoàn toàn khớp với diềm cờ còn sót lại trên sợi dây kéo cờ tại nóc Dinh Độc Lập. Đây là bằng chứng thuyết phục để xác định đại đội trưởng Bùi Quang Thận là người đầu tiên đã cắm cờ tại Dinh Độc Lập”- đại tá Nguyễn Khắc Nguyệt cho biết.

“Lúc lên tới nóc Dinh, để cắm được cờ, Bùi Quang Thận phải hạ lá cờ “ba sọc” của Việt Nam Cộng Hòa xuống. Lá cờ này to, vải dày nên khá mất thời gian đại đội trưởng Bùi Quang Thận mới hạ được cờ. Trước khi kéo cờ của ta lên nóc Dinh Độc Lập, vì muốn lưu lại khoảnh khắc này, anh đã ghi vào góc cờ: “Bùi Quang Thận - 11h30 ngày 30/4/1975”.

Đại tá Nguyễn Khắc Nguyệt

Sau khi cắm cờ tại Dinh Độc Lập, Bùi Quang Thận tiếp tục phục vụ quân ngũ tại Binh chủng Tăng-Thiết giáp, đến năm 2000 nghỉ hưu với quân hàm đại tá. Năm 2013, đại tá Bùi Quang Thận được truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, sau khi ông mất một năm.

36. **NGỌC THẢO**. Ngôi chùa đặc biệt// <https://www.qdnd.vn.-> Ngày 25/4/2020.

NGÔI CHÙA ĐẶC BIỆT

QĐND Online - Cách đây 45 năm, lúc 10 giờ 30 phút ngày 30-4-1975, cờ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam chính thức tung bay trên nóc dinh tỉnh trưởng Bạc Liêu. Nhưng ít ai biết rằng, để Bạc Liêu giải phóng không đổ máu là những giây phút căng thẳng đối đầu giữa cách mạng với chính quyền ngụy và điểm xuất phát khởi hành của phái đoàn đại biểu Mặt trận Dân tộc Giải phóng tỉnh Bạc Liêu đi đàm phán với tỉnh trưởng ngụy giành chính quyền thắng lợi lại từ một ngôi chùa!

Hoạt động ngay trong lòng địch

Những ngày này, cả nước đang tung bừng kỷ niệm 45 năm Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30-4-1975/30-4-2020). Người dân tỉnh Bạc Liêu cũng rộn ràng mừng giải phóng và bao ký ức từ 45 năm trước lại tràn về trong lòng của những chứng nhân lịch sử. Và mỗi khi nhớ về thời khắc của những ngày tháng 4 lịch sử, người dân Bạc Liêu lại không quên được ngôi chùa Vĩnh Đức. Bởi ngôi chùa này không chỉ là nơi thờ phụng tâm linh mà còn là địa điểm quan trọng của cách mạng, nơi chứng kiến những thời khắc quan trọng của cuộc đấu tranh giành chính quyền của Đảng bộ và quân dân Bạc Liêu 45 năm về trước.

Tìm về Bạc Liêu, chúng tôi may mắn gặp được ông Thích Quảng Thiệt (75 tuổi), Giám tự chùa Vĩnh Đức - một trong những “nhân chứng sống” của những ngày tháng cuối cùng của chế độ ngụy quyền Sài Gòn 45 năm trước. Theo lời ông Thiệt, Chùa Vĩnh Đức tọa lạc tại phường 1, thành phố Bạc Liêu, được xây dựng năm 1887 chỉ là thảo am nhỏ, đơn sơ, chủ yếu bằng cây lá rừng. Đến năm 1915, ngài Giáo thọ Xuân Phong đương chức Hương văn đình Tân Hưng, làng Vĩnh Lợi, tổ chức trùng tu lại ngôi chùa. Sư cụ Xuân Phong nói được tiếng Pháp, Hoa, Khmer, ông thường làm thông ngôn cho các đình chùa khi có việc với chính quyền Pháp cai trị lúc bấy giờ nên rất có uy tín và được chức sắc ở Bạc Liêu tin cậy, thương mến.



Ông Thích Quảng Thiệt bên linh vị của những cán bộ có công với đất nước.

Những năm phong trào cách mạng ở Bạc Liêu mới nổi dậy hoạt động rất khó khăn, sư Xuân Phong, Nguyệt Chiếu là người mang tư tưởng Đại thừa Phật giáo, không theo Pháp nên được tổ chức vận động, giác ngộ theo cách mạng tham gia cứu quốc và cho chùa làm cơ sở tuyên truyền, chuyển tin tức, nuôi chứa cán bộ, chiến sĩ ta. Đến năm 1968, dưới sự trụ trì của Thượng tọa Thích Hiển Giác (tên thật là Nguyễn Văn Đăng, người làng Tân Thủy, huyện Ba Tri, tham gia cách mạng năm 1945 nhưng bại lộ, bị chính quyền Ngô Đình Diệm truy nã phải xuống tóc làm thầy tu để hoạt động bí mật), truyền thống cách mạng càng đậm nét hơn. Chùa Vĩnh Đức trở thành trung tâm tập hợp các tầng lớp nhân sĩ trí thức, lãnh tụ tôn giáo yêu nước và đầu mối liên lạc cơ sở bí mật nội thành.

Ngày chiến thắng không đổ máu

Năm 1975, ông Thiệt lúc đó là Chánh thư ký Tỉnh Hội Phật giáo Bạc Liêu được tên đại tá, tỉnh trưởng nguy quyền Nguyễn Ngọc Diệp đưa vào giữ chức Phó chủ tịch Hội đồng tử thủ tỉnh Bạc Liêu. Từ đây ông có điều kiện cung cấp nhiều thông tin quý báu cho Mặt trận Dân tộc giải phóng tỉnh Bạc Liêu.

Ông Thích Quảng Thiệt kể, từ ngày 21-4, khi tổng thống Nguyễn Văn Thiệu từ chức, lực lượng chính quyền nguy tại Bạc Liêu bố phòng rất kỹ, trang bị vũ khí, quân lực cao điểm để tăng cường tử thủ. Lúc này, tên tỉnh

trường Bạc Liêu dự tính sẽ sẵn sàng đánh nhau sống chết với phía quân cách mạng. Đến ngày 24-4, ông Thiệt nhận được thông tin lãnh đạo Mặt trận Dân tộc giải phóng tỉnh gặp mặt để trao đổi một số thông tin có liên quan đến chiến thuật giải phóng. Lúc này, ông Thiệt mới biết cách mạng sẽ cử một người vào ở trong chùa Vĩnh Đức để trực tiếp đấu tranh giành chính quyền. Sáng ngày 28-4, ông Thiệt đi đón ông Lê Quân (Ủy viên Khu 9), người được Khu ủy Khu 9 và Thường vụ Tỉnh ủy giao nhiệm trên. “Với cương vị của tôi lúc bấy giờ thì mọi nhất cử nhất động của tôi đều bị theo dõi, giám sát nên tôi phải hóa trang rất kỹ để tránh tai mắt địch và đưa được ông Lê Quân vào chùa an toàn”, ông Thiệt nhớ lại.

Theo lời ông Lâm Tuấn Kiệt, nguyên Chính trị viên Thị đội Bạc Liêu, lúc này, tên tỉnh trưởng Nguyễn Ngọc Điệp dự tính sẽ đánh nhau sống chết với quân giải phóng. Trong khi đó, Tỉnh ủy tỉnh Bạc Liêu đánh giá sát tình hình, xác định tư tưởng tiến công, sẵn sàng chiến đấu giành thắng lợi. Càng gần tới ngày 30-4 tình hình chiến sự diễn ra căng thẳng hơn. “Ngày 28-4, ông Lê Quân, Đặc phái viên Khu ủy Khu Tây Nam bộ vào chùa Vĩnh Đức chỉ đạo đêm 29 nổ súng tiến công bằng ba mũi giáp công. Tuy nhiên, sau khi nắm được diễn biến tình hình của tên đại tá Nguyễn Ngọc Điệp, Tỉnh ủy nhận định nếu chúng ta tấn công mạnh về chính trị và binh vận có thể địch sẽ đầu hàng, Bạc Liêu giải phóng không đổ máu. Do đó Ban chỉ huy chiến dịch quyết định không tấn công bằng quân sự”, ông Lâm Tuấn Kiệt kể.

Sau khi bàn bạc thống nhất, 7 giờ sáng ngày 30-4, từ chùa Vĩnh Đức, phái đoàn đại biểu Mặt trận Dân tộc Giải phóng tỉnh Bạc Liêu gồm ông Lê Quân, ông Trần Thanh Hồng (lãnh đạo Cao Đài tỉnh Bạc Liêu, cũng là Phó chủ tịch Mặt trận Dân tộc giải phóng tỉnh) và trụ trì Thích Hiển Giác, trực tiếp vào dinh Tỉnh trưởng gặp mặt, vận động tên đại tá Nguyễn Ngọc Điệp bàn giao chính quyền cho cách mạng. Theo hồi ký của ông Lê Quân, lúc bấy giờ, đoàn đã có những giờ phút đối đầu hết sức căng thẳng, gay gắt để thuyết phục đại tá Nguyễn Ngọc Điệp - tỉnh trưởng Bạc Liêu hạ vũ khí. Lúc đầu tên tỉnh trưởng Bạc Liêu và một số thuộc hạ vẫn còn ngoan cố không khuất phục và dọa sẽ tử thủ đến cùng. Tuy nhiên, sau khi được đoàn Mặt trận Dân tộc Giải phóng tỉnh phân tích tình hình, hẳn mới chính thức ra lệnh hạ vũ khí, bàn giao chính quyền cho cách mạng.

Đúng 10 giờ 30 phút ngày 30-4-1975, cờ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam chính thức tung bay trên nóc dinh tỉnh trưởng Bạc Liêu.

Bạc Liêu hoàn toàn giải phóng không đổ máu, trước Sài Gòn một giờ đồng hồ và là một trong những tỉnh ở Đồng bằng sông Cửu Long giải phóng trước nhất. Ông Thích Quảng Thiệt nói: “Cái hào khí Bạc Liêu từ nhiều chục năm đấu tranh giải phóng dân tộc đổ máu rất nhiều, hy sinh cũng nhiều nhưng may mắn ở trận đánh sau cùng đã không đổ máu cho đôi bên và đồng bào. Tôi nghĩ rằng đây là điều khó nơi nào có được”.

45 năm trôi qua, một điều mà cũng “khó nơi nào có được” như ngôi chùa này là nơi thờ rất nhiều anh hùng, tướng lĩnh, những cán bộ đã đóng góp xương máu, công sức cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước. Đặc biệt, hơn 600 linh vị Mẹ Việt Nam anh hùng của tỉnh Bạc Liêu được ông Thích Quảng Thiệt sưu tầm và đưa về đây lo hương khói để tỏ lòng tôn kính. Những việc làm của các thế hệ trụ trì và sư sãi chùa Vĩnh Đức đã góp phần khẳng định sức mạnh khối đại đoàn kết của dân tộc Việt Nam nói chung, Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hôm nay.

**37. HUY TÚ. Kiên cường bám trụ giữ cầu// <https://www.qdnd.vn.->
Ngày 25/4/2020.**

KIÊN CƯỜNG BẮM TRỤ GIỮ CẦU

QĐND - Để chuẩn bị cho Chiến dịch Hồ Chí Minh, cuối tháng 4-1975, Trung đoàn Đặc công 113 (sau này là Lữ đoàn Đặc công 113, Binh chủng Đặc công) được giao nhiệm vụ đánh giữ cầu Ghềnh và cầu Hóa An (tỉnh Đồng Nai).

Đây là nhiệm vụ có ý nghĩa vô cùng quan trọng, giúp mở thông đường cho các cánh quân thần tốc tiến vào giải phóng Sài Gòn. Nhận được lệnh của trên, đêm 24, rạng sáng 25-4-1975, Tiểu đoàn 23 và Tiểu đoàn 174 đã cử lực lượng tinh nhuệ nhất hành quân đến khu vực giáp ranh giữa 2 tỉnh Bình Dương - Đồng Nai ngày nay, sau đó đặt sở chỉ huy trung đoàn gần cầu Hang để làm công tác chuẩn bị. Xong xuôi, các chiến sĩ di chuyển vào sát cầu Ghềnh, cầu Hóa An trong nội ô thị xã Biên Hòa (nay là thành phố Biên Hòa).

Trước trận đánh lịch sử này, ban chỉ huy đơn vị đã quyết định tổ chức 3 lực lượng chính, trong đó, có 2 lực lượng trực tiếp làm nhiệm vụ đánh chiếm cầu, sau đó tiếp tục bố trí chốt giữ không để địch lấy lại. Lực lượng còn lại làm nhiệm vụ dọn đường, tiêu trừ thám báo. Để có thể hỗ trợ nhau giữa các lực lượng, trung đoàn còn lập sở chỉ huy tiêu đoàn tăng cường để trực tiếp chỉ huy 3 lực lượng chiến đấu. Khoảng 4 giờ 30 phút ngày 27-4, lực lượng đảm nhiệm đánh cầu Ghềnh và cầu Hóa An bắt đầu xuất kích, đối đầu ngay với địch tại các khu vực đầu cầu. Với sự tinh nhuệ, dũng cảm, chỉ sau 30 phút, các mũi tiến công đã đánh bật địch khỏi các chốt trên cầu. Tuy nhiên, chỉ 4 tiếng sau, địch bắt đầu dùng các loại hỏa lực trút xuống, làm rung chuyển toàn bộ khu vực. Khi pháo vừa dứt, địch bắt đầu sử dụng bộ binh tràn vào, tấn công áp đảo. Tiếp đó, chúng sử dụng biệt động quân, xe tăng thọc vào sở chỉ huy trực tiếp của ta và các chốt đang giữ, quyết tâm chiếm lại 2 cây cầu vừa bị ta chiếm.

Sau gần 2 giờ chiến đấu giằng co, các chiến sĩ đặc công đã kiên cường bám trụ, đánh bật đợt phản công của địch. Nhưng ngay lập tức, máy bay địch đã xuất hiện, quần thảo trên cao để quan sát trận địa phòng ngự của đơn vị. Khi máy bay vừa đi khỏi thì địch lại cho pháo tiếp tục nã xuống, cứ lặp đi lặp lại như vậy liên tục trong suốt ngày 27-4-1975. Trong ngày, các chiến sĩ đặc công đã ngoan cường đánh bật tổng cộng 4 đợt phản kích của địch. Buổi tối, khi địch ngừng tấn công, các chiến sĩ đã xốc lại đội hình, củng cố công sự, tiếp tục bố trí lực lượng sẵn sàng chống lại các đợt phản công mới của địch. Đúng như phán đoán, mờ sáng hôm sau, địch đã cho 5 máy bay trực thăng từ sân bay Biên Hòa lao đến trận địa, xả đạn vào các vị trí giữ cầu. Do áp đảo về quân số nên chiều 28-4, địch đã chiếm lại được cầu Ghềnh. Song, được sự giúp đỡ của nhân dân và các lực lượng địa phương, ngay tối 28-4, các chiến sĩ đặc công đã tổ chức tiến công đánh bật quân địch, chiếm lại cầu lần nữa. Sau 3 ngày phòng thủ kiên cường, trước sự tấn công mãnh liệt của pháo và bộ binh, xe tăng địch, các chiến sĩ đặc công đã xuất sắc giữ vững trận địa, không để địch chiếm lại 2 cây cầu. Đến trưa 29-4-1975, khi quân giải phóng của ta tấn công địch, đơn vị đã chớp thời cơ đồng loạt tiến công khiến quân địch bỏ chạy. Sáng 30-4, các chiến sĩ Trung đoàn 113 đã cùng những người lính Quân đoàn 4 tiến về giải phóng Sài Gòn, đi qua các cây cầu mà họ đã chiến đấu quả cảm, đổ bao xương máu để giữ vững...

38. *Nguyễn Văn Ring. Ký ức về những ngày tháng tư lịch sử*
[//https://www.qdnd.vn.- Ngày 29/4/2019.](https://www.qdnd.vn.- Ngày 29/4/2019)

KÝ ỨC VỀ NHỮNG NGÀY THÁNG TƯ LỊCH SỬ

Ký ức về những ngày tháng tư lịch sử

44 năm đã trôi qua nhưng ký ức những ngày tháng tư lịch sử khi cùng đồng đội hành quân thần tốc, đập tan tuyến phòng thủ cuối cùng của kẻ thù, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước của Thượng tướng Nguyễn Văn Ring, Chủ tịch Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam, nguyên Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, dường như vẫn còn nguyên vẹn.

Phá cánh cửa thép tiến vào Sài Gòn

44 năm trước, khi ấy tôi đang là Phó tham mưu trưởng Sư đoàn 325 (Quân đoàn 2), trong lúc dàn đội hình trên đường số 1, khu vực Nam Ô, Đà Nẵng chuẩn bị sẵn sàng tiến về Sài Gòn thì chúng tôi nhận được chỉ thị của Đại tướng Võ Nguyên Giáp với nội dung: “Thần tốc, thần tốc hơn nữa! Táo bạo, táo bạo hơn nữa! Tranh thủ từng giờ từng phút, xốc tới mặt trận, giải phóng miền Nam. Quyết chiến và toàn thắng...”. Lệnh tiên quân của Đại tướng như lời hịch, âm điệu dồn dập, mạnh mẽ, đến với chúng tôi vào lúc đội hình hành quân đã dàn sẵn, đợi lệnh xuất phát.

Hành quân nhiều ngày, đập tan tuyến phòng thủ của địch ở Phan Rang, ngày 20-4-1975 chúng tôi nhận được lệnh chuẩn bị giải phóng Xuân Lộc. Trong hệ thống phòng thủ bảo vệ Sài Gòn, Xuân Lộc được xem là tuyến phòng thủ số 1, là điểm trọng yếu, “cánh cửa thép” phía Đông bảo vệ dinh lũy cuối cùng của chế độ nguy quyền Sài Gòn. Tuy nhiên, sau một thời gian bị Quân đoàn 4 và một số đơn vị của Quân khu 7 bao vây, tiến công quyết liệt, liên tục, tàn quân địch ở Xuân Lộc đã tháo chạy theo đường số 2 xuống Bà Rịa. Xuân Lộc được giải phóng cũng đồng nghĩa cánh cửa vào Sài Gòn đã mở toang. Chúng tôi tiến vào Xuân Lộc và tập kết ở phía nam Xuân Lộc, sẵn sàng đánh vào Sài Gòn.

Khoảng 5 giờ chiều ngày 26-4, cuộc tiến công của Quân đoàn 2 trên hướng đông-đông nam Sài Gòn bắt đầu. Các tiểu đoàn pháo của Sư đoàn 325 (Quân đoàn 2) kết hợp với Quân đoàn 4 và Quân khu 7 đồng loạt trút bão lửa vào Trảng Bom, Hồ Nai, Biên Hòa, Nước Trong, Long Thành, Đức Thạnh, Bà

Rĩa... Lực lượng cao xạ đánh trả máy bay, bảo vệ đội hình xe tăng, bộ binh và các trận địa pháo mặt đất. Trong ánh nắng hoàng hôn, các cứ điểm của địch chìm trong những quầng lửa sáng lòa.

Với Sư đoàn 325, chiến sự diễn ra ở khu vực Long Thành, Bình Sơn lúc đầu khá suôn sẻ. Các trung đoàn, tiểu đoàn nhanh chóng đánh chiếm khu vực ngã ba đường 10 và 15 (nay là Quốc lộ 15) và chiếm trận địa pháo của địch. Sau một ngày đêm chiến đấu, đến chiều ngày 27-4, Sư đoàn 325 đã làm chủ hoàn toàn chi khu Long Thành; phá vỡ một khâu quan trọng trên tuyến phòng thủ vòng ngoài hướng đông nam Sài Gòn.



Thượng tướng Nguyễn Văn Rinh giới thiệu với phóng viên một số hình ảnh tư liệu của đơn vị.

Khởi lửa ở quận lỵ Long Thành chưa tan, ngay đêm 27, bộ đội đã tích cực khẩn trương bổ sung gạo, đạn để kịp sáng ngày 28 tiếp tục hành quân chiến đấu. Sáng 28-4, lệnh tiến công phát ra. Toàn bộ đội hình sư đoàn rời Long Thành theo trục lộ 25 tiến xuống Nhơn Trạch. Với phương châm “nhanh, mạnh, chắc”, chiều ngày 28, bộ binh Trung đoàn 46 và xe tăng đã đột kích, bao vây tiến công liên tục chiếm gọn quận lỵ Nhơn Trạch và làm tan rã toàn bộ lực lượng địch chốt giữ nơi đây.

Tổng công kích giải phóng Sài Gòn

Rạng sáng 29-4, toàn mặt trận chính thức chuyển sang tổng công kích. Sau phát pháo mở màn vào lúc 4 giờ 30 phút, hơn 300 quả đạn 130mm cấp tập nã vào sân bay Tân Sơn Nhất. Tiếng pháo nổ làm rung chuyển đường phố Sài Gòn, báo hiệu sự cáo chung của ngụy quyền Sài Gòn; đồng thời cũng chính là lời báo cáo trước Bộ tư lệnh quân đoàn và Bộ chỉ huy chiến dịch rằng, Sư đoàn 325 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đánh vu hồi chiến dịch.

Thực hiện kế hoạch tác chiến chiến dịch, cùng thời gian pháo binh bắn phá sân bay Tân Sơn Nhất, Sư đoàn 325 tổ chức đánh chiếm thành Tuy Hạ, căn cứ hải quân Cát Lái và phát triển vào nội đô, giải phóng quận 9. Để nhanh chóng đập tan sự kháng cự của địch, chúng tôi quyết định sử dụng xe tăng và một phần lực lượng Trung đoàn 101 hình thành một mũi tiến theo đường 25, đánh thẳng vào cổng chính thành Tuy Hạ; điều pháo 85mm nòng dài lên bố trí trận địa bắn ngắm trực tiếp, hỗ trợ cho bộ binh “công thành”. Theo phương án đó, thành Tuy Hạ được giải quyết gọn sau hơn một giờ bộ đội ta tiến công dồn dập, dứt điểm. Khi mấy anh em chúng tôi trong sở chỉ huy nhẹ của sư đoàn cùng lực lượng pháo đi trước có mặt ở bên phà phía bắc, thì các căn cứ của địch ở quận 4, quận 1 Sài Gòn đã hiện lên sừng sững trong ánh hoàng hôn. Tối 29-4, các đơn vị khẩn trương tổ chức triển khai lực lượng vượt sông đánh vào Sài Gòn. Không khí của đêm trước trận đánh cuối cùng vào hang ổ của kẻ thù, với chúng tôi lúc đó thật khó tả xiết. Háo hức, rộn rịp, thúc bách, căng thẳng...

Rạng sáng 30-4, khi trận địa pháo tầm xa của Lữ đoàn 164 ở Nhơn Trạch được lệnh thổi bắn vào sân bay Tân Sơn Nhất, cũng là lúc cuộc vượt sông lịch sử của chúng tôi bắt đầu. Tới 9 giờ ngày 30-4, cuộc tiến công vượt sông Đồng Nai bằng sức mạnh hiệp đồng binh chủng của Sư đoàn 325, của Binh đoàn Hương Giang kết thúc thắng lợi. Nắng hè chói chang, rục rờ soi rọi màu cờ giải phóng in trên mặt sông Đồng Nai, trên căn cứ hải quân Cát Lái.

Trên đà thắng lợi, ngay sau khi đập vỡ tuyến phòng thủ của địch ở Cát Lái, Bộ tư lệnh sư đoàn lệnh cho Trung đoàn 101 cùng lực lượng xe tăng đi cùng phát triển tiến công đánh vào quận 9 và khu vực Tân Cảng. Trung đoàn 46 và Trung đoàn 84 ở lại bảo vệ địa bàn và khóa chặt sông Lòng Tàu, không cho địch rút chạy ra biển. Từ 9 giờ đến 12 giờ ngày 30-4, các chiến sĩ Trung đoàn 101 dồn dập đánh chiếm quận 9, bộ tư lệnh hải quân ngụy và khu vực Tân Cảng, thu hồi và bắt giữ hàng trăm tàu địch trên sông Sài Gòn.

Vượt qua cầu Sài Gòn, lực lượng đột kích thọc sâu của Quân đoàn 2 gồm Trung đoàn bộ binh 66, Sư đoàn 304, xe tăng Lữ đoàn 203 ào ạt tiến vào nội đô. Được tự vệ thành và nhân dân dẫn đường, đoàn xe tăng, cơ giới của ta theo đường Hồng Thập Tự và đường Thống Nhất rầm rập tiến vào Dinh Độc Lập, bắt Tổng thống Dương Văn Minh và toàn bộ nội các chính quyền Sài Gòn. Đúng 11 giờ 30 phút ngày 30-4, lá cờ giải phóng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập, chính thức báo hiệu Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước toàn thắng.

Đổi thay trên chiến trường xưa

Tham gia trận quyết chiến chiến lược cuối cùng giải phóng Sài Gòn-Gia Định, lại là người lính của Binh đoàn vào dinh lũy cuối cùng của địch, bắt Tổng thống cùng toàn bộ nội các chính quyền Sài Gòn đầu hàng vô điều kiện, tôi luôn tự hào vì mình đã đóng góp một phần nhỏ vào chiến thắng lịch sử ngày 30-4-1975, non sông thu về một mối. Kể từ đó đến nay, mỗi khi có điều kiện là tôi lại ghé thăm chiến trường xưa. Tôi vui mừng khi cảm nhận rõ sự thay đổi từng ngày trên mảnh đất bom đạn một thời. Long Thành, Nhơn Trạch (Đồng Nai) chiến trường cũ giờ đây không mấy may một dấu tích chiến tranh sót lại. Đặc biệt Nhơn Trạch đã hiển hiện là một đô thị mới; đường nội thị thênh thang, ngang dọc. Còn phà Cát Lái, vào mùa con nước lên ròng, mặt sông Đồng Nai mênh mông, sóng vỗ bờ, mỗi chuyến phà qua chỉ mất 5 phút mà ngày ấy phải mất gần cả sáng 30-4 với bao tổn thất, cuộc vượt sông của sư đoàn mới hoàn tất. Những đôi sánh nhỏ nhoi cũng làm cho ta trân trọng, tự hào thêm về quá khứ một thời để thêm một lần khẳng định: Đường tới ngày toàn thắng, tới vinh quang đâu phải trải bằng nhung lụa - như vào chỗ không người như ai đó từng nghĩ. Khi vượt qua ác liệt, hy sinh để giành chiến thắng, ta sẽ vững tin hơn vào hiện tại và tương lai.

PHẦN III- NHỮNG CA KHÚC BẤT HỦ LÀM SỐNG DẬY MỘT GIAI ĐOẠN HÀO HÙNG CỦA DÂN TỘC

1. Tiến về Sài Gòn: Sáng tác: Lê Hữu Phước

Sáng tác năm 1966 để cổ vũ tiến công nổi dậy năm 1968. Chín năm sau, ngày 30/4/1975 lịch sử ca khúc được phát trên đài phát thanh chỉ vài phút tổng thống Việt nam cộng hòa Dương Văn Minh đầu hàng.

2. Giải phóng Miền Nam: Nhạc và lời Huỳnh Minh Siêng.

Sáng tác năm 1961 nhân dịp thành lập mặt trận dân tộc giải phóng Miền Nam Việt Nam. Đây cũng là bài hát chính thức của mặt trận dân tộc giải phóng Miền Nam Việt Nam. Khi nghe ba nhạc sĩ hát bài Giải phóng Miền Nam lần đầu để duyệt, ông Phạm Hùng khi đó là cán bộ cấp cao của mặt trận dân tộc giải phóng Miền Nam Việt Nam đã đứng lên nói to: “ Được rồi, hay lắm! Vùng lên nhân dân Miền Nam anh hùng! Vùng lên! Xông pha vượt qua bão bùng! Vận nước đã đến rồi...hay hết sức! Hoan nghênh và cảm ơn các đồng chí!

3. Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng! : Sáng tác: Phạm Tuyên

Đầu tháng 4.1975 nhạc sĩ Phạm Tuyên được tổng giám đốc Đài tiếng nói Việt nam giao nhiệm vụ sáng tác một bài hát chào mừng ngày chiến thắng sắp đến. Đêm 28.4.1975 nhạc sĩ Phạm Tuyên đã hoàn thành bài hát trong vòng chưa đầy 2 tiếng đồng hồ.

4. Đất nước trọn niềm vui. Sáng tác: Hoàng Hà

Sáng tác đêm 26.4.1975. Điều thú vị là nhạc sĩ Hoàng Hà viết ca khúc lịch sử này khi ông chưa đặt chân vào Sài Gòn. Nhiều người vẫn nghĩ rằng nhạc sĩ đã có mặt tại Sài Gòn những ngày đầu sống động ấy.

5. Tiếng hát thành phố mang tên Người. Nhạc: Cao Việt Bách; Lời: Đăng Trung.

Tiếng hát thành phố mang tên Người có phần lời là của nhà báo Đăng Trung. Tháng 3.1975, ông nhận nhiệm vụ viết một bài báo đặc biệt về Sài Gòn đón chào ngày chiến thắng. Ông thức trắng đêm viết bài báo “ Từ thành phố này, Người đã ra đi”. Bài báo được in sau đó nhưng cái τί được sửa là “ Cách đây 64 năm, từ Sài Gòn Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước. Ngay sau đêm đó,

một đêm sau ngày giải phóng Miền Nam hoàn toàn giải phóng, ông hi hục làm bài thơ với tít ban đầu. Sau đó ông bàn với nhạc sĩ Cao Việt Bách và bài hát “Tiếng hát thành phố mang tên Người” đã ra đời.

6. Bài ca Người Nữ tự vệ Sài Gòn: Nhạc: Minh Tuấn, thơ: Lê Anh Xuân.

Sáng tác năm 1968. Lời bài hát được giao cho nhà thơ Lê Anh Xuân song chưa kịp hoàn thành thì nhà thơ hi sinh. Phần lời còn lại được nhạc sĩ viết tiếp và ngay sau khi phát trên làn sóng Đài phát thanh Giải phóng năm 1968 bài hát đã phổ biến trên 2 miền Nam – Bắc. Bài hát lấy cảm hứng khi tác giả tận mắt chứng kiến hình ảnh hồn nhiên và dũng cảm của thiếu nữ Sài Gòn tải đạn, cứu thương, dẫn đường cho quân giải phóng trong cuộc tổng tấn công mùa xuân Mậu Thân.

7. Tuổi trẻ thế hệ Bác Hồ. Sáng tác: Triều Dâng.

Nhạc sĩ Triều Dâng mất 8 năm để hoàn thành ca khúc này. Ông sáng tác lần đầu năm 1969 khi những người bạn của ông ra chiến trường, gương mặt ai cũng náo nức, tươi cười, rạng rỡ như đi dự một ngày hội lớn chứ không phải đang dần thân vào cuộc chiến một mất một còn. Bài hát khi mới ra đời có 3 lời nhưng ông cứ lần cán mãi cuối cùng quyết định chờ thời điểm thích hợp để hoàn chỉnh. Tháng 3.1977 bài hát ra đời, đã thu hút sự quan tâm đặc biệt của khán giả.

8. Hát cho dân tôi nghe. Sáng tác: Tôn Thất Lập.

Sáng tác năm 1966, trong những ngày hùng hực khí thế đấu tranh. Đây là một trong những bài hát nằm trong phong trào hát cho đồng bào tôi nghe mà nhà văn Trần Bạch Đằng từng nhận xét rằng: “Làm run rẩy cả một chế độ. Nó đưa cả một khí thế quần chúng dữ dội, thực sự dần thân, cả trong tù”.

9. Mùa Xuân trên thành phố Hồ Chí Minh: Nhạc và lời: Xuân Hồng.

Sáng tác năm 1975. Ca từ bài hát thể hiện sinh động nỗi niềm cảm xúc của tác giả khi được chiêm ngưỡng mùa xuân trong niềm vui đại thắng vừa dễ hiểu dễ đồng cảm đã trở nên rất quen thuộc với người dân thành phố Hồ Chí Minh mỗi dịp xuân về. Nhạc sĩ khéo lồng ghép, kết hợp hình ảnh, sự kiện cho đồng nhất về một khung thời gian giữa thiên nhiên và lịch sử.

10. Bài ca thống nhất đất nước. Sáng tác: Võ Văn Di

Sáng tác năm 1975 là bài ca của cuộc sum họp toàn dân tộc – một sự gặp gỡ tự nhiên mà nghẹn ngào như có hẹn trước của lịch sử. Nghe bài hát này, ai cũng muốn trở về gắn bó với đất mẹ.

Ngày 30/4/1975 là ngày đất nước thống nhất. Mơ ước mấy chục năm, ý nguyện của hàng chục triệu người dân Việt Nam khi ấy thành hiện thực. Giờ đây, người dân Việt có thể thư thái ngắm nhìn, chiêm ngưỡng vẻ đẹp kỳ diệu của Tổ Quốc, của giang sơn gấm vóc. Nhạc sĩ Võ Văn Di đã rất nhạy cảm nắm bắt được trạng thái viên mãn ấy và “ bài ca thống nhất” ra đời.

11. Đảng đã cho ta một mùa Xuân. Sáng tác: Phạm Tuyên

Sáng tác năm 1960 là khúc ca hoành tráng ca ngợi Đảng vinh quang và được coi là một trong những số những bài hát viết về Đảng hay nhất, có sức sống bền bỉ mãnh liệt trong trái tim của mỗi người Việt Nam.

12. Miền Nam nhớ mãi ơn Người. Sáng tác: Lưu Cầu.

Sáng tác năm 1969, bài hát hình là nỗi lòng thương nhớ khắc khoải Miền Nam của Bác, hay đó cũng là tình cảm thiết tha mà những người con Miền Nam muốn gửi trọn đến Người.

BẢNG TRA TÊN SÁCH (PHẦN I)

STT	TÊN BÀI	SỐ THỨ TỰ BÀI	SỐ TRANG
1	Chiến dịch Hồ Chí Minh qua hồi ức các tư lệnh và chính uỷ	13	8
2	Chiến tranh Việt Nam là thế đó (1965 -1973)	20	12
3	Có một thời như thế 30/4/1975 qua ký ức của những cựu tù chính trị Côn Đảo	17	10
4	Đại thắng mùa Xuân 1975 - Sự hội tụ sức mạnh của dân tộc Việt Nam	3	3
5	Đại thắng mùa Xuân 1975 bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam.	2	2
6	Đại thắng mùa xuân 1975 chiến thắng của sức mạnh Việt Nam	6	4
7	Đại thắng Mùa Xuân 1975 nguyên nhân và bài học	7	5
8	Đại thắng mùa xuân 1975 sức mạnh của cộng đồng các dân tộc Việt Nam	5	4
9	Đại thắng mùa xuân 1975 sức mạnh của ý chí thống nhất tổ quốc và khát vọng hòa bình	4	3
10	Đại thắng mùa Xuân 1975 toàn cảnh và sự kiện	1	2
11	Đại tướng Võ Nguyên Giáp với cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước	8	5
12	Hiệp định Pa – ri nhìn từ hai phía	16	9

STT	TÊN BÀI	SỐ THỨ TỰ BÀI	SỐ TRANG
13	Hiệp định Paris 40 năm nhìn lại.	15	9
14	Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước của quân và dân tỉnh Vĩnh Phúc (1954-1975)	19	11
15	Lịch sử quân giải phóng miền Nam Việt Nam trên chiến trường B2(1961-1976)	18	11
16	Những chiến dịch có ý nghĩa quyết định thắng lợi trong đại thắng mùa Xuân 1975	12	7
17	Sài Gòn từ hiệp định Pari đến mùa Xuân 1975 : Hỏi và đáp	14	8
18	Tóm tắt các chiến dịch trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975	11	7
19	Về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước	9	6
20	Việt Nam 30 năm chiến tranh giải phóng và bảo vệ tổ quốc (1945-1975) : Biên niên sự kiện	10	6

BẢNG TRA TÊN BÀI BÁO (PHẦN II)

STT	TÊN BÀI	SỐ THỨ TỰ BÀI	SỐ TRANG
1	30/4/1975 thiên anh hùng ca vĩ đại	12	72
2	Bài học về sự lãnh đạo, chỉ đạo chiến lược của Đảng trong Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975	23	122
3	Biệt động Sài Gòn - bản hùng ca của những người con bất tử	6	38
4	Chỉ đạo chiến lược của Bộ Chính trị mùa Xuân 1975	3	22
5	Chiếc xe tăng húc đổ cổng phụ Dinh Độc Lập trong ngày 30/4/1975	30	147
6	Chiến dịch mang tên Hồ Chí Minh	1	13
7	Chiến dịch Tây Nguyên - Đòn mở đầu chiến lược	4	29
8	Chiến sỹ tình báo – người kiến tạo những chiến công thầm lặng	11	66
9	Chuyện cấm cờ tại Dinh Độc Lập	35	158
10	Chuyện kể về chiếc xe tăng mang số hiệu 985	34	156
11	Công tác chi viện của Đoàn 125 Hải quân trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975	16	96

STT	TÊN BÀI	SỐ THỨ TỰ BÀI	SỐ TRANG
12	Gặp xạ thủ A72 từng bắn rơi 5 máy bay Mỹ	33	153
13	Giải phóng và làm chủ biển đảo mùa Xuân năm 1975	10	62
14	Góc nhìn báo giới nước ngoài về Chiến thắng 30/4/1975	7	43
15	Hồi ký oanh liệt về chiến thắng lịch sử mùa xuân năm 1975	29	144
16	Kí ức của người trung đội trưởng về chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử	32	151
17	Kiên cường bám trụ giữ cầu	37	166
18	Ký ức về những ngày tháng tư lịch sử	38	168
19	Lực lượng Vũ trang Sài Gòn - Gia Định tham gia cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975	8	49
20	Mặt trận ngoại giao góp phần vào chiến thắng lịch sử 30-4	27	138
21	Nghệ thuật bao vây, chia cắt trong Chiến dịch Hồ Chí Minh	21	115
22	Nghệ thuật điều khiển thế trận trong trận then chốt	20	113
23	Nghệ thuật kết hợp tác chiến các binh đoàn chủ lực với phong trào nổi dậy của quần chúng trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử	19	108

STT	TÊN BÀI	SỐ THỨ TỰ BÀI	SỐ TRANG
24	Nghệ thuật nghi binh hoàn hảo trong Chiến dịch Tây Nguyên	22	118
25	Nghệ thuật tạo thế và lực trong Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975	18	104
26	Ngôi chùa đặc biệt	36	163
27	Những bức điện lịch sử trong cuộc Tổng tấn công và nổi dậy mùa xuân năm 1975	2	17
28	Những giờ cuối cùng trước giải phóng miền Nam 30/4/1975/	5	33
29	Phát huy giá trị bài học bảo đảm hậu cần chiến lược trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử	24	125
30	Sài Gòn ngày 30/4 qua hồi ức sống động của nhà báo Anh	28	140
31	Sư đoàn 320A trong Chiến dịch Tây Nguyên 1975	15	89
32	Sư đoàn ô tô vận tải 571 – Bộ đội Trường Sơn trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử	14	82
33	Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định làm nên Đại thắng mùa xuân năm 1975	25	129
34	Sức mạnh trong các cuộc nổi dậy của quần chúng nhân dân	26	136
35	“Thần tốc, thần tốc hơn nữa...”– mật lệnh của nghệ thuật chớp thời cơ	17	100

STT	TÊN BÀI	SỐ THỨ TỰ BÀI	SỐ TRANG
36	Tiêu diệt căn cứ Đồng Dù	31	149
37	Tư tưởng chủ động tiến công trong chiến dịch Tây Nguyên và cuộc Tổng tiến công chiến lược Xuân 1975	9	55
38	Tuyên vận tái chiến lược trong Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975	13	75